

KHÔNG GIA ĐÌNH

Hector Malot

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: Ở LÀNG.....	3
CHƯƠNG 2 : VĨNH BIỆT NGÔI NHÀ CỦA MÁ.....	17
CHƯƠNG 3 : ĐI KHẮP ĐÓ ĐÂY.....	34
CHƯƠNG 4 : NGƯỜI BẠN ĐẦU TIÊN CỦA TÔI.....	49
CHƯƠNG 5 : TUYẾT VÀ CHÓ SÓI.....	61
CHƯƠNG 6 : ĐẾN PARIS.....	79
CHƯƠNG 7 : MỘT TAY CHỦ.....	84
CHƯƠNG 8 : GIA ĐÌNH LY TÁN.....	97

CHƯƠNG 1: Ở LÀNG

Tôi là một đứa trẻ người ta nhặt được.

Nhưng cho tới lúc tám tuổi tôi vẫn tưởng rằng tôi có một người mẹ bởi vì mỗi lúc tôi khóc lại có một người đàn bà nhẹ nhàng ôm siết tôi trong hai cánh tay và ru tôi khiến nước mắt tôi ngừng chảy.

Khi tôi đi ngủ không bao giờ bà không đến ôm hôn tôi và khi gió tháng mười hai làm tuyết dán chặt vào các tấm kính cửa sổ trắng xóa, bà nắm lấy hai bàn chân tôi và cứ ngồi sưởi ấm chân tôi trong hai bàn tay bà, vừa hát cho tôi nghe một bài hát mà đến nay tôi còn nhớ lõm bõm vài câu. Khi tôi cãi nhau với một đứa bạn bà lại bảo tôi kể cho bà nghe những nỗi buồn của tôi để tìm lời an ủi hoặc thừa nhận tôi có lý.

Bằng vào những cái đó và nhiều cái khác nữa như cách bà nói với tôi, nhìn tôi, vuốt ve tôi, mắng tôi một cách trêu mếu, tôi tin rằng bà là mẹ tôi.

Và đây là vì sao tôi biết bà không phải mẹ tôi.

Làng tôi, nói cho đúng hơn, làng nơi tôi được nuôi dạy, gọi là Chavanon, một trong những làng nghèo nhất ở miền Trung nước Pháp.

Đất rất bạc màu, muốn gặt hái tốt phải bón phân hoặc cho thêm chất cải tạo đất mà ở trong nước không có. Vì thế người ta chỉ gặp (hoặc ít ra là ở thời kỳ tôi nói đến) rất ít cánh đồng cày cấy trong khi trông thấy nhiều vùng mênh mông mọc toàn cỏ thạch thảo và cây đậu kim. Hết vùng đất toàn bụi cây lại đến vùng đất truông.

Ở đúng vào một nếp gấp của vùng đất đó, trên bờ một dòng suối là nhà tôi, nơi tôi sống những năm đầu tiên của cuộc đời. Cho

đến lúc tám tuổi tôi không bao giờ trông thấy đàn ông ở trong nhà này, tuy thế mẹ tôi không góa chồng, chồng bà là thợ đẽo đá chưa trở lại quê hương lần nào kể từ khi tôi đến tuổi hiểu biết được những gì xảy ra quanh mình. Chỉ thỉnh thoảng ông mới gửi bạn bè về làng vài mẩu tin.

- Má Barberin này, ông nhà bà khỏe, ông ấy nhờ tôi bảo bà là công việc vẫn chạy tốt và chuyển tiền cho bà đây này. Chỉ có thế.

Ông Barberin ở Paris lâu thế ta đừng tưởng vì ông không thân tình với vợ ông mà ông ở Paris do công việc đòi hỏi. Khi nào già ông sẽ về ở với bà vợ già của ông, và với số tiền ky cốp được họ sẽ tránh được nghèo khổ.

Một buổi chiều tháng mười một, một người đàn ông dừng lại trước hàng rào nhà chúng tôi và hỏi tôi có phải đây là nhà má Barberin không.

Tôi mời ông ta vào.

Ông đẩy rào và chậm bước về phía nhà tôi.

Tôi chưa nhìn thấy ai lắm bùn bê bết đến thế. Hàng máng bùn phủ từ chân lên đến đầu ông khiến người ta hiểu ngay ông đã đi trên những con đường rất xấu trong thời gian khá dài.

Nghe tiếng chúng tôi má Barberin chạy ra.

- Tôi mang tin từ Paris về đây.

- A! Trời ơi! - Má Barberin kêu lên. - Tai vạ đến với Jérôme rồi!

- Phải đấy, sự thực là ông nhà ta bị thương, chắc sẽ què mắt thôi. Hiện giờ ông ấy đang nằm bệnh viện. Tôi nằm cạnh giường ông ấy nên khi ra viện ông ấy nhờ tôi qua nhà nhấn giùm. Tôi không ở lại được đâu vì còn ba dặm nữa phải đi.

Má Barberin muốn biết kỹ hơn bèn mời ông ta ở lại ăn tối. Má bảo đường xấu và nghe nói trong rừng có chó sói, sáng mai hãy đi.

Ông ngồi xuống trong góc lò sưởi vừa ăn vừa kể cho chúng tôi nghe tai nạn đã xảy ra thế nào: ông Barberin bị giàn giáo đổ đè

bẹp nửa người và vì không chứng minh được tại sao ông cần phải đứng ở nơi xảy ra tai nạn nên nhà thầu không chịu bồi thường một đồng nào.

- Con người tội nghiệp ấy không gặp may rồi, ông ta nói, bọn láu cá thì tìm ngay được cách kiếm lời nhưng ông nhà bà thì không được cái gì hết. Tuy nhiên tôi khuyên ông ấy kiện tay thầu khoán.

Má Barberin định đi Paris.

Sáng hôm sau chúng tôi xuống làng hỏi ý kiến mục sư. Ông mục sư viết thư cho cha tuyên úy ở bệnh viện ông Barberin nằm và vài hôm sau nhận được trả lời nói rằng má Barberin không cần lên Paris chỉ cần gửi một món tiền lên cho chồng thôi để ông đi kiện nhà thầu.

Ngày lại ngày, tuần lại tuần cứ thế trôi qua, nhiều thư gửi về, thư nào cũng yêu cầu gửi tiền thêm, lá thư cuối cùng nói rằng nếu không có tiền thì bán con bò Roussette đi..Chỉ những người đã sống ở thôn quê mới hiểu được cảnh khốn quẫn đau thương trong ba chữ "Bán con bò". Thực tế dù nghèo túng đến mấy, gia đình đông đến mấy người nông dân vẫn vững tâm không lo đói nếu nhà có một con bò cái.

Má Barberin và tôi đã nhờ con bò cái của chúng tôi mà sống no đủ, cho tới tận lúc ấy tôi hầu như có bao giờ ăn thịt đâu.

Với lại chúng tôi yêu con bò lắm.

Ấy thế mà nay phải xa nó rồi.

Một ông lái đến nhà chúng tôi, sau khi xem đi xem lại Roussette và nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần là con bò này không thích hợp với ông, không bán lại được cho ai, không có sữa, cuối cùng mới nói là bằng lòng mua nhưng chỉ là vì lòng tốt muốn giúp má Barberin mà thôi.

Roussette hình như am hiểu nhất định không chịu ra khỏi chuồng.

- Ra phía sau nó đuổi nó ra. - Người lái nói và đưa tôi cái roi.

- Làm thế không được. - Má Barberin bảo.

Má cầm lấy sợi dây dắt, nhẹ nhàng bảo con bò:

- Ra nào, ra nào, cô gái đẹp.

Và Roussette không chống lại nữa, ra tới đường cái người lái buộc nó đằng sau chiếc xe.

Thế là hết sữa, hết bơ. Buổi sáng một mẩu bánh, buổi chiều khoai tây ăn với muối.

Sau đó không bao lâu đến ngày thứ ba béo; năm ngoái vào ngày này má Barberin đã làm cho tôi một bữa tiệc có bánh xèo, bánh tằm bột rán, tôi ăn nhiều đến nỗi má rất sung sướng.

Nhưng lúc ấy chúng tôi còn Roussette nên có sữa để tằm bột và có bơ cho vào chảo.

Tuy nhiên má Barberin đã làm tôi ngạc nhiên; má xin hàng xóm nhà này một chén sữa, nhà kia một miếng bơ, thế là đến trưa về tôi thấy má đang đổ bột vào một chiếc chảo bằng đất.

- Ô này có cả bột cơ ạ. - Tôi vừa nói vừa bước lại gần.

- Đúng đấy bé Rémi của má ạ. Thế người ta làm gì với bột nào? - Má Barberin nhìn tôi hỏi.

- Làm bánh.

- Gì nữa?

- Quấy bột.

- Gì nữa nào?

- Ôi trời... con cũng không biết nữa..- Con biết hôm nay là ngày thứ ba béo chứ, ngày của bánh xèo và bánh rán mà...

- Ôi, má Barberin!

- Má đã thu xếp sao cho ngày thứ ba béo đối với con không đến nỗi tệ quá. Nhìn vào thùng xem nào?

Tôi hăng hái nhấc nắp thùng lên, thấy ở trong có sữa, bơ và ba quả táo.

- Đưa trứng cho má. - Má nói. - Trong khi má đập trứng con gọt táo nhé.

Khi bột đã nhào xong má Barberin đặt chiếc liễn trên tro nóng, thế là chỉ còn đợi đến chiều nữa thôi vì vào bữa tối chúng tôi mới ăn bánh xèo và bánh rán.

Cuối cùng nên được thắp lên.

- Nhóm lửa đi con. - Má Barberin bảo tôi.

Không cần phải nhắc tôi đến lần thứ hai.

Chẳng mấy chốc ngọn lửa bùng bùng bốc lên óng khói, ánh sáng chập chờn của nó tỏa khắp gian phòng.

Má Barberin nhắc chiếc chảo rán treo trên tường xuống để nó lên trên ngọn lửa.

- Đưa má bơ nào.

Má cắt ít bơ bằng đầu con dao bỏ vào chảo.

Ái chà! Thơm thật là thơm!

Tuy nhiên dù tập trung chú ý đến máy đi nữa tôi vẫn nghe như có bước chân ngoài sân.

Ai có thể đến vào giờ này nhỉ?

Một chiếc gậy chạm vào ngưỡng cửa, cửa mở tung ra.

Một người đàn ông bước vào, nhờ ánh sáng ngọn lửa tôi thấy ông ta mặc một chiếc áo bờ-lu trắng tay chống một chiếc gậy to.

- Ở đây đang làm tiệc đấy à? Cứ yên! - ông ta nói bằng một giọng thô lỗ.

- A! Trời ơi! - Má Barberin kêu lên, đặt mạnh chiếc chảo xuống đất.

Rồi cầm lấy cánh tay tôi bà đẩy tôi về phía người đàn ông đang dừng lại trên ngưỡng cửa:

- Đây là cha con.

Tôi lại gần để hôn ông nhưng ông lấy đầu chiếc gậy ngăn tôi lại.

- Thằng này là thằng nào đây?

Ông bước mấy bước về phía tôi, chiếc gậy vãn giơ lên làm tôi lùi lại.

- À ra các người làm tiệc ngày thứ ba béo. - Ông ta nói. - Súp gì đây?

- Chẳng có súp gì cả. Chúng tôi có chờ ông đâu.

Ông ta nhìn quanh:

- Bơ này, hành này. - ông nói. - Bốn năm củ hành với miếng bơ là có món súp ngon rồi còn gì. Ta bóc hành đi.

Má Barberin vội làm theo yêu cầu của chồng trong khi ông ta ngồi vào chiếc ghế dài ở góc lò sưởi.

Tôi không dám rời nơi chiếc gậy đã đưa tôi tới. Dựa vào bàn, tôi nhìn kỹ người khách mới tới này.

Đó là một người đàn ông độ năm mươi tuổi mặt thô nét đanh lại, đầu ngoẹo sang vai phải sau chấn thương vừa rồi.

- Bà định nấu súp cho chúng tôi với mẩu bơ này chứ gì?

Tự mình bưng chiếc đĩa trên có miếng bơ ông ta đổ tọt miếng bơ vào trong chảo.

Hết bơ, còn gì là bánh xèo nữa cơ chứ.

Giá như vào lúc khác hẳn tôi phải xót xa với tai họa này lắm nhưng lúc này ý nghĩ người đàn ông ấy là cha tôi chiếm cứ cả tâm hồn tôi.

Tôi chưa bao giờ tự hỏi mình một cách cụ thể thế nào là một người cha, nhìn con người bỗng nhiên từ trên trời rơi xuống này tôi cảm thấy sợ hãi.

- Mà đừng đứng im thế, ông ta nói, đi mà dọn đĩa lên bàn đi chứ.

Tôi vội vâng lời. Súp đã nấu xong. Má Barberin múc súp ra.

Đến lúc đó ông ta mới ra bàn ngồi và bắt đầu ăn, chỉ thỉnh thoảng mới dừng lại nhìn tôi.

Tôi hoang mang quá ăn không nổi.

- Bình thường nó có ăn ít như thế này không?

- À, vẫn thế đấy.

- Kệ xác nó! Giá như nó không ăn thì càng tốt!

Dĩ nhiên tôi không nói gì, má Barberin cũng vậy, má cứ đi lại quanh bàn chăm chú phục vụ chồng.

- Mà bạn không đói à? - ông ta hỏi tôi.

- Không ạ.

- Thế thì đi ngủ đi, và ngủ ngay đi.

Giống như trong đa số nhà nông dân, căn bếp của chúng tôi cũng đồng thời là phòng ngủ.

Tôi vội vàng thay quần áo đi ngủ. Nhưng ngủ được hay không lại là một chuyện khác. Tôi không buồn ngủ! Người đàn ông ấy là cha tôi! Thế thì tại sao ông đối với tôi nghiệt ngã như thế?

Dán mũi vào tường tôi cố xua đuổi những ý nghĩ trên mà không được.

Sau một lúc tôi nghe có người đến gần giường tôi.

Nghe tiếng bước chân chậm chạp, kéo lê và nặng nề tôi nhận ra ngay không phải má Barberin.

Một hơi thở nóng hổi lướt trên tóc tôi.

- Mà bạn ngủ chưa? - Một giọng nghèn nghẹn hỏi tôi.

Tôi cẩn thận không trả lời.

- Nó ngủ rồi, má Barberin nói, nó có thói quen nằm xuống là ngủ, ông có thể nói được.

Có lẽ tôi phải nói là tôi chưa ngủ, nhưng tôi không dám.

- Vụ kiện của ông đến đâu rồi? - Má Barberin hỏi.

- Thua rồi! Các quan tòa đều bảo rằng lỗi ở tôi.

Nói đến đây ông đấm một cái xuống bàn.

- Kiện thua, ông nói tiếp, tiền mất, què quặt, đói nghèo. Như thế chưa đủ, về đến đây lại còn thấy một đứa trẻ con nữa. Bà hãy giải thích cho tôi vì sao không làm theo lời tôi bảo?

- Vì tôi không thể làm được. Người ta không thể bỏ một đứa trẻ nuôi bằng chính sữa mình.

- Có phải con bà đâu.

- Cuối cùng tôi cũng muốn làm theo lời ông bảo đấy nhưng đúng lúc ấy thì nó ốm, không phải lúc đem nó đến trại trẻ vô thừa nhận được.

- Thế nó khỏi khi nào?

- Sau trận ốm đó lại đến trận khác, nó ho ghê lắm, thằng bé tội nghiệp, ho đến làm nát lòng người ta ra được. Chẳng phải vì ho mà thằng Nicolas của chúng ta đã chết đấy ư? Tôi tưởng như đem nó lên tỉnh nó cũng sẽ chết như thế.

- Nhưng sau đó?

- Thời gian cứ dần trôi.

- Nó lên mấy rồi?

- Lên tám.

- Thì nó sẽ đến nơi nó phải đến vào lúc lên tám.

- A! Jérôme, ông không định làm điều đó đấy chứ?

- Ai ngăn cản được tôi nào?.

Có một lúc im lặng và tôi thở được, xúc động làm tôi nghẹn ngào đến tắc thở.

Chẳng mấy chốc má Barberin nói tiếp:

- Paris đã làm ông thay đổi rồi!

- Có lẽ thế. Nhưng có điều chắc chắn là nó đã làm tôi què. Làm sao kiếm sống bây giờ? Ta đâu còn tiền nữa. Chẳng lẽ trong khi mình không có gì ăn lại còn phải nuôi thêm một đứa trẻ không phải con mình?

- Nó là con tôi.

- Chẳng phải con bà cũng như không phải con tôi vậy. Nó không phải một đứa trẻ con nhà nông. Tôi đã nhìn nó trong bữa tối: nó mong manh lắm.

- Đó là một đứa trẻ trung hậu. Sau này nó sẽ làm việc cho chúng ta.

- Nhưng trong khi chờ đợi ta phải làm việc để nuôi nó.

- Nếu cha mẹ nó đòi thì sao?

- Nếu thế hẳn họ đã đi tìm nó. Có lẽ họ đã chết.

- Nhưng họ còn sống thì sao? Một ngày kia họ đến hỏi ta thì sao?

- Ta đưa họ đến trại trẻ chứ sao? Thôi tôi đến chào Francois đây.

Cửa ra vào mở ra rồi đóng lại. Ông ta đi mất.

Thế là tôi nhòm dậy, gọi má Barberin.

Má chạy đến chân giường tôi.

- Má không để con đi đến trại trẻ vô thừa nhận chứ?

- Không, bé Rémi của má ạ.

Và má ôm hôn tôi, ghì chặt lấy tôi trong hai cánh tay.

Sự âu yếm của má làm tôi can đảm lên.

- Thế ra con đã nghe thấy hết những điều Jérôme nói rồi ư?

- Vâng, má không phải má con, ông ấy không phải cha con.

Tôi không nói hai câu trên bằng cùng một giọng, bởi vì nếu như tôi khổ tâm biết má không phải mẹ tôi, tôi lại mừng vì biết ông ta không phải cha tôi.

- Có lẽ má nên cho con biết sự thật thì hơn. - Má Barberin nói. Không ai biết mẹ con là ai cả. Bà còn sống hay không cũng không ai biết.

Một buổi sáng ở Paris trên đường đi làm Jérôme qua đại lộ Breteuil và nghe thấy tiếng trẻ con khóc. Tiếng khóc như vẳng ra từ một khe cửa vườn. Lúc đó vào tháng hai. Ông lại gần và thấy

một em bé nằm trên ngưỡng cửa. Jérôme rất lúng túng bèn bế bé đến sở cảnh sát. Ở sở cảnh sát người ta mở tã lót bé ra trước lửa sưởi. Đó là một em bé khoảng năm sáu tháng, tã lót chứng tỏ em là con nhà giàu có. Ông cảnh sát giải thích có lẽ bé bị người ta ăn cắp rồi bỏ đấy. Ông cũng nói sẽ gửi bé đến trại trẻ nhặt được nếu không ai nhận trông nom bé. Cha mẹ em bé thế nào cũng đi tìm, có người trông nom bé thì họ sẽ trọng thưởng. Jérôme bèn nói muốn nhận trông nom bé, họ trao bé cho ông. Má cũng có một đứa con trai bằng tuổi ấy. Thế là má trở thành mẹ con. Con má chết, má càng gần bó với con hơn. Má quên hẳn con không phải con ruột của má. Không may Jérôme không quên. Ba tháng sau thấy cha mẹ con không tìm con, ông đã muốn đem con vào trại trẻ.

- Ôi! Đừng vào trại trẻ! - Tôi kêu lên.

- Con sẽ không đi trại trẻ. Jérôme không phải người ác, chỉ tại buồn phiền nghèo khó làm ông ta đâm ra như thế mà thôi. Chúng ta sẽ làm việc, cả con cũng sẽ làm việc.

- Vâng, má muốn gì con làm nấy. Miễn là đừng vào trại trẻ.

Sau khi ôm hôn tôi má quay mặt tôi vào tường. Tôi muốn ngủ nhưng vì quá xao động nên không sao ngủ được.

Tôi không muốn đi trại trẻ... Tôi sợ ông Barberin... Cuối cùng thì tôi cũng ngủ được và ngủ suốt đêm. Sáng hôm sau động tác đầu tiên của tôi là nhìn quanh để biết chắc chắn là họ không đem tôi đi.

Suốt buổi sáng Barberin không nói gì với tôi cả và tôi bắt đầu tin rằng ông ta đã quên kế hoạch của mình.

Đến giữa trưa thì ông ta bảo tôi đội mũ đi theo ông.

Tôi sợ quá đưa mắt về phía má Barberin. Má trộm lấy tay ra hiệu bảo tôi cứ yên tâm.

Thế là tôi lên đường.

Từ nhà tôi đến làng khá xa, đi bộ phải mất hàng tiếng đồng hồ. Suốt trong tiếng đồng hồ đó Barberin không hề nói với tôi một lần nào.

Ông ta đi trước, khập khà khập khiễng, thỉnh thoảng lại quay lại nhìn xem tôi có đi theo không.. ạng ta đưa tôi đi đâu? Câu hỏi này làm tôi lo lắng, tôi nghĩ đến bỏ trốn.

Với mục đích đó tôi cố chân chừ lại sau.

Tôi định khi nào ở xa ông ta tôi sẽ nhảy xuống hố, ông ta sẽ chịu không tóm được tôi.

Đầu tiên ông ta bằng lòng bảo tôi đi đằng sau, nhưng chẳng mấy chốc ông đoán ra ý định của tôi nên nắm lấy cổ tay tôi.

Cứ thế chúng tôi đi vào làng.

Khi đi qua quán cà-phê, có người gọi Barberin và mời ông ta vào. Barberin nắm tai tôi, đẩy tôi đi trước, và khi chúng tôi đã vào trong quán, ông đóng cửa lại. Trong khi ông ngồi ở một chiếc bàn với ông chủ quán cà phê, tôi tới ngồi bên lò sưởi.

Ở góc đối diện nơi tôi ngồi có một cụ già cao lớn râu bạc trắng, mặc một bộ quần áo rất kỳ quặc. Bên cạnh cụ có ba con chó: một con chó bông trắng, một con chó bác-be đen và một con chó cái con nom vừa ranh ma vừa dịu dàng.

Trong khi tôi ngắm cụ già, Barberin thì thăm chuyện trò với ông chủ quán. Ông ta bảo ông chủ quán là chúng tôi từ làng lên tìm ông xã trưởng để nhờ ông này yêu cầu trại trẻ trả cho ông ta tiền trợ cấp nuôi tôi.

Đó là điều má Barberin yêu cầu được ông chồng đây...

Cụ già cũng nghe tuy làm ra vẻ không nghe thấy gì. Bỗng nhiên cụ chỉ tay về phía tôi và hỏi Barberin:

- Thằng bé này làm ông vương vীu ư? Và ông tưởng rằng chính quyền sẽ trả cho ông tiền trợ cấp ư?

- Chứ còn gì nữa! Nó không có cha mẹ, tôi nuôi nó, vậy phải có người chi tiền cho nó chứ?

- Tôi không bảo là không nhưng tôi tin là ông không đạt được điều ông yêu cầu.

- Thế thì nó sẽ vào trại trẻ, chẳng có luật nào bắt nó phải ở trong nhà tôi cả.

- Ngày xưa ông đã bằng lòng nhận nó về, có nghĩa đã cam kết giữ nó.

- Tôi không giữ nó nữa.

- Có lẽ có thể có cách giữ nó ra được, mà biết đâu còn kiếm chác được chút gì nữa đây ông ạ. - Cụ già nói sau một lát suy nghĩ.

Rời chiếc ghế dựa của mình cụ tới ngồi trước mặt Barberin..- Để tôi nhận nó, cụ nói, tôi thuê nó. Mỗi năm tôi trả ông hai mươi phrăng. Giá cao đấy và tôi trả trước.

- Nếu tôi giữ nó, trại trẻ có thể trả tôi mỗi tháng hơn mười phrăng.

- Thế nếu trại trẻ đáng lẽ để ông giữ lại đem nó cho người khác thì sao, thế là ông chẳng được gì hết, trong khi với tôi ông chỉ việc đưa tay ra.

Cụ già lục túi lấy ra một túi tiền bằng da lấy ra bốn đồng bạc bày lên bàn và làm chúng kêu lanh canh.

- Cụ thử nghĩ xem, Barberin kêu lên, một ngày nào đó đứa bé tất phải có cha mẹ! Lúc đó ai nuôi nó hẳn sẽ có lời. Nếu không tính đến chuyện đó hà tất tôi đã nhận trông nom nó.

Câu nói của Barberin làm tôi ghét ông ta thêm chút nữa.

- Thì chính vì ông không trông mong gì ở cha mẹ nó, cụ già nói, nên ông mới đuổi nó.

Cụ ranh mãnh nhìn Barberin.

- Đứa bé này sẽ đi cùng với tôi, cụ nói, tôi già rồi, sau một ngày mệt nhọc, thời tiết xấu, tôi thương có những ý nghĩ u ám, nó sẽ làm tôi vui lên. Nó sẽ tham gia gánh hát của xi-nho Vitalis.

- Gánh hát của cụ ở đâu?

- Xi-nho Vitalis là tôi, còn gánh hát, đây.

Nói rồi cụ mở áo măng-tô lấy ra một con vật kỳ lạ đang áp người vào ngực cụ.

Tôi không biết gọi con vật kỳ quái này là gì vì đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó.

- A! Con khỉ xấu xí! - Barberin kêu.

Tiếng đó làm tôi hết ngạc nhiên bởi vì tuy chưa nhìn thấy con khỉ bao giờ ít nhất tôi cũng đã nghe nói tới.

- Đây là ngài Joli - Coeur. Bạn ơi hãy chào đi nào.

Joli - Coeur đưa bàn tay khép chặt lên môi và gửi chúng tôi một cái hôn.

- Bây giờ, - vừa nói cụ Vitalis vừa đưa tay về phía con chó bông trắng, - ông Capi đây sẽ hân hạnh giới thiệu các bạn ông với cử tọa kính mến.

Nghe lệnh, con chó bông đứng ngay dậy, bằng hai chân sau, khoanh hai chân trước lại trước ngực, cúi chào chủ mình thật thấp. Hai con chó kia, nhìn chăm chăm vào Capi cũng lập tức đứng lên, mỗi con giơ một chân ra trước tựa như đưa tay cho người ta bắt, bước sáu bước ra trước rồi lùi ba bước ra sau, cúi chào.

- Capi, cho ta biết mấy giờ rồi.

Capi không khoanh tay nữa, lại gằn chủ vạch áo măng-tô lục trong túi áo gi-lê lôi ra một cái đồng hồ quả quýt, nhìn vào mặt đồng hồ rồi sủa lên hai tiếng to sau đó đến ba tiếng nhỏ hơn.

Quả lúc đó là hai giờ ba khắc.

- Tốt. Bây giờ đề nghị con mời nàng Dolce ra nhảy cho chúng ta xem nào.

Capi lập tức lục túi áo vét của chủ lôi ra một đoạn dây thừng. Nó ra hiệu cho Zerbino, con chó bác-be nhỏ, thế là con này ra đứng ngay trước mặt Capi. Capi bèn ném cho nó một đầu dây và hai con bắt đầu quay dây. Dolce lao vào vòng quay vừa nhảy vừa nhìn chủ.

Rõ ràng là học trò cụ Vitalis thật nực cười và cứ đi chơi suốt như thế hẳn phải thú vị, nhưng nếu đi theo họ tôi phải xa má Barberin.

- Bây giờ, cụ Vitalis nói tiếp, trở lại công việc của chúng ta. Tôi trả ông ba mươi phrăng.

- Bốn mươi.

Bắt đầu bàn bạc. Cụ Vitalis ngắt lời:

- Thằng bé ngồi đây chắc chán lắm, cho nó đi ra ngoài sân chơi đi.

Đồng thời cụ làm hiệu cho Barberin.

- Phải đấy, ông này nói, ra sân chơi đi bao giờ tao gọi hãy vào.

Tôi đi ra sân, ngồi trên một tảng đá suy nghĩ. Số phận tôi đang được quyết định đây.

Lạnh và lo lắng làm tôi run lên cầm cập. Cuộc bàn bạc kéo dài khá lâu. Cuối cùng tôi trông thấy mỗi một mình Barberin. Ông ta ra tìm tôi để giao cho cụ Vitalis chắc?

- Nào, đi về nhà nào. - ông ta nói.

Về nhà ư? Không phải xa má Barberin ư?

Tôi muốn hỏi nhưng không dám.

- Mười phút trước khi tới nhà, Barberin dừng lại:

- Mà mà kể lại một lời nào mà mà nghe thấy, ông ta vừa nói vừa véo mạnh tai tôi, thì mà mà sẽ phải trả giá đắt đấy. Liệu hồn!

CHƯƠNG 2 : VĨNH BIỆT NGÔI NHÀ CỦA MÁ

- Nào! Thế ông xã trưởng bảo thế nào nào?
- Má Barberin hỏi khi chúng tôi về tới nhà.
- Không gặp. Mai chúng tôi quay lại.

Như thế là Barberin đã từ bỏ giao kèo mua bán của lão ta. Suốt dọc đường tôi đã nhiều lần tự hỏi đi về nhà như thế này liệu lão có giở trò mưu mẹo gì không, câu nói vừa rồi của lão phá tan mọi nghi ngờ.

Nhưng sáng hôm sau, khi tỉnh dậy tôi không thấy má Barberin đâu cả.

- Má đâu?
- Má ra làng, chiều mới về.

Sự vắng mặt này làm tôi lo lắng. Barberin nhìn tôi vẻ rất lạ.

Bỗng nhiên tôi thấy cụ Vitalis và mấy con chó đi vào.

À ra thế! Cụ đến đón tôi, Barberin bảo má ra làng để má không bảo vệ được tôi.

- Ôi, xin cụ, cụ đừng mang cháu đi!

Và tôi òa lên khóc nức nở.

- Nào nào, cậu con trai của ông, cụ nói với tôi thật dịu dàng, ở với ông cháu không khổ đâu, lại được ở bên mấy đứa học trò rất ngộ của ông, cháu tiếc cái gì cơ chứ?

- Má Barberin!

- Kiểu gì thì mày cũng không ở lại đây, Barberin vặn tai tôi nói, hoặc là cụ đây hoặc là trại trẻ, mày chọn thứ nào thì chọn.

- Không, má Barberin cơ!

- Thằng bé này có tình, là dấu hiệu tốt. Thôi ta vào việc!

Nói rồi cụ bày lên bàn tám đồng năm phrăng, Barberin vợ luôn vào túi lão.

- Đưa gói quần áo của nó cho nó, nào lên đường. Rémi! Đi trước con Capi.

Tôi cảm thấy cụ Vitalis nắm lấy cổ tay tôi.

Barberin đi vào nhà. Thế là hết.

Lên dốc khá dài. Cụ Vitalis không rời tay tôi..- Cụ cho cháu nghỉ một chút có được không ạ? - Tôi hỏi cụ.

- Sẵn sàng.

Lần đầu tiên cụ rời tay tôi. Nhưng đồng thời tôi thấy cái nhìn của cụ hướng về con Capi làm hiệu. Capi lập tức đến đứng đằng sau tôi. Nó là tay cai ngục của tôi: chỉ một cử động bỏ trốn nó sẽ vồ lấy chân tôi ngay.

Tôi đi tới ngòi trên ụ đất, Capi đi theo và với đôi mắt mờ lệ tôi tìm ngòi nhà của má Barberin.

Bỗng nhiên trên con đường dốc lên làng tôi nhìn thấy một chiếc khăn nhỏ màu trắng. Xa quá nên tôi chỉ thấy được màu trắng của chiếc khăn nhưng có những lúc trái tim nhìn tinh hơn đôi mắt: tôi nhận ra má Barberin. Đúng má rồi. Má bước từng bước dài.

Tới rào nhà chúng tôi má đẩy ra, vào sân và đi qua sân khá nhanh.

Tôi lập tức đứng lên trên ụ đất không nghĩ tới con Capi đã chồm đến gần tôi.

Má Barberin không ở trong nhà lâu. Má đi ra ngay và chạy trong sân.

Má tìm tôi.

Tôi cúi xuống phía trước và kêu lên bằng tất cả sức lực của mình:

- Má ơi! Má ơi!

Nhưng giọng tôi chìm ngấm trong không trung.

- Cháu điên à? - Cụ Vitalis hỏi.

Tôi không trả lời chỉ dán mắt vào má Barberin nhưng má đâu có ngờ tôi ở gần má đến như thế nên không nghĩ đến chuyện ngẩng đầu lên. Má đi qua sân, ra lại ngoài đường, quay nhìn tứ phía.

Tôi càng gào to hơn.

Lúc đó cụ Vitalis đoán ra sự thể bèn cũng leo lên ụ đất. Cụ nhìn thấy cái khăn trắng.

- Tội nghiệp thằng bé! - Cụ thì thào.

- Ôi! Cháu xin cụ, cho cháu về. - Được sự thông cảm của cụ động viên, tôi nói.

Nhưng cụ nắm lấy cổ tay tôi đưa tôi xuống đường.

- Cháu đã nghỉ rồi, thôi lên đường, chàng trai của ông. - Cụ nói.

Tôi muốn gỡ tay cụ ra nhưng cụ nắm chặt lắm.

- Capi, Zerbino! - Cụ gọi.

Hai con chó vây lấy tôi. Đành phải theo cụ Vitalis thôi.

Tôi đã có bằng chứng để hiểu cụ không phải người ác.

Sau khi đi độ mười lăm phút cụ bỏ cánh tay tôi.

- Bây giờ cháu đi cạnh ông, nhưng đừng quên nếu cháu muốn trốn thì Capi và Zerbino sẽ theo kịp cháu ngay.

Tôi buông một tiếng thở dài:

- Cháu buồn, ông hiểu. - Cụ Vitalis tiếp tục nói. - Cháu có thể khóc. Nhưng chỉ cần cháu cố mà cảm thấy được là ông mang cháu đi không phải để làm cháu khổ. Cháu mà không đi thì sao nào? Sẽ vào trại trẻ. Những người nuôi cháu không phải cha mẹ cháu. Má tốt với cháu và cháu yêu má, cháu khổ tâm phải xa má, tất cả những cái đó là tốt thôi, nhưng bà ấy không giữ nổi cháu. Chàng

trai của ông ạ, cháu phải hiểu rằng cuộc đời thường là một trận chiến mà trong đó có phải người ta muốn làm gì là làm được đâu.

Những lời của cụ rất khôn ngoan nhưng lúc này một sự thực còn kêu to hơn bất kỳ lời nói nào: đó là sự chia ly.

Từ nay tôi không bao giờ còn nhìn thấy người đã nuôi tôi lớn lên nữa và ý nghĩ này làm tôi ghen ngào trong cổ họng.

- Hãy suy nghĩ về những điều ông nói với cháu, thỉnh thoảng cụ Vitalis lại nhắc lại, cháu không phải khổ khi ở với ông đâu.

Cuối cùng thì cụ già cao lớn và đẹp lão này có lẽ không đến nỗi kinh khủng như lúc đầu tôi tưởng.

Đó là lần đầu tiên tôi đi một mạch không nghỉ như vậy. Kéo lê đôi chân, vất vả lắm tôi mới theo được chủ tôi. Tuy nhiên tôi không dám xin cụ dừng chân.

- Đôi guốc của cháu làm cháu mệt đấy. - Cụ bảo tôi. - Đến Ussel ông sẽ mua giày cho cháu.

Câu nói này làm tôi thêm can đảm. Thực tế đôi giày là thứ tôi hằng khát khao mong muốn.

- Ussel còn xa không ạ?

- À ra đó là tiếng nói của lòng cháu, cụ Vitalis vừa nói vừa cười, cháu muốn có giày đi chứ gì?

Được, ông hứa, giày đinh. Một chiếc quần cụt bằng nhung, một áo vét, một chiếc mũ nữa. Ông hy vọng chúng làm cháu khô nước mắt và sẽ giúp cho đôi chân cháu đi nốt sáu dặm đường còn lại.. Không, ông chủ tôi không phải một con người tàn ác. Một người tàn ác làm sao nhận ra đôi guốc làm tôi mệt được?

Trời đầy mây xám xịt và không bao lâu bắt đầu mưa nhẹ hạt.

Với tấm da cừu cụ Vitalis được bảo vệ khá kín lại còn che chở được Joli - Coeur nữa, anh chàng này ngay từ giọt mưa đầu tiên đã ẩn ngay vào chỗ nấp. Nhưng mấy con chó và tôi chẳng mấy chốc ướt thấm vào da thịt, bọn chó thì thỉnh thoảng còn giữ được lông

chứ còn tôi, tôi cứ phải đi dưới một sức nặng làm tôi giá băng lên được.

- Cháu có dễ bị cảm lạnh không? - Chủ tôi hỏi.

- Cháu không biết, cháu nhớ là chưa bao giờ thì phải.

- Tốt. Quả cháu tốt thật đấy. Nhưng ông không muốn phơi cháu ra mưa thế này, chẳng được ích gì, hôm nay chúng ta không đi xa hơn nữa. Có làng đây rồi ta sẽ vào ngủ ở đó thôi.

Trong làng không có cái quán nào và không ai muốn nhận một người ăn mày kéo theo một đứa trẻ và ba con chó tất cả đều vậy bùn be bét làm gì.

Cuối cùng một người nông dân mở cửa cho chúng tôi vào một vựa thóc.

Cụ Vitalis là một người cẩn trọng. Trong cái túi cụ đeo ở vai có một chiếc bánh mì tròn to tướng. Cụ đưa cho tôi một miếng còn cụ thì vừa ăn vừa chia bánh thành những miếng nhỏ phân phát cho lũ học trò phần dành cho chúng.

Mệt đến gãy người, hai chân bị trầy da vì đôi guốc, tôi run lên vì lạnh trong bộ quần áo sũng nước.

- Răng cháu va lập cập rồi kìa, cụ Vitalis nói, cháu có rét không?

- Hơi rét thôi ạ.

Tôi nghe tiếng cụ mở cái túi:

- Đây là cái áo sơ-mi khô và áo gi-lê, cháu mặc vào đi, sau đó rúc vào cỏ khô cháu sẽ ấm lên nhanh thôi và ngủ được.

Tuy nhiên tôi không ấm lên nhanh như cụ Vitalis nói, rất lâu sau tôi cứ trở mình mãi, lòng quá đau buồn, quá khốn khổ. Lúc nào cũng như thế này sao? Đi bộ không ngừng dưới trời mưa, ngủ trong một vựa thóc, run lên vì lạnh, chỉ có một mẩu bánh mì cho bữa tối, không ai thương xót tôi, không ai yêu tôi. Đang nghĩ ngợi, lòng nặng trĩu và hai mắt đẫm nước mắt, tôi cảm thấy một hơi thở ấm ấm phả vào mặt tôi. Đưa tay ra tôi sờ thấy làn lông mượt như

len của con Capi. Nó nhẹ nhàng tới bên tôi, nằm xuống chỗ cỏ khô bên cạnh tôi và té nhị liếm vào bàn tay tôi.

Cảm động quá tôi hơi nhòm mình dậy hôn vào chiếc mũi lạnh ngắt của nó. Nó kêu lên một tiếng nghẹn ngào, đặt chân nó vào bàn tay tôi rồi nằm im.

Thế là tôi quên mệt, quên buồn, họng tôi nghẹn lại, tôi không còn chỉ có một mình nữa: tôi đã có một người bạn.

Hôm sau chúng tôi lên đường từ sáng sớm.

Đã tạnh mưa, bầu trời xanh và nhờ làn gió khô thổi suốt đêm, không còn bùn lầy nữa. Lũ chó nhảy nhót quanh chúng tôi. Thỉnh thoảng Capi lại đứng trên hai chân sau hướng về tôi sủa lên một tiếng mà tôi hiểu rất rõ ý nghĩa.

- Can đảm lên! - Nó bảo tôi như vậy.

Đó là một con chó rất thông minh cái gì cũng hiểu và biết cách làm cho người ta hiểu mình. Giữa nó và tôi không cần lời: ngay từ ngày đầu tiên chúng tôi đã hiểu nhau rồi.

Chưa bao giờ ra khỏi làng nên tôi rất sốt ruột muốn trông thấy một thành phố. Nhưng Ussel không làm tôi lóa mắt. Những ngôi nhà cổ có tháp bên trên khiến tôi chỉ thấy lãnh đạm thờ ơ.

Đầu óc tôi chỉ có mỗi một ý nghĩ: hiệu giày.

Đâu là hiệu giày sẽ cung cấp cho tôi đôi giày mà cụ Vitalis đã hứa?

Chẳng mấy chốc tôi có cái hạnh phúc xỏ chân vào đôi giày đinh nặng gấp mười lần đôi guốc của tôi. Lòng hào hiệp của chủ tôi không dừng ở đó; mua giày xong cụ mua cho tôi một áo vét nhưng màu xanh da trời, một quần len và một mũ phớt. Tất cả những gì cụ hứa.

Rõ ràng cụ là người tuyệt nhất trần đời rồi!

Nhưng đã nhậu, len đã sờn, cái mũ thì không ai đoán được trước đây màu gì nữa, nhưng choáng ngợp vì những huy hoàng đó tôi chẳng cần biết đến những nhược điểm này làm gì.

Tôi chỉ mong chóng được mặc bộ cánh mới, nhưng trước khi đưa cho tôi cụ Vitalis còn làm chúng biến đổi đã.

Về đến quán cụ lấy kéo trong túi ra cắt hai ống quần tôi lên đến tận đầu gối. Khi tôi nhìn cụ với đôi mắt sợ hãi:- Như vậy để cháu trông không giống ai, cụ nói. Chúng ta đang ở Pháp, ông mặc cho cháu như người ý, nếu ta ở ý ông lại mặc cho cháu như người Pháp. Chúng ta là nghệ sĩ. Bề ngoài của chúng ta đã phải gây tò mò rồi. Cháu thử tưởng tượng xem nếu ngay chiều nay ta ra nơi công cộng mà ăn mặc như những nhà tư sản hay những nông dân làm sao ta buộc mọi người phải nhìn ta và dừng lại quanh ta? Không được. Hãy học lấy rằng ở đời này đôi khi sự xuất hiện thôi cũng đã là một việc tối cần thiết rồi.

Ấy là tại sao buổi sáng là người Pháp buổi chiều tôi đã thành người ý. Quần tôi ngắn đến gối, cụ Vitalis lại buộc quanh tất tôi những sợi dây đỏ bắt chéo nhau suốt cảng chân. Trên chiếc mũ phớt của tôi cụ cũng buộc chéo nhau nhiều dây ruy-băng khác và trang trí thêm một bó hoa bằng len.

Thật thà mà nói tôi thấy mình tuyệt đẹp, chẳng thế mà anh bạn Capi của tôi sau khi ngắm tôi rất lâu phải chìa chân ra cho tôi với vẻ hài lòng.

Trong khi tôi xỏ quần áo mới, Joli - Coeur đứng trước mặt tôi bắt chước điệu bộ tôi lại còn làm quá lên nữa. Tôi thắng xong bộ cánh, ngắm vuốt xong xuôi thì nó đặt hai tay lên háng, ngửa đầu ra sau bắt đầu phá ra cười với những tiếng kêu lí nhí giễu cợt. Đã sống thân tình với Joli -Coeur khá lâu tôi có thể khẳng định nó rất hay cười. Có lẽ cái cười của nó không giống hệt như cái cười của con người. Nhưng cuối cùng, mỗi khi có một tình cảm nào đó làm cho nó vui lên, người ta thấy hai mép nó kéo ra sau, hai mi mắt he hé, hai hàm răng động đập rất nhanh và đôi mắt đen của nó hầu như bắn ra những tia lửa.

- Bây giờ cháu sửa soạn áo quần đã xong, cụ Vitalis bảo tôi, ta bắt đầu làm việc để đến mai ngày phiên chợ có thể ra mắt một buổi biểu diễn lớn trong đó cháu khởi sự bước vào nghề.

Tôi hỏi cụ thế nào là bước vào nghề, cụ giải thích có nghĩa lần đầu xuất hiện trước công chúng diễn vở hài kịch.

- Ông sẽ phải tập cho cháu vai mà ông dành cho cháu.

Đôi mắt ngạc nhiên của tôi nói với cụ là tôi không hiểu.

- Ông muốn cháu hiểu vai trò cháu phải làm.

Ông mang cháu theo là để cháu làm việc. Việc của cháu là diễn hài kịch với Joli - Coeur và mấy chú chó của ông.- Nhưng cháu có biết gì đâu! - Tôi sợ hãi kêu lên.

- Chính vì thế ông mới phải dạy cháu. Không phải tự nhiên mà Capi đi đứng duyên dáng như thế trên đôi chân sau cũng không phải Dolce nhảy dây là ý thích của nó. Capi đã phải học đứng và Dolce đã phải học nhảy; chúng thậm chí đã phải làm việc khá lâu mới đạt được những tài đó. Cho nên cháu cũng phải làm việc để học những vai khác nhau mà cháu sẽ diễn với chúng.

Vở kịch, cụ Vitalis nói tiếp, có tên là Người đầy tớ của ngài Joli - Coeur hay Kẻ ngu hơn trong hai người lại là kẻ mà người ta không nghĩ tới.

Đề tài như thế này: Cho tới hôm ấy ngài Joli -Coeur vẫn có một tên đầy tớ mà ngài rất hài lòng, đó là Capi. Nhưng Capi đã về già, ngài Joli - Coeur muốn có một đầy tớ mới. Capi chịu trách nhiệm cung cấp tên đầy tớ mới. Nhưng đó không phải là con chó sẽ nối tiếp sự nghiệp của Capi mà là một chàng trai nông dân tên là Rémi.

- Khi làm gì có đầy tớ ạ.

- Trong hài kịch thì có. Cháu đến và ngài Joli - Coeur thấy cháu có vẻ đàn độn ngây ngô.

- Thế chẳng hay tí nào.

- Có nghĩa lý gì đâu nếu chỉ để cười? Và chẳng cháu hình dung mình thực sự đến nhà một quý ông để làm đầy tớ và giả dụ họ bảo cháu dọn bàn ăn. Đây chính là cái bàn trong vở trình diễn của chúng ta. Nào cháu bước lên và dọn bàn ra.

Trên cái bàn có các đĩa, một cái cốc, một con dao, một cái đĩa và khăn bàn màu trắng.

Làm sao bày ra bây giờ?

Tôi tự hỏi mình câu hỏi đó, hai tay thông xuống, cúi người xuống trước, miệng há ra chẳng biết bắt đầu từ chỗ nào; chủ tôi vỗ tay cười phá lên.

- Hoan hô! - Cụ nói. - Tuyệt! Làm ra vẻ mặt như cháu thật xuất sắc. Vẻ ngây thơ của cháu đáng phục đấy.

- Cháu chẳng biết phải làm gì.

- Chính vì thế mà đâm xuất sắc. Vài ngày nữa cháu sẽ biết tường tận cháu phải làm gì. Đến lúc đó cháu lại phải nhớ lại cái lúng túng mà lúc này đây cháu đang cảm thấy và giả vờ những thứ mà cháu không cảm thấy nữa. Nếu cháu tìm lại được cách tạo ra vẻ mặt và thái độ như lúc này thì ông nói trước là cháu sẽ thành công rực rỡ đấy. Nhân vật mà cháu phải thể hiện trong vở hài kịch là như thế nào? Là một chàng trai nông thôn chưa nhìn thấy gì và không biết gì cả; thậm chí thấy mình vụng về ngu si hơn con khỉ; do đó vở kịch có tên Kẻ ngu hơn trong hai người lại là kẻ mà người ta không nghĩ tới. Ngu hơn Joli - Coeur, đó là vai diễn của cháu.

Vở Người đầy tớ của ngài Joli - Coeur không phải một hài kịch lớn, biểu diễn chưa đầy hai mươi phút. Nhưng chúng tôi tập đến gần ba tiếng đồng hồ, cụ Vitalis bắt chúng tôi làm đi làm lại đến mười lần cùng một thứ, lũ chó cũng như tôi. Dĩ nhiên lũ chó có lúc quên vài phần trong vai của chúng.

Tôi rất ngạc nhiên thấy chủ tôi kiên nhẫn và dịu dàng biết nhường nào. Cụ không hề tức giận một lần nào.

- Nào ta lại bắt đầu lại, mỗi lần yêu cầu của cụ không đạt được cụ lại nói: chưa được, Capi; còn ngài Joli - Coeur, ngài không chú ý gì cả.

Chỉ có thế, nhưng thế cũng là đủ.

- Được rồi, cụ bảo tôi, tập đã xong, cháu có nghĩ rằng mình sẽ quen đóng kịch không?

- Cháu chẳng biết nữa.

- Cháu có chán không?

- Không, cháu thích là khác.

- Thế thì tốt. Cháu thông minh, lại chú ý.

Vừa chú ý vừa vâng lời người ta sẽ đạt tới tất cả mọi thứ. Cháu hãy xem lũ chó và so sánh chúng với Joli - Coeur. Joli - Coeur có lẽ hiểu động hơn, thông minh hơn nhưng không dễ bảo.

Bảo nó cái gì không bao giờ nó vui lòng làm.

Đó là do bản chất nó và chính vì vậy ông không bao giờ giận nó. Khi không giống chó, không có ý thức về bổn phận.

Tôi mạnh dạn nói với cụ rằng cái làm tôi ngạc nhiên nhất trong buổi tập vừa qua là cụ tỏ ra vô cùng kiên nhẫn.

Cụ mỉm cười:

- Người ta thấy ngay là, cụ nói, trước nay cháu chỉ sống với những người nông dân tàn nhẫn với súc vật.

- Má Barberin dịu dàng với con bò của chúng cháu lắm. - Tôi nói.

- Bà làm thế là đúng. Bà hiểu rõ điều mà người nông dân thường không biết: dịu dàng thì người ta được nhiều hơn. Chính vì không bao giờ tức giận các con vật của ông mà ông đã đào tạo được chúng như ngày nay. Nếu ông đánh chúng, chúng sẽ sợ, sợ hãi làm tê liệt trí thông minh. Hơn nữa nếu để mình đi đến giận dữ ông sẽ mất lòng tin ở cháu. Mấy con chó của ông đã dạy cho ông nhiều bài học như những bài học ông dạy chúng. Ông đã làm phát triển trí thông minh của chúng còn chúng tạo tính cách cho ông.

Các bạn tôi, lũ chó và con khi, có thuận lợi hơn tôi ở chỗ đã quen xuất hiện trước công chúng thành ra ngày hôm sau chúng không hề sợ hãi.

Nhưng tôi không có được cái an tâm bình tĩnh của chúng. Nỗi xúc động của tôi thật mạnh mẽ khi chúng tôi rời quán đi đến nơi biểu diễn.

Cụ Vitalis mở đầu cuộc diễu hành bằng một điệu van-xơ thổi trên sáo. Theo sau là Capi, trên lưng Capi, Joli - Coeur trong bộ quân phục đại tướng Anh ung dung ngồi thoải mái. Rồi cách xa ra một đoạn kha khá là Zerbino và Dolce tiến tới. Cuối cùng tôi kết thúc đoàn diễu hành.

Nhưng cái làm người ta chú ý còn nhiều hơn cả sự hùng tráng của cuộc diễu hành của chúng tôi lại là những tiếng sáo chói tai. Mọi người đổ ra cửa xem chúng tôi diễu qua, tất cả các rèm cửa sổ đều được kéo lên nhanh chóng.

Vài đứa trẻ đi theo chúng tôi, nhiều nông dân sưng sốt nhập bọn với chúng, khi đến nơi biểu diễn chúng tôi đã có cả một đám rước đằng sau mình rồi.

Phần đầu buổi biểu diễn của chúng tôi gồm một số trò do chó thực hiện. Cụ Vitalis bỏ ống sáo, thay vào đó một chiếc vĩ cầm, kéo đệm theo các tiết mục của chó lúc thì điệu van-xơ lúc thì một điệu nhạc buồn réo rất.

Tiết mục đầu tiên kết thúc, Capi ngậm một cái bát gỗ giữa hai hàm răng, đi trên hai chân sau bắt đầu làm một vòng quanh "cử tọa đáng kính". Khi nào không thấy xu rơi xuống nó lấy hai chân trước đặt lên người vị khán giả chai sạn, sủa hai ba cái rồi đập nhẹ nhẹ vào cái túi mà nó muốn mở. Thế là trong công chúng xuất hiện những tiếng kêu, những lời bàn tán vui vẻ, những tiếng chế giễu.

- Con chó bông này thông minh thật, nó biết những ai có túi đầy đấy nhé.

Thế là cuối cùng những đồng xu đành được dốc ra.

Đến lượt Joli - Coeur và tôi ra mắt.

- Thưa quý bà quý ông, cụ Vitalis nói, chúng tôi tiếp tục buổi biểu diễn bằng một hài kịch dễ thương có tên: Người đầy tớ của ngài Joli -Coeur hay Kẻ ngu hơn trong hai người lại là kẻ không ai

nghe tới. Một người như tôi không hạ mình; để khen vở kịch và diễn viên của chính mình, chỉ xin các vị hãy mở to mắt, hãy động tai và chuẩn bị tay để vỗ.

Tuy nhiên để làm cho diễn xuất của các diễn viên dễ hiểu hơn, cụ Vitalis kèm theo mấy lời bình.

Thế là, với vẻ hiêu chiến ngăm, cụ tuyên bố ông Joli - Coeur, rồi đến Capi, đến tôi, lên sân khấu. Cụ bình luận tóm tắt từng cảnh một. Vở kịch được dựng lên nhằm thể hiện sự ngu si đần độn của tôi trong tất cả mọi mặt: mỗi cảnh tôi phải giở vài hành động ngớ ngẩn trong khi Joli - Coeur ngược lại phải tìm cơ hội trở hết thông minh và khéo léo. á chà! Duyên dáng và lịch sự của ngài Joli - Coeur sao mà khiến khán giả mê say đến thế! Còn sự vụng về lúng túng của tôi làm họ cười ơ là cười! Tiếng vỗ tay vang dội tứ phía, buổi biểu diễn kết thúc thắng lợi. Con khỉ mới thông minh làm sao! Tên đầy tớ mới ngu ngốc làm sao!

Cụ Vitalis khen tôi như vậy và tôi tự hào lắm.

Chắc chắn các kịch sĩ trong đoàn ông Vitalis tài cao rồi - tôi muốn nói lũ chó và con khỉ -nhưng tài này cũng chẳng nhiều về lắm. Biểu diễn mấy buổi người ta đã biết hết vở.

Từ đó đi đến kết luận là không ở lâu mãi một thành phố được.

Sau ba ngày đến Ussel lại phải lên đường.

Đi đâu bây giờ nhỉ? Tôi đã khá mạnh dạn với chủ tôi để hỏi cụ câu hỏi này.

- Cháu có biết đất nước này chứ? - Cụ vừa nhìn tôi vừa trả lời.

- Không ạ.

- Thế tại sao cháu lại hỏi ông là ta đi đâu?

Nếu ông bảo cháu là ta đi Aurillac để tiếp tục đi Bordeaux rồi từ Bordeaux đi Pyrénées thì cháu biết được cái gì?

- Nhưng cụ biết xứ sở này chứ ạ?

- Ông chưa bao giờ đến đây.

- Thế tại sao cụ lại biết là mình đi đâu?

Cụ nhìn tôi rất lâu.

- Cháu không biết đọc phải không? - Cụ hỏi tôi.

- Không, nhưng cháu đã nhìn thấy người ta đọc. - Tôi tự hào nói. Quả thật người ta có cho tôi đi học nhưng chỉ có một tháng.

- Đọc có khó lắm không ạ? - Tôi hỏi cụ Vitalis sau khi đi khá lâu vừa đi vừa nghĩ ngợi.

- Khó đối với kẻ nào rần đầu thôi, lại càng khó với những ai không thiện chí. Cháu có rần đầu không?

- Cháu không biết nhưng có vẻ như nếu cụ dạy cháu đọc thì cháu không ngại khó đâu.

- Được, chúng ta sẽ xem; ta còn thời gian trước mặt mà.

Tôi không biết học đọc khó thế nào nhưng tôi hình dung ngay thấy mình mở một quyển sách và biết được có những gì trong đó.

Hôm sau trong khi đi đường tôi thấy chủ tôi cúi xuống nhặt trên đường cái một mảnh ván phủ bụi đến một nửa.

- Đây là quyển sách, cháu sẽ học đọc trong đó. - Cụ bảo tôi.

Tôi nhìn cụ xem có phải cụ giấu tôi không.

Rồi khi thấy cụ rất nghiêm túc, tôi nhìn kỹ cái vật mà cụ tìm được. Đó là một mảnh ván bằng gỗ sồi, dài bằng cánh tay, rộng bằng hai bàn tay, rất nhẵn, bên trên chẳng có chữ có hình gì cả.

- Cụ giấu cháu đấy ạ?

- Đâu có, con trai ta, cứ chờ tới lúc chúng ta đến bụi cây đằng kia đã, ta nghỉ ở đấy và cháu sẽ thấy ông dạy cháu đọc bằng cái mảnh gỗ này như thế nào.

Cụ Vitalis lấy một con dao trong túi ra, cắt từ mảnh ván một lớp gỗ mỏng gọt nhẵn đi rất kỹ càng. Sau đó cụ cắt nó thành từng miếng nhỏ đều nhau.

- Trên mỗi miếng gỗ này, cụ nói, ông sẽ lấy mũi dao khoét một chữ cái. Qua đó cháu học được hình dáng các chữ và khi đã thuộc cháu ghép chúng lại thành các từ. Khi cháu đã tạo thành các từ mà ông bảo rồi, cháu sẽ đọc được một quyển sách.

Chẳng bao lâu các túi áo tôi đầy những miếng gỗ và tôi mau chóng biết mặt các chữ cái, nhưng để biết đọc lại là một chuyện khác. Sự việc không nhanh được như thế thậm chí có lúc tôi đã hối tiếc muốn học đọc.

Dầu sao phải nói rằng, công bằng mà nói, không phải vì lười mà tôi hối tiếc mà chính là do tự ái.

Trong khi dạy tôi chữ cái cụ Vitalis có ý nghĩ dạy luôn cả con Capi. Chúng tôi cùng học với nhau. Dĩ nhiên Capi không thể đọc lên những chữ cái mà nó trông thấy vì nó không biết nói, nhưng khi những miếng gỗ được bày trên cỏ nó phải lấy chân tha ra những chữ mà cụ Vitalis đọc lên.

Lúc đầu tiến bộ của tôi nhanh hơn nó nhưng nếu như tôi có trí thông minh nhạy bén hơn thì nó lại có trí nhớ vững vàng hơn. Thế là cứ mỗi lần tôi phạm lỗi chủ tôi lại không quên bảo tôi:

- Capi sẽ biết đọc trước Rémi cho mà xem, thật xấu hổ.

Điều đó kích thích tôi đến mức tôi dốc lòng ra học mà trong khi con chó dừng lại ở chỗ viết được tên nó tôi tiến tới đọc được một quyển sách.

- Bây giờ cháu đã đọc được chữ, cụ Vitalis bảo tôi, cháu có muốn đọc được nhạc không?

- Cháu có hát được như cụ không ạ?

Thỉnh thoảng cụ Vitalis hát và cụ đầu có ngờ nghe cụ hát như một ngày hội đối với tôi.

- Cháu muốn hát ư? Nghe ông hát cháu thấy thích ư?

- Thích nhất đấy ạ. Mỗi khi cụ hát cháu chỉ muốn khóc, khi cụ hát một khúc hát êm đềm hay buồn bã, khúc hát lại đưa cháu về với má Barberin, cháu nghĩ đến má, cháu nhìn thấy má trong

nhà. ấy thế mà cháu có hiểu gì về những lời cụ hát đâu vì nó là tiếng ý mà.

Vừa nói vừa nhìn cụ, tôi thấy đôi mắt cụ như đẫm nước mắt, tôi bèn hỏi cụ nói như vậy có làm cụ khổ tâm phiền não gì không.

- Không con ạ, cụ nói với tôi bằng một giọng cảm động, con làm ông nhớ tới tuổi trẻ của ông, thời thanh niên đẹp đẽ của ông. Cứ yên tâm, ông sẽ dạy con hát. Và vì con là người có tấm lòng, cả con nữa, con cũng sẽ làm người ta khóc và vỗ tay.

Thế là ngay hôm sau chủ tôi dạy âm nhạc như đã dạy tôi học. Cụ bắt đầu gọt những miếng gỗ nhỏ rồi lấy dao khắc lên đó. Chuẩn bị xong các bài học, phải thú thật là học nhạc không phải kém nhọc nhằn hơn học đọc. Cụ Vitalis, vốn kiên nhẫn với mấy con vật của cụ là thế mà nhiều lần phải bực với tôi.

Cuối cùng những bước đầu đã vượt qua và tôi hài lòng thấy mình đã có thể xướng âm một điệu nhạc mà cụ Vitalis viết trên một tờ giấy.

Ngày hôm ấy cụ tát nhẹ vào mỗi bên má tôi hai cái tát yêu và tuyên bố rằng nếu cứ tiếp tục như thế tôi sẽ trở thành một ca sĩ lớn.. Dĩ nhiên chuyện học hành nói trên không phải chỉ làm trong một ngày, và trong rất nhiều tháng túi quần túi áo tôi nhét đầy các miếng gỗ.

Hơn nữa học không đều bởi vì chỉ những lúc rỗi cụ Vitalis mới dạy tôi học.

Mỗi ngày chúng tôi phải hoàn tất đoạn hành trình, dài ngắn tùy theo xóm làng ở xa nhau hay không; phải biểu diễn ở tất cả những nơi có cơ may kiếm được chút thu nhập ít ỏi; phải tập vai cho mấy con chó và cho Joli - Coeur; chuẩn bị bữa ăn; chỉ sau tất cả những cái đó mới nói đến chuyện học đọc hay học nhạc.

Cuối cùng tôi đã học được một cái gì đó và đồng thời học đi những quãng đường dài. Tôi là một đứa trẻ khá gầy còm ốm yếu khi sống với má Barberin; nay bên cạnh cụ Vitalis, sống giữa khí trời, với gian khổ, đôi chân và hai cánh tay tôi khỏe lên, phổi tôi nở ra, da tôi săn sắn lại, tôi có thể chịu đựng được lạnh cũng như

nóng, nắng cũng như mưa, những thiếu thốn những mệt nhọc mà không đau khổ chút nào.

Chúng tôi đã vượt qua một phần của miền Nam nước Pháp. Chúng tôi cứ thẳng tiến, gặp đâu đi đấy và cứ thấy một cái làng nào không đến nỗi nghèo khổ quá chúng tôi lại chuẩn bị tiến vào một cách oai vệ. Tôi trang điểm cho lũ chó, chải lông cho Dolce, mặc quần áo cho Zerbino, dán miếng dán lên một bên mắt con Capi để nó có thể đóng vai một ông già râu nhàu càu nhàu, tôi buộc Joli - Coeur phải mặc quần áo đại tướng vào.

Cụ Vitalis cho tôi được hoàn toàn tự do phóng túng:

- Không ngờ cháu lại được ông cho đi qua toàn bộ nước Pháp ở cái tuổi mà trẻ con chỉ đi học tiểu học hoặc trung học, cháu hãy nhìn, hãy học đi. Thấy cái gì không hiểu hoặc muốn hỏi điều gì, cứ hỏi ông. Có lẽ không phải lúc nào ông cũng trả lời được bởi vì ông không cho rằng mình hiểu biết tất cả nhưng biết đâu ông có thể thỏa mãn được tò mò của cháu thì sao? Không phải xưa nay ông vẫn làm giám đốc một gánh hát súc vật thông thái, ông cũng đã học được những điều ngoài những cái bổ ích cho ông lúc này để giới thiệu Capi và Joli - Coeur với "cử tọa đáng kính". Nhưng ta sẽ nói với nhau chuyện đó sau. Cháu chỉ cần biết là một người làm trò chó cũng có một vị trí đáng kể trong thiên hạ đấy chứ. Không phải thường đâu. Sau khi rời dãy núi ở Auvergne chúng tôi tới vùng cao nguyên đá vôi ở Quercy.

Giữa bình nguyên này có một làng lớn tên là Labastide - Murat, chúng tôi qua đêm ở đó trong vựa thóc một cái quán.

- Chính ở đây, cụ Vitalis bảo tôi buổi tối trước khi đi ngủ, cũng có thể ngay tại cái quán này, đã sinh ra một con người bắt đầu đời mình làm một thằng bé quét chuồng ngựa. Tên ông ta là Murat. Ông đã trở thành một anh hùng và người ta đã lấy tên ông đặt cho làng này. Ông biết ông ta và đã từng chuyện trò thường xuyên với ông ta.

- Khi ông ta còn là thằng bé quét chuồng ngựa ấy ạ?

- Không, cụ Vitalis cười nói, khi ông ấy làm vua cơ.

- Cụ đã từng quen một ông vua?

Hắn giọng tôi thốt lên phải buồn cười lắm bởi vì cái cười của chủ tôi lại cất lên và kéo dài rất lâu.

- Ông sẽ kể cháu nghe chuyện ông vua này.

Thế là trong nhiều giờ sau đó chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài, ông thì nói, tôi thì dán mắt vào khuôn mặt ông đang được ánh trăng mờ nhạt chiếu sáng.

Chủ tôi biết thật nhiều điều!

CHƯƠNG 3 : ĐI KHẮP ĐÓ ĐÂY

Rời vùng đất khô cằn của những cao nguyên đá vôi và vùng đất trũng, tôi nhớ lại là chúng tôi tới một thung lũng xanh tươi với một thu nhập kha khá, đất đai giàu có của xứ sở làm người dân sung túc, chúng tôi biểu diễn nhiều buổi, những đồng xu cũng dễ dàng rơi xuống chiếc bát gỗ của Capi.

Một lần, chúng tôi ngủ trong một ngôi làng khá nghèo khổ, trời vừa sáng đã lại ra đi. Chúng tôi đi mãi trên con đường cái bụi mù và bỗng nhiên tầm nhìn của chúng tôi, cho tới lúc đó vẫn bị hạn chế trong một con đường bao quanh những ruộng nhỏ, tự nhiên mở ra một không gian mênh mông.

- Bordeaux đấy. - Cụ Vitalis nói.

Đối với một đứa trẻ như tôi, từ trước đến nay mới chỉ nhìn thấy vài thành phố nhỏ gặp trên đường đi, đây đúng là một quang cảnh thần tiên. Trên sông tàu bè qua lại tấp nập: một số tàu trở về từ những chuyến đi dài ngày trên biển cả, một số khác từ cảng ra đi. Khi tới chiếc cầu nối Bastide với Bordeaux, cụ Vitalis không còn thì giờ để trả lời một phần trăm những câu hỏi mà tôi đặt ra cho cụ nữa!

Từ Bordeaux chúng tôi phải đi qua Pau.

Hành trình khiến chúng tôi phải đi qua bãi sa mạc lớn trải dài tới tận dãy Pyrénées này có tên gọi là miền Lander. Không còn vườn nho, không còn đồng cỏ, không còn vườn cây ăn trái. Hiếm lắm mới trông thấy nhà cửa. Bình nguyên trải dài trước mặt chúng tôi đến vô tận, đất màu xám.

Suốt dọc đường chỉ thấy thạch thảo khô với cây đậu kim càn côi.

- Chúng ta đang ở miền Lander, cụ Vitalis nói, ta còn phải đi từ hai mươi đến hai mươi năm dặm nữa giữa sa mạc này. Đôi chân cháu phải can đảm lên.

Nhưng không phải chỉ làm cho đôi chân can đảm lên mà còn phải làm cho cái đầu và trái tim cũng can đảm lên nữa bởi vì bước chân trên con đường tưởng như không bao giờ tận cùng này người ta luôn cảm thấy tràn ngập một nỗi buồn không sao chế ngự nổi..Kể từ hồi ấy tôi đã nhiều lần đi những chuyến đi biển và cứ mỗi lần giữa đại dương không một cánh buồm tôi lại tìm lại được trong tôi cái tình cảm buồn bã không sao định nghĩa nổi mà tôi đã cảm thấy trong cảnh cô đơn ấy.

Pau để lại cho tôi một kỷ niệm thú vị. Chúng tôi ở đó cả mùa đông, ngày nào cũng đi ra phố và những nơi công cộng. Chúng tôi có một công chúng trẻ con không biết chán các tiết mục của chúng tôi.

Một buổi sáng, chúng tôi lên đường. Không biết hàng bao nhiêu tuần chúng tôi cứ thẳng trước mặt mà tiến bước. Rồi một tối kia chúng tôi tới một thành phố lớn. Nhà cửa xây bằng gạch đỏ, phố xá có vỉa hè lát bằng những hòn cuội nhọn. Chúng tôi đã đến Toulouse.

Hôm đó cũng như mọi khi việc đầu tiên chúng tôi lo lắng là tìm nơi thuận tiện để biểu diễn. Chúng tôi tìm được một con đường nhưng một viên cảnh sát bảo chúng tôi đi chỗ khác.

Mặc dù chủ tôi chỉ là một người làm trò thú nghèo và già, nhưng cụ có tự trọng của mình, không chịu đi. Viên cảnh sát quay lưng đi nhưng hôm sau lại tới, bước qua dây thừng quây thành rạp hát của chúng tôi vào đứng giữa lúc biểu diễn. Sự can thiệp này gây ra nhiều tiếng xì xào.

Rõ ràng là người ta ủng hộ cụ Vitalis. Họ chế giễu viên cảnh sát và thích thú với bộ dạng nhăn nhó của Joli - Coeur.

Viên cảnh sát không có vẻ một con người kiên nhẫn, đột ngột quay gót.

- Nếu ngày mai chó của ông không bị buộc mõm, tôi sẽ đưa ra tòa.

Ngày hôm sau tôi tới chỗ mọi khi chằng dây thừng. Chỉ vừa dạo lên vài nhịp đàn hác-pơ mọi người đã đổ xô đến từ tứ phía.

Viên cảnh sát cũng đến ngay sau đó. Joli -Coeur trông thấy trước tiên bèn hai tay chống nạnh, đầu ngửa ra sau, đi đi lại lại quanh tôi người cứng đờ, ngực ưỡn ra với một vẻ oai vệ rất là lố bịch.

Công chúng cười ồ lên và vỗ tay nhiều tràng dài. Viên cảnh sát chưng hửng, ném về phía tôi những cái nhìn giận dữ làm cho công chúng càng la ó thêm.

Bản thân tôi cũng muốn cười nhưng không dám. Viên cảnh sát cứ đi đi lại lại ngoài dây thừng. Tôi gọi Joli - Coeur nhưng nó không chịu vâng lời cứ tiếp tục đi như thế, cứ mỗi khi tôi muốn tóm lấy nó nó lại chạy thoát khỏi tay tôi. Viên cảnh sát cho là tôi kích động con khỉ, phăng phăng bước vào bên trong vòng dây thừng và ngay lập tức giáng cho tôi hai cái tát vẹo người.

Khi tôi đứng vững lại được, cụ Vitalis không hiểu bằng cách nào đã đứng giữa tôi và viên cảnh sát, nắm lấy cổ tay viên cảnh sát.

- Tôi cảm ông không được đánh thằng bé này.

Viên cảnh sát muốn giằng tay ra nhưng cụ Vitalis cứ nắm chặt lấy cổ tay hắn khiến hắn giận điên lên. Chủ tôi trông cao thượng tuyệt vời. Viên cảnh sát túm lấy cổ áo chủ tôi và dữ dằn đẩy cụ ra trước hắn. Cụ Vitalis tức quá đứng thẳng người lên đánh mạnh vào cổ tay viên cảnh sát để gỡ ra.

- Ông muốn gì chúng tôi nào? - Cụ Vitalis hỏi.

- Tôi muốn bắt cụ.

- Không cần thiết phải đánh thằng bé.

- Theo tôi!

Cụ Vitalis đã lấy lại được bình tĩnh; cụ không đáp lời hắn, nhưng quay lại tôi:

- Cháu về quán. Ở đây với lũ chó. Ông sẽ tin cho cháu sau.
Cụ không nói được gì thêm nữa vì viên cảnh sát đã lôi cụ đi.
Thế là tan cuộc biểu diễn.

Công chúng mau chóng tản đi; chỉ còn vài người ở lại bàn tán về những gì vừa xảy ra.

Tôi về quán rất lo lắng. Trong thời gian này tôi làm gì? Sống thế nào? Sống bằng gì? Chủ tôi có thói quen mang tiền trên người chưa kịp đưa cho tôi đồng nào. Tôi chỉ có vài xu trong túi.

Tôi trôi qua hai ngày như vậy trong lo lắng, không dám ra khỏi sân quán trọ, chỉ trông nom Joli - Coeur và lũ chó.

Cuối cùng đến ngày thứ ba có người mang đến cho tôi một lá thư của cụ Vitalis. Trong thư chủ tôi bảo họ cho cụ vào tù chờ thứ bảy sau đưa ra tòa tiểu hình về tội đã chống lại viên chức chính quyền.

Tôi đi nắm thêm tình hình, người ta nói tòa xử bắt đầu lúc mười giờ. Chín giờ sáng thứ bảy tôi là người đầu tiên vào phòng xử. Dần dần phòng đông lên. Tôi không hiểu gì về tòa án và pháp luật nhưng theo bản năng, tôi hãi hùng kinh khủng. Có vẻ như chúng tôi đang gặp nguy hiểm.

Tôi ngồi thu mình đằng sau chiếc lò sưởi..Chủ tôi không được đem ra xử đầu tiên. Bắt đầu là những người đã ăn cắp, đã đánh nhau, ai cũng nói là mình vô tội nhưng tất cả đều bị kết án. Cuối cùng cụ Vitalis ra ngồi trên ghế dài mà những người trước cụ đã ngồi, giữa hai tay hiến binh.

Những gì lúc đầu người ta hỏi cụ và cụ trả lời như thế nào tôi không biết gì hết. Tôi quá xúc động để nghe và để hiểu. Hơn nữa tôi không nghĩ đến nghe. Tôi cứ nhìn chủ tôi đứng thẳng, mái tóc dài bạc trắng hất ra sau trong thái độ một con người vừa hổ thẹn vừa đau buồn. Tôi nhìn vị quan tòa thẩm vấn cụ.

- Như vậy là cụ thừa nhận đã đánh nhiều lần viên cảnh sát bắt cụ?

- Không, thưa chánh tòa, chỉ có một lần thôi ạ, tôi gỡ ra khỏi cái siết chặt của ông ta. Khi tới nơi chúng tôi định biểu diễn tôi thấy ông cảnh sát tát thằng bé đi cùng với tôi.

- Thằng bé có phải con cụ không?

- Không, thưa chánh tòa, nhưng tôi yêu nó như con trai tôi. Khi thấy nó bị đánh, tôi đã để mình cả giận mất khôn, nắm chặt lấy bàn tay ông cảnh sát ngăn ông ta tiếp tục đánh nó nữa.

- Chính ông cũng đánh viên cảnh sát chứ gì?

- Khi ông này nắm vào cổ tay tôi tôi quên mất người lao vào tôi là ai và một động tác bản năng, không cố ý đã đưa tôi đi quá xa.

- Ở tuổi ông không thể để mình đi quá xa được.

- Không may là không phải người ta lúc nào cũng làm được những việc phải làm.

- Ta sẽ nghe đến ông cảnh sát.

Tay này kể lại những chuyện đã xảy ra, nhấn mạnh vào cách người ta chế giễu con người hấn hơn là cú bị đánh.

Trong khi tay cảnh sát khai với tòa cụ Vitalis đáng lẽ chú ý nghe thì lại nhìn quanh khắp gian phòng. Tôi hiểu cụ tìm tôi. Tôi bèn rời chỗ nấp, len lỏi giữa những người tò mò, lên hàng ghế đầu. Cụ nhìn thấy tôi và gương mặt buồn rầu của cụ sáng hẳn lên, tôi cảm thấy cụ sung sướng khi nhìn thấy tôi, nước mắt tràn mi tôi dù tôi cố kìm lại.

- Cụ chỉ nói có thể để bảo vệ mình thôi ư?

- Cuối cùng chủ tọa phiên tòa hỏi.

- Phần tôi tôi chẳng có gì để nói thêm cả, nhưng vì đứa bé mà tôi thương yêu thấm thiết sắp sửa tứ cố vô thân, vì nó, xin tòa rộng lượng để chúng tôi chỉ phải xa nhau trong thời gian ngắn nhất.

Tôi cứ tưởng người ta trả lại tự do cho chủ tôi, cụ sẽ không làm sao hết.

Một viên thẩm phán khác phát biểu vài phút, rồi đến chủ tọa phiên tòa, bằng giọng trang trọng, nói rằng người có tên Vitalis đã lãng mạ và có những hành động làm tổn thương đến nhân viên chính quyền, bị kết án hai tháng tù và bồi thường một trăm phrăng.

Qua hàng nước mắt tôi nhìn thấy cánh cửa qua đó cụ Vitalis đi vào nay lại mở ra, đằng sau cụ là một tay hiến binh, sau đó cửa đóng lại.

Hai tháng xa cách! Đi đâu bây giờ ?

Khi về tới quán trọ lòng tôi nặng trĩu, hai mắt hoe đỏ, tôi thấy ông chủ quán đã chờ tôi ở cửa.

- Thế nào, ông ta hỏi, chủ mày thế nào?

- Bị kết án hai tháng tù và bồi thường một trăm phrăng.

- Thế trong hai tháng này mày làm gì?

- Thưa ông, cháu không biết.

- À! Mày không biết? Mày có tiền tự nuôi thân và nuôi lũ vật này không? - Thưa ông không ạ.

- Thế mày trông vào tao để có chỗ ở chắc?

- Ô, không ạ. Cháu có trông vào ai đâu.

Lời tôi nói không gì thực bằng.

- Được đấy con ạ, mày nói đúng, chủ mày đã nợ tao quá nhiều rồi, tao không thể để mày nợ thêm nữa mà rút cục không chắc có được trả hay không. Mày phải đi thôi.

- Ông muốn cháu đi đâu ạ?

- Có phải việc của tao đâu, tao chẳng phải bố mày cũng không phải chủ mày, tao giữ mày làm gì? Tất nhiên mày phải để lại đây cái túi của chủ mày. Khi nào chủ mày ra tù sẽ đến đây lấy túi và thanh toán. Còn mày, mày làm gì chẳng tìm được cách kiếm sống. Đi đến những suối nước nóng ấy, kiếm tiền được đấy. Mày chỉ cần trở lại khi nào chủ mày ra.

Tôi cảm thấy có chông lại cũng vô ích. Tôi vào chuồng ngựa, tháo chó và Joli - Coeur, buộc chặt cái túi của mình, đeo dây chiếc đàn hác-pơ lên vai, đi ra khỏi quán.

Chủ quán đứng ở cửa.

- Nếu có thư tao sẽ giữ cho mày. - ông ta kêu to bảo tôi.

Tôi vội vàng đi khỏi thành phố này. Tôi chỉ có mười một xu. Tôi đã trở thành chủ gia đình, tôi, một đứa bé không gia đình, và tôi ý thức được trách nhiệm của mình.

Mười một xu của tôi không thể cho chúng tôi ăn cả bữa sáng lẫn bữa tối, chúng tôi đành dùng một bữa vào giữa trưa. Quán trọ nơi chúng tôi vừa bị đuổi ở ngoại ô Saint Michel trên đường đi Montpellier, lẽ tự nhiên là tôi theo con đường ấy.

Cuối cùng tôi thấy đã đủ xa Toulouse để không còn sợ nữa. Tôi vào hiệu bánh mì đầu tiên yêu cầu bán cho một pao rưỡi và trả họ tám xu. Tôi đi ra cắp chặt bánh mì dưới cánh tay. Tới cái cây đầu tiên gặp trên đường, chúng tôi yên vị, tôi chia đều chiếc bánh mì tròn ra cho năm chúng tôi.

Mặc dù bữa tiệc này không phải là một bữa tiệc sau đó cần một bài diễn văn, tôi vẫn thấy đã đến lúc cần nói với các bạn tôi một vài câu. Có lẽ Capi hiểu ý định của tôi vì nó cứ dán chặt đôi mắt thông minh và âu yếm của nó vào mắt tôi.

- Phải, các bạn ạ, tôi có một tin xấu báo cho các bạn đây. Chủ chúng ta phải xa chúng ta hai tháng. Việc này trước nhất làm cụ rất buồn, sau đến chúng ta cũng vậy. Cụ là người nuôi chúng ta sống, vắng cụ, chúng ta rơi vào tình cảnh kinh khủng. Chúng ta không có tiền.

Nghe thấy chữ tiền mà nó rất hiểu, Capi bèn đứng lên trên hai chân sau đi một vòng như vẫn đi quanh "củ tọa đáng kính" vậy.

- Mày muốn chúng ta biểu diễn chứ gì, tôi nói tiếp, quả đó là một lời khuyên tốt. Nhưng liệu chúng ta có thu được gì không? Tất cả là ở đó. Nếu chúng ta không thành công, tôi xin báo trước với các bạn là cả gia sản chúng ta chỉ có ba xu. Phải thất lưng buộc

bụng. Tình hình là như vậy đấy, tôi mong các bạn hiểu sự nghiêm trọng của nó, đem hết thông minh ra phục vụ xã hội chúng ta. Tôi đòi hỏi các bạn vâng lời và can đảm. Hãy trông cậy vào tôi, cũng như tôi trông cậy ở các bạn.

Nghỉ ngơi một lát tôi ra lệnh lên đường: phải kiếm một chỗ ngủ, kiếm bữa sáng mai, muốn vậy chúng tôi đành ngủ ngoài trời để tiết kiệm.

Sau khoảng một giờ đi bộ chúng tôi tới một ngôi làng xem ra phù hợp với việc thực hiện mục đích của tôi. Tôi trang điểm các kịch sĩ của mình, đi thành hàng ngũ chỉnh tề nhất có thể, tiến vào làng. Không may thiếu ống sáo của cụ Vitalis, thiếu cả cái oai vệ của cụ để làm mọi người phải nhìn. Tôi cũng lại không có dáng cao lớn và cái đầu diễn cảm của cụ, trên mặt tôi thể hiện nỗi lo lắng thì đúng hơn là sự tự tin.

Tới một bãi đất ở giữa có một cái máy nước dưới bóng mấy cây tiêu huyền, tôi lấy đàn hác-pơ ra dạo một khúc van-xơ. Nhạc rất vui, ngón tay tôi nhẹ nhàng nhưng lòng tôi buồn bã, tôi cảm thấy mình gánh trên hai vai một trọng lượng quá nặng.

Tôi bảo Zerbino và Dolce ra nhảy, chúng vâng lời ngay và ra nhảy theo nhạc. Nhưng chẳng ai buồn tới xem chúng tôi cả mặc dầu trên ngưỡng các cửa ra vào tôi nhìn thấy những người phụ nữ ngồi đan lát hoặc chuyện trò với nhau.

Tôi tiếp tục chơi đàn, Zerbino và Dolce tiếp tục nhảy. Hình như có người tiến lại gần chúng tôi, nếu một người đến thì sẽ có hai người, rồi mười, hai mươi người khác nữa.

Nhưng tha hồ tôi chơi, tha hồ Zerbino và Dolce nhảy, mọi người vẫn cứ yên vị trong nhà thậm chí chẳng thèm nhìn về phía chúng tôi nữa.

Thật tuyệt vọng! Có lẽ những người này không thích nhảy chẳng? Tôi bắt đầu hát khúc can-zô. Tôi thấy một người đàn ông mặc áo vét đội mũ phớt tiến đến gần chúng tôi. Tôi hát càng hăng hái.

- Này! - ông ta kêu lên. - Mà làm gì ở đây thế thằng nghịch ngợm này?

- Ông thấy đấy, tôi đang hát.

- Mà có giấy phép hát ở xã tao không?

- Không ạ.

- Thế thì cút nếu không tao đưa ra tòa bây giờ, thằng ăn mày xấu xa này. Tao là người gác đồng quê đây!

Người gác đồng quê!

Tôi lại đi trên con đường mà tôi đã đến.

Ăn mày! Tôi có đi xin ăn đâu: Tôi hát, tôi nhảy, đó là cách làm việc của tôi, tôi có làm gì xấu đâu!

Chỉ năm phút sau tôi đã ra khỏi cái thôn xóm kém hiểu khách này. Lũ chó theo tôi, đầu cúi xuống, hiểu là chúng tôi đã gặp chuyện không may.

Chúng tôi cứ theo con đường trắng trước mặt mà đi. Hết cây số này sang cây số khác, cho đến lúc những ánh hồng cuối cùng của mặt trời đang lặn đã biến mất khỏi bầu trời, chúng tôi vẫn chưa tìm thấy một chỗ nào có thể ngủ được.

Chúng tôi dừng chân bên một cánh rừng, nghỉ ngơi ở đó, Capi canh gác.

Ngày du hành đầu tiên thế này thật là xấu.

Chuyến đi ngày mai sẽ ra sao? Tôi đói và khát, mà chỉ còn có ba xu. Làm sao nuôi cả đoàn, nuôi bản thân tôi, và nếu ngày mai và cả những ngày tiếp theo nữa không tìm được cách biểu diễn? Chết đói cả hay sao?

Vừa lật đi lật lại những câu hỏi này tôi vừa nhìn những vì sao lấp lánh trên đầu trong bầu trời tối thẫm. Chúng tôi bơ vơ quá và bị bỏ rơi!

Tôi cảm thấy mắt mình ngập lệ rồi bỗng nhiên tôi òa khóc. Tôi khóc trong hai bàn tay, khóc không sao ngừng lại được và bỗng tôi cảm thấy một hơi thở âm ẩm lướt qua tóc mình: đó là Capi.

Tôi lấy hai cánh tay ôm lấy cổ nó và hôn lên cái mồm ẩm của Capi, nó bèn thốt lên hai ba tiếng rên nghẹn ngào, có lẽ nó cũng khóc với tôi.

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã sáng rõ và Capi ngồi trước mặt tôi, đang nhìn tôi, chim hót trên cành lá, mặt trời đã lên cao, chiếu xuống những tia nắng nóng làm ấm cả lòng người..Tôi đã quyết định: tiêu nốt ba xu rồi sau đó liệu sau.

Tới làng, chẳng cần hỏi thăm đâu là hiệu bánh mì, cái mũ chúng tôi đã đưa chúng tôi tới đó. Ba xu bánh mì chỉ đủ cho chúng tôi một bữa sáng còm cõi, nuốt quá nhanh chóng.

Sau đó tôi đi qua ngôi làng tìm xem có chỗ nào thuận tiện cho biểu diễn không.

Ý định của tôi là nghiên cứu địa phương trước đã, đến trưa mới quay về thử vận may. Tôi nhằm một nơi để chúng tôi tạm thu mình trong chóc lát ở vùng đồng quê bên cạnh, bên bờ một con sông đào. Chán nản xâm chiếm lòng chúng tôi, nhu cầu ăn trở nên thôi thúc. Phải tạo ra một công việc gì đó cho nó bận bịu.

Tôi nhớ lại cụ Vitalis bảo trong chiến tranh khi một trung đoàn hành quân lâu mệt mỏi, người ta chơi nhạc khiến binh lính quên cả mệt.

Tôi lấy đàn hác-pơ ra dạo một điệu nhảy rồi một khúc van-xơ. Lúc đầu các diễn viên của tôi xem chừng chưa sẵn sàng lắm, rõ ràng một mẩu bánh lúc này mới làm nên chuyện. Nhưng dần dần âm nhạc phát huy hiệu quả: chúng tôi quên mẩu bánh không có và tôi chỉ còn nghĩ đến chơi nhạc, lũ chó chỉ còn nghĩ đến nhảy mà thôi.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy giọng trong trẻo của một đứa trẻ reo lên: Hoan hô!

Một chiếc tàu dừng lại trên sông đào, mũ quay về phía bờ tôi đang đứng, hai con ngựa kéo nó dừng lại ở bờ bên kia. Đó là một chiếc tàu đặc biệt, tôi chưa trông thấy cái tàu nào giống thế bao giờ: nó ngắn hơn nhiều so với các xà-lan thường phục vụ việc đi lại trên sông, trên cầu tàu lại được xây một nhà cầu lấp kính. Phía

trước nhà cầu là một cái hiên có bóng mát của những cây leo che phủ. Cành lá cây móc vào chỗ này một tí chỗ kia một tí ở các vết cắt trên mái nhà rủ xuống từng chùm dây leo xanh mướt. Dưới cái hiên đó tôi trông thấy hai người: một phu nhân còn trẻ, vẻ quý phái và buồn buồn đang đứng và một cậu bé trạc tuổi tôi hình như đang nằm.

Có lẽ đó là thằng bé đã reo lên: Hoan hô!

Không còn ngạc nhiên nữa tôi nâng mũ cảm ơn cậu bé đã vỗ tay tôi Bà phu nhân hỏi với giọng người nước ngoài:

- Cháu chỉ vì thích mà chơi đàn đấy chứ?

- Dạ để làm cho các kịch sĩ của cháu diễn trò... với lại cũng để cho khuây khỏa.

Cậu bé ra hiệu và bà ta cúi xuống.- Cháu muốn tiếp tục chơi đàn nữa không?

- Bà ta hỏi.

- Xin chơi một điệu nhảy, và nếu cử tọa đáng kính muốn, tôi sẽ giới thiệu nhiều trò khác nữa giống như các tiết mục trong các rạp xiếc ở Paris.

Đó là một câu nói của chủ tôi, tôi cố gắng tuôn ra như cụ một cách cao quý. Tôi cầm lấy chiếc đàn hác-pơ và bắt đầu chơi một điệu van-xơ, lập tức Capi lấy hai tay ôm lấy mình Dolce và chúng bắt đầu nhảy theo nhạc. Sau đó Joli -Coeur nhảy một điệu sô-lô. Cứ thế chúng tôi trình diễn tất cả mọi tiết mục không biết mệt là gì. Các diễn viên hài kịch của tôi đều hiểu rằng người ta sẽ trả công cho nỗi khó nhọc của chúng bằng một bữa cơm, chúng làm việc không tiếc mình, cả tôi cũng vậy. Vừa chơi đàn vừa trông coi các diễn viên, thỉnh thoảng tôi lại nhìn cậu bé, có điều kỳ lạ là tuy có vẻ rất thích những trò biểu diễn của chúng tôi, nó vẫn cứ nằm bất động, chỉ động đậy hai bàn tay để vỗ tay tán thưởng chúng tôi mà thôi. Nó liệt chẳng?

Ngọn gió vô tình đã đưa chiếc tàu sát vào bờ nơi tôi đứng, và lúc này tôi nhìn cậu bé rõ như tôi ở ngay trên tàu vậy: tóc nó vàng,

mặt nó nhợt nhạt đến nỗi nhìn thấy cả những mạch máu xanh dưới làn da trong suốt.

- Trả tiền các cháu diễn như thế nào nhỉ? - Bà phu nhân hỏi.

- Tùy theo khán giả thích nhiều hay ít.

- Mẹ ơi, thế thì trả cho đất vào mẹ ạ. - Cậu bé nói.

Rồi nó nói thêm mấy lời bằng một thứ tiếng mà tôi không hiểu.

- Arthur muốn nhìn gần các diễn viên xem sao. - Bà ta bảo tôi.

Tôi ra hiệu cho lũ chó, chúng nhảy phóc xuống tàu. Joli - Coeur nhảy thì dễ rồi nhưng tôi không bao giờ tin ở nó: một khi lên tàu nó có thể giở những trò hề biết đâu không hợp với thị hiếu của bà quý phái thì sao?

- Con khi có dữ không? - Bà ta hỏi.

- Thưa bà không ạ, nhưng không phải lúc nào nó cũng vâng lời.

- Thế thì cháu hãy xuống tàu cùng với nó.

Nói xong bà ra hiệu cho một người đàn ông đứng ở phía sau gần bánh lái và lập tức người này đi ra phía trước, bắc một tấm ván lên bờ làm thành một cái cầu cho phép tôi lên tàu mà không phải nhảy liều nguy hiểm. Thế là tôi bước lên tàu một cách trang trọng, chiếc đàn hác-pơ trên vai và Joli - Coeur trong tay.

- Con khi! Con khi! - Arthur kêu lên.

Tôi đến gần cậu bé và trong khi nó nịnh nọt vuốt ve con khi tôi tha hồ ngắm nó.

Thật là lạ! Quả là nó bị buộc vào một tấm ván đúng như lúc đầu tôi đã nghĩ.

- Cháu có cha mẹ hay ít nhất là một ông chủ chứ? - Bà quý phái hỏi.

- Có ạ, nhưng lúc này cháu sống một mình, trong hai tháng.

- Ôi, chú bé đáng thương! Làm sao phải sống một mình lâu đến thế, ở tuổi cháu!

- Phải vậy ạ, thưa bà.

- Ông chủ có lẽ bắt cháu sau hai tháng phải đem về cho ông ta một món tiền chẵn?

- Không ạ, chỉ cốt đủ sống cùng gánh hát thôi ạ.

- Cho tới hôm nay cháu đủ sống chứ?

Tôi do dự trước khi trả lời. Tôi chưa bao giờ gặp một người đàn bà quý phái làm nảy sinh trong tôi một tình cảm tôn trọng như con người đang hỏi tôi đây. Bà hỏi tôi với biết bao lòng tốt, giọng bà sao mà dịu dàng, cái nhìn của bà sao mà nhã nhặn, thế là tôi quyết định nói sự thực.

Tôi kể cho bà nghe vì sao tôi phải xa cụ Vitalis và làm sao mà từ khi rời Toulouse tôi không sao kiếm nổi một xu.

Trong khi tôi nói chuyện Arthur chơi với lũ chó tuy vậy nó vẫn lắng nghe.

- Thế thì bọn anh hẳn đang đói lắm nhỉ. -Nó kêu lên.

Nghe thấy từ đói mà chúng hiểu rất rõ, lũ chó sủa ầm lên còn Joli - Coeur thì lấy tay xoa bụng một cách cuồng nhiệt.

- Ôi, mẹ ơi! - Arthur nói.

Bà quý phái hiểu ngay lời gọi đó là nghĩa thế nào, bà nói vài lời bằng tiếng nước ngoài với một người đàn bà vừa thò đầu ra khỏi cánh cửa hé mở và gần như ngay sau đó bà ta bưng ra một cái bàn trên đã dọn sẵn thức ăn.

- Ngồi xuống con. - Bà quý phái nói.

Tôi không để phải van nài lâu hơn, đặt đàn xuống, nhanh nhẹn ngồi ngay vào bàn; lũ chó ngồi quanh tôi theo thứ tự, Joli - Coeur thì ngồi trên đầu gối tôi.

- Lũ chó của anh có ăn bánh mì không? -Arthur hỏi.

Lại còn có ăn bánh mì hay không? Tôi cho mỗi con chó một mẩu bánh mì, chúng nhai ngấu nghiến.

- Còn con khi thì sao? - Arthur lại hỏi.

Nhưng chẳng cần phải hỏi han chăm lo đến nó: trong khi tôi cho lũ chó ăn nó đã chộp ngay một miếng vỏ pa-tê và đang nghẹn ở dưới gầm bàn.

Đến lượt tôi, tôi lấy một lát bánh mì, và nếu như tôi không nghẹn như Joli - Coeur thì tôi cũng ăn lấy ăn để như nó.

- Tội nghiệp chú bé. - Bà quý phái vừa nói vừa rót đầy cốc nước cho tôi.

- Nếu bọn anh không gặp chúng em thì sẽ ăn tối ở đâu? - Arthur hỏi.

- Thì sẽ nhịn ăn tối.

Arthur bèn quay về phía mẹ nó, hai mẹ con nói với nhau bằng tiếng nước ngoài, có vẻ như nó yêu cầu mẹ nó điều gì đó còn mẹ nó đưa ra vài ý kiến phản đối.

Đột nhiên bà bảo tôi:

- Cháu có đồng ý ở lại đây cùng chúng tôi không?

Tôi nhìn bà không trả lời vì câu hỏi này bất chợt quá đối với tôi.

- Trên tàu này ấy ạ?

- Phải. Con trai tôi bị ốm, bác sĩ yêu cầu buộc nó vào một tấm ván như cháu trông thấy đấy. Để nó khỏi buồn chán tôi đưa nó đi chơi trên chiếc tàu này. Cháu ở lại đây với chúng tôi.

Con khi và lũ chó của cháu sẽ biểu diễn cho Arthur xem. Còn cháu, nếu muốn, cháu sẽ chơi đàn hác-pơ. Như vậy cháu giúp chúng tôi, về phía chúng tôi, chúng tôi cũng có ích cho bọn cháu. Mỗi ngày cháu đỡ phải lo tìm công chúng, việc này đối với một đứa trẻ ở tuổi cháu không phải dễ dàng gì.

Sẽ được sống trên tàu, trên mặt nước, hạnh phúc nào bằng! Đó là ý nghĩ đầu tiên đập vào đầu óc tôi và làm cho nó sáng lóe lên. Thật là một giấc mơ!

Chỉ cần suy nghĩ vài giây là tôi đủ cảm thấy tất cả những gì khiến tôi sung sướng qua đề xuất này và người đưa ý kiến đó ra rộng lượng biết bao nhiêu! Tôi cầm lấy bàn tay bà quý phái mà hôn. Bà có vẻ cảm kích về sự thể hiện lòng biết ơn này và vuốt ve trán tôi một cách âu yếm.

Vì người ta yêu cầu tôi chơi đàn hác-pơ, vậy thì làm sao tôi có thể ơ thờ đối với việc làm thỏa lòng mong muốn của họ? Tôi cầm lấy cây đàn, đứng trước mũi tàu và bắt đầu chơi nhạc.

Cùng lúc đó bà quý phái đưa một chiếc còi bằng bạc lên miệng và thổi lên một tiếng chóc tai.

Tôi lập tức ngừng đàn. Arthur đoán ra nỗi lo lắng của tôi.

- Mẹ thổi còi để cho hai con ngựa lại tiếp tục đi đấy.

Quả thật con tàu nay đã xa bờ đang bắt đầu lướt trên làn nước lặng lẽ của con sông đào do ngựa kéo đi. Sóng vỗ vào thân tàu, hai bên đường cây cối chạy ngược lại chúng tôi, mặt trời đang lặn chiếu những tia nắng xiên nghiêng làm chúng sáng lên.

- Anh chơi đàn đi chứ? - Arthur bảo.

Và gật đầu làm hiệu gọi mẹ lại gần, nó nắm lấy tay mẹ và giữ bàn tay mẹ trong tay mình suốt thời gian tôi chơi những bản nhạc mà chủ tôi đã dạy tôi.

CHƯƠNG 4 : NGƯỜI BẠN ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Mẹ Arthur là người Anh, tên là bà Milligan.

Bà góa chồng và ngay sau đó tôi được biết bà còn một cậu con trai lớn nữa nhưng đã mất tích trong hoàn cảnh rất bí mật, đúng vào lúc ông Milligan hấp hối, bà thì đang ốm nặng. Khi bà hồi phục thì chồng đã chết, con mất tích. Cuộc tìm kiếm được ông James Milligan, em trai ông Milligan điều hành. Nhưng ông James Milligan lại có quyền lợi ngược với bà chị dâu. Thực vậy, nếu ông Milligan chết không con cái ông ta sẽ trở thành người thừa kế của anh mình.

Tuy nhiên ông James Milligan không thừa kế được, vì bảy tháng sau cái chết của ông Milligan, bà Milligan sinh hạ cậu bé Arthur.

Nhưng các bác sĩ tuyên bố đứa bé ốm yếu này không sống được. Đã hai chục lần tưởng nó chết nhưng rồi hai chục lần nó lại được cứu sống. Thời gian gần đây người ta phát hiện ở nó một bệnh quái ác gọi là lao khớp háng. Để điều trị chứng này bác sĩ ra lệnh chữa bằng nước có lưu huỳnh cho nên bà Milligan mới đến vùng núi Pyrénées. Nhưng sau khi chữa bằng nước lưu huỳnh không ăn thua, người ta thử một cách điều trị khác: bệnh nhân phải nằm không được đứng dậy.

Lúc đó bà Milligan mới đặt đóng một chiếc tàu ở Bordeaux, chiếc tàu mà tôi đã đặt chân lên.

Bà không thể nghĩ tới chuyện để con nằm như thế trong nhà, nó sẽ chết vì buồn chán. Người ta biến con tàu thành một căn nhà nổi, có phòng ngủ, bếp, phòng khách và hiên. Tùy theo thời tiết mà Arthur nằm ở phòng khách hay cái hiên này, có mẹ bên cạnh. Chỉ cần mở mắt ra là nó nhìn thấy cảnh vật diễu qua.

Ngày xuống tàu tôi chỉ biết có mỗi phòng ngủ của tôi trên tàu Thiên Nga này. Mặc dù nó bé xiu, đây là cái ca-bin đẹp nhất mà trí tưởng tượng thơ ngây của tôi có thể ước mơ.

Cửa sổ khoét vào vỏ tàu, có thể đóng lại bằng một cửa kính tròn, vừa chiếu sáng vừa làm thoáng căn phòng. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một căn phòng xinh xắn sạch sẽ đến thế, tường được lát bằng gỗ lãnh sam đánh véc-ni, trên sàn trải tấm bạt đánh xi kẻ ô đen trắng.

Nhưng không phải chỉ cặp mắt là thích thú.

Khi nằm trên giường tôi có một cảm giác thoải mái hoàn toàn mới lạ, lần đầu tiên những chiếc khăn trải giường xoa dịu da tôi chứ không phải cào vào người tôi.

Tuy ngủ rất ngon trong chiếc giường ấm cúng ấy, ngay từ sáng sớm tôi đã trở dậy vì lo lắng không hiểu các kịch sĩ của tôi qua đêm ra sao.

Tôi thấy tất cả nằm đúng vào vị trí mà đêm qua tôi đặt chúng vào, chúng đang ngủ say sưa như đã từ nhiều tháng nay sống trên con tàu này rồi. Khi tôi lại gần, lũ chó tỉnh dậy, vui vẻ đến bên tôi để được tôi vuốt ve buổi sáng. Joli -Coeur, bằng một động tác kịch câm, giải thích là nó sẵn sàng lên mặt đất.

Ông thủy thủ đường sông hôm qua đứng gần bánh lái cũng đã dậy và lo việc cọ rửa cầu tàu.

Ông bác tám ván lên bờ và thế là tôi và cả đoàn kịch nghệ của tôi đi lên bãi cỏ trên mặt đất.

Đùa nghịch với lũ chó và Joli - Coeur, nào chạy, nào trèo cây, thời gian trôi thật nhanh. Khi chúng tôi trở lại, ngựa đã được móc vào tàu và buộc vào một cây dương trên con đường kéo tàu: chúng chờ tiếng còi để ra đi.

Tôi xuống tàu, vài phút sau người ta thả dây buộc tàu vào bờ ra, người thủy thủ đứng vào sau tay lái, người kéo tàu cưỡi lên ngựa, chiếc ròng rọc dây kéo luôn qua đó kêu lên kèn kẹt; chúng tôi lên đường.

Sung sướng biết bao được đi chơi trên tàu!

Ngựa phi nước kiệu trên bờ không hề cảm thấy động đậy gì thể mà chúng tôi cứ lướt nhẹ trên mặt nước, hai bên bờ có rừng cây lùi lại sau chúng tôi, chẳng còn nghe thấy gì hết ngoài tiếng nước xoáy vào lòng tàu, tiếng nước vỗ hòa lẫn với tiếng leng keng của chiếc nhạc buộc vào cổ ngựa.

Tôi đang chăm chú chiêm ngưỡng cảnh vật thì có tiếng gọi đằng sau. Đó là Arthur, người ta đã mang nó ra ngoài cùng với tám ván, mẹ nó ở bên cạnh.

- Anh ngủ có ngon không? - Arthur hỏi tôi.

Tôi đến gần, tìm lời lẽ phép nói với bà mẹ và cả cậu bé.

Bà Milligan đặt con vào nơi không có ánh nắng chiếu vào và ngồi xuống cạnh nó.

- Cháu ra chỗ khác nhé, chúng tôi sắp học đây.

Tôi làm theo yêu cầu và đi ra mũi tàu.

Tôi thấy Arthur học thuộc lòng một bài học mà mẹ nó đọc từ trong sách ra. Nằm dài trên ván, không cử động, nó lặp lại hay nói đúng hơn, cố gắng lặp lại, vì nó ngắc ngư kinh khủng và khó lòng nói trôi chảy được lấy ba từ, thường thường là nhầm. Mẹ nó bắt nó học lại từ đầu, rất dụi dàng nhưng cũng rất cương quyết.

- Con không thuộc bài ngụ ngôn rồi. - Bà nói. - Hôm nay con vấp nhiều lỗi hơn hôm qua.

- Con đã cố học... Con ốm mà...

- Mẹ không bằng lòng con không học hành gì cả, lấy lý do ốm con sẽ lớn lên trong ngu dốt.

Bà Milligan có vẻ rất nghiêm khắc tuy vậy bà nói mà không giận dữ, giọng rất dụi dàng.

- Con không học được mẹ ạ, con đoán chắc như vậy.

Và Arthur bật khóc..Nhưng bà Milligan không bị những giọt nước mắt làm lung lay mặc dầu bà tỏ ra xúc động.

- Con chỉ được chơi sau khi đã học thuộc bài.

Nói xong bà đưa quyển sách cho Arthur rồi đi vào trong tàu. Ngay lập tức Arthur bắt đầu đọc câu chuyện ngụ ngôn, từ chỗ tôi, tôi thấy môi nó động đậy. Rõ ràng là nó đang chuyên tâm vào học. Nhưng sự chuyên tâm này kéo dài chẳng được bao lâu, nó ngược mắt lên khỏi quyển sách, môi chỉ mấp máy chậm chậm. Rồi nó không đọc cũng chẳng nhắc lại nữa. Đôi mắt nó lang thang đây đó, gặp mắt tôi. Tôi ra hiệu bảo nó học đi. Nó cười với tôi, mắt lại nhìn vào quyển sách. Nhưng chẳng mấy chốc mắt nó lại ngược lên nhìn từ bờ nọ sang bờ kia sông.

Tôi lại gần.

- Em không học được, nó nói, mặc dầu em muốn lắm.

- Bài ngụ ngôn này có gì là khó đâu.

- Ô, ngược lại là khác, nó rất khó.

- Anh thấy nó rất dễ chỉ nghe mẹ em đọc anh đã hầu như thuộc rồi.

Nó cười nghi ngờ.

- Để anh đọc cho em xem.

Tôi cầm lấy quyển sách bắt đầu đọc thuộc lòng mà chỉ phải nhìn vào sách ba bốn lần.

- Ô, anh thuộc ư? - Nó kêu lên. - Anh làm thế nào vậy?

- Anh nghe mẹ em đọc nhưng vừa nghe vừa chú ý không nhìn những cái gì diễn ra xung quanh anh.

Nó đỏ mặt quay đi và sau một lát hổ thẹn, nó nói:

- Em hiểu, em cũng đã cố nghe như anh, nhưng làm sao để nhớ lại tất cả mọi từ?

- Truyện ngụ ngôn này nói về cái gì nào?

Tôi nói. - Về một con cừu chứ gì. Anh nghĩ đến những con cừu. Sau đó anh nghĩ đến chúng làm gì. "Những con cừu sống yên ổn trong bãi quây của chúng". Anh nhìn thấy chúng đang nằm và ngủ trong bãi quây và thế là anh không quên nữa.

- Phải đấy, nó nói, em cũng nhìn thấy chúng: cừ trắng có cừ đen có, cả những con cừ cái, cừ con. Em nhìn thấy cả cái bãi quây nữa, có rào chung quanh.

- Thế thì em không quên nữa chứ?

- Ô! Không.

- Bình thường con gì giữ cừ nào?

- Những con chó.

- Thế khi cừ được an toàn thì chó làm gì nào?

- Chẳng làm gì cả.

- Chúng có thể ngủ. Ta nói "Những con chó ngủ".

- Đúng vậy, dễ thật.

- Phải không nào? Bây giờ ta nghĩ đến chuyện khác. Cùng với lũ chó còn có ai giữ cừ nữa không?

- Người chăn cừ.

- Nếu những con cừ đang an toàn người chăn cừ không có việc gì phải làm thì anh ta dùng thời gian làm gì?

- Thối sáo - Em có nhìn thấy không?

- Có. Anh ta ngồi dưới bóng mát một cây du non, cùng với những người chăn cừ khác.

- Vậy thì, nếu em trông thấy cừ, thấy bãi quây, những con chó, người chăn cừ rồi, em có thể đọc thuộc lòng bài ngụ ngôn từ đầu mà không lỗi không?

- Có lẽ có thể.

- Thử xem nào.

Sau vài phút lưỡng lự, nó bắt đầu đọc:

- Những con cừ nằm an toàn trong bãi quây, lũ chó ngủ, và người chăn cừ, dưới bóng mát một cây du non, đang thối sáo với những người chăn cừ láng giềng.

Thế là nó vỗ hai tay vào nhau, kêu lên:

- Tôi thuộc rồi!

- Thế em có muốn học phần cuối của bài ngữ ngôn theo như cách đó không?

- Có. Mẹ em sẽ hài lòng.

Thế là chưa đến mười lăm phút nó đã thuộc lòng bài ngữ ngôn và đang đọc lầ lầ không hề ngắt ngữ thì vừa lúc mẹ nó chợt tới sau chúng tôi. Lúc đầu mẹ nó tưởng chúng tôi gần nhau để chơi, nhưng Arthur không để cho bà nói đến hai câu.

- Con thuộc bài rồi, nó kêu lên, chính anh ấy dạy con học.

Bà Milligan nhìn tôi rất ngạc nhiên khi Arthur lên tiếng đọc thuộc bài Chó sói và con cừ non.

Nó đọc với một vẻ thắng lợi và vui mừng, không hề ngập ngừng. Tôi nhìn bà Milligan. Khuôn mặt bà rạng rỡ lên với một nụ cười rồi hình như mắt bà ươn ướt nhưng lúc này bà cúi xuống hôn con trai một cách trù mến.

- Những từ, Arthur nói, chẳng nghĩa lý gì, nhưng người ta nhìn thấy mọi thứ và Rémi đã làm con nhìn thấy người chăn cừu với ống sáo, con nghe thấy cả điệu nhạc mà anh ta thổi sáo nữa.

Bà Milligan khóc, khi bà đứng lên tôi thấy trên má con trai có nước mắt của bà. Bà lại gần tôi, cầm lấy tay tôi và siết tay tôi một cách dịu dàng đến nỗi tôi vô cùng cảm động.

- Cháu là cậu con trai tốt quá đi mất. - Bà nói.

Sở dĩ tôi kể lại sự kiện này là để mọi người hiểu được sự thay đổi của vị trí tôi kể từ ngày hôm đó. Tối hôm qua người ta còn coi tôi là một người làm trò với chó để mua vui cho đứa con đau ốm nhưng bài học vừa rồi đã tách tôi ra khỏi lũ vật và tôi bỗng trở thành một người bạn, gần như một người bạn thân của gia đình.

Lúc này khi tôi nhớ lại những ngày trôi qua bên cạnh bà Milligan và Arthur, tôi thấy đó là những ngày đẹp nhất trong cả thời thơ ấu của tôi.

Arthur kết bạn với tôi vô cùng nhiệt tình, về phía tôi tôi cứ để buông trôi như thế và do ảnh hưởng của thiện cảm tôi coi nó

như một đứa em, chúng tôi không bao giờ cãi nhau, nó không bao giờ tỏ ra trịch thượng do vị trí xã hội của mình còn tôi tôi cũng không bao giờ tỏ ra lúng túng dù chỉ là một chút xíu.

Tất cả những điều này là do tuổi tôi và sự ngu dốt của tôi đối với cuộc đời và cũng nhờ sự tế nhị và lòng tốt, bà Milligan thường nói với tôi như với một đứa con.

Cuộc du hành thật tuyệt diệu đối với tôi, không một phút mệt mỏi hay chán nản, suốt từ sáng đến chiều giờ nào cũng có việc.

Nếu quang cảnh hay hay thì cả ngày chúng tôi chỉ đi được vài dặm, nếu quang cảnh đơn điệu chúng tôi đi nhanh hơn.

Vào giờ nhất định cơm được dọn ra ngoài hiên và vừa ăn chúng tôi vừa yên lặng theo dõi cảnh quan di động hai bên bờ.

Khi mặt trời lặn, chúng tôi dừng lại.

Không lúc nào chúng tôi biết đến những giờ ăn không ngồi rồi lúc chiều tối, những giờ mà người du hành luôn cảm thấy dài dặc và buồn bã. Những giờ này, ngược lại, đối với chúng tôi lại quá ngắn ngủi, giờ đi ngủ đến bất chợt vào đúng lúc chúng tôi chẳng nghĩ đến ngủ chút nào.

Tàu dừng lại mà trời lạnh thì chúng tôi giam mình trong phòng khách, sau khi đốt một ngọn lửa nhỏ cho đỡ ẩm thấp và đỡ sương mù, người ta mang đèn đến, đặt Arthur trước bàn, tôi ngồi bên cạnh nó, bà Milligan cho chúng tôi xem những sách tranh hay những bức ảnh. Bà cũng kể cho chúng tôi nghe các truyện truyền thuyết, các sự kiện lịch sử liên quan đến đất nước mà chúng tôi đang đi qua.

Phần tôi, buổi tối nào đẹp trời, tôi ôm chiếc đàn lên bờ đứng hơi xa xa sau một cái cây, hát tất cả những bài hát mà tôi biết, chơi tất cả những khúc nhạc mà tôi thuộc. Đối với Arthur được nghe nhạc trong đêm khuya tĩnh lặng không nhìn thấy người chơi đàn là một niềm vui lớn.

Thật là một cuộc đời êm dịu và sung sướng đối với một đứa trẻ chỉ vừa rời mái nhà tranh của má Barberin để đi theo những con đường lớn của xi-nho Vitalis.

Đã hai lần tôi tưởng như những sợi dây ràng buộc tôi với những người thân yêu nhất phải tan vỡ, phải kết thúc: lần đầu khi tôi bị rút ra khỏi mái Barberin, lần thứ hai phải xa cách cụ Vitalis, cả hai lần tôi đều thấy mình trơ trọi trên cõi đời này, không nơi nương tựa, không người nâng đỡ chỉ có lũ vật làm bạn.

Ấy thế mà trong cảnh cô đơn tuyệt vọng tôi lại tìm thấy một người tỏ ra triu mến tôi, mà tôi không được phép yêu: một người đàn bà xinh đẹp, dịu dàng, âu yếm; một đứa bé đối xử với tôi như em đối với anh. Thật vui sướng, thật hạnh phúc đối với một trái tim luôn khao khát yêu thương không biết bao nhiêu mà kể như tim tôi.

Tôi phải sung sướng chứ, mà thực tế tôi sung sướng thật. Thời gian trôi đi rất mau, đã tới lúc chủ tôi ra tù. Tôi vừa vui mừng đồng thời vừa bối rối.

Càng xa Toulouse bao nhiêu ý nghĩ này càng giày vò tôi bấy nhiêu. Đi thuyền như thế này thì thích thật nhưng lại phải đi bộ quay về suốt chặng đường đã trôi qua trên mặt nước. Nhất là phải xa bà Milligan và Arthur, từ bỏ lòng thương mến của họ, mất họ nữa. ý nghĩ này là bóng mây duy nhất trong những ngày xán lạn này.

Một hôm tôi quyết định báo cho bà Milligan biết và hỏi bà theo bà thì mất bao nhiêu ngày để chúng tôi trở về Toulouse vì tôi muốn có mặt ở cổng nhà tù đúng lúc chủ tôi bước ra.

Nghe nói đến ra đi Arthur kêu lớn:

- Tôi không muốn Rémi đi!

Tôi trả lời là tôi không được tự do, tôi thuộc về chủ tôi và tôi phải trở về làm việc với cụ.

- Mẹ ơi, phải giữ Rémi lại. - Arthur nói tiếp.

- Mẹ thì mẹ rất sung sướng được giữ Rémi, bà Milligan nói, con đã kết bạn với anh ấy rồi mà, mẹ cũng rất mến anh ấy, nhưng muốn giữ anh ấy lại cần hai điều kiện: Việc đầu tiên là Rémi phải muốn ở cùng chúng ta đã...

- À! Rémi thì muốn lắm chứ. - Arthur ngắt lời.

- Việc thứ hai, bà Milligan nói tiếp không đợi tôi trả lời, là chủ anh ấy từ bỏ quyền giữ anh ấy.

Dĩ nhiên cụ Vitalis là một người chủ tốt đối với tôi rồi và tôi biết ơn sự săn sóc cũng như những bài học của cụ, nhưng không thể so sánh cuộc đời sống bên cụ với cuộc đời mà bà Milligan đề nghị với tôi.

- Trước khi trả lời, bà Milligan nói tiếp, Rémi phải suy nghĩ đã. Mẹ không đề nghị một cuộc sống chỉ vui, chỉ đi chơi mà là một cuộc sống lao động. Phải học, phải theo Arthur trong học hành, phải cân nhắc lợi hại so với cuộc sống tự do trên những con đường lớn.

- Thưa bà, tôi nói, có gì mà phải cân nhắc, cháu đảm bảo với bà như vậy, cháu thấy ngay giá trị lời đề nghị của bà là thế nào.

- Đấy mẹ xem! - Arthur reo lên. - Rémi muốn mà.

- Bây giờ, bà Milligan nói tiếp, ta cần phải có được sự thỏa thuận của chủ anh ấy, vì vậy mẹ sẽ viết thư cho cụ để cụ gặp chúng ta ở Cette vì chúng ta không thể quay lại Toulouse được. Mẹ sẽ gửi tiền tàu xe và giải thích cho cụ tại sao chúng ta không thể đi tàu hỏa. Mẹ mong cụ sẽ tới theo lời mời của chúng ta. Nếu cụ chấp nhận những đề nghị của mẹ, mẹ vẫn còn phải thỏa thuận với cha mẹ Rémi nữa, họ phải được hỏi ý kiến.

Mấy lời sau cùng này làm tôi cay đắng trở lại thực tế đau buồn từ giấc mơ mà tôi đang bay bổng.

Sự thật thế là bùng nổ. Tôi rụng rời. Bà Milligan nhìn tôi ngạc nhiên muốn tôi nói ra nhưng tôi không dám trả lời những câu hỏi của bà. Bà lại tưởng tôi lo lắng về việc chủ tôi sắp tới nên không gặng hỏi nữa.

May thay đã sắp đến giờ đi ngủ tôi có thể vào buồng suy nghĩ và sợ hãi. Và sau khi đã nghĩ đi nghĩ lại hàng trăm lần cùng một ý nghĩ, sau khi đã chấp nhận biết bao cách giải quyết mâu thuẫn lẫn nhau, tôi dừng lại ở cách thuận tiện nhất: để mặc nó đến đâu thì đến, cái gì đến với tôi tôi đành chấp nhận.

Ba ngày sau khi gửi thư đi bà Milligan nhận được trả lời. Cụ Vitalis viết vài dòng nói là rất hân hạnh được đến theo lời mời của bà, thứ bảy sau cụ sẽ đến trên chuyến tàu hai giờ chiều.

Tôi xin phép bà Milligan ra ga, đem theo lũ chó và Joli - Coeur. Chúng tôi đợi tàu đến.

Bọn chó đứng ngòai không yên, chúng cảm thấy có cái gì đó, còn tôi, tôi vô cùng xúc động.

Trong tâm hồn dốt nát của tôi bao đấu tranh mâu thuẫn với nhau đang diễn ra.

Chính lũ chó báo cho tôi biết tàu đã đến và đánh hơi thấy chủ tôi. Bỗng nhiên tôi thấy mình bị kéo đi và vì không chuẩn bị, chúng thoát khỏi tay tôi. Chúng chạy và sủa lên mừng rỡ, ngay lập tức tôi thấy chúng nhảy quanh cụ Vitalis vừa xuất hiện trong trang phục mọi khi. Nhanh hơn các bạn, Capi lao vào vòng tay chủ tôi trong khi Zerbino và Dolce bám riết vào chân cụ. Đến lượt tôi tiến tới, cụ Vitalis đặt Capi xuống đất ôm siết lấy tôi trong hai cánh tay và lần đầu tiên vừa ôm hôn tôi vừa nhắc đi nhắc lại:

- Tội nghiệp, con yêu dấu tội nghiệp của ta.

Chủ tôi vốn không phải người khắc nghiệt nhưng cũng không bao giờ thích vuốt ve mơn trớn, tôi không quen với những thể hiện tình cảm yêu thương trìu mến như thế nên cảm động quá, mắt tôi ngập lệ.

Tôi thấy cụ già đi trong nhà tù, lưng còng xuống, mặt xanh xao.

- Con thấy ông thay đổi, đúng không? Nhưng bây giờ thì sẽ khá lên thôi.

Rồi cụ đổi đề tài:

- Bà mà viết thư cho ông đó, con biết bà ta trong hoàn cảnh nào.

Tôi kể lại cụ nghe chuyện gặp gỡ của chúng tôi. Tôi kể thật dài vì sợ đến hồi kết thúc phải đề cập tới vấn đề làm tôi đang hết hồn vì từ lúc này không bao giờ tôi có thể nói với chủ tôi là tôi muốn ở lại với bà Milligan nữa. Nhưng tôi chưa phải thú nhận chuyện này, kể chưa xong thì chúng tôi đã tới khách sạn bà Milligan ở. Hơn nữa cụ Vitalis cũng không nói gì với tôi về bức thư của bà Milligan, cũng không nói tới những lời đề nghị mà bà sẽ phải nói với cụ.

- Cho ông biết số buồng của bà ấy còn con ở lại đây với lũ chó và Joli - Coeur.

Tại sao cụ Vitalis không muốn tôi tham dự cuộc nói chuyện với bà Milligan? Chưa tìm được câu trả lời thì tôi đã thấy cụ quay về.

- Con đến tạm biệt bà đi, cụ bảo tôi, mười phút nữa ta sẽ đi.

Tôi ngần ngừ, mặc dầu cảm giác về quyết định đó làm tôi ngã ngửa.

- Thế ra con chưa hiểu sao? - Cụ nói.

Chưa bao giờ cụ có thói quen nói xẵng với tôi. Tôi đứng dậy.

- Cụ nói là... - tôi hỏi.

- Là con có ích đối với ông, ông cũng có ích với con, và ông không muốn bỏ con.

Vào buồng bà Milligan tôi thấy Arthur đang khóc còn mẹ nó đang cúi xuống an ủi nó.

- Rémi, có phải anh không đi không? - Arthur kêu lên.

Bà Milligan trả lời thay tôi, giải thích là tôi phải vâng lời.

- Chủ cháu thực sự yêu thương cháu Rémi ạ, cháu giúp ích được cho cụ nhiều. Hơn nữa lời cụ nói là lời của một con người lương thiện. Cụ nói như thế này để cắt nghĩa lời từ chối của mình: "Tôi yêu thằng bé này, nó cũng yêu tôi, bài học khắc nghiệt của

trường đời học được ở bên tôi đối với nó sẽ có ích hơn tình trạng đầy tớ giả danh mà bà dành cho nó dù bà không muốn. Bà sẽ đem lại cho nó học vấn, giáo dục, tạo nên trí tuệ nó nhưng không tạo được tính cách cho nó. Nó không thể là con trai bà. Nó sẽ là con tôi. Tôi, tôi cũng sẽ dạy dỗ cháu." - Con không muốn Rémi đi! - Arthur kêu lên.

- Nhưng anh ấy phải đi. - Mẹ nó trả lời.

Tôi bèn lại gần Arthur, ôm nó trong tay và hôn nó nhiều lần, đặt trong những cái hôn đó tất cả tình cảm của tôi đối với nó. Rồi, rút ra khỏi cái siết chặt của nó tôi tới chỗ bà Milligan, cầm lấy bàn tay bà mà hôn..Bà hôn tôi trên trán. Thế là tôi đứng ngay lên và chạy ra cửa:

- Arthur, anh sẽ yêu em mãi mãi! - Tôi vừa nói vừa thỏ thẻ làm giọng tôi bị ngắt quãng.

- Còn bà, thưa bà, cháu sẽ không bao giờ quên bà!

- Rémi! Rémi! - Arthur kêu.

Nhưng tôi không nghe thêm nữa, tôi đã chạy ra ngoài.

Một phút sau tôi ở bên chủ tôi.

- Lên đường! - Chủ tôi nói.

CHƯƠNG 5 : TUYẾT VÀ CHÓ SÓI

Lại phải theo gót bước chân chủ tôi đi dọc theo những con đường lớn, dây đàn đeo căng trên chiếc vai đau. Lại phải làm trò ở những nơi công cộng, phải cười phải khóc để mua vui cho "cử tọa đáng kính".

Sự chuyển tiếp này khá ngặt nghèo vì bao giờ người ta cũng thường mau quen với sung túc, với hạnh phúc. Tôi có những chán ngán, buồn nản và mệt nhọc chưa từng cảm thấy trước khi được sống cuộc đời của những người sung sướng trên thế gian này trong hai tháng êm đềm vừa qua.

Trong những chuyến đi bộ dài dằng dặc như vậy, nhiều lần tôi tụt lại sau để mặc sức nghĩ đến Arthur, đến mẹ nó, đến tàu Thiên Nga, cho tâm tưởng trở về sống với quá khứ.

May thay trong nỗi buồn của tôi lại có một niềm an ủi: chủ tôi dịu dàng hơn nhiều, trước đây chưa từng thấy bao giờ. Về mặt này tính tình cụ có thay đổi lớn, hoặc ít nhất là trong cách đối xử với tôi. Điều này nâng đỡ tôi nhiều, tôi cảm thấy mình không đến nỗi cô đơn trong cuộc đời.

Sau khi từ Cette ra đi, rất nhiều ngày chúng tôi không nói tới bà Milligan và thời kỳ tôi sống trên tàu Thiên Nga; nhưng dần dà đề tài này xuất hiện trong những cuộc chuyện trò giữa chúng tôi, bao giờ chủ tôi cũng là người đầu tiên đề cập tới và chẳng mấy chốc không ngày nào tên bà Milligan không được nhắc tới.

- Con yêu bà ấy lắm hả? - Cụ Vitalis bảo tôi. - ông hiểu điều đó lắm, bà ấy thật tốt với con. Không phải con chỉ nghĩ đến bà ấy vì lòng biết ơn mà thôi đâu.

Rồi cụ thường nói thêm:

- Phải như vậy thôi.

Lúc đầu tôi không hiểu, nhưng dần dần tôi đi đến tự bảo phải như vậy có nghĩa là phải từ chối lời đề nghị của bà Milligan muốn giữ tôi ở lại với bà. Hẳn đó là điều chủ tôi nghĩ khi nói "Phải như vậy thôi" và hình như trong mấy chữ này có chút gì luyến tiếc.

Mỗi lần đến một thành phố nào đó, nơi đầu tiên tôi đi thăm đều là kè sông và cầu, tôi tìm tàu Thiên Nga. Khi nào thấy một con tàu một nửa chìm trong sương mù mờ mịt tôi lại đứng chờ.

Nhưng không phải nó.

Thỉnh thoảng tôi mạnh dạn hỏi thăm các thủy thủ, tôi mô tả con tàu, nhưng họ không nhìn thấy.

Chúng tôi ở Lyon nhiều tuần lễ, khi nào có thời gian cho riêng mình tôi lại ra kè sông Rhône và sông Saône. Nhưng dù cho có tìm hoài tôi cũng chẳng thấy tàu Thiên Nga đâu cả.

Đã đến lúc phải rời Lyon để đi Dijon, tôi bắt đầu cảm thấy không còn hy vọng nào gặp lại bà Milligan và Arthur nữa, vì ở Lyon tôi đã nghiên cứu mọi bản đồ nước Pháp tìm được trên giá các quầy bán sách, tôi biết con sông đào chính mà tàu Thiên Nga đi theo để tới sông Loz tách khỏi sông Saône ở Chalon.

Chúng tôi tới Chalon rồi lại ra đi mà không gặp tàu Thiên Nga, đành từ bỏ ước mơ. Phải làm điều này tôi không khỏi buồn ghê gớm.

Để làm cho nỗi thất vọng của tôi tăng thêm, đúng lúc này thời tiết trở nên rất xấu, mùa đông đã tới, đi bộ dưới mưa, trong bùn ngày càng khó khăn. Buổi tối khi tới một cái quán tồi tàn hay một vựa thóc, nhào người ra vì mệt, nước mưa ngấm vào tận áo sơ mi, bùn lấm đến tận chân tơ kẽ tóc, tôi không thể nào đi ngủ với những ý nghĩ tươi vui được.

Khi rời Dijon, chúng tôi đi qua dãy đồi Bờ Vàng thì chợt gặp một trận lạnh ảm làm chúng tôi rét thấu xương, Joli - Coeur còn buồn bực cáu kỉnh hơn cả tôi nữa.

Mục đích của chủ tôi là đi đến Paris càng nhanh càng tốt bởi vì chỉ có ở đó chúng tôi mới có cơ hội biểu diễn trong mùa đông.

Nhưng vì túi tiền có hạn không đi tàu hỏa được chúng tôi đành đi bộ suốt chặng đường.

Cho tới Chation mọi việc vẫn tạm xuôi chiều, nhưng khi rời thành phố này mưa tạnh và gió quay về hướng bắc. Bầu trời kéo đầy mây biểu hiện sắp có tuyết.

Tuy nhiên chúng tôi đã tới được một ngôi làng lớn mà không gặp tuyết, nhưng ý chủ tôi là phải đến Troyes cho thật nhanh bởi vì Troyes là một thành phố lớn có thể biểu diễn vài buổi được nếu như vì trời xấu mà phải trú chân tại đó.

- Con đi ngủ sớm đi, cụ bảo tôi ngay sau khi chúng tôi ổn định chỗ ở trong quán, mai ta lên đường sớm.

Cụ cứ ngồi bên lò sưởi trong bếp để sưởi ấm cho Joli - Coeur suốt ngày đã phải chịu lạnh và không ngừng rên rỉ mặc dù chúng tôi đã cẩn thận bọc nó trong nhiều tấm chăn.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm.

- Ở địa vị cụ, chủ quán nói với chủ tôi, tôi sẽ không đi, tuyết xuống đến nơi rồi.

- Tôi đang vội, cụ Vitalis đáp, tôi hy vọng đến được Troyes trước khi tuyết rơi.

- Không đi nổi ba mươi cây số trong một giờ đâu.

Tuy vậy chúng tôi vẫn cứ đi. Cụ Vitalis ôm chặt Joli - Coeur dưới áo vét mong truyền cho nó chút hơi ấm của chính mình, lũ chó chạy trước chúng tôi; ở Dijon chủ tôi đã mua một tấm da cừu bên dưới là len, tôi trùm vào người tấm da cừu đó, gió quất vào mặt làm cho tấm da dính chặt vào người tôi.

Mở miệng ra chẳng thú vị gì, chúng tôi cứ nhanh chân lẳng lẳng mà đi. Vùng chúng tôi đi qua buồn thảm vô cùng càng làm tăng thêm yên lặng, cố nhìn thật xa trong cái ngày tối trời này người ta cũng chỉ thấy những cánh đồng trơ trụi, những ngọn đồi cằn cỗi và những cánh rừng cháy sém.

Gió vẫn thổi từ phía bắc và hơi có xu hướng thổi về phía tây, phía này bầu trời có những đám mây màu đồng đều như đè nặng lên các ngọn cây.

Ngay sau đó một vài nụ tuyết to bằng cánh bướm bay qua trước mắt chúng tôi, nó cứ bay lên lại bay xuống, quay cuồng không chạm xuống đất.

Chúng tôi đi chưa được bao xa, tôi cho rằng khó lòng đến được Troyes trước khi tuyết xuống; nhưng tôi chẳng lo lắm, thậm chí còn tự bảo mình tuyết vừa rơi sẽ làm ngừng gió bắc, lạnh sẽ giảm đi.

Nhưng tôi chưa hiểu thế nào là một trận bão tuyết mà tôi sẽ học được ngay sau đây.

Từ phía tây bắc những đám mây bay lại gần và bầu trời phía đó được chiếu sáng trắng lên; mạn sườn chúng đã mở: đó là tuyết.

Một cơn mưa tuyết bao phủ chúng tôi.

- Rõ ràng rành rành là chúng ta không đến được Troyes rồi, cụ Vitalis nói, ta phải trú trong căn lều đầu tiên ta gặp thôi.

Nói thì dễ đấy nhưng tìm đâu ra nhà? Trước lúc tuyết bao phủ chúng tôi, tôi đã xem xét kỹ cả vùng tới tận nơi xa nhất mà mắt tôi nhìn thấu được, tôi chẳng thấy một ngôi nhà hay bất cứ cái gì chứng tỏ có làng mạc đâu đây. Ngược lại chúng tôi sắp vào một khu rừng thì có.

Làm sao trông mong vào một ngôi nhà được?

Nhưng có lẽ sau hết thì tuyết sẽ không tiếp tục rơi nữa chẳng?

Tuyết càng rơi nhiều hơn.

Chẳng bao lâu tuyết đã phủ kín những gì cản nó trên mặt đường: những đồng đá, đồng cỏ bên vệ đường, bụi rậm, bụi cây trong các hố. Dầu vậy chúng tôi vẫn cứ đi, thỉnh thoảng lại quay mặt ra sau để thở.

Lũ chó theo gót chúng tôi, đòi hỏi một chỗ ẩn mà chúng tôi không thể đem lại cho chúng được. Chúng tôi tiến lên rất vất vả,

không nhìn thấy gì, người ướt sũng, lạnh buốt, và mặc dầu đã ở giữa rừng nhưng chúng tôi chẳng được che chắn tí gì, con đường vẫn phơi ra trước gió..May mắn thay (có phải là may không đây?), cơn gió đang lồng lộn giảm đi một chút nhưng tuyết càng rơi mạnh, tuyết không còn rơi như bụi nữa mà từng mảng cứng, to.

Chỉ trong vài phút con đường phủ một lớp tuyết dày. Thỉnh thoảng tôi thấy chủ tôi nhìn sang bên trái tựa như tìm tòi cái gì đó; nhưng ở đó chỉ thấy một khu rừng trống khá rộng. Cự hy vọng tìm thấy gì ở đây?

Bỗng nhiên tôi thấy cụ Vitalis đưa tay về phía trái như để làm tôi chú ý. Tôi hình như nhìn thấy trong khoảng rừng thưa đó một cái lều bằng cành cây phủ đầy tuyết. Phải tìm một con đường đi tới lều. Rất khó.

Ở chỗ tận cùng của khu rừng trống đó, nơi tiếp cận khu rừng có cây to, tôi có cảm giác cái hố ở chỗ con đường lớn đã được lấp đầy có lẽ có đường đi vào lều.

Lý luận như vậy là đúng, chúng tôi giẫm vào hố tuyết mà không bị thụt và chẳng bao lâu chúng tôi tới cái lều.

Chỗ trú này đáng giá một ngôi nhà. Lũ chó nhanh chân hơn chúng tôi, hăng hái hơn chúng tôi xông vào đầu tiên, chúng lăn lộn trên mặt đất và sủa lên mừng rỡ. Chúng tôi cũng mãn nguyện không kém chỉ có điều là thể hiện ra khác chúng mà thôi.

- Ông đã nghĩ ngay là ở quăng rừng thưa này thế nào cũng có lều của người đi đốn củi.

Giờ thì mặc sức tuyết rơi.

- Vâng, tha hồ cho nó rơi. - Tôi nói với vẻ thách thức.

Tôi ra cửa lều giữ áo vét và mũ.

Đồ đạc trong lều chỉ có một cái ghế dài bằng đất và vài tảng đá dùng làm chỗ ngồi. Nhưng cái mà trong hoàn cảnh hiện tại còn có giá trị hơn nhiều đối với chúng tôi, đó là năm sáu hòn gạch đặt sẵn trong một góc lều làm bếp.

Chúng tôi có thể nhóm lửa. Lửa được nhóm rất nhanh và một ngọn lửa sáng bừng nổ lép bép tươi vui trên cái lò sưởi của chúng tôi.

A! Ngọn lửa tuyệt đẹp! Ngọn lửa quý hóa!

Dĩ nhiên cháy như vậy làm cho khói tỏa đầy lều nhưng quan trọng gì đối với chúng tôi? Chúng tôi chỉ cần ấm.

Trong khi tôi nằm xếp xuống đất chống hai tay thổi lửa, lũ chó ngồi quanh bếp một cách trang trọng trên hai chân sau, cổ ngồng lên, phờ chiếc bụng ướm và lạnh ngắt ra trước ngọn lửa. Ngay sau đó Joli - Coeur hé chiếc áo vét của ông chủ ra, thận trọng thò mũi ra ngoài nhìn xem mình đang ở đâu; xem xét chắc chắn rồi nó nhảy phắt xuống đất chiếm chỗ tốt nhất trước ngọn lửa và hơ hai bàn tay run rẩy bé xíu ra trước lửa.

Bây giờ chúng tôi đã yên tâm không chết rét nữa, nhưng chưa giải quyết được vấn đề đói. May thay chủ tôi là người thận trọng và đầy kinh nghiệm, buổi sáng lúc tôi còn chưa dậy cụ đã chuẩn bị thức ăn đi đường: một chiếc bánh mì tròn và một miếng pho mát nhỏ, cho nên trông thấy chiếc bánh tất cả chúng tôi đều tỏ ra rất hài lòng.

Khẩu phần không nhiều, tôi đã hy vọng nhầm: đáng lẽ ăn cả cái bánh, chủ tôi chỉ cho chúng tôi có một nửa.

- Ông không thuộc đường, cụ nói để trả lời cho cái nhìn dò hỏi của tôi, ông chưa biết từ đây đến Troyes có cái quán nào không. Hơn nữa ông cũng không biết khu rừng này. Ông chỉ biết vùng này rất nhiều rừng. Có lẽ còn xa mới có người ở. Biết đâu ta bị hãm lâu trong cái lều này thì sao. Phải lưu lại thực phẩm.

Tuy nhiên dù cho bữa ăn thật đậm bạc chúng tôi cũng vững dạ lên nhiều, chúng tôi đã có chỗ trú, ngọn lửa ngấm dần vào chúng tôi một niềm ấm áp êm ái. Lũ chó đã ngủ và tôi cũng muốn làm như vậy.

Tôi không biết đã ngủ trong bao lâu, khi tôi tỉnh dậy tuyệt đã ngừng rơi. Tôi nhìn ra ngoài: đông tuyết phủ trước lều đã dày lên nhiều, nếu phải lên đường hẳn tuyết phải ngập đến đầu gối tôi.

Trong khi tôi đang đứng ở cửa lều tôi nghe thấy tiếng chủ tôi gọi:

- Con muốn lại lên đường chẳng? - Cụ bảo tôi.
- Cháu không biết, cháu sẽ làm theo lời cụ bảo.
- Thế này nhé, ý ông là hẵng ở lại đây, ít nhất ta còn có chỗ trú ẩn, có lửa sưởi.

Tôi nghĩ chúng tôi ở lại sẽ không có bánh mì, nhưng tôi giữ ý nghĩ ấy trong bụng.

- Ông cho là tuyết lại sắp rơi tiếp ngay bây giờ đây, cụ Vitalis nói, ta không thể phơi mình ra trên đường trong khi không biết nhà cửa có gần ta không. Tuyết thế này mà qua đêm dọc đường chắc chẳng êm ả gì, thà ở lại đây còn hơn..Để ăn tối cụ Vitalis chia đều mẩu bánh còn lại làm sáu. Hỡi ôi! Chẳng còn được bao nhiêu, chẳng mấy chốc mà hết nhẵn mặc dầu chúng tôi chia bánh thành từng miếng nhỏ xíu mà ăn để kéo dài bữa cơm!

Tuyết tiếp tục rơi, dai dẳng như lúc trước, giờ này sang giờ khác lớp tuyết phủ trên mặt đất cứ dày lên dần dọc theo các cụm chồi. ...n cơm xong thì chúng tôi chỉ còn thấy lờ mờ những gì xảy ra bên ngoài túp lều bởi vì vào cái ngày tối tăm này bóng tối tới rất sớm.

Đêm rồi mà tuyết vẫn không ngừng rơi. Vì phải qua đêm ở đây nên tốt nhất là chúng tôi đi ngủ sớm, tôi cũng làm như lũ chó, sau khi quán mình trong tấm da cừu mà tôi đã hong khô lúc ban ngày, tôi nằm dài bên ngọn lửa, đầu gối trên một phiến đá nhẵn dùng làm gối.

- Ngủ đi, cụ Vitalis bảo tôi, khi nào muốn ngủ ông sẽ đánh thức cháu dậy, bởi vì một trong hai chúng ta phải thức để duy trì ngọn lửa.

Tôi không để nhắc đến hai lần.

Khi chủ tôi đánh thức tôi dậy, đêm đã khuya.

Tuyết không rơi nữa, lửa vẫn cháy.

- Bây giờ đến phiên cháu, cụ Vitalis bảo tôi, chỉ cần cháu thỉnh thoảng cho thêm củ vào bếp.

Đến lượt cụ nằm dài trước ngọn lửa, sát vào Joli - Coeur quán trong một cái chăn và chẳng bao lâu cụ thở đều và to, tôi biết cụ đã ngủ.

Thế là tôi đứng dậy, rón rén trên đầu ngón chân đi ra cửa lều để xem bên ngoài thế nào.

Tất cả được chôn vùi trong tuyết, nhìn ra thật xa cũng chỉ thấy như một chiếc khăn trải bàn mấp mô đầy một màu trắng xóa. Bầu trời điểm vài ngôi sao lấp lánh nhưng dù chúng có sáng đến mấy chẳng nữa chính tuyết mới tạo nên ánh sáng nhợt nhạt chiếu trên quang cảnh này. Trời lại trở lạnh, ở ngoài kia chắc lạnh buốt vì không khí tràn vào lều rét công lên được.

Chúng tôi thật sung sướng gặp được căn lều này. Nếu không sẽ ra sao ở giữa rừng?

Dù đi lại rất khế tôi đã làm lũ chó thức giấc, Zerbino theo tôi ra cửa. Nó mau chán, muốn ra ngoài. Tôi lấy tay ra lệnh cho nó vào. Nó vâng lời nhưng cái mũi vẫn hướng ra cửa, tỏ ra là một con chó bướng bỉnh.

Cuối cùng tôi tới gần ngọn lửa. Trong một lúc lâu, tôi nhìn những tia lửa bập bùng làm vui. Dần dần, nỗi mệt mỏi làm tôi đỡ dần. Tôi lại chìm vào giấc ngủ trong khi vẫn tưởng mình đang thức..Bỗng nhiên tôi choàng tỉnh bởi tiếng chó sủa giận dữ.

- Cái gì vậy? - Cụ Vitalis cũng thức dậy kêu lên. - Có chuyện gì xảy ra thế?

- Cháu không biết.

Capi lao ra cửa.

Đáp lại tiếng sủa của Capi là hai ba tiếng rú thảm thiết trong đó tôi nhận ra tiếng con Dolce.

Những tiếng rú này vang lên từ phía sau lều. Tôi định đi ra, chủ tôi ngăn lại.

- Cho thêm củ vào lửa đã.

Trong khi tôi theo lời cụ thì cụ lấy ra từ trong bếp một que cời lửa và thổi vào đầu toan cho nó rục lên. Cụ giữ que cời đó trong tay.

Đúng lúc chúng tôi định đi ra thì một tiếng tru khủng khiếp vang lên trong yên lặng.

- Chó sói rồi! Zerbino và Dolce đâu?

Tôi không trả lời được. Có lẽ trong lúc tôi ngủ hai con chó đã ra ngoài.

- Cầm lấy một que cời lửa ra cứu chúng đi.

Nhưng khi ra đến quăng rừng thưa, chúng tôi chẳng thấy chó cũng chẳng thấy chó sói, chỉ thấy vết chân những con chó in trên tuyết.

Chúng tôi cứ đi theo vết chân này, những vết chân đi quanh lều; rồi ở một quăng cách lều khá xa trong bóng tối chúng tôi thấy một vùng tuyết bị chà đạp, như thể những con chó đã lăn lộn trong đó.

Cụ Vitalis đã khẳng định nỗi hoảng sợ của tôi.

- Chó sói cấp chúng đi rồi.

Chủ tôi trở về căn lều, tôi theo sau, mỗi bước lại ngoảnh lại sau và dừng lại nghe ngóng, nhưng tôi chỉ nghe thấy tiếng lạo xạo của tuyết.

Trong lều một sự ngạc nhiên đang chờ đợi chúng tôi, những cành cây tôi xếp trên ngọn lửa cháy bùng lên trong khi chúng tôi không có mặt trong lều.

Tôi chẳng nhìn thấy Joli - Coeur đâu cả.

Tôi gọi nó, đến lượt cụ Vitalis gọi nó, nhưng không thấy nó ra. Chúng tôi cầm một nắm cành cây đang cháy, đi ra tìm vết tích nó.

Chúng tôi không tìm thấy dấu vết nào của nó cả.

Chúng tôi lại vào lều, xem nó có thu mình sau bó củi nào không. Chúng tôi tìm rất lâu, tôi trèo cả lên vai cụ Vitalis thám hiểm những cành cây dựng lều, cũng vô ích.

Tôi hỏi chủ tôi xem cụ có cho là nó cũng bị chó sói tha đi hay không.

- Không, cụ bảo, sói không dám vào lều khi có ánh sáng đầu.

Chúng tôi lại bắt đầu đi tìm nhưng cũng như lần đầu không đem lại kết quả gì.

- Phải đợi ban ngày ban mặt thôi. - Cụ Vitalis nói.

Những ngôi sao tắt đi và trời sáng dần.

Ngay khi ánh sáng lạnh ngắt của ban mai khiến chúng tôi nhìn rõ hình thù các bụi cây và các cây to, chúng tôi đi ra ngoài. Cụ Vitalis vũ trang bằng một cái gậy to, tôi cũng vậy. Trong khi chúng tôi mãi tìm dấu vết của Joli - Coeur trên mặt đất, Capi bỗng nhìn lên và sủa vang mừng rỡ, điều đó có nghĩa phải tìm ở trên không chứ không phải ở dưới đất.

Quả nhiên chúng tôi thấy mặt tuyết phủ mái lều đã bị giẫm lên đây đó cho tới một cành cây lớn rủ xuống mái lều. Mắt chúng tôi dõi theo cành cây này, nó là cành của một cây sồi, thì thấy ở tít trên cao chỗ một chạc cây có một cái bóng thẫm màu thu mình ở đó.

Đó là Joli - Coeur và chúng tôi dễ dàng đoán được cái gì đã xảy ra: quá sợ hãi những tiếng rú của chó và chó sói, Joli - Coeur lao lên nóc lều trong khi chúng tôi ra ngoài, rồi từ đó leo tít lên cây sồi cao và cứ ẩn mình trên đó ai gọi cũng không thưa. Con vật bé nhỏ tội nghiệp mong manh ấy hẳn phải lạnh cóng.

Chủ tôi nhẹ nhàng gọi nó. Nó leo thoăn thoắt từ cành nọ sang cành kia rồi nhảy phóc xuống vai cụ Vitalis, chui vào trong áo vét của cụ.

Tìm được Joli - Coeur kể cũng đã là nhiều, nhưng những con chó vẫn mất dạng. Có lẽ chúng đã bị sói ngoạm đứt cổ rồi tha đến một bụi rậm nào đó để ăn thịt thỏa thích.

Tội nghiệp Zerbino, tội nghiệp Dolce.

Chúng đã là bạn chúng tôi, là đồng hành của chúng tôi, vui sướng hoạn nạn có nhau, và đối với tôi, trong những ngày buồn bã cô đơn, chúng là những người bạn thân thiết.

Mặt trời lấp lánh trên bầu trời không gợn mây và những tia nắng lại được tuyết trắng ngăn không tì vết phản chiếu lại, khu rừng lúc này thật rục rỡ. Thỉnh thoảng cụ Vitalis lại thò tay vào trong chăn sờ Joli - Coeur, nhưng nó không ấm lên chút nào.

- Phải tới một làng nào thôi, cụ Vitalis nói, chứ không Joli - Coeur chết mất.

Chăn được hơ nóng lên, Joli - Coeur được quán vào đó rồi đặt vào trong áo vét sát ngực chủ tôi.

Chúng tôi chuẩn bị đi.

- Đây là một cái quán đã bắt chúng ta trả tiền trọ quá đắt. - Cụ Vitalis nói.

Cụ đi đầu, tôi đi đằng sau. Chúng tôi phải gọi Capi, nó cứ đứng ở ngưỡng cửa căn lều, mũi hướng về nơi các bạn nó gặp nạn. Tới đường cái được mười phút thì chúng tôi gặp một cái xe ba gác, người đánh xe cho biết chỉ độ một giờ nữa chúng tôi sẽ tới một ngôi làng. Chân chúng tôi tăng thêm sức mạnh.

Cuối cùng, dưới chân một sườn đồi xuất hiện những mái nhà trắng của một ngôi làng.

Chúng tôi không hề có thói quen vào những quán hạng nhất, những cái quán mà vẻ sang trọng của chúng hứa hẹn ăn ngon ngủ ngon. Chúng tôi thường dừng lại ở những quán trọ người ta không làm chúng tôi rỗng túi.

Nhưng lần này không phải như vậy: cụ Vitalis cứ đi tới một cái quán có treo tấm biển vàng rục.

Chủ tôi lấy vẻ "ông chủ" vào thẳng bếp đề nghị chủ quán cho một buồng tốt có sưởi.

Lúc đầu chủ quán, một người có bộ dạng chững chạc không thèm nhìn chúng tôi, nhưng dáng dấp oai vệ của chủ tôi đã khiến

ông ta phải kính nể, một người hầu gái nhận lệnh dẫn chúng tôi đi.

- Con đi nằm đi. - Cụ Vitalis bảo tôi trong khi cô hầu nhóm lò sưởi.

Tôi ngạc nhiên đứng yên.

- Nhanh lên! - Cụ Vitalis nhắc lại.

Tôi đành vâng lời.

Trong khi tôi nằm dưới chiếc chăn lông cho ấm lên, cụ Vitalis cứ quay đi quay lại chú Joli -Coeur tội nghiệp như muốn làm cho nó nóng lên.

- Cháu nóng chưa? - Sau ít lâu cụ Vitalis hỏi tôi.

- Nóng phát ngót lên rồi ấy ạ.

Cụ nhanh chóng đi về phía tôi, đặt Joli -Coeur vào giường tôi và dặn tôi ôm ghì nó vào ngực. Con vật bé bỏng tội nghiệp sẵn sàng làm tất cả mọi thứ. Nó dán chặt mình vào người tôi im thin thít, người nó nóng hừng hực.

Chủ tôi xuống bếp, chẳng mấy chốc cụ bưng lên một bát rượu nóng pha đường. Cụ muốn Joli - Coeur uống vài thìa rượu này nhưng hai hàm răng Joli - Coeur cứ nghiến chặt lại không sao mở ra được.

Nó thò một tay ra khỏi giường về phía chúng tôi.

Trước khi tôi vào gánh hát, Joli - Coeur đã một lần bị sung huyết phổi, người ta đã một lần trích huyết ở cánh tay nó, lúc này cảm thấy mình lại ốm nó bèn giơ cánh tay ra để người ta lại trích huyết và chữa cho nó khỏi như lần trước.

Cụ Vitalis không những xúc động mà còn lo lắng.

- Uống chỗ rượu này đi, cụ Vitalis nói, ông đi tìm thầy thuốc.

Không đợi cụ ra lệnh hai lần, tôi uống bát rượu rồi nằm vào trong chăn, nhờ thêm cái nóng của rượu nữa tôi tưởng mình chết ngạt.

Chủ tôi đi không lâu trở lại ngay đem theo một thầy thuốc.

Cụ Vitalis không nói là để thăm cho bệnh nhân nào, cho nên thấy tôi nằm trong giường mặt đỏ như gấc ông thầy thuốc bèn tiến đến phía tôi:

- Sung huyết rồi. - ông ta nói.

Và ông ta lắc đầu, tỏ ra không có gì là tốt cả.

Đã đến lúc làm ông ta tỉnh ngộ. Tôi bèn kéo chăn lên một chút, chỉ vào Joli - Coeur nói:

- Bệnh nhân đây cơ ạ.

Ông thầy thuốc lùi lại hai bước, quay về phía cụ Vitalis, kêu lên:

- Một con khỉ ư!

Tôi tưởng ông ta sắp tức giận đi ra.

Nhưng chủ tôi là một người khôn khéo.

Vừa lễ phép vừa ra vẻ rất đàng hoàng, chủ tôi ngăn ông thầy thuốc lại, giải thích hoàn cảnh cho ông ta.

Người ý vốn là những người biết lấy lòng người ta một cách khéo léo, ông thầy thuốc lại từ cửa ra vào đi tới gần giường bệnh.

Trong khi chủ tôi giải thích, có lẽ Joli-Coeur đoán được con người đeo kính này là thầy thuốc, nó giơ cánh tay ra đến mười lần để được trích huyết.

- Ông xem con khỉ này thông minh như thế nào, nó biết ông là bác sĩ nên đưa tay ra để ông xem mạch đấy.

Câu nói đó khiến bác sĩ quyết định khám.

- Ca này kể cũng lạ thực đấy. - ông ta nói.

Hỡi ôi! Thật buồn cho chúng tôi. Joli-Coeur bị đe dọa sung huyết phổi.

Joli - Coeur yêu quý sự chăm sóc của tôi lắm, nó ban cho tôi một nụ cười dịu dàng; cái nhìn của nó giống như cái nhìn của một con người vậy. Do chú ý đến tất cả mọi thứ, chẳng lâu la gì nó

nhận xét thấy mỗi lần nó ho tôi lại cho nó một viên đường đại mạch.

Một buổi sáng khi đi ăn trưa về, trong khi tôi đang ở bên Joli - Coeur - không bao giờ chúng tôi bỏ nó một mình - tôi biết chủ quán đòi tiền chủ tôi.

Chỉ còn có năm mươi xu. Làm thế nào bây giờ?

Chỉ có mỗi một cách ra khỏi nỗi khốn đốn này: đó là ngay tối hôm đó tổ chức một buổi biểu diễn.

Mà theo tôi chuyện này hầu như không thể làm được. Ấy thế nhưng phải bằng bất cứ giá nào chăm sóc Joli - Coeur và cứu sống nó.

Trong khi tôi trông người ốm, cụ Vitalis tìm được một phòng biểu diễn ở chợ. Cụ viết và dán mấy tấm áp-phích, bố trí một sân khấu bằng mấy tấm ván và dựng cảm chi năm mươi xu mua nển.

Tôi lo lắng tự hỏi chương trình biểu diễn của chúng tôi sẽ gồm những gì. Nhưng ngay sau đó tôi khẳng định được ngay: tay đánh trống trong làng đội một cái mũ kê-pi đỏ choáng lộn dừng lại trước quán và sau một hồi trống rộn rã, đọc lên chương trình biểu diễn này.

Không biết mọi người sẽ nghĩ thế nào khi họ biết là cụ Vitalis đã không tiếc những lời hứa hẹn quá đáng về "Capi, con chó thông thái" và "một ca sĩ thần đồng", tức là tôi.

Phần đáng chú ý nhất của lời chiêu hàng là ở chỗ người ta không quy định giá chỗ ngồi, mà tùy thuộc lòng độ lượng của khán giả.

Việc này theo tôi khá táo bạo. Liệu người ta có vỗ tay chúng tôi hay không? Capi thì nổi tiếng là đúng thôi. Nhưng tôi, tôi không tin tôi là một thần đồng. Đã đến giờ ra chợ: tôi nhóm một ngọn lửa to trong lò sưởi bằng những cây củi lớn để cho nó cháy được lâu; tôi ủ kỹ Joli - Coeur trong chăn - Joli - Coeur khóc nức nở vì không được tham gia biểu diễn. Sau đó chúng tôi ra đi.

Chủ tôi giải thích cụ chờ đợi những gì ở tôi.

Vì thiếu ba diễn viên nên tôi và Capi sẽ phải đem hết nhiệt tình và tài năng ra làm việc để làm sao thu được bốn mươi phrăng.

Cụ Vitalis đã chuẩn bị tất cả, chỉ còn việc thấp nền lên; nhưng chúng tôi chỉ cho phép mình có được cái xa xỉ đó khi mà phòng đã gần đông chứ không thì nền sẽ cháy hết trước khi biểu diễn xong.

Trong khi chúng tôi chiếm lĩnh sân khấu, tay đánh trống còn đi một tua cuối cùng quanh làng. Tiếng trống lại gần và ngoài phố có tiếng ồn ào: độ hai chục đứa trẻ đến xem.

Vẫn không ngừng đánh trống, tay đánh trống đứng giữa hai chiếc đèn xếp ở ngay cửa vào sân khấu, công chúng chỉ còn việc vào chỗ chờ xem biểu diễn nữa thôi.

Tôi xuất hiện đầu tiên, hát hai bài hát họa theo đàn hác-pơ. Thật thà mà nói, vỗ tay không được sôi nổi mấy. Xưa nay tôi chẳng bao giờ có cái tự ái của người kịch sĩ, nhưng lần này sự lạnh nhạt của khán giả làm tôi nản lòng. Rõ ràng là nếu tôi không làm vui lòng họ thì đời nào họ mở túi tiền ra.

Đâu có phải vì thanh danh mà tôi hát, tôi hát là vì Joli - Coeur. Ối chao! Tôi những muốn làm động lòng công chúng, làm họ phấn khởi lên; nhưng nhìn trong gian phòng đầy những bóng người kỳ lạ này tôi thấy hình như mình chẳng làm họ quan tâm bao nhiêu.

Capi may mắn hơn, được khán giả vỗ tay nhiều tràng.

Cuộc biểu diễn vẫn tiếp tục, nhờ Capi nó kết thúc trong những tiếng vỗ tay rầm rập.

Giờ phút quyết định đã đến. Trong khi tôi nhảy một điệu vũ Tây Ban Nha trên sân khấu có cụ Vitalis họa đàn theo, Capi miệng ngậm chiếc bát gỗ, đi qua tất cả mọi hàng khán giả.

Liệu nó có thu được bốn mươi phrăng hay không?

Tôi mệt đến đứt hơi nhưng vẫn tiếp tục nhảy bởi vì tôi chỉ có thể dừng khi Capi quay về. Nó không hề vội vã, khi người ta không cho tiền thì nó lấy chân vỗ nhẹ vào cái túi tiền không muốn

mở ra..Cuối cùng, nó xuất hiện, tôi định ngừng, nhưng cụ Vitalis ra hiệu cho tôi cứ nhảy tiếp.

Tới gần Capi, tôi thấy cái bát gỗ còn vơi, còn phải thêm nhiều.

Lúc này cụ Vitalis cũng đánh giá thu nhập xong bèn đứng dậy:

- Tôi tin là mình có thể nói một cách không tự khen rằng chúng tôi đã biểu diễn xong chương trình; tuy nhiên vì nền vẫn còn cháy, nếu như khán giả muốn nghe, tôi xin hát một vài khúc:

Capi sẽ lại đi thêm vòng nữa, và những ai chưa tìm thấy chỗ mở túi tiền ở đâu trong lần Capi đi qua lúc này thì lần này sẽ mở túi tiền khéo léo hơn.

Mặc dù cụ Vitalis là giáo sư dạy tôi, tôi chưa bao giờ thấy cụ hát như đã hát buổi tối hôm đó.

Tôi nhìn thấy một phu nhân trẻ ngồi ở hàng ghế đầu vỗ tay nhiệt liệt đến hết sức mình. Tôi đã để ý nhận xét bà ta vì đó không phải một bà nông dân mà là một phu nhân thực thụ, bên cạnh bà là một đứa bé cũng vỗ tay tán thưởng Capi rất nhiều, có lẽ nó là con trai bà.

Sau khúc rô-man Capi lại đi quyên tiền, tôi ngạc nhiên thấy bà ta không cho gì vào trong bát Capi cả.

Khi chủ tôi hát xong khúc Ri-sa, bà ta ra hiệu cho tôi lại gần.

- Tôi muốn nói chuyện với chủ cháu.

Điều này làm tôi hơi ngạc nhiên. Tuy nhiên tôi cũng truyền đạt ý muốn này tới cụ Vitalis, lúc này Capi đã trở về chỗ chúng tôi. Lần quyên tiền thứ hai này còn được ít hơn lần trước.

- Bà ta muốn gì ông? - Cụ Vitalis hỏi.

- Muốn nói chuyện với cụ ạ.

- Ông chẳng có gì nói với bà ta cả.

- Bà ấy không cho gì Capi, có lẽ bây giờ muốn cho nó chẳng?

- Thế thì Capi phải đến chỗ bà ấy, không phải ông.

Tuy nhiên cụ quyết định đi nhưng dắt Capi theo. Tôi cũng đi theo họ.

Trong lúc đó một người đầy tớ mang một cái đèn lồng và một cái chăn tới đứng bên cạnh bà phu nhân và đứa bé.

Cụ Vitalis đến gần và chào.

- Xin lỗi đã làm phiền cụ, bà phu nhân nói, nhưng thế nào tôi cũng phải ngợi khen cụ mới xong. Tôi là nhạc sĩ mà, thành thử muốn nói để cụ hiểu một tài năng lớn như cụ đã làm tôi xúc động đến thế nào.

- Nói đến tài năng làm gì ở một ông già như tôi. - Cụ Vitalis đáp.

- Xin cụ biết cho là không phải tôi bị thúc đẩy bởi tò mò xoi mói. - Bà phu nhân nói.

- Tôi sẵn sàng làm thỏa lòng tò mò của bà thôi, chắc bà ngạc nhiên thấy một người làm trò chó mà lại hát được?

- Phải nói là ngạc nhiên đến thán phục.

- Có gì đâu, tôi thì không phải lúc nào cũng như thế này, ngày xưa, thời tôi còn trẻ, đã lâu lắm rồi, tôi là... đầy tớ cho một ca sĩ lớn và tôi cứ bắt chước hát đi hát lại một vài điệu, chỉ có thể thôi.

Bà phu nhân không trả lời nhưng nhìn cụ Vitalis khá lâu trong khi cụ đứng trước mặt bà ta với một thái độ lúng túng.

- Xin chào cụ. - Bà ta nói.

Rồi cúi xuống Capi, bà ta đặt vào chiếc bát gỗ một đồng vàng.

Tôi cứ tưởng cụ Vitalis sẽ đưa bà ra xe kia đấy, nhưng cụ không làm gì hết. Khi bà ta đã cách xa cụ vài bước, tôi nghe thấy cụ rửa thềm vài lời bằng tiếng ý.

- Nhưng bà ta cho Capi cả một đồng lu-i cơ mà cụ. - Tôi nói.

- Một đồng lu-i! - Cụ nói, như ra khỏi một giấc mơ. - ừ nhỉ! Phải, tội nghiệp Joli - Coeur, ông đã quên mất nó. Ta đi về với nó đi.

Chúng tôi vội vã trở về quán trọ.

Tôi lên cầu thang đầu tiên và chạy vào buồng. Lửa chưa tắt, nhưng không bốc lên được thành ngọn nữa. Tôi mau chóng dập ngay một ngọn nến và tìm Joli - Coeur vì không thấy tiếng nó đâu.

Nó nằm trên tấm chăn vẻ như đang ngủ. Tôi cúi xuống nhẹ nhàng cầm lấy tay nó để cho nó khỏi thức giấc. Bàn tay nó lạnh ngắt.

Lúc này cụ Vitalis bước vào phòng. Tôi quay mặt về phía cụ. Cụ Vitalis cúi xuống:

- Ôi thôi! - Cụ nói. - Nó đã chết. Chuyện này ắt phải xảy ra thôi.

CHƯƠNG 6 : ĐẾN PARIS

Chúng tôi còn cách xa Paris lắm. Phải lên đường trên những con đường tuyết phủ và đi bộ từ sáng đến chiều ngược với gió bắc quất vào mặt chúng tôi.

Những đoạn đường dài này sao mà buồn thảm! Chúng tôi cứ lầm lì tiến tới chẳng trao đổi với nhau lấy một lời, mặt tái ngắt đi vì gió bắc, chân ướt mà da dày thì rộp.

Yên lặng làm tôi khổ sở không biết thế nào mà kể; tôi cần nói, cần khuấy khỏa; nhưng cụ Vitalis chỉ trả lời bằng vài từ ngắn gọn mỗi khi tôi hỏi câu gì.

May thay, Capi được cái dễ thổ lộ tình cảm và thương trong khi đi đường tôi hay cảm thấy một cái lưỡi ẩm và nóng đặt trên bàn tay tôi.

Tôi dịu dàng vuốt ve nó. Nó có vẻ cũng sung sướng vì sự thể hiện lòng thương mến của tôi chẳng khác gì tôi sung sướng trước sự thể hiện lòng thương mến của nó. Trái tim của một con chó cũng chẳng kém nhạy cảm hơn trái tim của một đứa trẻ là bao.

Chúng tôi cứ đi bộ trên đường cái, thẳng trước mặt mà đi trong giá lạnh và tĩnh mịch của mùa đông, chỉ nghỉ ngơi bằng giấc ngủ ban đêm trong một chuồng ngựa hay một chuồng cừu với một lát bánh mỏng làm bữa ăn tối.

Cây số tiếp theo cây số, đoạn đường này tiếp theo đoạn đường kia, chúng tôi dần tới gần Paris, tôi nhận ra điều này không cần đến sự báo trước của những cột mốc cắm bên đường: giao thông ngày càng tấp nập hơn, màu tuyết phủ đường xá bản hơn ở vùng đồng bằng Champagne Chúng tôi sẽ làm gì ở Paris, nhất là trong tình cảnh khốn khổ hiện nay? Đó là câu hỏi tôi đặt ra cho mình với nhiều lo lắng và thương chiêm trợn tâm trí tôi trong

những buổi đi bộ dài đằng đẵng. Tôi muốn hỏi cụ Vitalis nhưng không dám vì trông cụ rất u ám.

Cuối cùng một hôm, theo cái cách cụ nhìn tôi, tôi cảm thấy sắp được biết cái điều đã bao lâu hằng mong mỏi.

Đó là vào một buổi sáng, tối hôm trước chúng tôi ngủ trong một cái trại, sáng hôm sau lên đường từ tỉnh mơ, từ trên đỉnh một sườn đồi. Chúng tôi đã thấy trước mặt một đám mây bằng hơi nước màu đen bay trên một thành phố khổng lồ mà người ta chỉ phân biệt được mấy tòa nhà cao vút lên. Paris! Paris! Cuối cùng đã là Paris.

Tôi đang cố gắng tự đặt mình vào trong đám lộn xộn nào mái nhà, nào gác chuông, nào tháp đang mất hút sau sương mù và khói thì cụ Vitalis chậm bước lại tới bên cạnh tôi.

- Thế là đời chúng ta thay đổi rồi, cụ nói, chỉ bốn tiếng đồng hồ nữa chúng ta sẽ tới Paris.

Và... Ở Paris chúng ta sẽ chia tay nhau.

Tôi đưa mắt nhìn cụ Vitalis. Cụ cũng nhìn tôi, mặt tôi tái đi, môi tôi run lên, thầy đều nói lên cho cụ biết những gì đang diễn ra trong tôi.

- Cháu có vẻ lo lắng phải không? - Cụ nói, cũng khổ não như tôi.

- Chúng ta chia tay nhau! - Cuối cùng tôi nói khi những giây phút ngạc nhiên đầu tiên đã qua đi.

- Thằng bé tội nghiệp!

Câu nói này và nhất là giọng nói lên câu nói đó làm nước mắt tôi trào ra: đã lâu quá rồi tôi mới được nghe một câu nói đầy thiện cảm đến thế!

- Ôi! Cụ là con người tốt quá! - Tôi kêu lên.

- Cháu mới là cậu bé tốt, một trái tim tí hon dũng cảm. Cháu thấy đấy, ở đời có những lúc người ta cảm thấy sung sướng khi tìm thấy một người mà ta có thể dựa vào được. Ông sung sướng có cháu bên cạnh, thấy cháu nghe ông nói mà mắt nhòa lệ ông nhẹ

nhỡm hẩn người. Bởi vì ông, chú Rémi bé bỏng của ông ạ, ông cũng rất đau lòng.

Chỉ mãi về sau này, khi mà tôi đã có một người để yêu tôi mới cảm nhận và hiểu thấu tất cả sự đúng đắn của câu nói này.

- Khổ một nỗi là, cụ Vitalis nói tiếp, bao giờ người ta cũng phải chia tay đúng vào lúc cảm thấy ngược lại tức là muốn gần nhau hơn nữa.

- Nhưng, tôi rụt rè nói, chẳng lẽ cụ muốn bỏ cháu ở Paris?

- Tất nhiên là không. Tới cuối mùa đông ông để cháu cho một padrone để hẩn đưa cháu vào trong đám trẻ cùng chơi đàn hác-pơ. Riêng ông, ông sẽ dạy đàn hác-pơ và đàn vĩ cầm cho bọn trẻ ý làm việc trên đường phố Paris. Ở Paris họ biết ông, ông đã ở đây nhiều lần, từ Paris ông mới đến làng cháu đấy. Ông chỉ cần yêu cầu được dạy là người ta cho ông dạy nhiều không làm xuể. Mỗi người chúng ta sẽ sống theo một cách riêng. Rồi đồng thời ông cũng lo dạy hai con chó thay thế cho Zerbino và Dolce. Ông sẽ dạy chúng gấp, sao cho sang xuân ta lại có thể lên đường, cháu Rémi bé bỏng ạ, và ta sẽ không rời nhau nữa. Lúc này ông đòi hỏi cháu phải dũng cảm và chịu đựng. Sau này mọi việc sẽ khá hơn. Ta lại trở về cuộc sống tự do. Ông sẽ đưa cháu sang Đức, sang Anh. Cháu sẽ lớn lên, trí tuệ mở rộng. Ông sẽ dạy cháu nhiều điều để cháu trở thành một con người. Ông đã cam kết với bà Milligan và ông sẽ giữ lời. Để thực hiện những chuyến du hành đó ông đã bắt đầu dạy cháu tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng ý rồi đấy, đối với một đứa trẻ ở tuổi cháu đó cũng là một cái gì đáng kể, chưa nói đến việc cháu đã mạnh mẽ rắn rỏi lên nhiều. Cháu xem đấy, Rémi bé bỏng của ông ạ, tất cả không phải là lãng phí.

Thu xếp như thế này có lẽ là thích hợp cho hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi hơn cả. Bây giờ đây khi nghĩ lại, tôi thấy chủ tôi đã tìm được cách giải quyết tốt nhất để ra khỏi tình thế thật tai hại của chúng tôi. Nhưng những ý nghĩ khi hồi tưởng không giống như ý nghĩ tôi có thoát đầu.

Trong các điều cụ nói tôi chỉ nhìn thấy hai thứ: sự chia ly của chúng tôi và tay chủ mà thôi.

Trong những chuyến đi qua các làng mạc và thành phố tôi đã gặp nhiều tay chủ, chúng thuê hoặc kiếm bọn trẻ con từ chỗ này chỗ khác rồi dùng roi vọt mà dẫn bọn trẻ đi. Chúng không giống cụ Vitalis một chút nào ở chỗ đánh ác, bắt công, luôn đòi hỏi, say rượu, miệng lúc nào cũng chửi rủa, bàn tay lúc nào cũng giơ cao chực đánh.

Tôi có thể rơi vào tay một thằng chủ như thế lắm. Và lại, ngay cả may mắn gặp chủ tốt thì cũng lại là một thay đổi.

Tôi muốn trả lời nhiều điều lắm, những câu nói như dồn lên tim tôi và miệng tôi nhưng tôi cố kìm nén lại. Chủ tôi đã đòi hỏi tôi phải can đảm, phải nhẫn nhục, tôi muốn vâng lời cụ làm cụ khỏi đau khổ thêm. Hơn nữa cụ không còn ở bên tôi nữa và tựa như sợ phải nghe câu trả lời của tôi, cụ đã đi lên trước tôi mấy bước như lúc này.

Tôi đi theo cụ, không bao lâu chúng tôi tới một con sông, qua một chiếc cầu đầy bùn lầy chưa từng thấy bao giờ; tuyết đen như than giã nhỏ, phủ lên vỉa hè một lớp di động ngập đến mắt cá chân.

Đầu cầu có một ngôi làng với những con phố hẹp, sau đó lại tiếp đến vùng quê nhưng những căn nhà ở đây chen chúc nhau rất thảm hại. Trên đường cái xe cộ đi lại không ngừng.

Tôi lên gần cụ Vitalis và đi bên phải cụ, Capi theo sát gót đằng sau.

Chẳng mấy chốc hết làng quê, chúng tôi đến một phố không nhìn thấy đâu là tận cùng cả, hai bên xa xa là những căn nhà nghèo nàn bẩn thỉu không được đẹp như nhà ở Bordeaux, Toulouse và Lyon.

Tuyết được vun vào từng đống và trên những đống tuyết bản cứng này người ta đổ tro, rau cỏ thối rữa, đủ các loại rác rưởi, không khí sặc mùi hôi thối, trẻ con chơi trước cửa nhà đứa nào mặt cũng xanh xao, chốc chốc lại thấy những xe chở rất nặng đi qua, trẻ con tránh rất khéo léo.

- Chúng ta đang ở đâu thế này hả cụ? - Tôi hỏi.

- Ở Paris con ạ.
Có thể tưởng tượng được không?
Thực tế thật xấu xa và khôn khổ!
Đây là Paris mà tôi vẫn tha thiết mong được nhìn thấy?
Hỡi ôi! Đúng đấy, đây là nơi tôi sẽ sống qua mùa đông, xa cụ Vitalis... và Capi.

CHƯƠNG 7 : MỘT TAY CHỦ

Tuy tất cả những gì quanh tôi đều làm tôi ghê tởm, tôi vẫn mở to mắt, hầu như quên hoàn cảnh nghiêm trọng của chúng tôi, để nhìn xung quanh. Càng tiến sâu vào Paris tôi càng thấy ít những gì đáp ứng được hy vọng hảo huyền của tôi. Rõ ràng là Paris không bằng Bordeaux rồi.

Sau khi đi thật lâu trong một phố lớn, ở đó có những cửa hàng càng to càng đẹp hơn khi chúng tôi tiếp tục đi, cụ Vitalis rẽ sang phải và ngay sau đó chúng tôi tới một khu hoàn toàn nghèo khổ: những ngôi nhà cao và đen hầu như chạm vào nhau ở trên cao, một con suối không đóng băng chảy giữa lòng phố, và chẳng đếm xỉa gì đến làn nước hôi thối cuộn trong đó, một đám người đông nghịt cứ dẫn bộ trên vỉa hè nhầy nhụa. Chưa bao giờ tôi trông thấy những khuôn mặt xanh xao đến như thế, cũng chưa bao giờ tôi trông thấy bọn trẻ con cứ đi qua đi lại giữa những người bộ hành một cách táo tợn đến như thế. Trong các quán rượu, mà quán rượu thì rất nhiều, có những người đàn ông và đàn bà đứng uống trước những quầy rượu bằng thiếc, vừa uống vừa la lối om xòm.

Ở góc một ngôi nhà, tôi đọc thấy tên phố Lourcine. Cụ Vitalis nhẹ nhàng tách những nhóm người làm vướng lối đi của cụ ra và tôi theo sát cụ chỉ sợ lạc mất cụ.

Sau khi qua một cái sân lớn và một lối đi chúng tôi tới một nơi như một loại giếng tối tăm và xanh ngắt chắc hẳn mặt trời không bao giờ chiếu tới. Nơi này trông còn thậm tệ và đáng sợ hơn tất cả những gì tôi đã trông thấy cho tới lúc ấy.

- Garifoli có nhà không? - Cụ Vitalis hỏi một người đàn ông đang móc những giẻ lau lên tường dưới ánh sáng của một cái đèn.

- Tôi không biết, ông lên mà xem.

- Garifoli là tay chủ mà ông đã nói với cháu đấy. - Cụ bảo tôi.
- Hấn ở đây.

Con phở, cái nhà đều không phải là những thứ có khả năng nâng lòng hăng hái của người ta lên. Vậy thì tay chủ như thế nào đây?

Cầu thang lên bốn tầng, tới gần cửa chúng tôi nghe thấy một tiếng vụt gọn, rồi một tiếng nữa, tiếp ngay sau đó là một tiếng kêu đến xé ruột. Một giọng đàn ông, giọng ngọt ngào đầu lưỡi, nói một vài tiếng gì đó. Cụ Vitalis xông vào gian phòng và giật khỏi tay người đàn ông kia, chẳng phải ai khác chính là Garifoli, một cái roi mà tay này đang dùng để đánh một đứa bé cởi trần.

Chúng tôi ở trong một nơi giống như vựa thóc lớn. Ở giữa là một khoảng rộng có một lũ trẻ con, chung quanh kê độ mười cái giường.

Tường và trần màu gì không thể định nghĩa nổi.

Trên đường đi vào tôi thấy một đứa bé ngồi trơ trọi trong một góc. Gương mặt nó thể hiện cả nỗi đau đớn và dụi hiên đến sâu sắc. Người ta không thể nào không nhìn nó bởi vì ở nó có một nét quyến rũ toát ra từ đôi mắt đắm lệ.

Nhưng tôi trở lại chú ý đến chủ tôi.

Cụ khoanh hai tay đứng trước mặt Garifoli.

Tất cả xảy ra quá nhanh khiến Garifoli ngạc nhiên mất một lúc.

- Thật là nhục nhã! - Cụ Vitalis kêu lên. -Đúng, thật nhục khi hành hạ trẻ con như vậy!

- Việc gì cụ dây vào? - Garifoli nói..- Việc mà liên quan đến cảnh sát ấy.

- Cảnh sát? - Garifoli kêu lên.

- Phải! - Chủ tôi trả lời không để tay chủ kia làm cho e dè sợ sệt.

- Vitalis, nghe này, - Thằng cha đó bình tĩnh lại nói với một giọng chế giễu. - đừng có dọa tôi là sẽ tuôn chuyện ra, bởi vì, về phía tôi, tôi cũng muốn tuôn chuyện ra đây. Nếu như tôi nhắc lại cái điều mà tôi biết, nếu như tôi nói ra chỉ một cái tên thôi thì ai sẽ là người phải lo giấu giếm nỗi nhục nhã của mình nào?

Chủ tôi im không trả lời được.

Nỗi nhục nhã của cụ? Tôi sửng sốt. Tôi chưa kịp hết ngạc nhiên cụ đã nắm tay tôi lôi ra cầu thang.

Cụ Vitalis cứ đi không nói câu gì chừng nào chúng tôi còn ở trong phố đông người nhưng tới một phố nhỏ vắng vẻ, cụ ngồi xuống một cái cột mốc, đưa tay lên trán nhiều lần, ở cụ đó là dấu hiệu của sự lúng túng.

- Nghe theo lòng hào hiệp là tốt, có lẽ thế, cụ nói như nói với chính mình, nhưng vì thế ta ra via hè Paris trong túi không một đồng xu.

Con có đói không?

- Suốt từ lúc cụ cho cháu mẫu bánh mì sáng nay cháu đã ăn gì đâu.

- Thế thì cháu tội nghiệp của ta ơi, tối nay cháu phải nhịn đói mà đi ngủ thôi, nếu như ta biết được ta sẽ ngủ ở đâu!

Lúc này đã về khuya, lạnh càng ngày càng buốt giá, gió bắc thổi về, đêm nay sẽ gay go đây.

Cụ Vitalis run lên. Trời tuy lạnh mà tay cụ nóng bỏng, người cụ co giật từng hồi.

- Cụ ôm rồi! - Tôi nói.

- Ông sợ thế thật, đáng lẽ lúc này ông phải có một cái giường ấm, một bữa cơm tối no nê trong một căn buồng có lửa sưởi. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là giấc mơ thôi! Giờ ta sẽ làm thế này nhé: Khi nào ta gặp cảnh sát ta sẽ để họ đưa về đồn vậy. Ông rất muốn tránh điều đó, nhưng ông không muốn để con chết rét, con ơi, hãy can đảm lên.

Cụ Vitalis đi rất vất vả, thở to và hỏn hển như người đang chạy. Tôi hỏi cụ, cụ không trả lời và lấy bàn tay ra hiệu là cụ không nói được.

Chúng tôi cứ đi giữa những bức tường mà trên cao treo lủng lẳng đây đó một ngọn đèn đêm, ngọn đèn đung đưa với tiếng kêu của sắt cũ..Cụ Vitalis dừng lại, hết hơi.

- Ông phải nghỉ thôi, không đi được nữa. -Cụ nói.

Một cái cửa ra vào mở vào một hàng giậu và bên trên hàng giậu đó dựng một đồng phân chuồng to, gió thổi làm khô lớp rơm phủ trên cùng của đồng phân và làm tung khá nhiều rơm rạ trên mặt phố ngay chân đồng phân chuồng.

- Ông sẽ ngồi đây thôi. - Cụ nói.

Cụ ra hiệu cho tôi thu thập chỗ rơm lại, rồi ngã phịch trên lớp rơm rác ấy đúng hơn là ngồi xuống đó; răng cụ va vào nhau lập cập và cả người cụ run lên.

Khi tôi đã vun vén tất cả chỗ rơm thu thập được, tôi tới ngồi bên cụ Vitalis.

- Áp chặt người vào ông, cụ nói, và đặt Capi lên trên mình cháu, nó sẽ truyền cho cháu một chút hơi ấm.

Cụ có vẻ mệt đến rã rời.

Liệu cụ có ý thức được tình trạng của mình không? Điều đó tôi không bao giờ biết. Nhưng lúc tôi thu rơm vào mình và áp sát mình vào thân cụ, tôi cảm thấy cụ cúi xuống mặt tôi và cụ hôn tôi.

Thường khi trời quá lạnh có thể làm người ta tê cóng và sống sờ đến mê đi nếu ở ngoài trời.

Trường hợp của chúng tôi là như vậy.

Vừa thu mình sát vào cụ Vitalis xong thì mắt tôi cứ díp lại. Tôi cố hết sức mở mắt ra nhưng không sao làm nổi, tôi cấu vào cánh tay mình thật mạnh nhưng da tôi không còn cảm giác gì, tôi khó lòng làm mình thấy đau dù chỉ hơi một chút. Tuy nhiên chấn động đó cũng làm tôi còn có được phần nào ý thức. Cụ Vitalis, lưng dựa vào cánh cổng, thở một cách mệt nhọc.

Capi đã ngủ, nằm giữa hai chân tôi, nép mình vào ngực tôi. Trên đầu chúng tôi gió vẫn thổi ào ào. Trong phố không có một ai, ngay bên cạnh chúng tôi, ở xa xa, ở xung quanh chúng tôi, tất cả là một nỗi im lặng chết chóc. Cái im lặng làm tôi hãi hùng. Tôi cảm thấy như mình cũng sắp chết ở đây.

Ý nghĩ về cái chết đưa tôi trở về Chavanon.

Tội nghiệp má Barberin! Chết mà không gặp lại má! Rồi tôi nghĩ đến Arthur, đến bà Milligan.

Hai mắt tôi nhắm chặt, tim tôi lạnh cóng, hình như tôi ngất đi.

Tỉnh dậy tôi thấy mình nằm trên một cái giường, phòng tôi nằm có một ngọn lửa to chiếu sáng. Tôi nhìn quanh.

Tôi không hề biết căn phòng này cũng như những khuôn mặt quanh tôi: một người đàn ông mặc áo vét màu xám và đi đôi guốc màu vàng, ba bốn đứa trẻ trong đó có một đứa bé gái trạc năm, sáu tuổi nhìn chòng chọc vào tôi với đôi mắt ngạc nhiên.

Tôi nhòe dậy. Mọi người vồn vã quanh tôi.

- Cụ Vitalis đâu? - Tôi hỏi.

- Nó hỏi cha nó đấy. - Một thiếu nữ có lẽ là chị cả của bọn trẻ con nói.

- Đó không phải là cha tôi mà là chủ tôi, vậy cụ đâu? Con Capi đâu?

Cụ Vitalis mà là cha tôi có lẽ họ còn lựa lời nói về cụ với tôi nhưng vì cụ chỉ là chủ tôi nên họ xét thấy cứ đơn giản nói sự thật, và sau đây là những điều họ cho tôi biết.

Khe cửa nơi chúng tôi nấu mình là nhà một người làm vườn. Khoảng hai giờ sáng ông ta mở cửa đi chợ thấy chúng tôi nằm đó. Người ta gọi chúng tôi dậy để lấy chỗ cho xe đi nhưng vì chẳng ai trong hai chúng tôi động đậy gì cả, chỉ có Capi sủa lên trả lời, họ nắm cánh tay chúng tôi lay dậy. Chúng tôi chẳng cự quậy thêm chút nào. Thế là họ nghĩ có chuyện quan trọng đây.

Người ta mang đèn tới, kết quả khám nghiệm cho thấy cụ Vitalis đã chết rét còn tôi thì cũng chẳng hơn mấy tí. Tuy nhiên nhờ có Capi nằm trên ngực tôi nên tôi còn giữ được chút hơi ấm và còn thoi thóp thở. Người ta bèn mang tôi vào trong nhà ông làm vườn, đặt vào trong giường của một đứa con vừa bị lôi dậy. Tôi nằm đó sáu tiếng đồng hồ gần như đã chết, nhưng rồi tuần hoàn được thiết lập lại, thở mạnh lên, và tôi vừa mới tỉnh dậy. Lạnh cóng và tê liệt đến như thế cả về thể xác lẫn trí tuệ, thế nhưng tôi vẫn đủ tỉnh táo để hiểu tầm quan trọng của những lời tôi vừa được nghe. Cụ Vitalis đã mất!

Người đàn ông mặc áo vét màu xám, có nghĩa là người làm vườn, đã kể cho tôi nghe câu chuyện này và trong khi ông kể cô bé con có cái nhìn ngơ ngàng không ngừng đưa mắt nhìn cha. Khi cha cô nói đến chỗ cụ Vitalis chết, cô hiểu tin này là một đòn thế nào đối với tôi, bởi vì cô nhanh chóng dời khỏi góc mình đứng tiến về phía người cha, đặt bàn tay mình lên cánh tay ông còn bàn tay kia chỉ vào tôi đồng thời thốt lên một âm thanh rất lạ không phải tiếng người, nó như một tiếng thở dài êm đềm đầy thương cảm..Lần đầu tiên kể từ khi chia tay với Arthur, tôi cảm thấy một tình cảm tin cậy và âu yếm, chẳng khác gì thời mà má Barberin nhìn tôi trước khi ôm hôn tôi. Cụ Vitalis đã chết, tôi chỉ có một mình thế mà hình như tôi không cô đơn, cứ như thể cụ vẫn còn bên cạnh tôi.

- Phải, con ạ, cô bé Lise của cha. - Người cha cúi xuống cô con gái. - Điều đó làm cho cậu ta khổ thật đấy nhưng đành phải nói sự thật thôi; ta mà không nói cảnh sát cũng sẽ nói.

Và ông tiếp tục kể cho tôi nghe mọi người đã đi báo cảnh sát như thế nào, họ đã mang cụ Vitalis đi ra sao, trong khi tôi được đặt vào giường Alexis, cậu con cả của ông.

- Còn Capi đâu ạ? - Tôi hỏi khi ông ngừng lời.
- Capi?
- Vâng, con chó ấy ạ?

- Nó đi theo cái cáng rồi. - Một trong những đứa trẻ nói. - Nó cứ khe khẽ kêu lên những tiếng kêu thảm thiết.

Tôi quyết định đứng dậy nhưng vừa đứng lên tôi suýt ngã, phải vịn vào một cái ghế dựa.

- Cháu cảm thấy khó chịu ư? - ông làm vườn hỏi tôi giọng thương cảm.

Tôi trả lời quả tôi thấy khó chịu trong người và nếu như mọi người cho phép tôi sẽ ngồi cạnh ngọn lửa một lúc. Nhưng tôi không cần thêm hơi nóng, cái cần là thức ăn kia. Mùi thơm của súp bắp cải bay tới chỗ tôi làm tôi càng yếu lả thêm.

Cô bé con có cái nhìn là lạ mà cha cô gọi là Lise hình như đoán được ý nghĩ của tôi vì đột nhiên cô bỏ đi và ngay sau đó trở lại với một đĩa súp bắp cải. Tôi yếu đến nỗi nói không ra tiếng, tôi lấy tay ra hiệu cảm ơn cô, nhưng ông bố không để tôi còn thì giờ nữa, ông nói:

- Cầm lấy đi, cậu con trai của tôi ạ, Lise cho cậu đúng thứ cần cho đấy và nếu cậu muốn, sau đĩa này sẽ ăn thêm đĩa nữa.

Tôi gón hết đĩa súp chỉ trong có vài giây.

Khi tôi đặt chiếc thìa xuống, Lise thốt lên một tiếng kêu hài lòng. Cô cầm lấy chiếc đĩa từ tay tôi đưa cho cha đi lấy thêm rồi cô mang lại cho tôi với một nụ cười.

Cũng như lần đầu, đĩa súp hết chỉ trong một thoáng..- ái chà, cậu bé của tôi, ông làm vườn nói, ăn gọn nhỉ.

Tôi đỏ mặt lên đến tận mang tai nhưng sau một lát, tôi thấy tốt nhất là nên thú thật, tôi bèn trả lời ngày hôm qua tôi không ăn cơm chiều cũng không ăn cơm sáng.

- Còn chủ cháu thì sao?

- Cũng như cháu vậy.

Súp làm tôi khỏe lên, tôi đứng dậy định đi.

- Cháu định đi đâu? - Người cha hỏi.

- Cháu đi tìm cụ Vitalis để nhìn mặt cụ lần cuối.

- Nhưng cháu biết chỗ nào mà tìm? Cháu trọ ở đâu?
- Chúng cháu chưa có chỗ ở vì vừa tới hôm qua.
- Thế cháu làm gì?
- Cháu chơi đàn hác-pơ, hát kiếm sống.
- Tốt nhất cháu nên trở về với cha mẹ.
- Cháu không có cha mẹ.
- Thế thì cũng phải có chú, có dì chứ.
- Không, cháu chẳng có ai cả.

Vừa nói tôi vừa tiến về phía cửa, chiếc đàn hác-pơ đeo trên lưng.

- Cháu không sợ những con đường xa ư?
- Dĩ nhiên cháu thích một cái giường êm, một chôn sưởi ấm.
- Cháu muốn giường êm, sưởi ấm bằng lao động chứ gì? Nếu như cả ngày phải đào đất vất vả cháu có nhận không? Nhưng bảo đảm có bánh mì, tối về có giường ngủ sẵn sàng, cháu ăn đĩa súp mà trong lòng thỏa mãn đã kiếm được nó. Và cuối cùng, ở đây với chúng tôi cháu sẽ có một gia đình.

Một gia đình!

Tôi sẽ không đơn độc nữa. Mấy cậu con trai kia sẽ là anh em của tôi, cô bé Lise sẽ là em gái tôi.

Trong những giấc mơ trẻ thơ của tôi tôi đã nhiều lần tưởng tượng mình tìm thấy cha và mẹ nhưng chưa bao giờ nghĩ đến mình có anh có chị có em. Thế mà bây giờ tự nhiên người ta mang lại cho tôi.

Tôi vội bỏ dây đeo đàn xuống khỏi vai.

- Thế là trả lời rồi nhé. - Người cha cười một cái cười thực sự thoải mái. - Cậu con trai của tôi hãy treo đàn vào chiếc đinh này, khi nào không muốn ở với chúng tôi nữa cậu lại lấy nó xuống để mà bay đi..- Cháu chỉ đi ra ngoài một lần này thôi, tôi nói với ông, để đi tìm cụ Vitalis.

- Đúng quá rồi. - Con người trung hậu đó nói.

Ngôi nhà mà chúng tôi ngã khụy trước cửa thuộc vùng Glacière, ông làm vườn ở đó tên là Acquin. Lúc tôi được nhận vào nhà này gia đình gồm có năm người: người cha, Pierre; hai con trai Alexis và Benjamin; hai con gái, Étiennette -cô lớn và Lise - cô út.

Lise bị câm nhưng không phải là câm bẩm sinh. Ở cô chứng câm không phải là do điếc.

Hai năm đầu cô nói được nhưng về sau, lúc gần bốn tuổi tự nhiên không nói được nữa. Tai nạn này xảy ra sau một trận co giật, may mắn không ảnh hưởng đến trí thông minh của cô bé, cái gì cô cũng hiểu, hơn thế nữa cô còn thể hiện được tất cả mọi điều.

Bà Acquin mất sau khi sinh Lise được một năm, kể từ ngày ấy chị Étiennette là mẹ của gia đình. Chị ở nhà cơm nước, khâu vá...

Tôi treo cây đàn hác-pơ lên và chuẩn bị kể cho mọi người nghe chúng tôi đã đột ngột bị lạnh, bị kiệt lực ra sao thì có tiếng cào vào cổng vườn và một tiếng sữa rên xiết.

- Capi rồi! - Tôi đứng ngay lên.

Lise mở cửa và Capi nhảy vọt vào lòng tôi, tôi ôm nó trong tay, nó liếm vào mặt tôi và sữa lên những tiếng mừng rỡ.

Tôi nhìn ông Acquin, ông hiểu tôi ngay.

- Capi sẽ ở đây cùng với cháu.

Con chó hình như hiểu, nó nhảy xuống đất, đưa chân phải lên chỗ trái tim, cúi chào. Trẻ con cười thích thú lắm, nhất là Lise, tôi rất muốn Capi biểu diễn một tiết mục cho bọn trẻ con xem nhưng Capi nhảy lên đầu gối tôi, hôn tôi, rồi lại nhảy xuống đất kéo kéo tay áo vét của tôi.

- Nó muốn cháu đi ra ngoài, nó có lý.

- Để đưa cháu đến chỗ chủ cháu đấy.

Những nhân viên cảnh sát đã mang cụ Vitalis đi nói là họ cần thăm vấn tôi và họ sẽ trở lại trong ngày. Chờ họ lâu quá.

Thấy tôi lo lắng và đoán ra lý do, người cha đưa tôi đến sở cảnh sát, ở đó người ta hỏi tôi hết câu nọ đến câu kia. Những điều tôi biết rất đơn giản tôi cứ việc kể ra.

- Còn bây giờ thế nào? - ông cảm hỏi.

Đến đây người cha can thiệp vào câu chuyện..- Chúng tôi sẽ trông nom cháu, nếu các vị giao cháu cho tôi.

Giờ thì trả lời đến vấn đề cụ Vitalis, điều này khá khó đối với tôi vì tôi hầu như không biết gì về cụ cả. Tuy nhiên có một điểm bí ẩn mà lẽ ra tôi có thể nói được: đó là chuyện xảy ra trong lần biểu diễn cuối cùng của chúng tôi khi cụ Vitalis hát hay đến nỗi làm một bà phu nhân phải ngạc nhiên và tán thưởng; lại còn những dọa dẫm của Garifoli, tôi cứ tự hỏi không biết có nên giữ im lặng hay không. Điều mà chủ tôi cẩn thận giữ kín đến như thế về cuộc đời mình liệu có thể để lộ ra sau cái chết của cụ không?

Nhưng một đứa trẻ khó mà giấu nổi ông cảm cảnh sát cái gì. Cảnh sát là những người có cách thẩm vấn làm bạn thua ngay không thoát nổi. Đó là điều đã xảy đến với tôi.

- Chỉ còn cách dẫn nó đến nhà tay Garifoli này. - ông cảm nói với một nhân viên cảnh sát.

- Anh sẽ hỏi thằng cha đó.

Cả ba chúng tôi cùng đi: nhân viên cảnh sát, người làm vườn và tôi. Tôi dễ dàng nhận ra căn nhà. Thấy cảnh sát đến, lại nhận ra tôi nữa, Garifoli tái mặt. Tuy nhiên hắn trấn tĩnh ngay khi biết vì sao chúng tôi đến.

Hắn kể tóm lược những điều mình biết:

- Đơn giản thôi. Cụ tên là Carlo Balzani.

Cách đây khoảng ba mươi năm bốn mươi năm, ở ý, Carlo là ca sĩ nổi tiếng nhất. Nhưng một ngày kia cụ bị mất giọng, lúc đó, không còn là vua của các ca sĩ nữa, cụ không muốn vinh quang của mình bị giảm sút do mất thanh danh ở những nhà hát không xứng đáng với mình. Cụ đổi tên, trở thành Vitalis. Cụ thử làm rất nhiều nghề nhưng không thành công. Cụ trở thành người làm trò chó.

Nhưng dù khốn khổ mấy đi nữa trong cụ vẫn còn lòng tự trọng, cụ sẽ chết vì hổ thẹn nếu công chúng biết rằng con người hiền hách Carlo Balzani đã trở nên cụ Vitalis nghèo túng hiện nay.

Đó là lời giải thích điều bí ẩn đã kích thích trí tò mò của tôi không biết đến bao nhiêu!

Cụ Vitalis đáng phục quá! Giá như có người bảo tôi cụ đã từng làm vua chắc tôi cũng chẳng ngạc nhiên.

Hôm sau người ta sẽ an táng chủ tôi và người cha hứa dẫn tôi đến dự lễ an táng. Nhưng hôm sau tôi vô cùng thất vọng vì không sao dậy được, ban đêm tôi lên cơn sốt nặng. Tôi bị sung huyết phổi.

Chính nhờ trận sung huyết phổi đó mà tôi biết được lòng tốt của gia đình Acquin và đức tận tụy của chị Étiennette.

Thầy thuốc bảo phải đưa tôi đi nhà thương.

Như vậy đơn giản nhất. Tuy nhiên người cha không theo lời khuyên này.

- Vì cháu rơi vào cửa nhà tôi, chúng tôi phải giữ cháu.

Bệnh tôi kéo dài và đau đớn, bị đi bị lại nhiều lần nhưng chị Étiennette vẫn không hề giảm kiên trì và hy sinh. Rất nhiều đêm phải có người canh tôi, Alexis và Benjamin lần lượt thay nhau ngồi bên giường tôi. Cuối cùng thì thời kỳ dưỡng bệnh cũng đến nhưng phải đợi tới mùa xuân mới ra khỏi nhà được.

Đến lúc ấy Lise đưa tôi đi chơi bên bờ sông Bièvre. Giữa trưa khi mặt trời lên cao nhất, chúng tôi ra đi, tay nắm tay chúng tôi cứ đi thong thả, Capi đi đằng sau.

Trong những cuộc đi chơi của chúng tôi dĩ nhiên Lise không nói gì nhưng chúng tôi không cần đến lời nói. Chúng tôi nhìn nhau và hiểu thấu nhau đến nỗi chính tôi cũng chẳng cần nói với em.

Sau rồi thì sức lực tôi lại trở lại và tôi đã có thể làm vườn. Tôi sốt ruột chờ đợi đến lúc này, vì tôi muốn mau mau làm cho mọi người những gì mà mọi người đã làm cho tôi, tôi muốn làm việc cho họ, đền đáp lại bằng sức lực của tôi những gì họ đã cho tôi. Tôi

chưa bao giờ lao động chân tay nhưng hình như tôi lao động được, ít nhất là rất can trường, tôi cứ nhìn mọi người chung quanh mà làm theo.

Đó là mùa mà cây quế trúc bắt đầu được đem tới các chợ Paris cho nên cha Acquin lúc này trồng quế trúc, vườn chúng tôi đầy một giống cây này.

Công việc người ta giao cho tôi gồm có buổi sáng khi sương muối đã tan nhắc các tấm che lên và buổi tối trước khi sương muối xuống thì lại đẩy chúng trên cây quế trúc. Ban ngày tôi phải lấy một lớp rơm phủ lên để cây khỏi bị nắng. Công việc kéo dài khá lâu vì có hàng mấy trăm tấm che mỗi ngày phải nhắc lên đặt xuống hai lần và phải trông nom cây.

Ở làng tôi, tôi đã trông thấy những người nông dân làm việc nhưng tôi chưa bao giờ có một ý niệm nào về sự chuyên cần, lòng can đảm và cường độ lao động của những người làm vườn ở ngoại ô Paris. Họ dậy sớm hơn mặt trời mọc nhiều, mặt trời lặn rất lâu rồi mới đi ngủ, đem hết sức mình ra lao động suốt ngày dài đằng đẵng. Tôi cũng đã nhìn thấy người ta trồng trọt trên đất, nhưng cũng lại không có ý niệm nào về việc bằng lao động người ta bắt đất phải sản xuất không nghỉ. Ở nhà cha Acquin tôi đã có thầy tốt bạn tốt.

Mặc dầu cuộc sống mới làm tôi rất mệt nhọc nhưng, tôi quen với nó khá mau. Đang tự do đi đây đi đó bây giờ phải giam mình giữa bốn bức tường một căn vườn và suốt từ sáng đến tối phải lao động vất vả, nhưng ở đây tôi đã gặp một thứ mà tôi tưởng đã mất đi vĩnh viễn: cuộc sống gia đình. Tôi có cái giường của mình, có chỗ của mình ở bàn ăn nơi đã tập hợp tất cả chúng tôi lại với nhau.

Chúng tôi cũng có những giờ nghỉ ngơi vui chơi. Chiều chủ nhật, tất cả chúng tôi tụ tập dưới một giàn nho xinh xắn sát ngay nếp nhà; tôi lấy đàn hác-pơ treo trên cái đỉnh xuống và dạo nhạc cho hai anh em và hai chị em nhảy. Khi họ chán nhảy thì họ bảo tôi hát các tiết mục của tôi cho họ nghe, bài hát về thành phố Napolitaine bao giờ cũng gây cho Lise một hiệu quả không sao cưỡng lại được: cứ hát đến đoạn cuối cùng là mắt em đầm lệ.

Lúc đó để làm em khuây khỏa tôi chơi một điệu nhạc hề cùng với Capi. Đối với Capi chủ nhật cũng là ngày lễ hội: chủ nhật làm nó liên tưởng lại quá khứ.

Những ngày chủ nhật này cũng là những ngày chủ nhật của cụ Vitalis. Tôi chơi đàn hác-pơ và hát như là đang có mặt cụ. Càng lớn lên tôi càng thêm hiểu cụ đối với tôi có ý nghĩa như thế nào.

Hai năm trời trôi qua như vậy, và vì người cha thường đem tôi cùng đi chợ, đi đến kè bán hoa, đến Madeleine, Château d'Eau hoặc các cửa hàng hoa, dần dần tôi biết Paris.

Tôi đã trông thấy các tòa nhà, đã vào một vài tòa nhà đó, tôi đi dạo dọc theo kè sông, trên các đại lộ, trong vườn Luxembourg, điện Tuiler-ies, đường Champ Sélysées.

Cha Acquin cũng có một bộ sưu tập sách về thảo mộc rất phong phú. Mùa đông đầu tiên của tôi trong gia đình thật là dài, công việc làm vườn chậm lại trong nhiều tháng. Lúc đó để buổi tối có công có việc, sách được phân phát cho chúng tôi đọc.

Alexis và Benjamin không thừa hưởng được của cha thú học hành, thường tối nào cũng vậy, mới xem được ba bốn trang đã ngủ. Riêng tôi, ít ngủ hơn và tò mò hơn, tôi đọc tới tận giờ đi ngủ mới thôi.

Lise không biết đọc, nhưng thấy tôi đắm chìm trong sách em tò mò muốn biết cái gì đã làm tôi ham thích đến như thế. Em muốn tôi đọc cho em nghe, chỉ cho em xem. Đó là mối quan hệ mới giữa chúng tôi. Tôi dạy em vẽ. Dạy lâu và khó nhưng vui biết mấy khi em chỉ vạch vài nét người ta đã hiểu em muốn vẽ gì! Cha Acquin ôm hôn tôi.

- Được đấy, ông cười nói, sau này Lise sẽ trả nợ cháu.

Sau này có nghĩa khi em nói được vì người ta không từ bỏ việc làm em lại biết nói. Chỉ có điều các bác sĩ nói rằng ngay lúc này chưa thể làm gì được, phải chờ một cơn kích động đã.

Được cha Acquin nhận làm con và bọn trẻ đối xử không khác gì anh em ruột, có lẽ tôi sẽ ở nơi lạnh giá này mãi mãi nếu như không có một thảm họa một lần nữa lại xảy ra làm thay đổi đời tôi.

CHƯƠNG 8 : GIA ĐÌNH LY TÁN

Người cha là một trong những người chọn cây khéo nhất Paris; vì thế đến giai đoạn phải thực hiện thao tác tế nhị là chọn cây, có nghĩa là lựa ra những cây quế trúc nở ra hoa kếp, ông bận rộn suốt ngày. Thời kỳ đó đối với chúng tôi, đặc biệt với Étienne, là thời kỳ xấu, vì các đồng nghiệp đến thăm nhau không bao giờ không uống đến một lít, có khi ba lít rượu, mỗi lần ông đi thăm hai hay ba người làm vườn khác ông đều trở về nhà mặt đỏ gay, tay run, nói năng ngọng nghịu.

Không bao giờ Étienne đi ngủ trước khi ông về, muộn mấy thì muộn.

Lúc đó, nếu tôi còn thức, hoặc tiếng ông về làm tôi thức giấc, từ phòng tôi tôi nghe tiếng hai cha con trao đổi với nhau.

- Sao con không đi ngủ đi? - Người cha nói.

- Vì con muốn biết cha có cần gì không? - Thấy cha không về ăn tối Lise có nói gì không?

- Nó cứ nhìn vào chỗ cha mãi.

- Em nó đã ngủ chưa?

- Nó mới đi ngủ độ mười lăm phút thôi, nó cứ muốn chờ cha.

Sau một lát im lặng:

- Étienne này, con là cô con gái ngoan, nghe cha bảo đây, ngày mai, cha đến Louisot, cha thề với con sẽ về ăn tối.

Hứa rồi đâu lại vào đấy, ông vẫn không về sớm hơn chút nào một khi đã nhận một ly rượu.

Nhưng không phải thương thương như vậy.

Hơn nữa thời kỳ chọn cây cũng không lâu lắm, hết thời kỳ đó người cha lại không đi ra ngoài nữa.

Cha Acquin, sau mùa quế trúc, trồng hoa cho những ngày lễ lớn vào tháng bảy nhất là vào tháng tám, tháng có ngày lễ Sainte - Marie và Saint - Louis; để phục vụ những ngày đó chúng tôi chuẩn bị hàng nghìn cây cúc sao Trung Quốc, cây vãn anh, cây trúc đào, tất cả những gì khung vườn và nhà kính của chúng tôi chứa nổi. Phải làm sao cho hoa của chúng nở đúng vào những ngày nói trên. Ai cũng biết điều đó đòi hỏi tài năng, vì ai mà làm chủ được thời tiết, được mặt trời! Cha Acquin còn hơn cả bậc thầy về nghệ thuật này.

Mùa hoa của chúng tôi tiên báo là sẽ tuyệt vời, chúng tôi đã ở vào ngày mồng năm tháng tám và toàn bộ các cây hoa của chúng tôi đã đến độ ra hoa. Chúng tôi đã làm việc vô cùng vất vả, không có lấy một giờ nghỉ ngơi kể cả ngày chủ nhật. Tuy nhiên, vì tất cả đã đâu vào đấy, để thưởng công cho chúng tôi, chủ nhật, ngày mồng năm tháng tám hôm ấy chúng tôi được đi ăn tối ở Arcueil tại nhà một người bạn của người cha, Capi cũng được tham dự. Chúng tôi sẽ làm việc cho tới tận ba, bốn giờ chiều hôm đó rồi mới đi.

Thực hiện đúng như thế, vài phút trước bốn giờ, người cha quay chìa trong ổ khóa cửa lớn.

- Cả nhà lên đường nào! - ông vui vẻ nói.

Chúng tôi thấy đều lộng lẫy trong những bộ quần áo đẹp. Thời gian trôi nhanh đến nỗi tôi không nhận ra nữa, tôi chỉ biết là, vào cuối bữa ăn, một người trong bọn chúng tôi có nhận xét là trời đầy mây đen, và vì bàn ăn được dọn ngoài trời dưới một cây cơm cháy to, chúng tôi dễ dàng thấy ngay sắp có bão..- Các con ơi, phải mau mau về, gió mà nổi lên có thể lật nhào các tấm che. Lên đường thôi!

Chúng tôi đều biết các tấm che lắp kính là cả tài sản của những người làm vườn, gió mà đập vỡ kính thì họ sạt nghiệp.

- Cha đi trước đây, người cha nói, Benjamin và cả Alexis nữa, đi theo cha.

Chị Étiennette và tôi dắt tay Lise, em theo kịp chúng tôi rất vất vả làm chúng tôi có muốn đi nhanh cũng không được.

Liệu chúng tôi có đến nhà trước cơn bão được không?

Bỗng nhiên mưa đá bắt đầu rơi xuống, lúc đầu chỉ vài viên, sau tới tấp như một trận đá lở thực sự. Chúng tôi phải lao vào trú dưới một cái cổng.

Và thế là chúng tôi thấy một trận mưa đá khủng khiếp nhất mà người ta có thể tưởng tượng ra được. Chỉ mới một lúc mà mặt phố đã phủ một lớp trắng xóa như giữa mùa đông; những viên đá to bằng trứng chim bồ câu rơi xuống đập âm âm vào những nơi mà thỉnh thoảng lại nổ ra tiếng kính vỡ. Tất cả mọi thứ rơi đầy xuống phố, những viên ngói, những mảnh lở thạch cao, những viên đá đen nát vụn.

- Trời ôi! Những tấm kính! - Chị Étiennette kêu lên.

- Biết đâu cha đến được trước mưa đá thì sao?

- Ngay cả đến được cũng không kịp phủ chiếu rơm lên, thế là toi hết cả rồi. Cha sẽ sạt nghiệp, trời ơi! Cha cần số tiền đó biết bao nhiêu!

Tôi muốn hỏi chị Étiennette, nhưng chúng tôi hầu như không nghe thấy tiếng nhau, hơn nữa, chị nhìn mưa đá rơi với bộ mặt sầu não như người nhìn nhà mình bị cháy vậy.

Trận mưa đá khủng khiếp kéo dài độ năm sáu phút rồi đột ngột ngừng lại như lúc nó bắt đầu; mây bay về Paris và chúng tôi có thể đi được. Trong phố các viên đá lăn lông lốc như những viên cuội ở biển, chúng tạo thành một lớp dày đến nỗi ngập mắt cá chân.

Chúng tôi mau chóng về tới nhà: cửa lớn vẫn để ngỏ; chúng tôi vội bước vào vườn.

Quang cảnh mới hãi hùng làm sao! Tất cả đều bị đập vỡ tan tành, căn vườn ban sáng đẹp là thế nay không còn lại một chút gì.

Người cha đâu? Chúng tôi đi tìm ông nhưng không thấy ông đâu, đến nhà kính, nơi mà không một miếng kính nào còn nguyên vẹn, chúng tôi thấy ông quy người trên một chiếc ghế đầu giữa đồng đồ nát đầy mặt đất, Alexis và Benjamin đứng im cạnh ông.

- Ôi! Các con yêu quý của cha! - Thấy chúng tôi đến gần, ông ngẩng đầu lên.

Rồi ông ôm Lise trong tay mà khóc.

Ngay sau đó tôi được biết qua chị Étiennette và hai cậu con trai vì sao mà người cha thất vọng đến thế. Ông mua căn vườn này đã mười năm và tự xây lấy ngôi nhà. Người chủ bán đất cho vay tiền mua các vật dụng cần cho nghề trồng hoa của ông. Toàn bộ tiền sẽ trả trong mười lăm năm, mỗi năm trả một lần. Cho tới giai đoạn đó, người cha đã trả được đều đặn nhờ lao động khó nhọc và chịu thiếu thốn. Các đợt trả tiền càng thiết yếu khi mà chủ nợ chỉ chờ cơ hội, có nghĩa một đợt trả chậm nào đó để lấy lại đất, nhà và mọi vật liệu mà lại vẫn giữ, tất nhiên, số tiền đã thu mười năm trước. Đó là cách lão ta đầu tư, lão hy vọng trong mười lăm năm thế nào chẳng có ngày người cha không trả nổi cho nên lão mới liều đầu tư như thế.

Ngày đó cuối cùng đã đến do mưa đá. Bây giờ sẽ xảy ra chuyện gì đây?

Chúng tôi không phải phân vân lâu, chỉ một ngày sau hạn trả tiền hàng năm mà lẽ ra người cha đã trả bằng tiền bán cây, chúng tôi thấy một ông mặc quần áo đen đi vào nhà đưa cho chúng tôi một tờ giấy có dán tem trên đó viết vài chữ trong một dòng để trống.

Đó là ông mõ tòa.

Và kể từ ngày ấy ông ta cứ đến luôn luôn đến nỗi cuối cùng thuộc tên chúng tôi.

- Chào Rémi, ông ta nói, chào Alexis; cô khỏe chứ cô Étiennette?

Và ông ta đưa cho chúng tôi tờ giấy dán tem.

Người cha chạy khắp thành phố. Ông đi đâu?

Có lẽ đến tòa án chăng? Chỉ nghĩ đến đó tôi đã cảm thấy sợ hãi. Cụ Vitalis cũng đã phải ra tòa, và kết quả thế nào tôi đã rõ.

Đối với người cha thì kết quả phải chờ lâu hơn. Một phần mùa đông trôi qua như thế. Và dĩ nhiên là chúng tôi không thể sửa chữa nhà kính và lắp kính lại.

Chúng tôi trồng rau và các loại hoa không phải che chắn, tuy không có lời lắm nhưng cũng gọi là có công việc.

Một buổi tối, người cha trở về ủ rũ hơn mọi khi.

- Các con ơi, ông nói, hết rồi..Tôi định ra ngoài, tôi biết ông sắp nói một điều gì quan trọng mà có lẽ tôi không nên nghe.

Nhưng bằng một cử chỉ, ông giữ tôi lại.

- Con chẳng phải người trong gia đình hay sao? Các con ơi, cha sắp từ bỏ các con rồi.

Một tiếng kêu đau đớn thốt lên.

Lise nhảy vào vòng tay ông vừa ôm hôn ông vừa khóc.

- Ô! Chẳng lẽ các con nghĩ cha cố tình bỏ những đứa con ngoan như thế này hay sao?

Nhưng cha bị kết tội không trả nổi tiền, vì cha không có tiền họ sẽ bán tất cả những thứ này đi, nhưng cũng không đủ cho nên người ta bắt cha đi tù năm năm. Trong thời gian ấy các con sẽ ra sao?

Mọi người im lặng.

- Rémi sẽ viết thư cho người em của cha là cô Catherine Suriot ở Dreuzy, giải thích cho cô rõ tình hình và mời cô đến đây; với Catherine, ta sẽ quyết định.

Lần đầu tiên tôi viết một bức thư, thật là một sự bắt đầu ác nghiệt.

Dẫu sao, chúng tôi vẫn hy vọng. Cô Catherine sẽ đến, điều đó cũng là đủ đối với những đứa trẻ như chúng tôi.

Tuy nhiên cô đến không nhanh như chúng tôi tưởng, và lính gác bên thương mại, tức là những người đi bắt các con nợ, đến trước cô.

Người cha đang định đi ra ngoài thì chạm trán họ, lúc đó có tôi đi cùng. Chỉ trong một giây họ vây lấy chúng tôi. Ông tái xanh đi như bị choáng váng và bằng một giọng yếu ớt xin được ôm hôn các con.

- Đừng có khổ não quá ông bạn dũng cảm ạ, một trong những người lính gác nói, đi tù nợ không đến nỗi kinh khủng lắm đâu.

Tôi đi tìm mấy anh em trai trong vườn.

Khi chúng tôi trở lại, người cha đang bế Lise trong tay, em khóc sụt sùi.

Một trong những người lính gác thì thào vào tai ông cái gì đó tôi nghe không rõ.

- Phải, người cha nói, ông nói đúng, phải thế thôi.

Rồi đột ngột đứng lên, ông đặt Lise xuống đất, nhưng em cứ bầu chặt lấy ông không rời bàn tay ông ra..àng ôm hôn Étiennette, Alexis và Benjamin.

Tôi đứng trong một góc, mắt mờ đi vì nước mắt.

Ông gọi tôi:

- Còn con, Rémi, con không đến ôm hôn cha ư? Con không phải là con của cha sao?

Chúng tôi cuống cuống cả lên.

- Các con cứ đứng đấy, người cha nói, cha ra lệnh đấy.

Và ông vội vàng rời bỏ chúng tôi sau khi đặt bàn tay Lise vào tay chị Étiennette.

Chúng tôi sững sờ đứng giữa bếp, ai cũng khóc. Chúng tôi vẫn biết thế nào cũng có ngày này, nhưng chúng tôi đều nghĩ cô Catherine lúc đó sẽ có mặt.

Nhưng cô Catherine chưa đến. Cô đến sau khi người cha đi khỏi độ một giờ và thấy tất cả chúng tôi im lặng ở trong bếp không ai nói với ai một lời. Người mà cho đến lúc ấy vẫn nâng đỡ tinh thần chúng tôi đến lượt mình cũng phải quy: chị Étiennette, xưa nay vốn can đảm là thế, nay cũng yếu đuối như chúng tôi.

Cô Catherine là một người đàn bà cương nghị, đã từng làm vú nuôi ở Paris mười năm, cô hiểu những khó khăn ở đời này. Chúng tôi nhẹ hẫng người khi được nghe cô ra lệnh, được vâng lời cô.

Đối với một người đàn bà nông thôn không của cải gì, phải gánh vác một trách nhiệm như vậy thật là nặng nề.

Cha của một đứa bé cô nuôi trước kia làm công chứng viên, cô đến hỏi ý kiến ông này và theo lời khuyên của ông, số phận chúng tôi được định đoạt. Rồi cô đến nhà tù để nhất trí với người cha, tám ngày sau khi đến Paris, cô cho chúng tôi biết quyết định này như thế nào.

Vì chúng tôi còn nhỏ quá để tự đi làm nên mỗi một người sẽ đến ở với chú hoặc cô sẵn sàng nhận đứa cháu: Lise ở với cô Catherine ở Morvan, Alexis ở nhà một người chú ở Varses, Benjamin ở nhà một ông chú khác làm vườn ở Saint - Quentin, chị Étiennette ở nhà một người cô ở Esnandes.

Tôi nghe những sự xếp đặt đó, chờ đến lượt mình.

Nhưng vì cô Catherine không nói gì thêm, tôi bèn tiến lên hỏi:

- Còn cháu thì sao ạ?
- Cháu ư? Cháu có phải trong gia đình đâu!.- Cháu làm việc cho gia đình.
- Nhưng cháu không phải người trong gia đình.
- Có chứ, có chứ, anh ấy là người trong gia đình. - Tất cả đều nói.

Lise tiến tới trước mặt người cô, hai tay chấp lại, cử chỉ đó còn nói lên nhiều hơn những lời nói dài dòng.

- Cháu bé nhỏ tội nghiệp ơi, cô Catherine nói, cô hiểu cháu lắm, nhưng ở đời này không phải việc gì người ta muốn đều có thể làm được, chỉ riêng cho gia đình không thôi miếng bánh đã quá nhỏ rồi.

Tôi cảm thấy không làm gì hơn được. Điều cô Catherine nói chỉ quá đúng mà thôi.

Cô Catherine cho chúng tôi biết ngày mai sẽ chia tay rồi cô cho chúng tôi đi ngủ.

Vừa vào đến phòng tất cả mọi người đều vây quanh tôi, Lise sà vào tôi mà khóc. Tôi hiểu rằng tuy ai nấy đều buồn vì phải xa cách nhau họ vẫn nghĩ đến tôi, phàn nàn cho tôi, tôi cảm thấy mình đúng là anh em ruột của họ.

- Các anh chị nghe em nói này, tôi bảo họ, em thấy rõ là các anh chị coi em như người trong gia đình vậy.

- Đúng thế, bao giờ em cũng là em, anh ruột của chúng tôi. - Họ nói.

- Được, thế thì em sẽ tỏ ra cho các anh chị thấy em là em, anh ruột của mọi người. Em sẽ lại lấy tấm da cừu và cây đàn hác-pơ xuống, em sẽ đi từ Saint - Quentin tới Varses, từ Varses tới Esnandes, từ Esnandes đến Dreuzy, em sẽ thăm lần lượt tất cả các anh chị. Em vẫn còn nhớ các bài hát, các điệu nhạc nhảy, em sẽ tự kiếm sống.

Trên nét mặt mọi người thấy rõ sự hài lòng: tôi biết ý nghĩ của tôi cũng là khát vọng của mỗi người.

Chúng tôi cứ nói về dự định đó mãi. Rồi chị Étienneette muốn chúng tôi vào giường, nhưng nào có ai ngủ được đêm hôm ấy.

Ngay từ sáng sớm, Lise đã đưa tôi ra vườn và làm tôi hiểu rằng em muốn tôi tới thăm những người khác trước em để em biết được tin tức của tất cả mọi người.

Họ phải ra đi lúc tám giờ sáng, cô Catherine đã thuê một chiếc xe ngựa để trước tiên đưa mọi người vào nhà tù ôm hôn ông bố sau đó đem theo bọc hành lý của từng người một ra ga. Tới bảy giờ đến lượt chị Étienneette đưa tôi ra vườn.

- Chị muốn để lại cho em một kỷ niệm, đó là bộ đồ của người nội trợ; em sẽ thấy kim, chỉ, kéo, những thứ mà em cần đấy.

Trong khi chị Étiennette nói chuyện với tôi thì Alexis cứ quẩn quanh ở chỗ chúng tôi. Chị vào nhà xong thì Alexis lại gần tôi.

- Anh có hai đồng một trăm xu, Alexis nói, em nhận một đồng thì anh sẽ rất vui lòng.

Trong năm chúng tôi, Alexis là người duy nhất có ý thức về tiền, chúng tôi vẫn thường chế nhạo thói hà tiện của anh, anh luôn thu thập và vô cùng thích thú các đồng tiền mới. Việc anh cho tôi tiền làm tôi xúc động quá, tôi muốn từ chối nhưng anh cứ ép tôi phải nhận. Qua đó phải thấy là tình cảm của anh đối với tôi thật mạnh mẽ.

Benjamin cũng không quên tôi; anh cho tôi một con dao đổi lấy một xu "bởi vì dao là thứ cắt đứt tình bạn".

Thời gian trôi nhanh quá.

Đến lúc nghe tiếng xe ngựa lại gần, Lise bèn từ phòng cô Catherine bước ra và ra hiệu cho tôi theo em. Trong vườn chúng tôi có một cây hoa hồng Băng-gan ở một góc hẻo lánh. Lise đi về phía cái cây, cắt một cành hồng rồi chia cành hồng đó làm hai nhánh, mỗi bên có một nụ hoa hàm tiếu, đưa cho tôi một nhánh.

A! Tiếng nói của đôi môi thật chẳng nghĩa lý gì so với tiếng nói của đôi mắt! So với cái nhìn thì lời nói thật lạnh nhạt và trống rỗng biết bao!

- Lise! Lise! - Người cô gọi.

Các bọc quần áo đã đem lên xe cả rồi.

Tôi cầm lấy cây đàn, gọi Capi, nó nhảy lên vì mừng rỡ, hiểu rằng chúng tôi lại lên đường.

Giờ phút chia tay đã đến. Cô Catherine rút ngắn giờ phút đó lại.

- Hôn cha hộ em với nhé! - Tôi kêu lên...

Một tiếng nức nở làm giọng tôi nghẹn lại.

Xe ngựa đi mất.

Thế là hết.

Một người láng giềng chịu trách nhiệm đóng cửa căn nhà, ông ta làm tôi tỉnh nỗi sống sờ:

- Cháu không ở lại đây ư? - ông ta hỏi.
- Không ạ, cháu đi.
- Đi đâu?
- Cháu cứ thẳng trước mặt mà đi thôi.

Có lẽ ông làm một động tác vì tình thương, bởi vì ông chìa tay cho tôi:

- Nếu cháu muốn ở lại đây, ông nói, thì bác sẽ giữ cháu nhưng không có lương.

Tôi cảm ơn ông. Ông bỏ đi. Thế là cửa đóng lại.

Tôi đeo dây đàn lên vai.

- Đi nào, Capi!

Capi nhảy lên trước mặt tôi sửa vang.

Mặt trời đã lên cao ở chân trời, trời trong vắt và ấm áp.

Một cuộc đời mới mở ra trước mặt tôi.

Tôi chỉ là một đứa trẻ mà đã là chủ mình!

Hỡi ôi! Hoàn cảnh tôi thật đáng buồn.

Mặc dầu còn nhỏ tôi đã phải chịu nhiều bất hạnh để trở nên thận trọng và khôn ngoan hơn những đứa trẻ bình thường ở tuổi tôi, đó là một lợi thế mà tôi đã phải trả bằng một giá đắt.

Vì vậy, trước khi lao mình vào con đường mở ra trước mặt tôi, tôi muốn đi thăm con người mà trong những năm cuối cùng này đã như một người cha đối với tôi, nếu như cô Catherine không đem tôi theo cùng các con ông để tôi từ biệt ông thì tôi sẽ đi một mình đến ôm hôn ông vậy.

Chưa bao giờ tới nhà tù nợ nhưng thời gian gần đây tôi đã nghe nói đến nó khá nhiều nên chắc chắn là có thể tìm được. Buộc Capi vào một sợi dây thừng, tôi dắt nó đi đến nhà tù Clichy.

Tôi ngừng lại một lúc trước khi dám vào tương như mình vào đó sẽ bị bắt giữ. Tôi vẫn hình dung ra khỏi nhà tù rất khó nhưng tôi không biết muốn vào cũng chẳng dễ dàng gì.

Cuối cùng, không chịu để người ta không cho mình vào, đuổi mình về, tôi đã gặp được người tôi muốn gặp.

Người ta đưa tôi vào một hành lang không thanh chắn, không chắn song sắt như tôi đã nghĩ và ngay sau đó người cha đi ra không bị xích xiềng gì cả.

- Cha đang chờ con đây Rémi ạ, ông bảo tôi, cha đã mắng Catherine không đưa con tới. Trẻ con nói với cha là con trở lại nghề hát. Con đã quên mình suýt chết vì đói và rét ở cửa nhà ta rồi chẳng?

Nếu tôi từ bỏ cuộc đời đó thì chỉ còn một cách là ở cố định một chỗ nào. Nhưng làm vậy sẽ thất hứa với chị Étiennette, Alexis, Benjamin và Lise. Thực tế chị Étiennette, Alexis và Benjamin chẳng cần nhờ tôi, họ có thể viết thư cho nhau; nhưng Lise, em không biết viết, cô Catherine cũng vậy, nếu tôi bỏ Lise, em sẽ hoàn toàn bị bỏ rơi.

Em sẽ nghĩ về tôi thế nào?

- Thế chẳng lẽ cha không muốn con cho cha biết tin tức của các anh chị em con hay sao? - Tôi nói.

- Chúng có nói với cha về chuyện đó, nhưng không phải chỉ vì nghĩ đến mình mà cha muốn con từ bỏ cuộc đời người hát rong.

- Chính vì vậy đấy cha ạ, nếu con từ bỏ cam kết mà con đã hứa thì điều đó có nghĩa con không nghĩ đến Lise.

Ông nhìn tôi rất lâu rồi đột nhiên nắm lấy hai bàn tay tôi:

- Con trai của cha, cha sẽ ôm hôn con vì lời nói đó; con là một đứa trẻ có tâm.

Chỉ có hai chúng tôi ở trong hành lang, chúng tôi ngồi bên nhau trên một chiếc ghế dài, tôi lao vào tay ông.

- Cha chỉ muốn nói với con một lời này nữa thôi, người cha nói tiếp: - thôi đành nhờ Trời!

Và cả hai chúng tôi ngồi im lặng một lúc, nhưng thời gian đã hết, đã tới lúc chúng tôi phải chia tay.

Bỗng nhiên, ông lục túi áo gi-lê lôi ra một chiếc đồng hồ quả quýt to, có dây da buộc vào khuyết áo.

- Chẳng nhẽ ta chia tay nhau mà con lại không mang theo một kỷ vật nào của cha? Đây là chiếc đồng hồ của cha. Cha cho con. Nó chẳng có giá trị gì lớn lắm, nếu đáng giá, cha đã bán đi rồi. Nó chạy không được tốt, thỉnh thoảng lại phải lấy ngón tay đẩy. Nhưng cuối cùng thì lúc này cha chỉ còn có thế.

Nói xong ông đặt chiếc đồng hồ vào tay tôi, rồi thấy tôi có vẻ muốn từ chối một món quà tặng quý đến thế, ông buồn bã nói thêm:

- Ở đây cha không cần xem giờ, thời gian chỉ trôi quá chậm mà thôi. Vĩnh biệt con, Rémi bé nhỏ của cha.

Và ông cầm tay tôi dắt ra cửa. Tôi cảm động khôn xiết.

Tôi đứng trên phố khá lâu, rất lâu là khác, không biết nên đi sang trái hay sang phải và có lẽ tôi còn đứng như thế cho đến đêm nếu như tay tôi không bất ngờ chạm vào một vật tròn cứng.

Một cách máy móc và cũng không hiểu mình làm gì, tôi sờ vào nó: hóa ra cái đồng hồ của tôi.

Đúng giữa trưa.

Capi kéo ống quần tôi. Nó sủa lên vui mừng.

- Mà mày muốn gì, Capi?

Nó nhìn tôi, chờ đợi mấy phút, vươn người lên đặt chân vào cái túi có chiếc đồng hồ. Nó muốn xem giờ để nói với "cử tọa đáng kính" như thời làm việc cùng cụ Vitalis.

Tôi cho nó xem; nó nhìn khá lâu như cố nhớ lại, rồi bắt đầu vẫy đuôi, sủa lên mười hai tiếng. Thế là nó vẫn không quên. A! Chúng tôi sẽ kiếm được tiền với cái đồng hồ này đây! Thêm một điều tôi không tính đến.

Vì chuyện này diễn ra giữa phố ngay cửa nhà tù, có nhiều người đứng lại tò mò nhìn chúng tôi. Giá mà dám thì tôi đã chơi ngay một buổi biểu diễn nhưng vì sợ cảnh sát nên tôi thôi.

Nghề của tôi lúc này cần nhất là một cái bản đồ nước Pháp, tôi biết người ta bán nó dưới kè sông, tôi quyết định mua một cái. Tôi đi về phía kè.

Tới nhà thờ Saint - Médard, hình như tôi nhận ra đứa trẻ đang đứng dựa vào tường nhà thờ, đứa trẻ kỳ lạ mà tôi đã nhìn thấy ở nhà Garifoli, vẫn đôi mắt ướt ấy, vẫn vẻ dịu dàng nhẫn nhục ấy.

Tôi lại gần, nó nhận ra tôi.

- Có phải anh, nó nói, đến nhà Garifoli cùng với cụ già râu bạc trước hôm tôi vào bệnh viện không nhỉ?

- Tôi đấy. Garifoli vẫn là chủ anh à?

- Người ta đã bắt hắn rồi vì hắn đánh một đứa trẻ nhiều quá đến nỗi nó chết.

Lần đầu tiên tôi thấy nhà tù có ích.

- Bọn trẻ con thì sao? - Tôi hỏi.

- À! Tôi có biết gì đâu. Tôi vào bệnh viện vì thằng cha Garifoli đối xử với tôi tệ quá đến nỗi tôi ốm. Ở bệnh viện ra tôi về lại chỗ Garifoli thì chẳng còn ai, một người hàng xóm kể lại cho tôi nghe những điều tôi vừa nói với anh. Thành ra tôi mới ở đây, không biết đi đâu, không biết làm gì..Tôi không giàu có gì nhưng tôi đủ để làm cho thằng bé này không đến nỗi chết đói. Tôi chạy đến cửa hàng bánh mì rồi quay về đưa nó một cái bánh mì tròn. Nó vồ lấy nhai ngấu nghiến.

- Còn bây giờ anh định làm gì? - Tôi hỏi nó.

- Tôi không biết. Tôi đang định bán cây vĩ cầm đi, lẽ ra tôi đã bán rồi nếu như việc xa nó không làm cho tôi buồn bã quá. Cây vĩ cầm này là niềm vui, niềm an ủi của tôi, những lúc buồn tôi tìm một chỗ có thể đứng một mình được rồi kéo đàn cho bản thân

mình, lúc ấy tôi nhìn thấy tất cả những thứ đẹp đẽ ở trên trời, còn đẹp hơn cả trong mơ nữa.

- Thế sao anh không kéo đàn trong phố?

- Tôi đã chơi đàn trong phố rồi đấy chứ, nhưng chẳng ai cho tiền cả. Còn anh thì sao? Anh làm gì?

Không hiểu tình cảm khoe khoang trẻ thơ nào đã gây cảm hứng cho tôi:

- Tôi là chủ gánh hát. - Tôi nói.

- Ô! Thế anh có cho tôi nhập vào gánh được không? Tên tôi là Mattia. - Thằng bé nói.

- Nhưng cả gánh hát của tôi chỉ có thế này. - Tôi chỉ vào Capi.

- Cần gì! Ta có hai người. Ôi! Xin anh, đừng bỏ rơi tôi, tôi sẽ ra sao? Tôi làm việc được, chơi vĩ cầm được, làm trật khớp được, nhảy dây được, chui qua vòng được, hát được; anh muốn gì tôi làm nấy! Tôi không yêu cầu tiền, chỉ mong có cái ăn. Tôi mà làm tòi anh cứ việc đánh tôi, chỉ xin anh có một điều: đừng đánh tôi vào đầu.

Nghe Mattia tội nghiệp nói vậy tôi muốn khóc.

- Được. - Tôi bảo nó.

Nó lập tức cầm lấy bàn tay tôi hôn lên đó: nước mắt tôi dâng lên.

- Đi theo tôi, như một người bạn ấy! - Tôi bảo.

Và xóc lại chiếc dây đeo đàn hác-pơ trên vai:

- Tiến lên!

Chỉ một khắc đồng hồ sau chúng tôi ra khỏi Paris.

Gió hanh thánh ba làm đường khô ráo, trên đất cứng đi bộ dễ dàng. Khí trời dịu, mặt trời rực rỡ trên bầu trời không mây..Thật khác biệt biết bao so với cái ngày tuyết rơi mà tôi vào Paris nơi tôi khát khao bao lâu như một vùng đất hứa!

Cuộc du hành của chúng tôi khởi đầu thật đẹp, tôi sai bước trên con đường vang tiếng bước chân với đầy niềm tin. Capi, được tháo dây buộc, chạy quanh chúng tôi, bắt cứ cái gì và chẳng làm sao cũng sửa. Có lẽ nó chỉ vì thích mà sửa.

Bên cạnh tôi Mattia đi không nói năng gì, tôi cũng im lặng.

Tôi đã hứa với Lise đi gặp hai anh của em và chị Étiennette trước em, nhưng tôi không cam kết sẽ thăm ai đầu tiên: Benjamin, Alexis hay chị Étiennette? Tôi đến thăm ai trước tiên sẽ do tôi chọn, nghĩa là tôi có thể đi Cévennes, Charente hoặc Picardie.

Vì tôi ra khỏi Paris về phía nam, tôi chỉ còn chọn hoặc Alexis hoặc chị Étiennette.

Một trong những lý do làm tôi muốn đi xuống phía nam trước, đó là vì mong gặp má Barberin.

Nếu như đã từ lâu tôi không nói tới má, không có nghĩa có thể kết luận là tôi đã quên má. Cũng không nên tưởng rằng tôi là kẻ vô ơn đã không viết thư cho má.

Biết bao lần tôi đã định viết cho má để bảo với má như thế này: "Con luôn nghĩ đến má và yêu má với cả tấm lòng con". Nhưng, một phần vì má không biết đọc, phần khác, nỗi sợ lão Barberin kìm tay tôi lại. Nếu Barberin nhờ thư tôi mà biết tôi ở đâu, hẳn có đòi lại tôi chẳng? Rồi lại đem bán tôi đi lần nữa chẳng? Có lẽ lão có quyền làm việc đó. Nghĩ đến đó thà tôi bị má Barberin buộc tội là vô ơn còn hơn vô phúc lại rơi vào quyền hành của lão Barberin.

Nhưng bây giờ khi mà tôi muốn đi đâu thì đi, tôi có thể gặp lại má lắm chứ. Hơn nữa, vì đã thu nhận Mattia vào "gánh hát" của tôi, tôi thấy vấn đề này cũng dễ thôi. Tôi có thể cử Mattia vào trước, tôi khôn ngoan lùi lại sau. Nó sẽ lấy cứ gì đó vào nhà má Barberin; nếu má có một mình, nó sẽ kể sự thực cho má nghe rồi ra báo cho tôi biết, tôi sẽ vào căn nhà nơi trôi qua tuổi ấu thơ của tôi để sà vào vòng tay bà vú nuôi, còn nếu như lão Barberin đang ở nhà thì Mattia sẽ đề nghị má Barberin đến một chỗ đã hẹn trước để tôi được ôm hôn má.

Vừa đi tôi vừa xây dựng cả một kế hoạch như vậy. Lúc này chúng tôi đang ở giữa chốn đồng quê chúng tôi có thể nghỉ chân một lúc.. Tôi bảo Mattia:

- Nếu anh muốn, chúng ta sẽ nghỉ một chút.
- Vâng nhưng tôi muốn xin anh xưng hô cậu, tớ với tôi.
- Tôi muốn thế lắm.

Thế là nó cười, một cái cười chân thành dịu dàng giờ hét cả răng ra, bộ răng trắng ngà trên khuôn mặt rám nắng.

Tôi lấy bản đồ ra trải trên cỏ. Tôi định hướng khá lâu, cuối cùng vạch ra hành trình của mình như sau: Corbeil, Fontainebleau, Montargis, Gien, Bourges, Saint - Amand, Montlucon. Có thể tới Chavanon được và nếu gặp chút may mắn thì dọc đường chúng tôi sẽ không chết đói.

Trong khi tôi nghiên cứu bản đồ, Mattia quan sát tôi một cách chăm chú.

- Cậu biết đọc ư?
- Có chứ. Thế còn cậu, cậu không biết đọc à?
- Không.
- Thế có muốn học không?
- Ô! Có chứ.
- Được, thế thì tớ sẽ dạy cậu.

Mở cái túi ra tôi bỗng có ý nghĩ xem thử ở trong có những thứ gì. Tôi bèn bày cả ra trên cỏ. Tôi có ba áo sơ mi bằng vải toan, ba đôi tất, năm khăn tay, tất cả đều còn rất mới, và một đôi giày đã bắt đầu cũ.

Mattia lóa mắt.

- Còn cậu, cậu có những gì nào? - Tôi hỏi nó.
- Cây đàn và bộ quần áo mặc trên người.

- Được! - Tôi nói. - Ta sẽ chia ra, vì ta là bạn mà: cậu sẽ có hai áo sơ mi, hai đôi tất, ba khăn tay, có điều là mỗi đứa sẽ đeo cái túi trong một giờ đồng hồ.

Mattia muốn từ chối phần đầu của lời đề nghị, nhưng tôi đã có thói quen chỉ huy, tôi không cho nó cãi lại.

Tôi bày cái túi nội trợ mà chị Étiennette cho tôi trên mấy chiếc áo sơ mi, cả cái hộp trong đựng bông hoa hồng của Lise nữa. Mattia muốn mở cái hộp ra nhưng tôi không cho phép, tôi cất cái hộp đó vào túi.

- Nếu cậu muốn làm vui lòng tớ, tôi bảo nó, thì đừng bao giờ mở cái hộp này ra. Đó là một quà tặng.

Từ khi trở lại khoác tấm da cừu và khoác cây đàn hác-pơ, có một điều làm tôi khá lúng túng, đó là chiếc quần của tôi. Nghệ sĩ không mặc quần dài. Để xuất hiện trước công chúng phải mặc quần cụt, đi tất trên có buộc chéo những sợi ruy-băng.

Tôi bèn mở cái túi nội trợ của chị Étiennette ra, cầm lấy cái kéo.

- Trong khi tớ sửa cái quần, tôi bảo Mattia, cậu cho tớ biết tài nghệ chơi vĩ cầm của cậu nào.

Nó cầm lấy đàn và bắt đầu chơi.

Trong thời gian đó tôi dững cảm đưa mũi kéo vào cắt quần.

Thoạt đầu tôi vừa cắt quần vừa nghe Mattia, sau rồi chẳng mấy chốc tôi dừng hẳn lại lắng tai lên nghe: Mattia chơi vĩ cầm chẳng kém gì cụ Vitalis.

Tôi vừa vỗ tay vừa hỏi nó:

- Ai dạy cậu đàn thế?

- Mỗi người một tí, chủ yếu tự học trong khi làm việc. Tớ chơi những gì nghe được ở người khác.

Đến lượt tôi, tôi cũng muốn tỏ cho Mattia biết mình cũng là một tay chơi nhạc không tồi: cầm lấy đàn hác-pơ tôi hát một khúc mà tôi yêu thích.

Thế là, như giữa những nghệ sĩ với nhau, Mattia đáp lại lời ca của tôi bằng những cái vỗ tay.

Nhưng, sau khi chơi nhạc cho vui cũng phải nghĩ đến chơi nhạc để có cơm chiều, có chỗ ngủ nữa chứ. Chúng tôi lại lên đường.

- Cậu dạy tớ bài hát của cậu đi, Mattia nói, ta sẽ cùng hát, tớ nghĩ chẳng bao lâu tớ sẽ đệm vĩ cầm được, như thế rất hay.

Sau Villejuif, chúng tôi đến một ngôi làng nọ. Khi qua cổng một cái trại chúng tôi thấy trong sân đầy người: đang có đám cưới.

Tôi chợt có ý nghĩ họ cần có người chơi đàn để nhảy, thế là tôi bước vào, theo sau là Mattia và Capi. Tay ngả mũ chào thật cung kính, tôi đề nghị với người đầu tiên gặp trên đường vào.

Đó là một chàng thanh niên to lớn có vẻ dễ chịu, tính tình điềm đạm.

- Này, các vị ơi, anh ta gọi, các vị nghĩ sao nếu có chút nhạc? Ta đứng vào nhảy ca-đri nào!

Chỉ vài phút sau ai nấy đứng thành từng nhóm ở giữa sân để nhảy.

- Cậu có chơi được điệu nhảy ca-đri không? - Tôi hỏi khẽ Mattia vì tôi khá lo lắng.

- Được.

Nó kéo thử đàn vĩ cầm cho tôi nghe, may mà tôi cũng biết điệu ấy. Thế là chúng tôi thoát hiểm.

Người ta đem một cái xe bò từ trong nhà để xe ra, cho chúng tôi lên đó. Tuy chưa hòa nhạc với nhau bao giờ nhưng chúng tôi cùng chơi điệu nhảy ca-đri không đến nỗi dở. Cũng may chúng tôi chơi ở đây cho những đôi tai không sành nhạc cũng không khó tính lắm.

- Có cậu nào trong hai cậu biết chơi kèn đẫy coóc-nê không nhỉ? - Anh thanh niên to lớn hỏi chúng tôi.

- Có, có, Mattia trả lời, nhưng tôi không có kèn.

- Để tôi đi kiểm, vĩ cầm thì hay thật đấy nhưng hơi nhạt nhẽo.

- Cậu chơi cả kèn đấy nữa cơ à? - Tôi hỏi Mattia.

- Cả kèn tơ-rôm-pét có rãnh, cả sáo, tất cả các nhạc cụ.

Quả thằng bé đáng quý thật.

Chẳng mấy chốc kèn coóc-nê được mang đến, chúng tôi lại cùng chơi khúc nhảy ca-đri, pôn-ka, van-xơ... cứ như thế cho đến tối.

Chúng tôi mệt rã rời. Cô dâu xuất hiện.

- Thôi thôi, cô nói, hai đứa trẻ không đàn nổi nữa rồi. Chuẩn bị đặt tay vào túi tiền đi nào.

- Nếu cô cho phép, tôi nói với cô, chúng tôi sẽ cho thủ quỹ của chúng tôi đi thu tiền ạ.

Tôi ném cái mũ của mình cho Capi, nó ngậm vào mõm. Mọi người vỗ tay rầm rập khi thấy nó duyên dáng chào người ta mỗi khi người ta cho tiền, nhưng điều đáng giá hơn đối với chúng tôi là người ta cho nhiều lắm. Tôi theo dõi thấy những đồng bạc trắng xóa rơi xuống mũ, cuối cùng chú rể bỏ vào một đồng năm phrăng.

Chưa phải đã hết. Người ta mời chúng tôi vào bếp ăn cơm và cho chúng tôi ngủ trong vựa thóc. Sáng hôm sau, khi rời căn nhà mền khách đó chúng tôi có vốn liếng là hai mươi tám phrăng. Cả một tài sản!

- Nhờ cậu mà có đấy, Mattia ạ. - Tôi bảo bạn tôi. - Một mình tớ thì làm sao thành ban nhạc được.

Chúng tôi lại lên đường, lòng thênh thang đầy hy vọng. Cuối cùng tương lai mỉm cười với chúng tôi chẳng?

MỤC LỤC

CHƯƠNG 9 : MỘT THÀNH PHỐ ĐEN	2
CHƯƠNG 10 : NGẬP LỤT	12
CHƯƠNG 11 : ÂM NHẠC VÀ CON BÒ CÁI.....	24
CHƯƠNG V: TÌM KIẾM	57
CHƯƠNG VI : CHA VÀ MẸ DANH DỰ	66
CHƯƠNG VII : NHỮNG ĐÊM GIÁNG SINH.....	78
CHƯƠNG VIII : TÀU THIÊN NGA.....	94
CHƯƠNG IX : TRONG GIA ĐÌNH.....	109

CHƯƠNG 9 : MỘT THÀNH PHỐ ĐEN

Chúng tôi lại lên đường, không đói không mệt với hai mươi tám phrăng trong túi nhờ sự đón tiếp nồng nhiệt mà người ta đã dành cho chúng tôi nhân một đám cưới ở gần Villejuif.

Phải nói rằng chúng tôi đã toàn tâm toàn lực chơi đàn cho cô dâu và các khách mời của cô nhảy.

Với hai mươi tám phrăng trong túi, chúng tôi là hai vị chúa tể, khi tới Corbeil tôi đã có thể mua thoải mái một số thứ không đại dột chút nào: trước hết là một cây kèn đẫy cũ ở một cửa hàng sắt tuy không mới không đẹp nhưng được lau chùi kỹ càng bảo dưỡng cẩn thận, rất được việc cho chúng tôi; rồi những dây ruy-băng đỏ để buộc vào tất, cuối cùng một túi cũ của quân đội cho Mattia. Khi rời Corbeil, sau khi trả hết tiền những thứ đã mua, túi tiền chúng tôi có ba mươi phrăng bởi vì những cuộc biểu diễn ở đây của chúng tôi thu được khá nhiều. Chúng tôi điều hòa các tiết mục sao cho ở lại nơi này được nhiều ngày. Sau nữa Mattia và tôi rất hợp nhau, đến nỗi coi nhau như hai anh em ruột.

Sau khi rời Corbeil chúng tôi tiến về Mon-targis để tới nhà má Barberin.

Bây giờ tôi đã giàu, tôi phải có quà tặng má chứ.

Chẳng phải tìm tòi gì lâu. Có một thứ sẽ có thể làm má sung sướng hơn tất cả mọi thứ: đó là một con bò cái.

Cái chính lúc này là làm sao biết giá. Lần đầu tiên tôi hỏi một ông lái bò ông này cười vào mũi tôi để trả lời. Nhưng tôi không để người ta làm cho bối rối.

- Phải cho sữa tốt lại không ăn quá nhiều.

Ông ta có một con bò cái đúng theo yêu cầu của tôi, nếu đưa ông năm mươi ê-quy thì con bò sẽ thuộc về tôi.

Còn lâu tôi mới có đủ món tiền lớn đó.

Chẳng lẽ không mua nổi nó sao? Khéo không mua nổi mắt. Nhưng nếu vận may vẫn đến với chúng tôi như những ngày đầu tiên thì tôi có thể thu thập từng xu một lăm chứ! Chỉ cần có thời gian thôi.

Lúc đó một ý tưởng mới nảy ra trong óc tôi.

Đáng lẽ đầu tiên đi Chavanon thì hãy đi Varses đã, như vậy chúng tôi sẽ có đủ số thời gian bị thiếu nếu đi thẳng tới Chavanon.

Phải đi Varses trước đã, lúc về mới tới nhà má Barberin.

Buổi sáng tôi thông báo cho Mattia ý tôi, Mattia không phản đối gì cả.

Chúng tôi mất ba tháng mới vượt qua ngàn ấy cây số, nhưng tới gần Varses tôi vui mừng đếm tiền thấy mình đã tận dụng tốt thời gian: chúng tôi có một trăm hai mươi tám phrăng, chỉ thiếu hai mươi hai phrăng là mua được con bò cái.

Từ Varses tới Chavanon chắc chắn chúng tôi sẽ kiếm được khá.

Varses, cách đây một trăm năm, chỉ là một ngôi làng nhỏ hẻo lánh giữa núi non. Thật quả trên mặt đất thật hiu quạnh: chỉ có đá vôi, đất truông, không cây cối ngoài đây đó mấy cây dẻ, cây dâu tằm và vài cây oliviers còm cõi; đất không trồng trọt được, chỗ nào cũng thấy đá xám, đá trắng; chỉ những nơi đất hơi sâu một chút mới có chút ẩm thấp để một ít thực vật sống được làm nổi bật lên trông rất vui mắt.

Vì nơi đây trơ trụi như thế nên hay xảy ra những trận lụt kinh khủng: mỗi khi trời mưa, nước cứ chảy theo những sườn dốc trụi cây như trên một đường phố lát đá và những con suối xưa nay cạn khô nay chảy ào ào như thác làm cho bỗng chốc bao nhiêu sông trong thung lũng đầy ắp lên rồi tràn ra, chỉ vài phút nước ngập đến năm mét và hơn cả thế nữa.

Khi chúng tôi tới ngoại vi Varses là ba giờ chiều, mặt trời rực rỡ tỏa trên bầu trời trong vắt, nhưng càng tiến tới ngày càng tối đi;

giữa bầu trời và mặt đất một đám mây khói dày đặc bốc từ những ống khói nặng nề ra xâu xé lẫn nhau rồi lan dài ngọt ngào. Từ hơn một giờ nay chúng tôi nghe thấy những tiếng vù vù rất mạnh, những tiếng rì rào như tiếng rì rào của biển cùng với những tiếng đập đùng đục. Tiếng vù vù thì là tiếng quạt rồi còn những tiếng đục là tiếng búa và tiếng vồ.

Tôi chỉ biết chú của Alexis là công nhân mỏ làm việc ở mỏ Truyère và chỉ có thế. Chú ở Varses hay ngoại ô Varses?

Vào tới làng tôi hỏi thăm mỏ ở đâu, người ta chỉ cho tôi đến bờ bên trái của con sông Di-vonne.

Người ta cũng cho chúng tôi địa chỉ của chú Gaspard, chú ở cách đây một quãng ngắn trong một phố quanh co và dốc đứng từ ngọn đồi xuống con sông.

Khi hỏi thăm ông thì một người đàn bà đang nói chuyện với một bà hàng xóm đã trả lời là làm việc xong đến sáu giờ ông mới về.

- Thế cháu hỏi ông ấy có việc gì?

- Cháu muốn gặp Alexis.

Bà bèn nhìn tôi từ đầu đến chân và nhìn Capi.

- Cháu là Rémi phải không? Alexis có nói chuyện với chúng tôi, nó đợi cháu đến đây. Thế còn cậu này là ai?

- Là bạn cháu ạ.

Đó là bà thím của Alexis. Tôi cứ tưởng bà ta mời chúng tôi vào trong nhà nghỉ ngơi vì đôi chân đầy bụi cũng như khuôn mặt sạm nắng gió của chúng tôi cho biết rõ chúng tôi mệt lắm; thế nhưng bà ta chẳng làm gì cả chỉ nhắc lại là nếu chúng tôi quay lại lúc sáu giờ thì sẽ gặp Alexis.

Cách đón tiếp như vậy làm chúng tôi không muốn quay lại nhà làm gì nữa, chúng tôi đi đến đợi Alexis ở cửa vào mỏ lúc gần sáu giờ. Tôi đứng đó với Mattia và Capi và sau sáu giờ độ vài phút tôi bắt đầu nhìn thấy từ trong đường hầm sâu thẳm và tăm tối

những chấm sáng lớn dần. Đó là những người thợ mỏ tay cầm đèn trở lên chôn ban ngày ban mặt.

Họ đi rất chậm, bước đi nặng nề tựa như bị đau đầu gối vậy, điều đó sau này tôi mới biết, khi mà tôi bước xuống những bậc lên xuống của chiếc thang dẫn xuống mức sâu nhất của mỏ; mặt họ đen như mặt những người nạo ống khói, áo quần và mũ họ phủ đầy bụi than cùng những mảnh bùn ướt. Qua kho để đèn, từng người đi vào treo đèn lên một cái đinh.

Mặc dù rất chú ý tôi không nhìn thấy Alexis, nếu anh không nhảy lên bá cổ tôi hẳn tôi đã để anh đi qua trước mặt mà không biết: đen từ đầu đến chân như thế bây giờ anh đâu còn giống người anh của tôi vẫn thường chạy trên những lối đi ở vườn xưa kia?

- Đây là Rémi. - Anh vừa nói vừa quay lại phía một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi đi bên cạnh.

Tôi biết ngay đấy là chú Gaspard.

- Bọn chú chờ cháu đã lâu. - ông hiền từ nói.

Capi mừng rỡ vì gặp lại Alexis. Trong khi đó tôi giải thích cho chú Gaspard rằng Mattia là một người bạn của tôi, một cậu bé rất khá mà tôi đã quen từ lâu, chơi kèn đay không kém gì ai.

- Còn đây là Capi chứ gì, - chú Gaspard nói, - ngày mai là chủ nhật: nghỉ ngơi xong bọn cháu biểu diễn cho chúng tôi xem một buổi nhé. Alexis nói là con chó này thông thái hơn cả một ông giáo hoặc một kịch sĩ đấy.

Tôi lúng túng trước mặt bà thím bao nhiêu thì thoải mái với ông chú bấy nhiêu.

Khi sắp sửa về tới nhà, chú Gaspard lại gần chúng tôi:

- Bọn cháu ăn tối với chúng tôi nhé.

Chưa bao giờ có một lời mời nào làm tôi vui đến thế bởi vì tôi đang tự hỏi liệu đến cửa chúng tôi có phải chia tay nhau hay không, cách đón tiếp của bà thím chẳng làm tôi mảy may hy vọng.

- Đây là Rémi, - ông nói khi bước vào nhà, - và bạn của cháu.

- Tôi đã gặp các cậu ấy rồi.

Được trôi qua buổi tối cùng ông, tôi thật sung sướng, thật tình mà nói tôi cũng sung sướng. được ăn cơm tối nữa. Suốt từ Paris chúng tôi cứ gặp đâu ăn đấy, ít khi được ăn một bữa cơm thực sự. Thực ra với những gì thu được chúng tôi cũng khá giàu, đủ để ăn những bữa cơm sang trọng trong các quán, nhưng còn phải dành tiền tậu bò nữa.

Cơm tối kéo dài không bao lâu.

- Cháu sẽ ngủ với Alexis nhé. - Chú Gaspard bảo tôi. - Còn Mattia, nếu cháu đồng ý ngủ trong lò bánh mì, chú sẽ làm cho cháu một cái giường đệm rơm.

Tối và phần lớn đêm đó tôi và Alexis dùng để bàn chuyện.

Chú Gaspard là thợ cuốc than, nghĩa là ông cuốc than trong mỏ bằng một cái cuốc chim. Alexis là người đẩy goòng, có nghĩa đẩy than trên một toa xe gọi là xe goòng trên đường ray từ nơi than được cuốc ra cho tới một cái giếng. Xe goòng trong có chứa than khi đến giếng được móc vào một dây cáp có máy đưa lên trên mặt đất.

Dù cho mới là thợ mỏ có ít lâu, Alexis đã yêu mỏ, tự hào về mỏ, theo anh đó là cái mỏ đẹp nhất, lý kỳ nhất xứ sở này, anh đặt vào câu chuyện kể của mình tất cả tầm quan trọng của một người khách phương xa đến từ vùng đất lạ tìm được những đôi tai chú ý lắng nghe mình.

Alexis tiếp tục kể về cuộc sống của mỏ, những hiểm nguy của mỏ như vụ nổ ga khủng khiếp tức là nổ khí mỏ vài tuần trước đây làm chết hàng chục công nhân mỏ, tai nạn này gây cho anh một ấn tượng rất mạnh.

Những gì Alexis kể kích thích trí tò mò của tôi đến nỗi tôi muốn xuống mỏ nhưng muốn xuống mỏ phải là thợ mỏ đã.

Tuy nhiên, một sự tình cờ đã khiến tôi cảm nhận được tất cả nỗi hãi hùng đôi khi vẫn đe dọa thợ mỏ.

Tối hôm trước ngày tôi lên đường, Alexis về nhà với một bàn tay bị giập do một tảng than rơi vào. Một ngón tay anh nát ra đến một nửa, cả bàn tay giập tím bầm lại.

Bác sĩ của công ty đến nhà thăm và băng bó cho anh. Vết thương không trầm trọng như Alexis phải nghỉ việc.

Chú Gaspard có tính cách là đời làm sao ông chấp nhận làm vậy, chẳng buồn chẳng giận bao giờ, nhưng có một điều khiến ông mất cả hiền lành: đó là có cái gì cản trở công việc của ông..Khi biết Alexis phải nghỉ làm việc trong nhiều ngày, ông kêu tướng lên. Ai sẽ đẩy xe goòng trong suốt thời gian này? Chẳng có ai thay nó cả, mở đang thiếu người nhất là trẻ con.

Ông đi tìm một người đẩy xe goòng nhưng lại về không. Ông bắt đầu phàn nàn.

Thấy ông buồn và hiểu vì sao ông buồn, đồng thời cảm thấy có nghĩa vụ trong trường hợp này, mình nên có cách riêng để đền đáp lòng hiếu khách của ông đã dành cho chúng tôi, tôi bèn hỏi ông đẩy goòng có khó lắm không.

- Chỉ việc đẩy nó trên đường ray.
- Xe có nặng không ạ?
- Không đến nỗi nặng lắm.
- Alexis đẩy được thì chắc là cháu cũng đẩy được.

Ông cười ồm lên nhưng sau đó trở lại đứng đắn ngay:

- Cháu là cậu bé tốt quá, đúng thế đấy, ngày mai cháu xuống mỏ với chú. Đúng là cháu giúp chú, nhưng có lẽ cũng có ích cho cháu. Nếu cháu thấy thích công việc này, thì nó còn hơn là cứ lang thang trên đường.

Nhưng nếu như thế thì Mattia sẽ làm gì? Tôi bèn hỏi nó có muốn cùng Capi đi biểu diễn trong vùng lân cận không thì nó đồng ý.

- Tớ sẽ rất hài lòng tự mình kiếm nốt tiền tậu bò. - Nó cười nói.

Qua ba tháng chúng tôi cùng ở với nhau, sống giữa không khí thoáng đãng, Mattia đã khác xa cậu bé ốm yếu mà tôi gặp đang đứng dựa vào nhà thờ Saint - Médard. Mặt trời và cuộc sống ngoài trời đã đem lại sức khỏe cho nó, làm nó vui lên. Suốt hành trình lúc nào nó cũng vui, cũng cười. Nếu không có nó không hiểu tôi sẽ ra sao?

Chúng tôi thỏa thuận với nhau trong thời gian tôi xuống mỏ Mattia sẽ đi biểu diễn để tăng thêm thu nhập.

Sáng hôm sau người ta đưa cho tôi bộ quần áo lao động của Alexis. Tôi đi theo chú Gaspard.

- Chú ý vào nhé, - ông đưa cái đèn cho tôi, - cứ theo chú mà đi.

Chúng tôi đi sâu vào đường hầm, ông đi trước.

- Cháu mà trượt chân ở bậc thang thì bám chặt vào nhé, ở dưới kia sâu lắm và cứng lắm đấy..Không cần phải nghe những lời dặn dò này tôi đã đủ xúc động rồi, bởi vì từ chỗ ánh sáng bước vào trong đêm tối, từ mặt đất bước vào trong lòng đất, ai chẳng thấy xôn xang trong lòng.

Theo bản năng tôi quay lại phía sau: ban ngày chỉ còn là một chấm sáng nhỏ tít tận đầu kia. Tôi theo kịp bước chân chú Gaspard rất nhanh.

- Đến bậc thang rồi đây này. - Chẳng bao lâu ông nói.

Chúng tôi đến trước một cái lỗ đen ngòm và trong cái chiều sâu mà mắt tôi không thể lường nổi tôi thấy những vệt sáng đung đưa, ở đầu vào thì lớn sau cứ nhỏ dần đến độ chỉ còn là những chấm nhỏ khi chúng cứ càng ngày càng xa đi. Đó là đèn của những thợ mỏ đã vào mỏ trước chúng tôi. Tiếng họ nói chuyện nghe như tiếng rì rầm vắng tới tận tai chúng tôi nhờ một luồng không khí âm ẩm thổi vào mặt, luồng không khí có mùi gì đó mà lần đầu tiên tôi nghĩ thấy: nó như mùi ê-te lẫn với mùi ét-xăng.

Khi tới nơi làm việc, chú Gaspard chỉ cho tôi phải làm những gì, và khi goòng đầy áp than, ông cùng đẩy với tôi để dạy tôi cách

đẩy goòng tới tận giếng, dạy tôi cách đưa goòng vào những đường tránh khi gặp những người đẩy xe goòng tới từ phía ngược lại.

Kể cũng có lý khi nói rằng nghề này không lấy gì làm khó lắm, sau vài giờ nếu như tôi chưa trở nên thành thạo thì cũng có thể gọi là làm được. Chỉ chưa khéo lắm chưa quen lắm mà thôi, bù vào đó tôi buộc phải mất nhiều sức hơn, kết quả là làm được ít hơn và mệt nhiều hơn.

Cạnh nơi chú Gaspard làm việc, có một người đẩy goòng láng giếng với tôi, lẽ ra là một đứa trẻ như tôi và các bạn tôi, thì lại là một cụ già râu bạc trắng; nói bạc trắng vì vào ngày chủ nhật, ngày ai nấy tắm rửa sạch sẽ, bởi qua cả một tuần lễ, ngày thứ hai râu xám ngày thứ bảy râu đen. Cụ đến ngoài sáu mươi tuổi. Ngày xưa, thời còn trẻ, cụ là thợ gỗ, có nghĩa chịu trách nhiệm bảo trì các cột chống bằng gỗ để chống hầm, nhưng sau một vụ sập hầm cụ bị nghiền nát ba ngón tay đành phải bỏ nghề. Công ty của cụ có cho cụ một chút tiền trợ cấp vì tai nạn này xảy ra khi cụ cứu ba công nhân bạn. Cụ sống bằng tiền trợ cấp đó được vài năm. Công ty của cụ phá sản, cụ chẳng còn nguồn nào mà sống, chẳng thuộc diện nào, cụ phải vào mỏ. Truyềre đẩy goòng. Họ gọi cụ là cụ giáo, bởi vì cụ hiểu biết nhiều điều mà các thợ cuốc, thợ mỏ bậc thầy còn phải chịu, những người này sẵn sàng nói lên như vậy.

Trong giờ ăn cơm chúng tôi làm quen với nhau và cụ thân với tôi rất nhanh. Ở trong mỏ thường người ta ít nói vì thế người ta gọi chúng tôi là những người hay chuyện.

Những câu chuyện kể của Alexis không cho tôi biết hết những điều tôi muốn biết, những câu trả lời của chú Gaspard cũng không làm tôi thỏa mãn, bởi vì khi tôi hỏi chú:

- Than đá là gì hả chú?

Thì lúc nào chú cũng chỉ trả lời:

- Là than tìm được ở trong đất.

Nhưng khi tôi hỏi cụ giáo cũng câu hỏi ấy thì cụ lại trả lời khác hẳn:

- Nó không gì khác chỉ là than gỗ mà thôi: đáng lẽ cho vào lò sưởi những cái cây của thời đại chúng ta, ta lại cho vào đó cây cối mọc trong những khu rừng cổ đại đã biến thành than do sức mạnh của thiên nhiên, do cháy rừng, do núi lửa, do động đất.

Và khi tôi ngạc nhiên nhìn cụ thì cụ nói:

- Hôm nay ta không có thì giờ nói về chuyện đó, nhưng mai là chủ nhật, cháu đến tôi, tôi sẽ giải thích cho cháu.

Ngày hôm sau tôi nói với chú Gaspard là mình đến thăm cụ giáo.

- À, chú cười, thế là cháu đã tìm được người để chuyện trò rồi đấy hả, đi đi, nếu lòng cháu muốn vậy. Chỉ có điều là nếu như cháu học được cái gì ở cụ thì cũng đừng lên mặt ta đây nhé.

Tôi bước vào thì cụ ra đón tôi.

- Tôi đã gọi món biroulade rồi đấy, bởi vì tuổi trẻ có tai có mắt nhưng cũng có cả cổ họng nữa, muốn làm bạn với họ cách tốt nhất là làm thỏa mãn cả yết hầu họ.

Món biroulade là món hạt kê nướng ngâm vào rượu trắng, ở vùng Cévennes này được mời ăn món đó là một vinh dự.

- Sau khi ăn món biroulade, tôi sẽ cho cháu xem bộ sưu tập của tôi.

Bộ sưu tập này vô cùng phong phú, ít nhất là theo đánh giá của tôi, nó chiếm toàn bộ chỗ ở của cụ, trên các bàn và các giá nếu là vật mẫu nhỏ, vật mẫu lớn thì xếp dưới đất.

Đã từ hai mươi năm nay, cụ sưu tầm tất cả những cái gì mà cụ thấy hay hay gặp trong khi làm việc, và bởi vì khu mỏ ở lưu vực sông Cère và sông Divonne rất nhiều thực vật hóa đá, cụ có những mẫu rất hiếm mà nhà địa chất học và tự nhiên học nào có được hẳn phải vô cùng sung sướng.

Cụ vội nói và tôi cũng chăm chú nghe:

- Bởi vì cháu muốn biết thế nào là than đá, cháu hãy nghe đây: mặt đất nơi chúng ta ở không phải lúc nào cũng như ngày nay. Có những thời kỳ mà nước ta phủ đầy loại cây giờ đây chỉ mọc

ở những nước nhiệt đới. Rồi bỗng nhiên có một cuộc cách mạng, toàn bộ lớp thực vật này bị thay thế bằng một lớp thực vật khác hẳn, đến lượt nó lại bị thay thế bởi một lớp khác nữa, cứ như thế trong hàng ngàn, hàng triệu năm. Cây nhỏ cây lớn tích tụ lại, vừa phân hủy vừa chồng lên nhau sinh ra nhiều lớp than đá. Tôi sẽ cho cháu xem những mẫu lấy từ vỉa ta gọi là tầng hay là mái còn mang dấu ấn của cây cối, được giữ như là thảo mộc giữa những tờ giấy của tập mẫu thảo mộc.

Cuộc viếng thăm của tôi kéo dài đến đêm vì cụ hiểu biết quá nhiều và những lời giải thích của cụ làm tôi say mê.

CHƯƠNG 10 : NGẬP LỤT

Ngày hôm sau chúng tôi lại xuống mỏ.

Tôi vừa đẩy chiếc xe goòng về phía giếng Sainte - Alphonsine lần thứ ba thì nghe thấy từ phía giếng một tiếng gầm khủng khiếp. Có chỗ nào sạt lở hay toàn bộ hầm bị sứt? Tôi lắng nghe, tiếng huyền não vẫn tiếp tục và dội đi tứ phía.

Cảm tưởng đầu tiên của tôi là khiếp vía lên được, tôi nghĩ đến việc chạy trốn về phía thang nhưng vì đã nhiều lần bị mọi người chế giễu vì thói nhút nhát nên tôi xấu hổ mà đứng lại.

Bỗng nhiên một lũ chuột luôn qua hai chân tôi mà chạy: rồi hình như tôi nghe thấy một tiếng lạ lùng lướt trên mặt đất và trên thành hầm với tiếng nước vỗ. Nơi tôi đứng vốn hoàn toàn khô cơ mà. Tôi lấy đèn soi rồi cúi xuống nhìn mặt đất.

Đúng là nước, nước từ giếng đến và ngày càng dâng lên trong hầm. Bỏ xe goòng trên đường ray tôi chạy về nơi công trường làm việc.

- Chú Gaspard ơi, trong mỏ có nước!

- Vớ vẩn!

- Chú nghe mà xem.

Giọng tôi xúc động đến nỗi chú Gaspard ngừng cuộc để nghe, vẫn cái tiếng đó ngày càng to hơn, nghe càng thê thảm hơn. Không còn nhầm lẫn gì nữa.

- Chạy nhanh đi thôi. - ông bảo tôi.

Chú cầm lấy đèn, bao giờ đó cũng là động tác đầu tiên của người thợ mỏ, rồi lên ngay vào đường hầm.

Chưa đi được mười bước thì tôi thấy cụ giáo cũng xuống đường hầm.

Mực nước tăng rất nhanh, lúc này đã lên tới đầu gối làm chúng tôi tiến rất chậm. Cả ba chúng tôi lúc đi qua các công trường làm việc đều kêu to:

- Chạy đi, nước vào mỏ rồi!

Mực nước tăng với một tốc độ hoảng loạn, may thay chúng tôi ở ngay gần thang nếu không không thể nào đến đó được. Cụ giáo tới thang trước tiên.

- Anh và cháu lên trước đi. Tôi già rồi, lương tâm yên ổn.

Lúc này chẳng câu nệ lễ phép làm gì nữa, chú Gaspard lên trước, tôi theo sau rồi đến cụ giáo, sau cụ một quãng cách khá xa mới đến vài công nhân theo kịp chúng tôi.

Chưa bao giờ bốn mươi mét gần cách mức sâu thứ hai với mức sâu thứ nhất của mỏ được vượt nhanh như thế! Nhưng vừa tới nấc thang trên cùng thì một làn sóng nước ủa xuống đầu chúng tôi làm đèn của chúng tôi tắt ngóm. Thật là một thác nước!

- Giữ cho chặt vào! - Chú Gaspard kêu.

Chú, cụ giáo và tôi, chúng tôi bám thật chặt vào nấc thang để chống cự lại, những người đằng sau chúng tôi bị sóng kéo đi luôn, và chắc chắn là nếu chúng tôi còn phải leo mười nấc thang nữa hẳn chúng tôi cũng như họ đã bị rơi xuống rồi bởi vì chỉ ngay sau đó thác nước trở thành một khối lở ụp xuống.

Lên tới mức trên cùng rồi chúng tôi vẫn chưa thoát, muốn lên khỏi mỏ còn năm mươi mét nữa và ngay cả tầng hầm này cũng có nước, ánh sáng thì không có..- Ta nguy rồi. - Cụ giáo nói với giọng hầu như bình tĩnh. - Rémi cháu cầu kinh đi.

Cùng lúc đó có bảy tám ánh đèn chạy tới chỗ chúng tôi, nước lên tới đầu gối chúng tôi, không cần cúi xuống tay chúng tôi cũng chạm vào nước. Đó không phải là một thứ nước lạnh mà là luồng nước cuốn, vừa trôi nó vừa kéo theo những tảng gỗ quay cuồng như những chiếc lông chim.

Những người cầm đèn mà chúng tôi nhìn thấy định theo đường hầm đi tới thang và những bậc thang ở gần đấy, nhưng

trước dòng thác như thế này thì việc đó không thể làm nổi bởi vì làm sao mà đẩy ngược được dòng nước cũng như kháng cự lại được sức thúc của nước và những tảng gỗ nó cuốn theo?

Họ cũng thốt ra lời mà cụ giáo thốt ra lúc nãy:

- Chúng ta nguy rồi!

Họ tiến đến chỗ chúng tôi.

- Đi lối này, phải rồi. - Cụ giáo nói, cụ là người duy nhất trong chúng tôi còn giữ được chút bình tĩnh. - Nơi duy nhất ta trú ẩn được là nơi công trường cũ ấy.

Công trường cũ là một phần của mỏ đã bị bỏ đi từ lâu không ai lai vãng trừ cụ giáo, cụ vẫn thường tới thăm khu đó mỗi khi cần tìm hiểu một điều lạ lùng nào đó.

- Các anh quay lại đi, - cụ ra lệnh, - đưa tôi một cái đèn, tôi sẽ dẫn các anh đi.

Bình thường mỗi khi cụ nói người ta hay giễu cụ đôi chút nhưng lúc này tất cả mấy cái đèn đều được đưa ra. Cụ vội vàng cầm lấy một chiếc, tay kia kéo tôi đi, cụ dẫn đầu cả đoàn. Vì chúng tôi đi cùng chiều với dòng nước nên đi khá nhanh.

Sau khi đi dọc theo đường hầm một lát, cụ dừng lại.

- Ta không còn thời gian nữa rồi. Nước lên nhanh quá.

Quả thật nước mau chóng chiếm cứ chúng tôi, từ đầu gối tôi nó lên tới háng, từ háng lên đến ngực.

- Phải trèo vào một dốc ngách hầm thôi. -Cụ giáo nói.

- Sau đó thì sao? Dốc ngách hầm chẳng dẫn đến đâu cả!

Quả thực đó là một cái túi cùng, nhưng chúng tôi không còn thời gian chờ đợi và chọn.lựa, hoặc vào một dốc ngách hầm và có lấy vài phút trước mặt có nghĩa hy vọng sống sót hoặc cứ theo đường hầm mà đi dù biết chắc chắn chỉ vài giây là bị chìm chìm.

Cụ giáo dẫn đầu, chúng tôi đi vào trong một dốc ngách hầm. Hai người trong số chúng tôi cứ đi theo đường hầm, chúng tôi không bao giờ trông thấy họ nữa.

Trong mỏ là một sự huyền ảo đáng sợ: tiếng đất đá sứt lở, tiếng nước xoáy, tiếng nước đổ xuống, tiếng gậy rặng rắc của gỗ chống hầm, tiếng không khí bị nén nổ bùng, tất cả làm chúng tôi sống sờ mê muội.

- Tận thế chứ không còn là cái gì nữa!

- Lay Trời, hãy thương chúng con!

Suốt từ lúc vào trong dốc ngạch hầm, cụ giáo không nói gì nữa, tâm hồn cụ bay bổng cao hơn những lời phàn nàn vô tác dụng.

- Các con ơi, - cụ nói, - không thể để ta mệt thế được, nếu ta cứ dùng tay chân mà bấu vào vách dốc của ngạch hầm như thế chẳng mấy chốc ta sẽ rời rã, phải đào lấy những điểm tựa giữa những phiến than đá.

Lời khuyên đó rất đúng nhưng cũng rất khó thực hiện, có ai mang theo cuốc chim đầu, tất cả chúng tôi đều mang đèn nhưng không ai có một dụng cụ nào trong tay.

- Lấy những cái móc ở đèn mà đào. - Cụ giáo nói.

Thế là người nào người ấy bắt đầu đào đất, công việc chẳng dễ dàng gì, vách của ngạch hầm vừa dốc vừa trơn. Nhưng ai cũng biết rằng nếu trượt tay trượt chân một cái là chết, vì thế mọi người đều đào khỏe đều khéo tay. Chỉ vài phút chúng tôi đã đào được một cái hốc đặt chân vào được.

Những tiếng động trong mỏ vẫn dữ dội như trước. Chúng tôi sợ hãi nhìn nhau, người nọ tìm trong mắt người kia lời giải thích mà trí óc của bản thân mình không đem lại được.

Cụ giáo, sau một hồi im lặng, nói tiếp:

- Chúng ta đang ở trong không khí của một cái chuông, không khí bị nước dồn ép tụ lại trong hầm này đến bây giờ lại kháng cự lại nước và đẩy lùi nước. Chẳng khác gì người ta vút một cái cốc úp ngược xuống nước trong một cái xô, nước không bao giờ tràn lên đáy cốc cả. Cái cốc vẫn rỗng nhờ không khí ở trong.

Ở đây cũng thế. Nước không thể lên đến chỗ chúng ta được. Ta không chết đuối nhưng cũng khó mà sống sót. Không khí không thoát đi đâu được vì ngách hầm này đóng kín. Không khí tù hãm thì ta cũng bị tù hãm. Im lặng và sợ hãi bao trùm một lúc.

Cụ giáo lại nói tiếp:

- Theo ý tôi tốt nhất chúng ta nên đào một cái thềm như chiếu nghỉ ở cầu thang ấy, chúng ta có bảy người hai cái thềm là đủ.

Mọi người bắt đầu vào việc, thắp lên bốn cái đèn. Sau ba giờ làm việc không nghỉ, với móc đèn, với dao, chúng tôi đã đào được một cái thềm phẳng có thể ngồi trên đó được.

- Phải tiết kiệm đèn, - cụ giáo nói, - thắp một cái thôi.

Mở lúc này im lặng, dưới chân chúng tôi nước đứng yên. Trong mỏ đầy nước, sau khi tràn ngập tất cả mọi đường hầm từ đáy lên tới trần mỏ, nước giam chặt chúng tôi trong dốc ngách hầm này, giam chặt còn hơn trong những bức tường đá. Cái im lặng âm thầm không sao thâm nhập được còn đáng sợ, đáng ngạc nhiên hơn cả cái ồn ào huyên náo lúc nước vỡ ụp vào. Chúng tôi bị chôn sống trong một nắm mồ.

Không khí nặng nề khó thở, chúng tôi ngột ngạt, tai ong ong lên. Không còn ý niệm nào về thời gian. Bây giờ là trưa hay là sáu giờ chiều?

Bỗng nhiên giữa yên lặng có tiếng chú Gaspard cất lên:

- Theo tôi ấy mà, - ông nói, - chưa ai làm gì để cứu chúng ta cả, ta đã nghe thấy gì đâu.

- Phải làm cho họ thấy là ta còn sống, - cụ giáo nói, - hãy đập vào vách hầm thật mạnh vào.

Không phải chờ, một người trong chúng tôi có đôi bốt to bắt đầu đập mạnh vào vách, tiếng động này cũng như ý tưởng gây ra tiếng động đó làm chúng tôi đỡ đỡ dần. Người ta có nghe thấy tiếng chúng tôi không? Người ta có trả lời chúng tôi không?

Một cuộc tranh luận nổ ra về việc mọi người sẽ dùng cách nào để cứu chúng tôi, kết quả là giả sử có một tập hợp nhân học đến ngoạn mục và trong những điều kiện thật thuận lợi, ít nhất chúng tôi cũng phải ở trong cái ngòi mộ này đến tám ngày. Tám ngày! Khi ý thức được điều này thì chúng tôi không ai bàn luận gì nữa.

- Nghe kìa. - Một người thợ mỏ nói..- Cái gì vậy?
- Có tiếng động trong nước.
- Đó là anh làm rơi một miếng đá đấy.
- Không. Tiếng này đục.

Chúng tôi lắng nghe. Tai tôi vốn rất thính thê mà cũng chẳng nghe thấy gì cả. Những người bạn của tôi, vì đã quen với những tiếng động trong mỏ, phấn khởi hơn tôi.

- Đúng rồi, - cụ giáo nói, - có cái gì đó trong nước thật.
- Tiếng nước chảy xuống thôi.
- Không. Tiếng này không liên tục mà từng hồi đều đặn.
- Từng hồi đều đặn! Ta sống rồi! Các con ơi! Đó là tiếng những chiếc xe ben thả gầu xuống mức nước giếng lên!
- Gầu tát nước!

Thế là cùng một lúc tất cả chúng tôi hòa cùng một giọng lặp lại mấy tiếng này. Và chúng tôi nhòm người lên.

Không khí không còn ngột ngạt nữa, thành của dốc vách hầm không còn đè nặng lên chúng tôi nữa, chúng tôi thở dễ dàng hơn, tim chúng tôi đập mạnh trong lồng ngực.

Tuy nhiên, trước khi nhìn thấy ánh mặt trời, nghe tiếng gió thổi trong cành lá, chúng tôi còn phải ở lại đây trong nhiều ngày dài nghiệt ngã và thế là chúng tôi lại lo buồn tuyệt vọng.

Trong lúc này người ta mau chóng tổ chức cứu nạn, các kỹ sư dẫn đầu đoàn thợ mỏ của các mỏ xung quanh chạy tới. Một đám đông, hốt hoảng vì những tiếng nổ tiếng rung cũng đổ tới.

Một trăm hai mươi người gọi tên không thấy.

- Chồng tôi đâu?

- Cha tôi đâu?

- Trả con tôi đây!

Những giọng nói ngắt quãng, những câu hỏi nghẹn ngào vì nước mắt. Biết trả lời thế nào?

Và công cuộc cứu nạn bắt đầu. Người ta đào cầu may, nhưng họ cứ đào. Người ta đào vào các đường hầm một cách không mệt mỏi, người ta đặt các xe mức nước. Kỹ sư hy vọng là mọi người ẩn trong khu công trường cũ.

Nếu như thời gian thật là dài đối với những người ở ngoài đang tìm cách giải phóng chúng tôi, đối với chúng tôi, những tù nhân bất lực, nó còn đằng đẵng hơn nhiều.

Tiếng xe mức nước chẳng làm cho niềm vui bật phát của chúng tôi lúc ban đầu tồn tại được lâu. Người ta cứu chúng tôi, đó là niềm hy vọng, nhưng tát cạn nước liệu có nhanh không? Đó là nỗi lo lắng.

Đau đớn về tinh thần còn kèm thêm đau đớn về vật chất. Tư thế chúng tôi buộc phải cầm cự trên thềm nghỉ thật vô cùng mệt mỏi, không thể làm được cử động nào cho giãn gân cốt và chúng tôi nhức đầu ghê gớm.

- Ta uống được không nhỉ? - Chú Gaspard hỏi.

- Tha hồ, nước thì thiếu gì, - cụ giáo trả lời, - Rémi sẽ xuống lấy nước, nó nhẹ nhất mà.

- Lấy vào đâu?

- Lấy vào ủng của tôi đây này. - Một thợ mỏ tên là Carrory nói.

Người ta đưa tôi chiếc ủng và tôi chuẩn bị xuống mức nước.

- Chờ một chút, - cụ giáo nói, - để tôi đưa tay cho đã.

Đúng lúc cụ cúi xuống, cụ nhào ra trước và không hiểu cụ lỡ đà hay do lâu không cử động người bị cứng, hoặc vĩa than lở ra dưới sức nặng của cụ, cụ trượt luôn xuống, đầu chúc chìm nghiêm

trong nước. Chiếc đèn cù soi cho tôi cũng biến mất. Ngay lập tức chúng tôi ngập trong bóng tối đen ngòm và một tiếng kêu thất thanh cùng lúc thoát ra từ ngực chúng tôi. Tôi đang trong tư thế xuống nước, tôi ngã ngửa người ra và lao xuống nước chỉ sau cù giáo độ một giây.

Ngay lập tức tôi cảm thấy một bàn tay co quắp bấu vào vai tôi và tôi bị kéo vào trong nước.

Đạp chân một cái tôi ngoi lên: bàn tay vẫn bấu chặt vào tôi.

- Cù giữ chặt lấy cháu, cù giáo ạ, cù được cứu thoát rồi.

Cứu thoát! Cả hai chúng tôi nào có ai được cứu thoát, vì tôi chẳng biết bơi về phía nào.

- Thấp đèn lên. - Tôi nói.

Ngay lập tức ánh đèn xuất hiện, tôi chỉ cần duỗi cánh tay là chạm vào bờ. Chú Gaspard và Carrory đưa tay họ cho chúng tôi, trong khi Pagès, một thợ mỏ khác, soi đèn cho chúng tôi.

Cù giáo được kéo lên thêm trong khi tôi đẩy cù từ phía sau. Cù lên rồi đến lượt tôi lên. - Lại đây cháu, - cù nói, - để tôi ôm hôn cháu. Cháu đã cứu tôi.

- Thì cù đã cứu sống tất cả chúng cháu đấy thôi.

- Thế là, - Carrory nói, - anh ta là người không bao giờ bị ảnh hưởng bởi xúc động, tôi mất chiếc bốt à?

- Để cháu đi tìm.

Nhưng mọi người ngăn tôi lại.

- Thôi, mọi người hãy đưa cháu chiếc bốt khác vậy, ít nhất cháu cũng đem được nước về!

Thoát khỏi chết đuối, cù giáo và tôi bị ướt sũng từ đầu đến chân làm cho chân tay căng rời rã.

Lạnh cóng làm chúng tôi không thể quên được chuyện đó. Mọi người đưa áo vét cho chúng tôi.

Sau sự cố này chúng tôi lại mê muội cả người và nghĩ đến cái chết. Có lẽ ý nghĩ này đè nặng lên các bạn tôi hơn là tôi vì trong

khi họ tỉnh thì cuối cùng tôi ngủ thiếp đi. Nhưng chỗ ngồi không thoải mái chút nào có nguy cơ rơi xuống nước. Lúc đó cụ giáo giữ đầu tôi trong cánh tay cụ. Cụ giữ không quá chặt chỉ đủ để tôi đừng rơi xuống nước mà thôi, tôi như một đứa trẻ nằm trên đầu gối mẹ. Cụ không phải chỉ có cái đầu vững vàng mà còn có một trái tim nhân hậu nữa. Khi tôi hơi thức dậy, cụ đổi tay cho đỡ mỏi rồi lại ngồi thật im và bảo tôi:

- Cháu cứ ngủ đi, đừng sợ.

Và tôi lại ngủ tiếp.

Thời gian cứ trôi.

Tư thế của chúng tôi không còn chịu đựng nổi nữa. Liệu đã đến lúc chúng tôi được cứu ra chưa? Chúng tôi nghi ngờ vô cùng.

Tuy nhiên việc tát nước được tiến hành không ngừng dưới sự lãnh đạo của một ông kỹ sư luôn động viên thợ mỏ với một niềm tin, một hy vọng sắt đá.

- Các bạn ơi, còn một ngày nữa, - ông nói với những người thợ mỏ, - tôi đòi hỏi ở các bạn những gì mà những người bạn của các bạn đòi hỏi, các bạn ở địa vị họ mà xem.

Niềm tin khiến ông hăng hái đã truyền sang trái tim những người thợ mỏ. Người ta cứ đào sâu xuống mãi. Đến ngày thứ bảy, trong khi thay đổi vị trí, một người thợ cuốc vào tới vỉa than tưởng như nghe thấy những tiếng đập yếu ớt.

Anh ta dấn tai vào lớp than rồi gọi một người bạn đến cùng nghe với mình. Cả hai im lặng và một lát sau một tiếng yếu ớt đều đặn lặp đi lặp lại vẳng tới tai họ. Đến lượt họ, họ lấy cuốc chim gõ gõ.

Lập tức tin này được truyền đi rất nhanh.

Ông kỹ sư đã đúng! Dưới đó vẫn còn có người sống. Tin tức lan khắp thành phố như một vệt thuốc súng, đám đông chạy tới mỏ Truyère.

Công việc càng khẩn trương hơn, các công ty bạn gửi đến những thợ cuốc tinh nhuệ nhất.

Hy vọng cũng tăng lên khi nước rút dần.

Trong ngách hầm, lúc nghe thấy tiếng gõ trả lời của các bạn, chúng tôi bị tác động chẳng kém gì lúc nghe thấy tiếng xe múc nước thả gàu xuống các giếng.

- Thoát rồi!

Ai nãy thốt ra một tiếng kêu vui mừng. Rồi, cũng giống như sau khi nghe thấy tiếng gàu múc nước, hy vọng lại biến thành tuyệt vọng. Tiếng cuộc chim cho biết những người cứu nạn còn ở xa lắm. Chỉ có cụ giáo là còn nói năng một cách can trường nhưng dần dần sự ử rữ của chúng tôi cũng lan sang cụ. Nếu như chúng tôi có thể uống thì chúng tôi không thể có cái ăn, cái đói trở nên không còn có thể chịu nổi nữa.

Chúng tôi ngồi im không động đậy, chỉ còn duy trì cuộc sống bằng tiếng cuộc chim và tiếng gàu múc nước. Dần dần những tiếng động này ngày càng to lên, nước rút xuống, người ta đến gần chúng tôi hơn. Nhưng họ có đến kịp không?

Chúng tôi ngày càng yếu lắm rồi.

Cuối cùng chúng tôi nghe thấy tiếng nói của các bạn tôi, họ nghe thấy tiếng chúng tôi. Rồi chúng tôi nói chuyện được với họ. Họ thốt lên mấy tiếng thông thiết sau đây:

- Các anh có bao nhiêu người?

Chú Gaspard trả lời:

- Sáu!

Im lặng một hồi. Có lẽ ở ngoài hy vọng một con số lớn hơn.

- Mau lên các bạn, - chú Gaspard kêu lên, -chúng tôi kiệt sức rồi.

- Tên các bạn là gì?

- Bergounhous, Pagès, Carrory, cụ giáo, Rémi, Gaspard.

Đó là lúc điếng người nhất cho những người đứng ngoài. Khi ông kỹ sư tuyên bố chúng tôi chỉ có sáu, mọi người thất vọng đến đau đớn..Hỡi ôi! Trong số một trăm hai mươi người mẹ và người vợ

chỉ có bốn người niềm hy vọng trở thành sự thực. Biết bao đau đớn! Biết bao nước mắt!

Về phía chúng tôi, chúng tôi nghĩ đến những người có thể được cứu thoát.

- Có bao nhiêu người được cứu thoát?

Không ai trả lời.

- Chắc họ không nghe tiếng.

- Họ không muốn trả lời thì đúng hơn.

- Hãy hỏi họ xem chúng ta đã ở trong mỏ bao nhiêu lâu?

- Mười bốn ngày. Giờ thì không còn lâu nữa đâu. Các bạn hãy can đảm lên. Chỉ còn vài giờ nữa thôi.

Tôi tưởng như mấy giờ này là những giờ dài nhất trong cảnh tù hãm của chúng tôi, dù thế nào đi nữa cũng là những giờ đau khổ nhất. Mỗi nhát cuốc chúng tôi lại tưởng là nhát cuốc cuối cùng. Nhưng sau nhát đó lại tiếp đến nhát khác, sau nhát khác này lại đến nhát khác nữa.

Các xe múc nước cũng không ngừng hoạt động phút nào, nước cứ từ từ rút xuống.

Có điều lạ là giờ phút giải phóng càng tới gần chúng tôi càng yếu lả đi.

Cuối cùng dốc ngạch hầm được mở ra từ phía trên: ánh đèn rọi vào làm chúng tôi lóa mắt.

Nhưng chỉ trong phút chốc chúng tôi lại rơi vào bóng tối đen ngòm: một luồng không khí khủng khiếp làm tắt phụt đèn!

Lại phải chờ thêm!

Cùng một lúc có tiếng động mạnh trong nước ở dưới hầm, và quay lại tôi thấy một ánh sáng chói di động trên nước lồm bồm.

- Can đảm lên! Can đảm lên! - Người ta kêu lên.

Mọi người đồng thời đến cứu chúng tôi từ hai phía. Chưa kịp nói lời nào tôi đã rơi vào tay ông kỹ sư. Vừa vịn tôi ngất đi.

Tôi ý thức được là người ta mang tôi đi, rồi người ta bọc tôi vào trong nhiều tấm chăn. Tôi nhắm mắt lại nhưng ngay sau đó tôi cảm thấy một cái gì chói lọi đến nỗi phải mở mắt ra.

Chúng tôi ra đến giữa trời.

Cùng một lúc một cái bóng trắng nhảy vào tôi: đó là Capi nhảy phắt vào hai tay ông kỹ sư để liếm vào mặt tôi. Tôi cũng cảm thấy có ai nắm lấy bàn tay phải tôi và hôn tôi. Đó là Mattia.

Tôi nhìn xung quanh: một đám đông vô kể, im lặng và xúc động.

Người ta mang tôi đến tận văn phòng mổ, ở đó đã có sẵn những cái giường chờ đợi chúng tôi.

Hai ngày sau tôi đi bộ trong phố xá Varses, tất cả mọi người trên đường đều dừng lại nhìn tôi.

Có những người đến bắt tay tôi, nước mắt lưng tròng. Cũng có những người, ngược lại, lại quay đi. Đó là những người đang tang tóc, họ xót xa tự hỏi tại sao thằng bé mồ côi này lại sống sót trong khi người chủ gia đình nọ, cậu con trai kia lại ở lại dưới mổ, lại là những cái xác khốn khổ bị nước cuốn đi.

CHƯƠNG 11 : ÂM NHẠC VÀ CON BÒ CÁI

Tất cả mọi người đều muốn giữ tôi lại Varses.

- Chú sẽ tìm cho cháu một thợ cuốc, - chú Gaspard nói, - và chúng tôi sẽ không bao giờ xa nhau nữa.

- Nếu cháu muốn làm việc trong văn phòng, - ông kỹ sư bảo tôi, - tôi sẽ dành cho cháu một chỗ.

Chú Gaspard cứ tưởng lẽ tự nhiên là tôi sẽ quay lại mỏ nơi mà bản thân chú sắp trở lại với cái vô tư của những người đã hàng ngày quen thách thức với cái chết. Nhưng tôi đâu có sẵn lòng trở lại nghề đẩy goòng! Biết được thế nào là mỏ tôi rất sung sướng, nhưng tôi không hề cảm thấy một chút thèm muốn nào được xuống lại đó. Chỉ nghĩ đến mỏ tôi đã cảm thấy ngọt ngào, cuộc sống ngoài trời phù hợp với tôi hơn..Tôi giải thích như vậy với tất cả những người đem lại cho tôi việc làm.

- Nếu cháu thích phiêu lưu và tự do, - cụ giáo nói, - cháu cứ việc theo con đường của cháu.

Trong khi mọi người muốn giữ tôi lại Varses, Mattia có vẻ bận tâm lo lắng cái gì đó; tôi hỏi thì lúc nào nó cũng bảo là nó vẫn như mọi khi, chỉ đến lúc tôi bảo là ba ngày nữa lên đường nó mới thú thật với tôi vì sao nó buồn. Nó nhảy lên ôm cổ tôi.

- Thế là cậu không bỏ tớ à? - Nó kêu lên.

Tôi huých cho nó một cái thật đau để dạy nó đừng có nghi ngờ tôi và đồng thời cũng để giấu niềm xúc động trong siết chặt lấy tôi khi nghe tiếng kêu của tình bạn đó. Vì tình bạn mà nó thốt lên tiếng kêu đó chứ không phải vì lợi lộc. Mattia không cần phải nhờ tôi mới kiếm sống được.

Chỉ riêng cái cười mỉm của nó, đôi mắt dịu dàng của nó, vẻ cởi mở của nó đã đủ làm xúc động lòng người ngay cả những người

vô cảm với những tình cảm cao thượng nhất. Chính vì vậy mà trong chuyến du hành ngắn ngày với Capi, nó đã kiếm được mười tám phrăng, một món tiền đáng kể.

Một trăm hai mươi tám phrăng trong túi với mười tám phrăng Mattia kiếm được tổng cộng là một trăm bốn mươi sáu phrăng, chỉ cần bốn phrăng nữa là mua được con bò cái.

Mặc dầu không muốn làm việc ở mỏ nhưng rời Varses tôi cũng buồn lắm vì phải xa Alexis, chú Gaspard và cụ giáo, nhưng số phận tôi là phải xa cách những người tôi yêu dấu mà lại!

Cây đàn hác-pơ trên vai, lưng đeo túi, chúng tôi lại đi trên những con đường lớn cùng với Capi đang vui mừng lăn mình trong cát bụi.

Trước khi lên đường, Mattia và tôi đã thỏa thuận rất lâu về hành trình, vì tôi đã dạy nó cách xem bản đồ. Sau khi cân nhắc lợi hại, chúng tôi quyết định rẽ ra đi thẳng tới Ussel rồi từ đó đi Chavanon thì chúng tôi qua Clermont trước đã, không xa hơn bao nhiêu mà lại có lợi vì qua vùng suối nước nóng lúc này đang đông người đến chữa bệnh. Trong thời gian tôi làm việc trong mỏ, Mattia đã gặp một người làm trò gấu đang đi tới những thành phố có suối nước nóng mà theo như ông ta nói có thể kiếm được tiền. Mattia muốn kiếm tiền vì cho rằng một trăm năm mươi phrăng không đủ mua một con bò cái. Càng có nhiều tiền càng mua được bò đẹp, má Barberin.càng hài lòng. Vậy là chúng tôi phải đi Clermont đã. Dọc đường từ Paris đến Varses tôi đã bắt đầu dạy Mattia học, dạy nó đọc và cả những yếu lĩnh đầu tiên của âm nhạc nữa; từ Varses đến Clermont tôi lại dạy nó tiếp.

Có thể vì tôi không phải một giáo sư giỏi (có thể lắm) mà cũng có thể vì Mattia không phải học trò giỏi lắm (điều này cũng có khả năng) nên dạy nó đọc rất khó, nó tiến bộ rất chậm. Mattia rất chuyên cần, tha hồ dán mắt vào sách, nó chỉ đọc lên được những điều phóng túng bông lông do trí tưởng tượng đem lại chứ không phải do tự chú tâm mà có.

Những lúc như vậy đôi khi tôi mất bình tĩnh, tôi đập vào quyển sách và giận dữ kêu lên: thằng này cứng đầu quá!

Nó chẳng giận tôi tí nào chỉ nhìn tôi với đôi mắt dịu dàng, cười nói:

- Đúng đấy, đầu tớ chỉ mềm ra khi có ai nện vào nó thôi, thằng cha Garifoli thấy ngay điều đó đấy.

Trả lời như thế thì thử hỏi ai mà giận được?

Tôi cũng cười và chúng tôi lại học tiếp.

Nhưng trong âm nhạc thì không gặp những khó khăn như vậy. Ngay từ đầu Mattia đã tiến bộ rất kỳ lạ và rất đáng chú ý; rất nhanh chóng nó tiến tới chỗ hỏi tôi những câu hỏi làm tôi ngạc nhiên. Từ ngạc nhiên đi đến lúng túng, cuối cùng nhiều lần tôi bối rối tịt ngắc.

Phải thú thật là chuyện này làm tôi phật ý và lấy làm nhục, tôi giữ vai trò một giáo sư nghiêm túc ấy thế mà khi học trò hỏi lại không trả lời được, thế có nhục không cơ chứ?

Mà nó vẫn không tha tôi:

- Tại sao nhịp đầu và nhịp cuối của một bản nhạc lại không phải lúc nào cũng bao gồm số phách đều nhau? Tại sao người ta không viết nhạc với cùng một khóa? Tại sao đối với đàn vĩ cầm người ta chỉ hợp âm một số nốt nhạc này mà không phải những nốt nhạc khác?

Đến câu hỏi cuối cùng này thì tôi trang trọng trả lời là vĩ cầm không phải lĩnh vực của tôi, tôi chưa bao giờ quan tâm đến việc vì sao người ta phải hợp âm hay không hợp âm vĩ cầm và thế là Mattia cũng không đối đáp lại được nữa.

Đối với những câu hỏi khác thì không thể gỡ khó hiểu này được.

Thầy dạy, ông thầy thực thụ mà chúng tôi cần, phải là một nghệ sĩ cơ, một nghệ sĩ lớn thường hay ở những thành phố quan trọng. Bản đồ cho tôi biết trước khi tới Clermont, thành phố quan trọng nhất chúng tôi gặp trên đường sẽ là Mende.

Cuối cùng chúng tôi tới Mende.

Lúc này trời đã tối từ mấy tiếng đồng hồ trước nên đêm đó không thể đi học nhạc được vả lại chúng tôi đã mệt nhoài cả người.

Tuy nhiên Mattia rất sốt ruột không hiểu ở Mende, thành phố trông chẳng có gì quan trọng như tôi bảo, liệu có được một ông thầy dạy nhạc hay không, thế là vừa ăn súp tôi vừa hỏi bà chủ quán xem trong thành phố có ông thầy dạy nhạc nào không?

Bà trả lời là câu hỏi của chúng tôi làm bà ngạc nhiên: chẳng lẽ chúng tôi không biết ông Espinassous sao?

- Chúng cháu từ xa tới. - Tôi nói.

- Từ xa lắm không?

- Từ bên Ý ạ. - Mattia trả lời.

Bà ta không còn ngạc nhiên nữa và thừa nhận từ tận xa như thế tới thì không biết ông Espi-nassous là phải.

- Tớ hy vọng chúng ta rơi vào đúng chỗ rồi.

- Tôi nói với Mattia bằng tiếng ý.

Đôi mắt bạn tôi sáng lên. Chắc chắn ông ta sẽ giải đáp được tất cả những câu hỏi của nó, ông ta không thể lúng túng khi phải giải thích lý do khiến người ta dùng dấu giáng khi xuống thấp và dấu thăng khi lên cao nữa.

Nhưng tôi chợt sợ: một nghệ sĩ nổi tiếng đến thế liệu có lên lớp cho những đứa trẻ khốn khổ như chúng tôi một bài học nhạc được chẳng?

- Thưa, ông Espinassous có bận lắm không ạ?

- Ô! Tôi cho là ông ấy bận lắm.

- Bà có cho rằng sáng mai ông ấy tiếp chúng cháu không ạ?

- Hẳn chứ lại, ai ông ấy cũng tiếp miễn là trong túi có tiền.

Nghe thấy như vậy chúng tôi yên tâm hẳn lên, trước khi đi ngủ tuy mệt vẫn còn thảo luận với nhau mãi về những câu hỏi mà chúng tôi sẽ đặt ra cho vị giáo sư lỗi lạc ấy.

Khi tới trước cửa căn nhà vị giáo sư mà người ta chỉ cho chúng tôi, chúng tôi cứ tưởng mình nhầm nhà, bởi vì trước cửa treo lủng lẳng hai cái đĩa cạo râu bằng đồng: nó không thể là biểu hiện của một thầy dạy nhạc được..Đứng mãi nhìn cái mặt hàng có vẻ như một cửa hàng thợ cạo đó thì có một người đi qua, chúng tôi bèn ngăn lại hỏi ông Espinassous ở đâu?

- Ở đây chứ còn ở đâu nữa. - Bà ta chỉ vào cửa hàng thợ cạo đó.

Cuối cùng thì một giáo sư dạy nhạc cũng có thể ở trong nhà một người thợ cắt tóc được chứ sao!

Chúng tôi bước vào. Cửa hàng được ngăn thành hai phần đều nhau: bên phải trên các giá bày nào lược nào bàn chải nào các lọ pom-mat, nào xà phòng; bên trái trên một cái bàn thợ kê sát vào tường có đặt hoặc treo các dụng cụ âm nhạc, đàn vĩ cầm, kèn đẫy coóc-nê, kèn tơ-rông-pét có rãnh.

- Xin hỏi ông Espinassous ạ? - Mattia hỏi.

Một người đàn ông nhỏ bé linh hoạt và năng động như một con chùn đang cạo râu cho một bác nông dân ngồi trên ghế cắt tóc, trả lời:

- Tôi đây.

Tôi đưa mắt nhìn Mattia có ý nói ông thợ cạo - nhạc sĩ này có lẽ không phải người mà chúng tôi cần và hỏi ông này thì bằng ném tiền đi, nhưng Mattia đến ngồi ngay vào một chiếc ghế dựa, nói thoải mái:

- Ông cắt tóc cho cháu có được không ạ?

- Được chứ, chàng trai trẻ.

Tôi sửng sốt trước thái độ tự tin của Mattia, nó nhìn trộm tôi một cái.

Chẳng mấy chốc ông Espinassous cạo râu cho khách hàng của mình xong, tay cầm chiếc khăn mặt, bước tới cắt tóc cho bạn tôi.

- Thưa ông, - Mattia nói khi ông này buộc khăn vào cổ nó, - cháu và bạn cháu vừa có một cuộc tranh luận, và biết ông là một nhạc sĩ danh tiếng, chúng cháu nghĩ ông có thể cho chúng cháu một lời khuyên về vấn đề đang làm chúng cháu băn khoăn.

- Các cậu cứ nói thử xem đang bận tâm về cái gì nào.

Tôi hiểu ngay Mattia muốn đi tới đâu: trước hết nó muốn biết ông nhạc sĩ kiêm thợ cắt tóc này có trả lời được những câu hỏi của nó không đã, rồi trong trường hợp những câu trả lời làm nó thỏa mãn thì nó chỉ cần trả tiền bài học âm nhạc bằng giá tiền cắt tóc mà thôi, thằng này láu thật.

Mattia hỏi:- Tại sao người ta lại chỉ học âm đàn vĩ cầm trên một số nốt nhạc này chứ không trên các nốt khác?

Tôi cứ tưởng ông thợ cắt tóc, đứng vào lúc đưa cái lược vào mái tóc dài của Mattia, sắp trả lời bằng một câu đại loại như câu trả lời của tôi, tôi đã cười thâm thì ông ta bắt đầu nói:

- Dây thứ hai bên trái của nhạc cụ phải cho nốt la theo thanh âm mẫu, các dây khác phải hợp âm làm sao cho các nốt mẫu từ quãng năm sang quãng năm, có nghĩa sol ở dây thứ tư; rê, dây thứ ba; la, dây thứ hai; mi, dây thứ nhất còn gọi là dây tiều.

Hóa ra không phải tôi cười mà Mattia cười, nó cười bộ mặt ngây ra của tôi ư? Hay chỉ đơn giản vui mừng đã biết được điều muốn học? Nó cứ cười to giòn giã. Suốt trong thời gian cắt tóc Mattia không ngừng hỏi hết câu này đến câu khác, và câu hỏi nào ông thợ cắt tóc cũng trả lời một cách dễ dàng và chắc chắn như trả lời về vĩ cầm vậy.

Nhưng sau khi trả lời xong, đến lượt ông ta tự hỏi mình và chẳng mấy chốc hiểu ngay chúng tôi đến ông với ý định gì.

Thế là ông cười phá lên:

- Bọn trẻ ranh này hay thật, - ông nói, - đến là nhộn!

Rồi ông muốn Mattia, người mà rõ ràng nhộn hơn là tôi, chơi cho ông nghe một đoạn nhạc. Mattia dững cảm cầm lấy cây đàn vĩ cầm, chơi một điệu van-xơ.

- Thế mà mày không hề biết một nốt nhạc nào! - ông thợ cắt tóc vỗ tay kêu lên và xưng hô mày tao với Mattia ngay như thể quen nó từ đã lâu.

Mattia chơi một bài bằng vĩ cầm xong, cầm lấy cây kèn clarinet treo trên tường.

- Cháu chơi được cả kèn clarinet và kèn đáy coóc-nê nữa.

- Vậy mày chơi đi xem. - Espinassous kêu lên.

Và Mattia chơi mỗi nhạc cụ một bài.

- Thằng bé này là thần đồng chứ chẳng chơi! - Espinassous kêu. - Nếu mày ở lại đây với bác, bác sẽ đào tạo mày thành một nhạc sĩ lớn, nghe chưa cháu! Buổi sáng cháu cắt tóc cạo mặt, còn bao nhiêu thì giờ trong ngày bác sẽ cho cháu học nhạc; đừng tưởng bác là thầy xoàng không dạy nổi cháu vì bác là thợ cắt tóc đâu nhé; người ta phải sống chứ, thế cho nên cạo mặt là việc tốt.

Không phải vì làm nghề cạo mặt mà Jasmin không là nhà thơ giỏi nhất nước Pháp. Agen có Jasmin, Mende có Espinassous.

Nghe xong bài diễn văn này tôi nhìn Mattia.

Nó sẽ trả lời thế nào đây? Tôi sắp mất bạn tôi, em ruột tôi chẳng, cũng như đã liên tục mất tất cả những người tôi yêu quý? Tim tôi thất lại.

Tuy nhiên tôi không để mình bị chi phối vì tình cảm này.

- Hãy nghĩ đến cậu, Mattia ạ. - Tôi ngậm ngùi bảo.

Nhưng nó nhanh nhẹn đến chỗ tôi, cầm lấy tay tôi:

- Phải rời bỏ bạn cháu ấy à? Cháu không thể. Cháu xin cảm ơn bác, bác ạ.

Espinassous nhấn mạnh rằng sau khi Mattia học xong nhạc lý cơ bản, ông sẽ tìm cách gửi nó đến Toulouse, rồi đến nhạc viện Paris; nhưng Mattia đáp:

- Bỏ Rémi ấy à! Không bao giờ!

- Thôi được, thằng bé này, bác muốn làm một cái gì đó cho mày quá, - Espinassous nói, - thôi để bác cho mày một cuốn sách có thể học trong đó những gì mày không biết.

Và ông bắt đầu lục tìm các ngăn kéo. Sau một lúc khá lâu, ông tìm thấy quyển sách có nhan đề Lý thuyết âm nhạc. Quyển sách đã cũ lắm, nhàu nát cả, nhưng quan trọng gì.

Ông lấy cây bút, viết trên trang đầu như sau:

"Tặng cậu bé mà sau này khi trở thành nghệ sĩ sẽ không quên ông thợ cắt tóc thành Mende".

Khi tới Mende tôi đã yêu Mattia lắm rồi nhưng ra khỏi thành phố Mende tôi càng yêu nó hơn nhiều. Còn gì tốt đẹp hơn, dịu lòng hơn là cảm nhận được một cách chắc chắn tình yêu bởi người mà mình yêu?

Và còn biểu hiện tình yêu thương nào lớn hơn khi mà Mattia từ chối lời đề nghị của Espi-nassous, có nghĩa từ chối sự yên ổn, sự an toàn, cuộc sống thoải mái, hiện tại thì được học hành, tương lai thì được giàu sang, để mà cùng tôi chia sẻ đời phiêu lưu gian khổ không có tương lai thậm chí có lẽ không còn có cả ngày mai nữa.

Trước mặt Espinassous tôi không thể nói được với nó rằng lời nó kêu lên "Bỏ Rémi ấy à!" đã làm tôi xúc động đến thế nào, nhưng khi ra ngoài rồi, tôi cầm lấy tay nó, siết chặt mà nói:

- Cậu biết đấy, tình bạn giữa chúng ta, trung thành với nhau đến trọn đời đấy nhé!

Nó mỉm cười nhìn tôi với đôi mắt mở to:

- Tớ đã biết điều đó từ trước ngày hôm nay rồi.

Mattia xưa nay vốn không say mê đọc sách lắm thế mà nay đọc vô cùng tiến bộ kể từ ngày đọc cuốn Lý thuyết âm nhạc của Kuhn. Không may là tôi không thể để nó đọc bao nhiêu tùy thích theo ý tôi và theo cả ý nó được vì chúng tôi buộc phải đi bộ suốt từ sáng đến chiều, phải đi từng đoạn đường dài sao cho mau chóng qua vùng Lozère và Auvergne này đi, vì nơi đây họ chẳng ưa gì ca sĩ, nhạc sĩ. Trên vùng đất đai khô cằn này người nông dân thu

nhập ít, không mấy sẵn sàng sờ tay vào túi tiền, anh muốn chơi nhạc ư? Họ bình thản nghe nhưng sắp đến lúc quên tiền thì họ linh hoặc đóng cửa lại.

Trong những lối đi dạo chơi ở vùng suối nước nóng có những chỗ người ta gọi là phòng khách, đó là những lùm cây cao mà những người đến chữa bệnh ngồi bên dưới vài tiếng đồng hồ để được ở ngoài trời. Mattia nghiên cứu công chúng ngồi ở những phòng khách này, chúng tôi cứ theo những nhận xét đó mà tổ chức trình diễn.

Nếu thấy một người bệnh buồn rầu ngồi trên một chiếc ghế tựa mặt xanh xao, má trũng xuống, chúng tôi tránh đến ngay trước mặt họ một cách thô bạo mong lôi họ khỏi những ý nghĩ não nuột. Chúng tôi bắt đầu chơi đàn từ xa như thể chơi cho chính mình, tuy thế vẫn có ý thức chú ý xem sao. Chúng tôi liếc mắt quan sát: nếu họ giận dữ nhìn chúng tôi, chúng tôi đi chỗ khác, nếu họ có vẻ thích thú được nghe thì chúng tôi lại gần, Capi có thể mạnh dạn đưa cái bát gõ ra mà không sợ bị đuổi.

Nhưng chủ yếu là nhờ đám trẻ con mà Mattia thu được những kết quả thắng lợi: nhờ cái vĩ kéo đàn mà chúng đâm ra muốn nhảy, chúng đang buồn thì Mattia làm cho chúng cười lên.

Làm sao nó làm được như vậy tôi không biết.

Chỉ biết là như thế: nó làm cho người ta vui, người ta yêu nó.

Kết quả của chiến dịch này thật là tuyệt vời: chúng tôi thu được sáu mươi tám phrăng. Cộng với một trăm bốn mươi sáu phrăng đã có là hai trăm mười bốn phrăng. Đã đến giờ tiến về Chavanon không chậm trễ, trước đó qua Ussel nơi người ta nói đang có chợ phiên gia súc rất quan trọng.

Chợ phiên, trúng việc của chúng tôi rồi! Cuối cùng chúng tôi có thể mua con bò cái ra bò cái mà chúng tôi lúc nào cũng nói đến, con bò mà vì nó chúng tôi đã dành dụm rất quyết liệt.

Cửa hàng quần áo cũ trước kia cụ Vitalis đưa tôi đến để sắm cho tôi bộ đồ nghệ sĩ vẫn như cũ khi tôi tìm thấy nó. Ngoài cửa vẫn đứng đưa những bộ quần áo có khâu đính các giải trang sức đã

khiến tôi khâm phục đến say mê, tôi cũng thấy vẫn những khẩu súng cũ, những cây đèn cũ ấy.

Tôi cũng muốn chỉ cho Mattia thấy cái nơi tôi đã khởi đầu sự nghiệp của mình bằng vai trò người đầy tớ của ngài Joli - Coeur, Capi cũng nhận ra chỗ đó.

Sau khi để túi và nhạc cụ ở quán trọ mà trước đây tôi đã ở cùng cụ Vitalis, theo mọi người chỉ dẫn chúng tôi đến tìm ông thú y.

- Chúng cháu muốn mua một con bò cái cho nhiều sữa. Thưa ông thú y, chúng cháu đến nhờ ông giúp, kiến thức khoa học của ông sẽ khiến bọn lái bò không thể ăn cắp của chúng cháu được.

Tôi vừa nói vừa bắt chước điệu bộ quý phái mà cụ Vitalis vẫn dùng khi muốn chinh phục lòng người.

- Các cháu mua bò cái làm gì mới được chứ?

Tôi giải thích ngắn gọn cho ông hiểu ý định của tôi.

- Các cháu là những cậu bé tốt quá, - ông nói, - ngày mai tôi sẽ cùng các cháu ra chợ phiên, hứa với các cháu tôi sẽ chọn cho các cháu một con bò vừa tốt vừa đẹp, nhưng muốn mua được phải có tiền đấy.

Tôi không trả lời, mở chiếc mù-xoa bọc tài sản của chúng tôi ra.

- Thế thì được rồi, bảy giờ sáng mai các cháu đến đây đi với tôi.

- Thưa ông thú y, chúng cháu phải trả ông bao nhiêu tiền ạ?

- Không phải trả gì: đời nào tôi lại lấy tiền của những đứa trẻ ngoan như các cháu!

Tôi không biết làm thế nào để cảm ơn ông, nhưng Mattia có một ý hay.

- Thưa ông, ông có yêu âm nhạc không?

- Rất yêu thích, cháu ạ.

- Ông có đi ngủ sớm không ạ?

Hai câu chuyện chẳng ăn khớp gì với nhau, tuy nhiên ông thú y vẫn trả lời:

- Vào lúc chín giờ vừa điếm.
- Cảm ơn ông. Xin hẹn mai gặp ông ạ.

Tôi đã hiểu ý Mattia.

- Cậu định biểu diễn hòa nhạc cho ông thú y chứ gì? - Tôi nói.
- Đúng thế đấy: một khúc nhạc chiều vào lúc ông ấy sắp đi ngủ; đó chính là thứ ta làm cho những người mà ta yêu.
- Cậu có ý đó hay thật, thôi ta về quán chuẩn bị những bài nhạc sẽ chơi tối nay.

Chín giờ kém hai, ba phút gì đó chúng tôi đã ở trước nhà ông thú y, Mattia với cây vĩ cầm, tôi với cây đàn hác-pơ. Phở rất tối, vì chín giờ trăng lên nên người ta chẳng cần thắp đèn đường làm gì, các cửa hàng đóng cửa, người qua lại thưa thớt.

Tiếng đầu tiên của chín giờ vừa điếm, chúng tôi vào nhịp ngay, và trong con phố hẹp tĩnh lặng này tiếng đàn của chúng tôi cất lên không khác gì trong một phòng hòa nhạc thật vang. Các cửa sổ mở ra, chúng tôi trông thấy những cái đầu đội mũ ngủ, buộc mù-xoa, buộc khăn quàng dài; từ cửa sổ nhà nọ sang nhà kia người ta gọi nhau ngạc nhiên.

Ông bạn thú y của chúng tôi ở một ngôi nhà mà phía góc có một cái tháp con rất duyên dáng, một trong những cửa sổ của cái tháp mở ra, và ông ta cúi xuống để xem ai chơi nhạc như vậy.

Có lẽ ông nhận ra chúng tôi và hiểu ý định của chúng tôi nên ông ta lấy tay ra hiệu bảo chúng tôi im.

- Tôi sẽ mở cửa cho các cháu vào chơi nhạc trong vườn. - ông nói.

Và gần như ngay lập tức cửa ra vào mở ra.

- Các cháu thật tuyệt vời, - ông vừa nói vừa bắt tay mỗi chúng tôi thật chặt, - nhưng làm như vậy là quá rầy mọi người:

chẳng lẽ các cháu không nghĩ rằng cảnh sát có thể bắt các cháu vì tội ban đêm làm âm trên đường phố công cộng ư?

Buổi hòa nhạc của chúng tôi diễn ra trong vườn, tuy vườn không lớn nhưng xinh xắn có vòm cây leo bao phủ.

Vì ông thú y có vợ và rất nhiều con nên chúng tôi có số khán giả đông đúc vây quanh trong phút chốc; người ta thấp nển dưới giàn dây leo, chúng tôi chơi nhạc cho tới tận quá mười giờ đêm; cứ mỗi lần chơi xong một bài mọi người lại vỗ tay đề nghị chơi tiếp. Nếu ông thú y không đuổi chúng tôi về thì theo yêu cầu của bọn trẻ con hẳn chúng tôi phải chơi cho tới đêm khuya.

- Thôi để các chú bé đi ngủ, - ông nói, - ngày mai họ phải đến đây từ bảy giờ sáng rồi.

Nhưng ông còn mời chúng tôi một bữa ăn nhẹ trước khi ra về làm chúng tôi rất dễ chịu, lúc đó để cảm ơn, Capi bèn làm vài trò vui nhộn đặc sắc nhất làm trẻ con thú quá. Đến tận gần nửa đêm chúng tôi mới ra về.

Sáng hôm sau, khi chúng tôi xuống sân quán trọ đã thấy đầy xe bò, cái nọ ngoắc vào cái kia, rồi những chiếc xe tới, từ trên xe những bác nông dân mặc quần áo ngày chủ nhật đang lấy hai tay đỡ vợ xuống đất; người nào người ấy rất phấn chấn, phụ nữ thì vuốt lại váy cho phẳng.

Trong phố một làn sóng di động chuyển về nơi chợ phiên; vì lúc ấy mới sáu giờ nên chúng tôi đi xem một lượt những con bò cái đã tới chợ để chọn trước đã.

Ái chà! Những con bò cái mới đẹp làm sao!

Đủ màu, đủ cỡ, con thì béo con thì gầy, có những con đứng với bò con, có những con kéo lê dưới đất những cặp vú đầy sữa. Trong chợ phiên có cả ngựa đang hí, những con ngựa cái đang liếm cho ngựa non, những con lợn béo đang rúc vào đất đào lỗ, những con lợn sữa đang rú lên như bị người ta lột sống da chúng, rồi gà mái, rồi ngỗng... Nhưng chúng tôi cần gì! Chúng tôi chỉ để mắt nhìn vào những con bò cái, chúng vừa chịu đựng sự thẩm xét của chúng tôi vừa nhấp nháy mi, hàm hơi động đậy, bình thản nhai lại

bữa ăn tối qua, không hề ngờ từ nay sẽ không còn được ăn cỏ trên đồng cỏ nơi chúng đã lớn lên nữa.

Sau nửa giờ đồng hồ đi dạo như thế chúng tôi đã tìm được mười bảy con bò cái hoàn toàn thích hợp với chúng tôi.

Bảy giờ ông thú y đã đợi chúng tôi, chúng tôi cùng ông trở lại chợ phiên, vừa đi chúng tôi vừa giải thích một lần nữa những đức tính đòi hỏi ở con bò muốn mua, tóm tắt trong hai chữ: ăn ít nhưng cho sữa nhiều.

Mattia trở một con bò trắng:

- Con này tốt này.

Tôi trở một con bò nâu:

- Theo tôi thì con này khá hơn.

Ông thú y không đồng ý rồi đi tới một con bò thứ ba: một con bò cái nhỏ nhắn bốn chân mảnh khảnh, lông đỏ, tai và má nâu, đôi mắt viền đen, quanh mõm có một vòng trắng.

- Đây là một con bò vùng Rouergue đúng ý các cháu đây. - ông nói.

Một người nông dân có vẻ gầy còm dắt dây buộc nó, ông thú y hỏi người đó định bán con bò bao nhiêu.

- Ba trăm phrăng.

Con bò cái nhỏ vừa đẹp vừa nhanh nhẹn có vẻ láu lỉnh này đã chinh phục chúng tôi rồi; chúng tôi đành buông hai tay xuống. Tôi làm hiệu cho ông thú y là phải sang con khác thôi, nhưng ông cũng ra dấu lại là hãy kiên trì.

Thế là một cuộc mặc cả diễn ra giữa ông và người nông dân. Ông trả một trăm năm mươi phrăng; người nông dân bớt mười phrăng. Ông thú y trả lên đến một trăm bảy mươi người nông dân bớt xuống còn hai trăm tám mươi.

Nhưng đến đây thì sự việc không tiếp diễn theo chiều hướng đó nữa. Đáng lẽ cứ trả giá thì ông thú y bắt đầu xem xét chi tiết

con bò: chân nó quá yếu, cổ quá ngắn, sừng lại quá dài; phổi hẹp, hình dáng vú nó không đẹp.

Người nông dân trả lời là vì chúng tôi đã hiểu rõ về nó đến thế thì sẽ bớt còn hai trăm năm mươi phrăng để nó được ở trong những bàn tay lọc lõi.

Đến đây chúng tôi đâm sợ, cả hai chúng tôi hình dung đây là một con bò chẳng ra gì.

Tôi nói:

- Thôi ta đi xem con khác.

Thấy nói thế người nông dân làm một động tác cố gắng, bớt thêm mười phrăng nữa.

Và rồi cứ bớt thêm bớt thêm, giá xuống tới hai trăm mười phrăng, và dừng tại đó.

Ông thú y bằng một cú huých tay, ra hiệu để chúng tôi hiểu là ông chê không thật đâu, con bò vẫn là tuyệt hảo; nhưng hai trăm mười phrăng đối với chúng tôi là một món tiền quá lớn.

Tôi quyết định.

- Thì hai trăm mười phrăng, - tôi nói, - tưởng là xong.

Tôi giơ tay ra nắm lấy cái dây buộc bò nhưng người nông dân không chịu đưa.

- Thế còn tiền cặp tóc cho vợ tôi? - ông ta nói.

Lại tranh luận, cuối cùng chúng tôi đồng ý thêm hai mươi xu cho cặp tóc. Chúng tôi còn lại ba phrăng. Tôi lại giơ tay ra: người nông dân nắm lấy và siết chặt tay tôi như một người bạn. Chính vì là bạn nên tôi không quên chút rượu cho con gái ông ta. Rượu cho con gái mất mười xu.

Lần thứ ba, tôi muốn nắm lấy dây buộc bò, nhưng ông bạn nông dân của tôi ngăn tôi lại:

- Thế cậu có mang theo cái vòng cổ bò không đấy? - ông ta nói. - Tôi bán bò chứ có bán cái vòng cổ của nó đâu.

Tuy nhiên vì tôi là bạn, ông ta sẵn sàng nhượng cho tôi cái vòng cổ với ba mươi xu là giá rẻ.

Phải có vòng cổ mới dắt được bò chứ, tôi đành bỏ ba mươi xu, tính ra tôi chỉ còn có hai mươi xu trong người. Tôi đếm hai trăm mười ba phrăng rồi lần thứ tư đưa tay ra.

- Thế dây dắt bò của cậu đâu? - Người nông dân hỏi. - Tôi bán cái vòng cổ chứ có bán cái dây buộc đâu.

Dây buộc làm chúng tôi mất thêm hai mươi xu cuối cùng. Sau khi trả nốt, cuối cùng con bò được giao cho chúng tôi, nhưng chúng tôi không có lấy một xu để mua thức ăn cho bò và cho cả chúng tôi nữa.

- Ta sẽ làm việc, - Mattia nói, - các quán cà-phê đang đông, ta chia đôi ra, chơi ở tất cả các quán, tối về sẽ thu được khối tiền.

Sau khi đưa con bò vào buộc trong chuồng ngựa của quán trọ, chúng tôi mỗi người đi làm việc ở một phía, tối về tính tiền thu được của Mattia là bốn phrăng năm mươi xăng-tim còn tôi ba phrăng.

Với bảy phrăng năm mươi xăng-tim, chúng tôi lại giàu rồi. Nhưng niềm vui kiếm được món tiền này thật quá nhỏ so với việc tiêu mất hai trăm mười bốn phrăng.

Chúng tôi yêu cầu người tớ gái trong bếp đi vắt sữa con bò để chúng tôi ăn tối bằng sữa của nó: chưa bao giờ chúng tôi được uống sữa ngon như thế. Sáng hôm sau, dậy cùng một lúc với mặt trời mọc chúng tôi lên đường đi Chavanon.

Để cho con bò đỡ mệt và đến Chavanon không muộn quá, ý tôi là ngủ lại trong ngôi làng mà tôi đã qua đêm đầu tiên của đời du hành cùng cụ Vitalis. Sáng hôm sau, từ đó ra đi chúng tôi sẽ đến má Barberin được sớm sữa.

Nhưng số phận, bấy lâu nay vẫn thuận buồm xuôi gió, bỗng trở mặt lại chúng tôi.

Chúng tôi quyết định chia ngày đi đường hôm đó làm hai phần cắt đôi ra bằng bữa trưa, chủ yếu là bữa trưa của con bò

cái..Khoảng mười giờ, tìm được một nơi cỏ dày xanh mướt, chúng tôi bèn hạ túi xuống, cho con bò xuống đám cỏ đó mà ăn.

Lúc đầu tôi định cứ nắm lấy dây dắt nhưng nó tỏ ra rất yên lặng chỉ chuyên chú vào ăn, tôi bèn quấn cái dây dắt vào hai sừng nó rồi ngồi bên cạnh nó ăn bánh mì. Dĩ nhiên chúng tôi ăn xong rồi nó vẫn chưa ăn xong.

Trong khi chờ nó chúng tôi mở túi, lấy nhạc cụ.

- Đây để tở chơi cho nó nghe một điệu kèn đây nhé. - Mattia nói, thằng bé vốn khó lòng ngồi được yên.

Vừa nghe mấy nốt nhạc đầu tiên, con bò cái của chúng tôi ngẩng đầu lên rồi bỗng nhiên nó phi nước đại chạy mất.

Chúng tôi lập tức đuổi theo gọi nó, tôi gọi cả Capi ngăn nó lại, Capi vội nhảy vào chân nó.

Nhưng tất nhiên là không ngăn nó lại được.

Cách độ hai cây số là một ngôi làng lớn, chúng tôi dừng lại vì con bò của chúng tôi phi vào đó. Nó vào làng trước chúng tôi, do con đường thẳng tắp nên chúng tôi trông thấy được người ta ngăn nó lại và đã tóm lấy nó.

Tôi nghĩ chỉ việc đòi lại con bò, thế nhưng mọi người vây ngay lấy chúng tôi hỏi hết câu này đến câu khác: chúng tôi từ đâu tới? Lấy con bò này ở đâu?

Những câu trả lời của chúng tôi không thuyết phục nổi họ, vài giọng nói cất lên rằng chúng tôi đã ăn cắp con bò và phải cho chúng tôi vào nhà tù.

Nỗi sợ hãi đến kinh hoàng mà chữ nhà tù gây ra làm cho tôi cuống lên và vì thế làm hại tôi: tôi tái mặt, áp a áp úng. Vừa chạy xong lại đang thở hổn hển, tôi chịu không sao bảo vệ được mình.

Lúc đó một viên cảnh sát đi tới, mọi người bèn kể tóm tắt chuyện chúng tôi và vì thấy chưa rõ đầu đuôi nên ông ta tuyên bố hãy đưa con bò vào kho giữ đồ của cảnh sát và đưa chúng tôi vào tù đã rồi liệu sau.

Tôi muốn phản kháng, Mattia muốn nói, nhưng viên cảnh sát bắt chúng tôi phải im, nhớ lại cảnh diễn ra giữa cụ Vitalis và viên sen đầm ở Toulouse, tôi bảo Mattia hãy im và đi theo ông ta đã.

Tới nhà tù tôi hy vọng được một chút: người gác nơi làm việc của xã trưởng đồng thời là cai ngục và là người gác đồng lúc đầu không chịu nhận chúng tôi. Viên cảnh sát ép ông ta phải mở một cánh cửa. Hóa ra lý do ông ta làm khó không muốn nhận chúng tôi là vì ông ta đang dùng nhà tù làm nơi phơi hành, hành giải đầy trên ván sàn. Người ta lục túi chúng tôi, có bao nhiêu tiền thu lấy, lấy cả những con dao, diêm của chúng tôi, trong lúc đó người cai ngục nhanh nhẹn thu gom chổi hành lại. Sau đó họ bỏ chúng tôi đây, cửa khóa lại với tiếng sắt thép loảng xoảng thực sự bi thảm.

Thế là chúng tôi vào tù. Trong bao lâu đây?

Cuối cùng cửa mở ra, chúng tôi thấy một ông già tóc bạc đi vào, vẻ mặt cởi mở tốt bụng làm chúng tôi thấy hy vọng ngay.

- Máy thằng nhãi này, đứng lên chứ! - Cai ngục nói. - Hãy trả lời ngài quan tòa xét xử ngay tại chỗ đi nào.

- Được rồi, được rồi, - vị quan tòa ra hiệu cho cai ngục để ông lại một mình, - để tôi hỏi thằng bé này trước (ông lấy ngón tay chỉ tôi), đem thằng bé kia đi, giữ lấy nó tôi sẽ hỏi sau.

- Người ta buộc tội cháu lấy cắp một con bò cái đúng không? - Vị quan tòa nhìn thẳng vào mắt tôi hỏi.

Tôi trả lời chúng tôi mua con bò ở chợ phiên Ussel, tôi nói tên ông thú y đã giúp chúng tôi mua bò.

- Các cháu mua con bò này làm gì?

- Để đưa nó đến Chavanon cho bà mẹ trước đây là vú nuôi của cháu để tỏ lòng biết ơn bà đã săn sóc cháu, coi đó là một kỷ niệm về tình thương của cháu đối với bà.

- Bà tên là gì?

- Là má Barberin ạ.

- Có phải bà là vợ ông công nhân nè cách đây mấy năm bị què ở Paris không?

- Đúng đấy ạ, thưa ngài quan tòa.

Quan tòa liên tiếp hỏi tôi nhiều câu khác nữa nhưng tôi phải trả lời là nếu ông hỏi má Barberin thì mục đích của chúng tôi thế là hồng, không còn gây cho má sự ngạc nhiên nào nữa.

Tuy nhiên, có lúng túng thật nhưng tôi lại vô cùng hài lòng: nếu như quan tòa có ý muốn hỏi má Barberin có nghĩa má vẫn còn sống.

Giữa những câu hỏi, quan tòa nói với tôi là gần đây ông Barberin đã trở lại Paris.

Điều này làm tôi vui sướng quá đến nỗi tôi tìm được những câu trả lời đầy sức thuyết phục để làm quan tòa tin rằng chỉ cần lời khai của ông thú y là đủ.

- Thế các cháu lấy tiền ở đâu mà mua bò?

- Chúng cháu kiếm được.

Tôi giải thích làm sao mà từ Paris đi Varses, rồi từ Varses tới những suối nước nóng, chúng tôi đã dành dụm từng xu một.

- Các cháu làm gì ở Varses?

Câu hỏi này buộc tôi lại phải thuật lại câu chuyện. Khi quan tòa nghe nói tôi đã từng bị chôn vùi trong mỏ Truyère ông bảo tôi ngừng lời, rồi bằng một giọng dịu hẳn gần như bạn bè, ông hỏi tôi:

- Thế ra cháu là Rémi? - ông nhìn tôi với đôi mắt dịu dàng âu yếm.

- Vâng.

Tôi cứ tưởng ông thả chúng tôi ra nhưng ông chẳng làm gì cả, ông để tôi lại một mình, không nói gì hết. Có lẽ ông thăm vắn sang Mattia để xem lời chúng tôi khai có phù hợp với nhau không?

Tôi cứ ngồi mà suy nghĩ khá lâu, cuối cùng ngài quan tòa trở lại với Mattia.

- Tôi sẽ cho đi hỏi tình hình ở Ussel và nếu ở đó họ khẳng định lời nói của các cháu là thực như tôi hy vọng thì mai các cháu sẽ được thả.

- Còn con bò của chúng cháu thì sao ạ? -Mattia hỏi. - Có ai vắt sữa cho nó không?

- Yên tâm các chú nhóc ạ, người ta sẽ mang cho các cháu một bát sữa to để ăn tối.

Quan tòa vừa đi khỏi, tôi thông báo cho Mattia hai tin tức làm tôi quên cả cảnh tù đày: má Barberin còn sống còn lão Barberin đang ở Paris.

Mattia nói:

- Con bò sẽ tha hồ mà tiến vào đại thắng.

Và vui quá nó vừa nhảy vừa hát, tôi nắm lấy hai tay nó, bị niềm vui của nó lôi kéo, cả Capi, cho đến lúc đó vẫn ngồi ủ rũ lo âu trong một xó nhà, cũng tới xen vào giữa hai chúng tôi, đứng trên hai chân sau. Thế là chúng tôi cùng nhau nhảy một điệu tuyệt hay làm cho người cai ngục sợ quá, có lẽ sợ cho hành của ông ta thì đúng hơn, phải chạy vào xem có phải chúng tôi nổi loạn hay không? Cai ngục bảo chúng tôi im nhưng không phải bằng giọng thô lỗ như trước, lúc cùng vào với ngài quan tòa..Qua đó chúng tôi thấy tình thế mình không đến nỗi xấu, và chẳng bao lâu sau cai ngục mang vào một liễn sữa (sữa con bò của chúng tôi) nhưng chưa phải đã hết: còn một cái bánh mì to, một miếng thịt bê lạnh mà theo ông ta nói, là của quan tòa gửi cho.

Chưa bao giờ tù nhân lại được đối xử tử tế như thế, vừa ăn thịt bê và vừa uống sữa tôi đã thay đổi những ý nghĩ của mình về nhà tù; rõ ràng là nó khá hơn tôi hình dung nhiều.

Chương bốn

Má Barberin

Tám giờ sáng cửa mở ra chúng tôi nhìn thấy ngài quan tòa đi vào cùng với ông bạn thú y của chúng tôi muốn đích thân đến giải phóng cho chúng tôi.

Quan tòa bắt tay chúng tôi còn ông thú y ôm hôn chúng tôi.

- Thôi các bạn nhỏ lên đường mạnh giỏi nhé!

Chúng tôi vào làng này thăm hại thế nào thì ra đi oai hùng như thế, đầu ngẩng cao tay dắt bò. Những người nông dân đứng trước cửa nhìn chúng tôi với ánh mắt thân thiện.

Chẳng bao lâu chúng tôi tới ngôi làng mà trước đây tôi đã dừng lại cùng cụ Vitalis vào cái đêm đầu tiên của cuộc sống chung.

Từ đây chỉ còn phải qua một khoảng đất truông nữa thôi là tới cái dốc xuống Chavanon.

Qua con phố chạy qua làng một ý nghĩ bỗng nảy ra làm tôi phải bảo cho Mattia ngay..- Cậu biết đấy tớ đã hứa cho cậu ăn bánh xèo ở nhà má Barberin, nhưng muốn làm bánh xèo phải có bơ, bột và trứng.

- Ngon quá nhỉ.

- Ngon hẳn đi ấy chứ, rồi cậu sẽ thấy; cuộn lại ăn ngập miệng luôn. Nhưng ở nhà má Barberin chắc gì đã có bột và bơ vì má không giàu đâu, hay là ta đem tới?

- Phải đấy, ý hay đấy.

Tôi vào cửa hàng thực phẩm khô mua nửa ki-lô bơ, hai ki-lô bột, rồi chúng tôi tiếp tục đi.

Còn mười cây số, rồi còn tám, còn sáu; có điều lạ là càng đến gần má Barberin con đường càng dài ra chứ không như ngày tôi xa má.

Nhưng tôi vô cùng xúc động và bồn chồn, chốc chốc tôi lại xem đồng hồ.

- Nơi này đẹp đấy chứ? - Tôi bảo Mattia.

Chúng tôi đã tới đỉnh đồi nơi bắt đầu con đường dốc với nhiều đoạn chữ chỉ dẫn xuống Chavanon, con đường đi qua nhà má Barberin.

Chỉ vài bước nữa là chúng tôi tới nơi tôi đã xin phép cụ Vitalis được ngồi lên cái ụ đất nhìn về cái nhà mà tôi tưởng không bao giờ còn trông thấy nữa.

- Cầm dây dắt bò này. - Tôi bảo Mattia.

Tôi nhảy phắt một cái lên ụ đất: chẳng thấy gì thay đổi trong thung lũng của chúng tôi cả.

- Gì thế? - Mattia hỏi.

Nó đến gần tôi.

- Theo tay tứ chỉ này, - tôi bảo nó, - đây là nhà má đấy.

Đúng lúc này một đám khói màu vàng bốc lên từ ống khói và vì không có gió nó bốc thẳng lên không trung theo dọc sườn đồi.

- Má Barberin thế là có nhà. - Tôi nói.

Một ngọn gió nhẹ thổi qua cây lá làm cột khói vỡ ra tỏa vào mặt chúng tôi: làn khói có mùi lá dẻ.

Bỗng nhiên nước mắt tôi ứa ra.

- Thôi đi xuống mau lên. - Tôi nói.

- Nếu má Barberin ở nhà thì ta làm sao thu xếp để má ngạc nhiên được nhỉ? - Mattia hỏi.

- Cậu sẽ vào trước: cậu nói là ông hoàng gửi tới cho má con bò, khi má hỏi ông hoàng nào, tớ sẽ xuất hiện.

Vừa tới chỗ ngoặt ngay trên căn nhà, chúng tôi nhìn thấy một chiếc khăn quàng trắng hiện ra trong sân: đó là má Barberin, má mở cửa rào ra rồi đi về phía làng.

Tôi biết theo thói quen của má Barberin cửa chỉ cài then mà thôi, chúng tôi có thể vào trong nhà được; nhưng trước hết phải cho con bò vào chuồng đã. Tôi bèn đi vào chuồng bò xem sự tình ra sao thì thấy chất đầy những bó củi. Tôi gọi Mattia, hai đứa buộc

con bò vào trước máng cỏ xong, mau lẹ chất tất cả các bó củi vào một góc, làm việc này cũng nhanh thôi.

- Bây giờ, - tôi bảo Mattia, - chúng ta vào trong nhà; tớ sẽ ngồi bên góc lò sưởi cho má Barberin thấy tớ ở đó. Thanh chắn khi má đẩy bao giờ cũng kêu lên ken két, cậu sẽ kịp trốn vào sau giường cùng với Capi, má chỉ nhìn thấy mình tớ, cậu thử tưởng tượng xem má sẽ ngạc nhiên đến thế nào?

Sự việc xảy ra đúng như thế. Chúng tôi vào nhà, tôi ngồi ở lò sưởi y như ngày xưa tôi vẫn ngồi trong bao buổi tối mùa đông. Tóc tôi dài chưa cắt, tôi giấu chúng vào trong cổ áo vét, tôi thu mình lại thật nhỏ cổ giống bé Rémi chừng nào hay chừng ấy.

Yên vị xong tôi nhìn chung quanh. Hình như tôi chỉ mới rời căn nhà này từ tối hôm qua, chẳng có gì thay đổi cả, mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Nếu tôi dám bỏ chỗ ngồi này hẳn tôi đã vui mừng tới nhìn gần từng đờ vật một; nhưng vì má Barberin có thể hiện ra bất kỳ lúc nào cho nên tôi đành ngồi im mà nhìn ngấm vậy thôi.

Bỗng nhiên tôi thấy một chiếc khăn quàng trắng, đồng thời thanh chắn kêu kèn kẹt.

- Trốn nhanh đi Mattia. - Tôi bảo Mattia.

Tôi càng thu mình nhỏ hơn.

Cửa mở ra: từ ngưỡng cửa má Barberin đã nhìn thấy tôi.

- Ai đấy? - Má hỏi.

Tôi chỉ nhìn má không trả lời, còn má, má cũng nhìn tôi.

Bỗng nhiên hai tay má run lên.

- Trời ơi! - Má thì thầm. - Có thể thế được không, Rémi ư con?

Tôi đứng dậy, chạy về phía má, tôi ôm ghì má trong hai cánh tay.

- Má ơi!

- Con trai tôi, đây là con trai tôi!

Nhiều phút sau chúng tôi mới định thần lại được và lau xong nước mắt.

- Đúng rồi, - má nói, - giá má không lúc nào cũng nghĩ đến con thì má đã không nhận ra con, con thay đổi nhiều quá, trông khỏe mạnh lên nhiều!

Một tiếng hít hít nghẹn ngào làm tôi nhớ ra Mattia, tôi gọi nó, nó đứng lên.

- Đây là Mattia, em trai con.

- A! Thế ra con tìm được cha mẹ rồi à? - Má Barberin kêu lên.

- Không, con muốn nói đây là bạn con, bạn thân của con, còn đây là Capi, cũng là bạn con, bạn thân của con; chào má của chủ mày đi nào Capi!

Capi đứng thẳng lên trên hai chân sau, một chân trước để lên chỗ trái tim, nó cúi chào rất trân trọng làm cho má Barberin phải phì cười và khô nước mắt.

Mattia ra hiệu cho tôi nhớ lại điều bất ngờ chúng tôi muốn dành cho má.

- Má ơi, - tôi bảo má Barberin, - ta ra sân chơi một chút đi.

- Ta cũng có thể ra xem cái vườn của con nữa, má vẫn giữ y nguyên như con sắp xếp trước kia để khi về nhà con vẫn thấy nó như thế vì má vẫn tin thế nào con cũng trở về.

Đã đến lúc rồi.

- Thế còn chuồng bò, - tôi nói, - nó vẫn không có gì thay đổi từ khi Roussette đi hả má?

- Dĩ nhiên là không rồi, má chắt cùi vào đó.

Vừa vặn chúng tôi đứng trước chuồng bò, má Barberin đẩy cửa, ngay lúc đó con bò của chúng tôi, đang đói tưởng có người đến cho ăn, bắt đầu rống lên.

- Một con bò cái! - Má Barberin kêu lên.

Lúc đó không còn nhịn được nữa, tôi và Mattia cười phá lên.

Má Barberin ngạc nhiên nhìn chúng tôi.

- Đó là một điều bất ngờ phải không má? -Tôi nói.

- Ôi! Con trai yêu quý! - Má Barberin vừa kêu lên vừa ôm hôn tôi.

Rồi chúng tôi đi vào trong chuồng bò để cho má Barberin có thể xem kỹ con bò của mình.

Mỗi một phát hiện lại làm má reo lên:

- Con bò đẹp biết chừng nào!

Bỗng nhiên má dừng lại nhìn tôi:

- Ái chà! Thế ra con đã giàu rồi ư?

- Đúng thế đấy má ạ, - Mattia cười nói, - chúng con còn năm mươi tám xu.

Má Barberin lại có dịp nhắc lại điệp khúc chỉ có điều hơi khác đi một chút:

- Những đứa con trai ngoan thật là ngoan!

Điều này làm tôi có một niềm vui êm dịu trong lòng: má đã nghĩ đến Mattia và trong tim má, má đã gắn bó chúng tôi lại với nhau.

Trong lúc này con bò tiếp tục rống.

Mattia nói:

- Nó đòi vắt sữa đấy ạ!

Không cần nghe thêm nữa tôi chạy vào lấy cái xô bằng sắt tây đã cọ rửa kỹ.

Má Barberin hài lòng không biết thế nào mà kể khi thấy sữa đầy đến hai phần ba xô.

- Má nghĩ con bò này cho nhiều sữa hơn Roussette. - Má nói.

Sữa vắt xong con bò được thả ra sân ăn cỏ, chúng tôi vào nhà, mang theo xô sữa rồi, tôi đem bơ và bột đặt lên bàn, vào chỗ dễ nhìn thấy nhất.

Thấy thế má Barberin lại reo lên nhưng tôi đành thật thà ngắt lời má:

- Má ơi, - tôi nói, - nỗi bất ngờ này không những dành cho má mà cho cả chúng con, chúng con đói đến chết được và chỉ mong được ăn bánh xèo. Má còn nhớ vào ngày thứ ba béo cuối cùng của má con ta, ta bị ngắt quãng như thế nào không? Và chỗ bơ má đi vay để làm bánh xèo cho con đã bị sai phạm như thế nào vào việc nấu với hành trong nồi không? Lần này ta sẽ không bị ai làm phiền nữa.

- Con biết là Barberin đi Paris rồi à?

- Vâng.

- Thế con có biết ông ấy đi Paris làm gì không?

- Không ạ.

- Đi vì việc có lợi cho con đấy.

- Cho con? - Tôi sợ hãi nói.

Nhưng trước khi trả lời má nhìn Mattia như thể không muốn nói trước mặt nó.

- Ô, má cứ nói trước mặt Mattia. - Tôi bảo.

- Nhưng giải thích ra thì dài lắm. - Má nói.

- Ông ta liệu có về ngay không?

- Ô! Không đâu. Chắc chắn là khác.

- Thế thì có gì mà vội. Má hãy làm bánh xèo cho chúng con trước đã.

- Ở nhà không có gà mái...

- Chúng con không mang trứng sợ vỡ. Má có đi vay được ở đâu đây không?. Má có vẻ lúng túng, tôi hiểu ngay chắc má đã đi vay thường xuyên.

- Thôi để con đi mua thì hơn. Con chạy đi ngay đây. - Tôi nói.

Tôi mua một tá trứng và một miếng mỡ. Khi tôi trở lại chỉ còn việc nhào trứng vào bột.

- Ái chà! - Má Barberin vừa đánh trứng thật mạnh vừa hỏi tôi, - tại sao mà bấy lâu nay tôi không cho má biết tin tức gì cả là thế nào?

- Má ơi, con biết má không phải chỉ có một mình, má lại không tự đọc được thư con nữa.

Ông Barberin làm con run lên vì sợ, ông ấy mới là chủ nhà, là người đã bán con cho một nhạc sĩ già lấy bốn mươi phrăng.

- Bé Rémi ơi, con đừng nói đến chuyện ấy nữa.

- Không phải con nói để phàn nàn gì đâu mà để cắt nghĩa cho má nghe vì sao con không dám viết thư.

Vừa nói chuyện má Barberin vừa nhào bột để làm bánh, Mattia lo nhóm lửa, tôi thì xếp đĩa, đĩa và cốc tách lên bàn, tôi đi ra chỗ vòi nước lấy một bình đầy.

Bây giờ một ngọn lửa thật đẹp đã bốc lên dưới ống khói, má Barberin bắc xoong lên. Mùi bánh xèo tỏa khắp gian phòng và chẳng bao lâu chúng tôi đã được cắn ngập răng thứ bánh ngon lành ấy.

- Ôi! Bánh mới ngon làm sao! - Mattia còn đầy miệng, nói.

Khi cái liễn đã hết sạch, Mattia, biết má Barberin không muốn nói chuyện trước mặt nó, bèn bảo là nó muốn xem con bò ra sao, để hai người chúng tôi lại với nhau.

Nếu tôi có ý đợi đến tận lúc này không phải vì tôi không sốt ruột, chẳng qua chỉ vì tôi tập trung tất cả mọi chú ý vào bánh xèo để quên nỗi bận tâm đó đi mà thôi.

Bar-berin làm gì ở Paris?

Khi Mattia đã ra ngoài, tôi hỏi má Barberin như vậy.

- Con trai ơi, hình như gia đình con tìm con. - Má nói.

- Ai tìm cơ ạ? Ô, con xin má, má hãy nói mau đi!

Rồi cảm thấy hình như mình điên, tôi liền kêu lên: - Chính là Barberin đi tìm con chứ ai, để rồi lại bán con đi một lần nữa; nhưng đừng hòng lấy lại được con!

- Con ơi, chúng ta hãy biết điều, hãy nghe lời má nói đây và đừng có sợ nữa. Đây là những điều tận tai má nghe thấy. Thứ hai tới là đây một tháng, má đang làm việc trong phòng làm bánh mì bỗng có một ông đi vào nhà, Barberin lúc đó đang ở trong nhà. "Có phải ông là Bar-berin không?" ông ta hỏi. "Vâng", Jérôme đáp.

"Có phải ông là người đã tìm thấy một đứa bé ở Paris chỗ đại lộ Breteuil không, và chịu trách nhiệm trông nom nó không?" "Vâng." "Thế thằng bé đó đâu?" "Bận gì đến ông cơ chứ?" Jérôme trả lời.

Nếu như tôi nghi ngờ sự thành thực của má Barberin thì tôi cũng phải thừa nhận câu trả lời này thật tử tế, câu trả lời mà má đã nghe được cũng như đã thuật lại với tôi.

- Con biết đấy, - má nói, - ở chỗ làm bánh mì nghe rõ lắm, hơn nữa nó lại là việc về con, nên má rất muốn nghe. Để nghe rõ hơn má lại gần, nhưng má lại giẫm vào một cành cây gãy rắc một cái. "Không phải chỉ có mình chúng ta thôi ư? " ông kia hỏi. "Đó là vợ tôi", Jérôme bảo. "ở đây nóng quá ta ra ngoài nói chuyện hơn", ông kia nói. Thế là cả hai đi ra.

Ba bốn giờ sau Jérôme mới trở về một mình.

Con thử tưởng tượng xem má sốt ruột đến thế nào muốn biết Jérôme và ông kia, có thể là cha con, đã nói với nhau những gì, nhưng Jérôme không trả lời tất cả những gì má hỏi. Jérôme chỉ nói là ông ấy không phải cha con nhưng thay mặt gia đình con đi tìm con.

- Thế gia đình con ở đâu hả má? Gia đình đó thế nào? Con có cha, có mẹ chứ?

- Ấy má cũng hỏi Jérôme như con ấy, nhưng ông bảo là không biết. Rồi Jérôme bảo là ông đi Paris tìm người nhạc sĩ đã thuê con và đã cho địa chỉ ở phố Lourcine. Từ hôm ấy đến nay má chẳng được tin tức gì của Jérôme cả. ông kia cho Jérôme một trăm phrăng và có lẽ sau đó còn cho tiền tiếp nữa. Cái đó cộng với những tã lót xưa bọc con khi người ta tìm thấy con chứng tỏ cha mẹ con là người giàu có.

Đúng lúc này Mattia đi qua cửa, tôi gọi nó:

- Mattia này, tớ có một gia đình.

Nhưng lạ một cái là nó không chia sẻ niềm vui này cùng tôi. Chúng tôi đi ngủ sớm, Mattia ngủ ngay. Còn tôi không sao ngủ được, hoang mang vì những ý nghĩ tối tăm.

Gia đình tôi tìm tôi, nhưng để tìm được gia đình, tôi phải tìm hỏi lão Barberin. Điều này làm cho niềm vui của tôi tối sầm lại, tôi những muốn lão Barberin đừng xen vào hạnh phúc của tôi làm gì. Tôi không quên những lời lão nói với cụ Vitalis: "Ai nuôi đứa trẻ này sẽ có lợi, nếu không tính thế thì tôi nuôi nó làm gì." Chính vì vậy mà tôi có những tình cảm xấu đối với lão.

Ấy thế mà tôi lại phải tìm cho được lão để lão dẫn tôi về gia đình tôi.

Rõ ràng đối với tôi có một gia đình là niềm vui quá lớn không ngờ tới rồi; tuy nhiên niềm vui này đến với tôi trong những điều kiện không khỏi pha lẫn buồn bã. Tôi vẫn hy vọng có thể sống nhiều ngày hạnh phúc bên má Barberin, thế nhưng ngay ngày mai chúng tôi đã lại phải lên đường rồi.

Rời khỏi nhà má Barberin tôi còn phải đi đến bờ biển ở Esnandes để gặp chị étiennette, thăm Benjamin ở Saint-Quentin rồi sau đó còn phải đi Dreuzy ở Nièvre, đem cho em Lise tin tức của anh chị em; thế mà tôi phải từ bỏ các chuyến đi này!

Suốt đêm tôi cứ xoay đi xoay lại cái ý nghĩ này, lúc thì tự bảo không thể bỏ chị étiennette cũng như Lise, lúc thì ngược lại cho rằng phải chạy về Paris càng nhanh càng hay để gặp lại gia đình tôi. Cuối cùng tôi ngủ thiếp đi mà chưa đi đến một kết luận nào.

Buổi sáng khi cả ba chúng tôi đều có mặt đông đủ, cả má Barberin, tôi và Mattia bên lò sưởi nơi sữa con bò của chúng tôi đang được hâm nóng, chúng tôi bàn bạc với nhau để đi đến quyết định.

Thảo luận khá lâu, ai cũng tham gia ý kiến, cuối cùng quyết định là tôi sẽ viết thư cho chị étiennette và cho Benjamin, nhưng

chúng tôi sẽ đi thăm Lise vì em không biết đọc nhất là tôi lao vào cuộc hành trình này chính là vì em.

Chúng tôi nhất trí hôm sau sẽ ra đi.

Một lần nữa tôi lại buồn vì chia ly; nhưng ít nhất lần này tôi rời Chavanon không như lúc đi theo cụ Vitalis. Tôi có thể ôm hôn má Barberin và hứa với má sẽ cùng cha mẹ tôi về thăm má..Một lần nữa chúng tôi lại đi trên những con đường lớn, túi trên vai, Capi chạy trước; chúng tôi bước những bước dài. Nếu không buộc phải kiếm cơm hàng ngày có lẽ tôi đã rảo bước thật nhanh, nhưng có Mattia ở bên để đưa tôi trở về với thực tại.

Hơn nữa ngoài miếng bánh mì hàng ngày ra, còn có một lý do nữa buộc chúng tôi phải thu nhập càng nhiều càng tốt. Tôi muốn em Lise của tôi cũng sung sướng như má Barberin: tôi muốn tặng em một món quà. Đó là một con búp bê.

Để tới nhà bà cô của Lise chỉ việc đi theo con sông đào bởi vì chồng cô Catherine làm người coi cống nên gia đình họ ở trong một cái nhà xây ngay bên cạnh cái cống mà ông phải coi.

Chúng tôi nhanh chóng tìm ra cái nhà đó, nó nằm ngay rìa làng, trên một bãi cỏ có trồng nhiều cây to.

Tim tôi đập liên hồi khi tới gần. Ra hiệu cho Mattia, tôi cầm lấy đàn hác-pơ và chơi những nốt nhạc đầu tiên của bài ca Na-pô-li nhưng không hát lên sợ tiếng tôi làm lộ tẩy...

Chỉ một chút xíu sau cửa mở và Lise đã ở trong tay tôi. Mọi người đưa chúng tôi vào nhà, sau khi cô Catherine ôm hôn tôi bà bày ra hai bộ đồ ăn. Nhưng tôi xin bà sửa soạn ba bộ.

- Nếu cô cho phép, - tôi nói, - cháu có một người bạn nhỏ đi cùng.

Và tôi rút con búp bê trong chiếc túi đeo lưng ra, tôi đặt nó ngồi trên chiếc ghế dựa bên cạnh chiếc ghế của Lise.

Cái nhìn của cô bé nhìn tôi, suốt đời tôi không quên.

Tôi mà không vội đi Paris hẳn tôi phải ở lại thật lâu với Lise, chúng tôi có biết bao chuyện để nói mà chỉ có thể nói được quá ít với thứ ngôn ngữ của chúng tôi mà thôi!

Phải từ biệt Lise, quá vội, để lại lên đường.

Hết chặng đường này tới chặng đường khác, cuối cùng trở lại cái trại mà chúng tôi đã tổ chức buổi hòa nhạc đầu tiên cho đám cưới nhảy. Hai vợ chồng mới cưới nhận ra chúng tôi. Người ta cho chúng tôi ăn tối và ngủ nhờ.

Từ đó, sáng hôm sau chúng tôi vào Paris, vừa vặn đúng sáu tháng mười bốn ngày kể từ khi rời Paris.

Mattia và tôi thỏa thuận với nhau để một mình tôi đi tìm Barberin sau đó chúng tôi sẽ gặp nhau trước gian giữa nhà thờ Đức Bà..Tôi đã ghi trên giấy địa chỉ người chủ cho Barberin thuê nhà; nhưng cẩn thận như vậy cũng chẳng cần vì tôi nhớ rõ chẳng khó khăn gì: khách sạn Cantal, ngõ Austerlitz.

Không chậm trễ tôi đến ngay khách sạn Can-tal, một nơi chỉ có cái tên là khách sạn mà thôi, chủ nó là một người đàn bà dở điếc.

- Tôi muốn tìm ông Barberin từ Chavanon, ông ấy trọ ở đây có phải không ạ?

Bà ta không trả lời chỉ giơ hai tay lên trời một cách đột ngột đến nỗi con mèo đang ngồi trong lòng bà hốt hoảng nhảy vọt xuống đất.

- Ôi chao! - Bà ta nói.

Rồi nhìn tôi trong khi đầu bà càng rung lên mạnh hơn:

- Cậu là thằng bé ông ấy tìm chứ gì? - Bà ta hỏi.

Tim tôi thất lại.

- Barberin!

- Chết rồi!

Tôi phải tựa mình vào cây đàn hác-pơ.

- Ông ấy chết rồi ư? - Tôi gào to lên để cho người đàn bà nghe thấy nhưng giọng tôi khàn đặc đi vì quá xúc động.

- Chết tám ngày nay ở nhà thương Saint-An-toine rồi.

Tôi sống sờ cả người; Barberin mà chết thì làm sao tìm được gia đình tôi bây giờ?

- Thế ra cậu chính là thằng bé ấy đấy à? - Bà già tiếp tục nói.

- Thằng bé mà ông ta đi tìm để trả lại cho gia đình giàu có của nó đấy à?

Tôi lại hy vọng, tôi bấu lấy câu hỏi ấy.

- Bà biết ư?... - Tôi hỏi.

- Không biết gì hơn ngoài những điều tôi vừa nói với cậu, cậu con trai, tôi muốn nói quý ông trẻ trung ạ. Barberin bí mật ghê lắm, chỉ muốn tiền thưởng dành riêng cho mình thôi.

Trời hỡi, Barberin chết mang theo cái bí mật về sự ra đời của tôi rồi.

Hai tay ôm đầu, tôi tìm hết cách cũng không thấy ý tưởng nào cho dù chỉ để hướng dẫn tôi hành động. Hơn nữa tôi quá hoang mang, quá xúc động đến nỗi không thể nào suy nghĩ ra đầu ra đuôi được.

- Có một lần ông ta nhận được một bức thư, một bức thư nặng lắm. - Bà ta nghĩ một lúc lâu rồi nói.

- Thư từ đâu đến ạ? - Tôi không biết. Người đưa thư đưa cho ông ta, tôi không nhìn con tem.

- Liệu bây giờ còn tìm thấy bức thư đó không?

- Chúng tôi đã lục khắp trong đồ đạc của ông ta, không phải vì tò mò đâu, tất nhiên, mà để báo cho vợ ông ta, nhưng không tìm thấy.

Đồ đạc trong bệnh viện cũng vậy. Nếu ông ta không nói từ Chavanon đến thì cũng chịu không báo được cho vợ ông ta.

Tôi đứng im khá lâu không nói nên lời. Biết hỏi gì nữa bây giờ? Bà ta đã nói ra tất cả những điều mình biết.

Tôi cảm ơn và đi ra cửa.

- Nếu cậu không có chỗ trọ, - bà già bảo tôi, - thì cậu cứ đến đây, không phải nói khoe đâu, ở đây rất tốt, chúng tôi là một nhà lương thiện. Nên nhớ rằng nếu gia đình cậu tìm cậu vì không thấy tin tức gì của Barberin họ phải tìm hỏi ở đây chứ ở đâu, cậu sẽ có sẵn ở đây mà đón họ. Thế có phải lợi không, cậu đi chỗ khác thì ai biết ở đâu mà tìm? Cậu thử nghĩ mà xem, hai thanh niên trẻ tuổi trên hè phố Paris, có thể gặp nhiều chuyện rắc rối lắm chứ! Nhiều khách sạn chẳng ra sao chứ không như ở đây, yên tĩnh lắm, khu này là thế.

Tôi không tin là khu này có lợi thế về mặt yên tĩnh; kiểu gì thì khách sạn Cantal cũng thuộc loại bản thủ khôn khổ nhất chỉ nhìn đã thấy, và trong cuộc đời du mục của tôi, tôi đã trông thấy khối khách sạn khôn khổ như thế này.

Nhưng lời đề nghị của bà chủ cần phải xem xét.

Hơn nữa lúc này không nên tỏ ra khó tính, cần phải tiết kiệm. á chà! Mattia thật có lý khi nghĩ rằng phải kiếm tiền! Giả sử không có mười bảy phrăng trong túi thì chúng tôi biết làm sao đây?

- Thuê một phòng cho tôi và bạn tôi thì hết bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- Một ngày mười xu.

- Được, thế thì tối chúng tôi quay lại.

- Các cậu nên về sớm, ban đêm Paris chẳng hay ho gì đâu.

Tôi chỉ còn việc đến gặp Mattia ở nơi đã hẹn. Hãy còn sớm, tôi ngồi vào một góc đợi nó.

Chẳng bao lâu tôi nghe thấy một tiếng sủa vui mừng, trước khi kịp đứng lên Capi đã lao vào lòng tôi liếm tay tôi. Tôi ôm nó trong tay. Mattia ngay sau đó hiện ra.

- Thế nào? - Từ xa nó đã kêu lên. - Barberin chết mất rồi.

Nó chạy để đến với tôi cho nhanh, tôi vội kể tóm tắt cho nó nghe những gì mình biết. Bằng những lời thật âu yếm nó cố tìm cách thuyết phục tôi đừng tuyệt vọng.

- Nếu cha mẹ cậu đã tìm thấy Barberin nay không nghe tin tức gì của lão nữa hẳn họ phải tìm xem lão ra sao chứ, dĩ nhiên họ sẽ đến khách sạn Cantal. Ta đi đến đấy đi, coi như chỉ chậm có vài ngày thôi, thế thôi.

Nếu như khách sạn Cantal là một căn nhà lương thiện thì nó chẳng đẹp đẽ gì. Chúng tôi ở trong một buồng nhỏ xíu áp mái, đèn thì tỏa khói mù. Buồng chật đến nỗi một trong hai chúng tôi buộc phải ngồi xuống giường khi người kia đứng lên. Cái bánh mì tròn phết đầy phó-mát trong bữa tối của chúng tôi chẳng phải tiệc tùng gì nhưng cuối cùng thì tất cả đều chưa phải đã hết.

CHƯƠNG V: TÌM KIẾM

Tôi bắt đầu ngày hôm sau bằng việc viết thư cho má Barberin kể về những gì mình biết, việc này không phải nhỏ. Chẳng nhẽ khô khan bảo má là chồng má đã chết?

Cuối cùng tốt xấu gì chẳng nữa thì tôi cũng viết xong bức thư nhắc đi nhắc lại niềm yêu thương không gì thay đổi của tôi đối với má.

Tôi đề nghị má cho tôi hay nếu như gia đình tôi có viết thư hỏi tin tức ông Barberin, nếu người ta cho địa chỉ thì má chuyển cho tôi.

Bốn ngày sau tôi nhận được thư má Barberin nhờ người viết cho tôi.

Má cho tôi biết má đã được báo trước về cái chết của ông chồng, trước đây ít lâu má có nhận được một bức thư của ông ta. Má nghĩ bức thư này có ích cho tôi nên gửi cho tôi, thư có những chỉ dẫn về gia đình tôi.

- Nhanh lên, Mattia, ta cùng đọc nào..Tay tôi run lên, tim tôi thất lại khi đọc bức thư đó.

Nhà nó yêu quý của tôi, Tôi đang nằm bệnh viện, ốm lắm khó lòng còn dậy được. Tôi muốn nói rằng nếu như tôi không qua khỏi thì nhà viết cho Hãng Greth và Galley, Quảng trường Green, Lincoln's Inn, Londres, đó là những người của Hãng Luật có nhiệm vụ đi tìm Rémi. Nhà nó bảo họ là chỉ có nhà mới có thể cho được tin tức đứa bé và cẩn thận bắt họ phải trả tiền vì những tin tức này.

Tiền này phải được dùng để làm nhà nó sung sướng trong tuổi già. Nhà nó sẽ biết Rémi ra sao khi viết thư cho ông Acquin, vốn làm nghề làm vườn nay bị giam trong nhà tù Clichy ở Paris.

Tôi đã gặp ông này. Hãy nhờ ông mục sư viết tắt cả mọi thư từ vì trường hợp này không thể tin ai được. Đừng làm gì cả trước khi biết tôi không còn sống nữa. Ạm hôn nhà nó lần cuối cùng.

Barberin Tôi chưa kịp đọc đến chữ cuối của bức thư thì Mattia đã nhảy dựng lên:

- Tiến về Londres!

Tôi vẫn đang còn ngạc nhiên vì những gì đã đọc thành ra cứ nhìn Mattia chẳng hiểu gì cả.

- Bởi vì thư của má Barberin bảo là những người hành nghề luật Anh chịu trách nhiệm đi tìm cậu, điều đó có nghĩa cha mẹ cậu là người Anh. Phải đi sang Anh, đó là cách tốt nhất để gần lại cha mẹ cậu. Ta có đủ tiền làm cuộc hành trình. Ta sẽ xuống tàu ở Boulogne, tàu đưa ta tới Londres. Không tốn kém lắm đâu.

- Thế thì ta đi. - Tôi bảo.

Chỉ trong hai phút chúng tôi gài xong túi, xuống nhà chuẩn bị đi. Tôi không muốn đi khỏi Paris mà không thăm cha Acquin và cho ông biết những tin tức trên.

Ông rất mừng biết tôi sắp tìm lại được gia đình.

- Mong sớm gặp lại con, con trai ạ, may mắn nhé! Nhớ viết thư cho cha.

Chúng tôi mất tám ngày để đi từ Paris đến Boulogne vì dọc đường còn dừng lại đôi chút ở những thành phố chính làm vài cuộc biểu diễn.

Tới Boulogne trong túi chúng tôi có hơn ba mươi phrăng, có nghĩa nhiều hơn số tiền cần chi cho đi tàu.

Tàu đi Londres khởi hành bốn giờ sáng hôm sau, ba giờ rưỡi chúng tôi đã lên tàu và cố gắng ngồi sao cho thật ổn sau một đồng thùng che chúng tôi khỏi làn gió bắc lạnh lẽo và ẩm thấp.

Dưới ánh sáng của mấy cái đèn tỏa khói, chúng tôi nhìn thấy người ta chất hàng lên tàu: rờn rọc nghiêng lên ken kết, những chiếc thùng thả xuống hầm tàu kêu rảng rác, các thủy thủ thỉnh thoảng lại văng ra mấy tiếng khàn khàn; nhưng bao trùm lên hết thảy mọi ồn ào là tiếng lạo xạo của hơi nước thoát ra từ đầu máy từng đám trắng nho nhỏ một. Một hồi chuông gióng lên từng tiếng một, thùng chảo rơi xuống nước, chúng tôi lên đường.

Sau một cuộc hành trình trên biển với sóng cả chưa từng thấy, qua đó Mattia đã hiểu thế nào là say sóng, chúng tôi vào tới những làn nước êm ả của sông Tamise và đến Londres.

Chúng tôi lên khỏi tàu. Thành phố chìm ngập trong một làn sương mù dày đặc, phố xá tối tăm lầy lội đầy những xe cộ. Chúng tôi cứ đi tới, chốc chốc lại hỏi đường những người qua lại mà mình gặp. Chúng tôi lạc vào một đám phố xá chằng chịt toàn những phố nhỏ yên tĩnh.

Trong khi Mattia hỏi đường một cái bóng đi qua thì tôi dừng lại, tôi không thở được nữa và tôi run lên.

Rồi chúng tôi lại tiếp tục đi, cuối cùng dừng lại trước một cái biển đồng trên đó đọc được những chữ sau đây: Greth và Galley.

Mattia tiến lên giật chuông, nhưng tôi ngăn tay nó lại:

- Từ từ đã, để tớ lấy lại can đảm đã.

Một lúc sau, nó giật chuông, chúng tôi bước vào một căn phòng có hai ba người đang ngồi viết dưới ánh sáng của nhiều cây đèn ga.

Mattia ngỏ lời với một trong mấy người này.

Tên Barberin gây được tác dụng nhanh chóng: người ta đưa chúng tôi vào một gian phòng đầy sách và giấy tờ, có một ông ngồi trước cái bàn giấy, một ông khác mặc áo dài và đeo tóc giả đang nói chuyện với ông ta.

Người đưa chúng tôi vào giải thích vài lời ngắn gọn cho ông ta biết chúng tôi là ai.

- Ai là người trong hai cậu đã được Barberin nuôi? - ông ngồi trước bàn giấy hỏi bằng tiếng Pháp.

Tôi tiến lên một bước:

- Thưa ông, tôi ạ.

- Barberin đâu?

- Ông ấy chết rồi ạ.

Tôi kể lại tóm tắt vì sao tìm đến các ông đây. Tôi rất sốt ruột đến lượt mình đặt ra các câu hỏi nhất là một câu đang cháy bỏng trên môi tôi, nhưng không sao có thì giờ. Đầu tiên phải kể lại tôi đã được Barberin nuôi như thế nào, bị bán cho cụ Vitalis ra sao, rồi được gia đình Acquin đón nhận ra sao, sau đó lại bị vứt ra đường trôi nổi trong cuộc đời như thế nào.

Ông ta ghi chép lại hết và nhìn tôi với vẻ mặt khiến tôi đâm lúng túng; phải nói khuôn mặt ông ta rắn đanh lại, cái cười nom có cái gì bản thủ bên trong.

- Thưa ông gia đình tôi sống ở Anh ạ?

- Nhất định rồi, ở Anh, ít nhất là trong lúc này. Tôi sẽ cho người dẫn cậu đi.

Ông ta bấm chuông. Cửa mở ra.

- À! Tôi quên, ông kia nói, họ của cậu là Dricsoll, tên họ cha cậu là như thế.

Mặc dầu khuôn mặt ông ta trông rất khó chịu tôi những muốn nhảy lên bá cổ ông ta nếu ông ta để tôi có thì giờ; nhưng ông ta đã lấy tay chỉ chúng tôi ra cửa.

Người thư ký đưa chúng tôi đến nhà cha mẹ tôi là một gã đàn ông bé nhỏ đã già trông quá queo, mặt mũi nhăn nheo, mặc bộ quần áo đen đã sờn và lên nước bóng loáng, thất cà-vạt trắng.

Lão ta nhìn chúng tôi và cứ "sịt, sịt" với chúng tôi như sịt chó vậy, có ý bảo chúng tôi đi theo lão. Không mấy chốc chúng tôi đi sang một phố lớn xe cộ chen chúc nhau, lão dừng một chiếc xe lại và cho chúng tôi lên xe. Lão bắt chuyện với người đánh xe. Rất

nhiều lần từ Bethnal Green được nhắc tới, tôi cho rằng đó là tên khu cha mẹ tôi ở. Tôi biết green tiếng Anh có nghĩa là màu xanh lá cây, tôi hình dung khu này hẳn phải trồng nhiều cây to đẹp, tôi thấy dễ chịu quá. Chắc nó không giống những phố xá bản thủ ở Londres mà chúng tôi vừa đi qua để tới nơi này.

Xe lăn bánh khá nhanh trong các phố rộng, sau đó vào các phố hẹp, rồi lại tới các phố rộng, nhưng không trông thấy gì ở chung quanh cả do sương mù bao phủ chúng tôi một màu mờ đục.

Trời bắt đầu lạnh, tuy thế chúng tôi cảm thấy khó thở. Tôi nói chúng tôi có nghĩa Mattia và tôi, vì lão dẫn đường ngược lại tỏ ra rất thoải mái, lão thở mạnh, miệng há ra rồi hít vào thật mạnh, như thể vội vã tích lấy một lượng không khí lớn trong phổi lão. Tuy tôi phát sốt lên vì xúc động khi nghĩ tới chỉ chốc nữa đây sắp được ôm hôn cha mẹ, anh chị tôi, tôi rất muốn trông thấy cái thành phố mình đang đi qua. Chẳng phải nó là thành phố của tôi, tổ quốc của tôi hay sao?

Nhưng cho dù có mở to mắt đến mấy tôi cũng chẳng nhìn thấy gì hoặc hầu như không nhìn thấy gì ngoài làn ánh sáng đỏ cạch của ga cháy trong sương mù như một đám mây khói dày đặc; chỉ mờ mờ thấy được những chiếc đèn của xe ngựa đi ngược lại phía chúng tôi, thỉnh thoảng xe chúng tôi phải đứng sững lại sợ đâm vào người đi đường.

Chúng tôi đi khỏi Greth và Galley đã lâu, điều này khẳng định cha mẹ tôi sống ở miền quê.

Nhưng đáng lẽ đi vào vùng nông thôn thì chúng tôi lại đi vào những con phố càng hẹp hơn, chúng tôi nghe thấy tiếng còi đầu máy xe lửa. Bùn trong phố tràn cả vào trong xe, bản từng mảng đen lên tận chúng tôi; một mùi nhạt nhạt bao trùm lấy chúng tôi từ đã khá lâu chúng tôi đang ở trong một khu tồi tàn, có lẽ khu cuối cùng trước khi ra tới đồng cỏ của Bethnal Green. Tôi có cảm giác chúng tôi quay trở lại, thỉnh thoảng người đánh xe lại cho xe đi chậm lại tựa như không rõ mình ở chỗ nào. Bỗng nhiên ông ta dừng xe hẳn lại và lờ nhìn ra ngoài xe mở ra.

Lúc này chúng tôi tranh luận với nhau. Mat-tia bảo tôi nó hiểu rằng lão dẫn đường không muốn đi xa hơn vào khu trộm cắp này nữa.

Cuối cùng lão thư ký cho tiền người đánh xe, lão xuống xe và một lần nữa lại "sịt, sịt" chúng tôi, rõ ràng là đến lượt chúng tôi cũng phải xuống.

Chúng tôi ở trong một con phố đầy bùn giữa sương mù. Lão dẫn đường gọi một người qua đường lại hỏi: chẳng khó khăn gì chúng tôi hiểu là lão hỏi đường.

Tôi quá bối rối đến nỗi không hiểu làm thế nào mà chúng tôi lại đứng trong một căn buồng rộng được chiếu sáng bởi một cái đèn và một ngọn lửa bằng than đốt.

Trước ngọn lửa là một ông cụ già ngồi im như một pho tượng, râu bạc trắng, đầu đội một chiếc mũ tròn đầu màu đen. Một người đàn ông và một người đàn bà ngồi đối diện với nhau qua một cái bàn, người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi mặc bộ đồ nhung màu xám mặt mũi thông minh nhưng đanh lại; người đàn bà kém độ năm sáu tuổi tóc vàng rủ xuống một chiếc khăn san kẻ ô đen trắng buộc chéo trước ngực, mắt không có tí thần nào, khuôn mặt chỉ lộ ra vẻ lãnh đạm và vô cảm. Trong phòng còn có bốn đứa trẻ, hai đứa con trai hai đứa con gái tóc đều vàng như mẹ; đứa lớn nhất khoảng mười một mười hai tuổi; đứa bé nhất chưa đến ba tuổi.

Chỉ một cái liếc mắt tôi nhìn thấy toàn bộ quang cảnh, trong khi lão thư ký già dẫn đường cho chúng tôi lên tiếng nói chuyện.

Mọi con mắt liền đổ dồn về phía Mattia và tôi, kể cả cụ già bất động, riêng đứa con gái bé tí thì chú ý đến Capi.

- Ai trong hai người là Rémi? - Người đàn ông mặc bộ đồ nhung xám hỏi bằng tiếng Pháp.

Tôi tiến lên một bước:

- Tôi ạ.

- Vậy thì ôm hôn cha con đi, con trai của cha.

- Còn bây giờ thì, - ông ta nói, - đây là ông con, mẹ con, các anh các chị em con.

Tôi bước tới chỗ mẹ tôi trước tiên, ôm bà trong hai tay, bà để mặc cho tôi hôn nhưng bà không hề ôm hôn tôi, chỉ nói với tôi vài ba lời mà tôi không hiểu gì cả.

- Đưa tay bắt tay ông đi, nhẹ nhàng thôi, ông bị liệt đấy.

Tôi cũng bắt tay các anh tôi và chị tôi, tôi muốn bế con bé con nhưng nó đẩy tôi ra vì đang bận chơi với con Capi.

Vừa đi từ người nọ sang người kia, tôi vừa tự giận mình. Sao nhỉ? Tôi không cảm thấy vui một chút nào khi cuối cùng được ở trong gia đình mình. Tôi đã chờ đợi giờ phút này với sự nóng lòng đến cháy bỏng thế mà tôi lại lúng túng, lại tò mò nhìn họ và không tìm được lời nào để nói cả.

Nhưng người ta không để tôi có thì giờ miệt mài với những cảm tưởng này lâu hơn.

- Thế còn thằng bé này là ai? - Cha tôi chỉ Mattia.

Tôi giải thích mỗi dây ràng buộc tôi với Mattia, tôi cố gắng đặt tất cả tình bạn vào trong những lời nói của mình.

- Được, - cha tôi nói. - Thế tại sao Barberin không tới?

- Ông ấy chết rồi ạ.

Thế là cha tôi dịch cho mẹ tôi nghe những điều tôi vừa nói, tôi tưởng như mình hiểu được. là bà trả lời thế thì tốt vì bà nhiều lần nhắc đi nhắc lại hai chữ well và good mà tôi biết.

- Con không biết tiếng Anh à? - Cha tôi hỏi.

- Không ạ. Con chỉ biết tiếng Pháp và tiếng Ý con học với một ông thầy mà Barberin đã cho ông ta thuê con.

- Vitalis ấy à? Tên ông này Barberin có nói với cha cách đây ít lâu khi cha sang Pháp tìm con. Chắc con lấy làm lạ tại sao suốt mười ba năm cha mẹ không đi tìm con và tại sao đột nhiên cha mẹ lại có ý định tìm Barberin. Con lại đây, gần ngọn lửa này, cha sẽ kể cho con nghe.

Nhưng, khi tôi vừa duỗi đôi chân ẩm ướt vấy bùn trước ngọn lửa thì ông tôi khạc ngay đờm về phía tôi mà chẳng nói gì cả; không cần giải thích tôi cũng hiểu được là tôi đã làm vướng ông, tôi rút chân lại.

- Đừng để ý làm gì, ông cụ không thích ai ở trước ngọn lửa của ông cụ; nhưng nếu con lạnh con cứ sưởi, không việc gì phải bận tâm vì ông ấy.

Thấy người ta nói về ông cụ như vậy tôi choáng váng cả người.

- Con là con trai cả của cha mẹ, - cha tôi nói với tôi. - Cha mẹ lấy nhau được một năm thì sinh ra con. Khi cha lấy mẹ con, có một cô gái cứ tưởng rằng cha sẽ lấy cô ấy, đám cưới cha mẹ làm cô ta căm ghét người đàn bà mà cô ấy coi là tình địch. Để trả thù, lúc con được sáu tháng, cô ấy ăn cắp con đem sang Pháp, sang Paris bỏ con ở ngoài phố. Cha mẹ đã tìm khắp mọi nơi, nhưng không sang đến Pháp vì không thể ngờ họ đem con đi xa thế. Cha mẹ cứ tưởng con đã chết, nhưng cách đây ba tháng người đàn bà đó chết, khi hấp hối mới lộ bí mật này ra.

Cha đi sang Pháp ngay, cha đến cảnh sát quận nơi con được tìm thấy. Họ cho biết con được một người thợ nề ở Creuse nhận làm con nuôi, lập tức cha đi Chavanon. Barberin cho cha biết tất cả những gì ông ta biết. Cha không ở Pháp lâu để theo tìm cụ Vitalis được nên giao cho Barberin đi tìm giúp, cho ông ta tiền đi Paris.

Cha bảo ông ta thông báo cho những người lo việc này cho cha, tức là các ông ở hãng luật Greth và Galley, nếu như tìm thấy con. Sở dĩ cha không cho địa chỉ cha ở đây là vì cha mẹ chỉ ở Londres vào mùa đông; tới mùa ấm áp đẹp trời, cha mẹ đi khắp Anh và écosse để bán hàng lưu động.

Đó, con trai ạ, đó là tại sao cha mẹ lại tìm được con sau mười ba năm, tại sao con lại trở về được chỗ của mình trong gia đình. Cha hiểu con có đôi chút hoảng sợ, đó là vì con không biết cha mẹ, không hiểu cha mẹ nói gì nhưng cha hy vọng con sẽ mau chóng quen thôi.

Trong khi tôi lắng nghe câu chuyện kể của cha tôi người ta bày xong bàn ăn.

- Ngồi vào bàn, hai cậu. - Cha tôi bảo.

Trước khi ngồi xuống, ông kéo chiếc ghế bành của ông tôi lại cạnh bàn ăn, rồi bản thân ông ngồi quay lưng lại ngọn lửa, ông bắt đầu cắt một khoanh thịt bò rán và tiếp cho chúng tôi hai lát to kèm theo khoai tây.

Tôi nhận thấy các anh chị tôi toàn thò tay vào ăn mà cha mẹ tôi chẳng tỏ ra bực bội gì cả.

Cơm tối xong, cha tôi nói bận chờ khách rồi ông cầm đèn đưa chúng tôi sang nhà để xe cạnh gian phòng vừa ăn: ở đó có hai cái xe to thường vẫn dùng để đi bán hàng lưu động. ông mở cửa một cái xe, chúng tôi nhìn thấy trong đó có một chiếc giường hai tầng.

- Giường của các con đây, ngủ ngon nhé!

Tôi được đón nhận vào gia đình tôi như vậy đó.

CHƯƠNG VI : CHA VÀ MẸ DANH DỰ

Cha tôi để cây nệm lại cho chúng tôi nhưng đóng bên ngoài cửa xe lại. Chúng tôi chỉ còn có việc là đi ngủ không chuyện trò gì cả như thói quen của chúng tôi vào mỗi buổi tối.

Nhưng nệm cháy hết rồi mà tôi vẫn không sao ngủ được. Tôi cứ liên tiếp trở mình trong cái giường hẹp. Tôi cũng nghe tiếng Mattia tựa quạt như thể ở trên đầu tôi.

Giấc ngủ không đến. Giờ nọ nối tiếp giờ kia, tôi không biết đêm đã khuya đến đâu nữa. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng gõ cửa nhà để xe rất mạnh, cửa này mở ra một phố ngang nhỏ, sau nhiều tiếng gõ cách quãng đều đặn, một ánh sáng tiến vào trong nhà để xe. Cha tôi mở cửa rất nhanh không tiếng động và đóng lại cũng như thế sau khi có hai người đàn ông vác những bọc rất nặng đi vào bên trong. Cha tôi để một ngón tay trên môi và dùng tay kia lúc ấy đang cầm một cái đèn chỉ cái xe trong đó chúng tôi đang nằm có ý nói đừng gây tiếng động sợ làm chúng tôi thức giấc.

Sự lưu tâm này làm tôi cảm động lắm.

Cha tôi biến đi đâu một lúc rồi trở lại cùng với mẹ tôi. Trong lúc vắng cha tôi, hai người đàn ông đã mở các bọc ra, bọc thì đầy các xấp vải, bọc thì có nào mũ nào áo dệt kim, quần đùi, tất, găng. Hai người này chắc là hai tay buôn hàng.

Cha tôi nhắc từng món hàng lên soi vào chiếc đèn đang cầm rồi đưa cho mẹ tôi, bà cầm kéo cắt đi những cái nhãn dán trên đó rồi cho các nhãn hàng vào túi áo.

Tôi thấy lạ, ngay cả giờ bán hàng cũng lạ.

Vừa xem vải vóc cha tôi vừa nói gì đó khe khẽ với hai tay kia. Tôi chỉ hiểu được hai từ bob và policemen được nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Khi hàng hóa trong hai cái bọc đã được chia ra từng loại kỹ càng, hai người đàn ông rút khỏi nhà để xe đi vào trong nhà, chung quanh chúng tôi lại tối mịt mù như cũ.

Tôi cố hết sức tự thuyết phục mình những gì vừa trông thấy là hoàn toàn tự nhiên nhưng không sao làm nổi, những ý nghĩ đầy lo ngại làm tôi không yên, vừa lúc đó ánh đèn lại tràn ngập nhà để xe như lúc nãy.

Lúc này chỉ còn lại cha mẹ tôi. Trong khi mẹ tôi nhanh chóng bọc tất cả những thứ người ta mang đến thành hai gói, cha tôi quét một góc nhà để xe. ông lấy chổi quét rất mạnh lớp cát khô, lộ ra một cánh cửa sập, nhấc cánh cửa đó lên ông đưa hai cái gói xuống đó. Sau đó ông trèo lên, đóng cửa sập lại, lấy chổi phủ cát lên.

Công việc đó làm xong thì không ai có thể nhìn thấy đâu là cửa sập nữa, cả cha lẫn mẹ tôi lấy những mẫu rơm rạ rắc lên trên cát vì toàn bộ nền nhà để xe đều phủ đầy rơm.

Họ đi ra.

Lúc họ nhẹ nhàng khép cánh cửa vào nhà tôi thấy hình như Mattia tựa quây trong giường tựa như nó lại đặt đầu trên gối. Nó có nhìn thấy những gì vừa diễn ra không? Tôi không dám hỏi.

Tôi sợ. Người tôi ướt đầm mồ hôi lạnh toát.

Tôi cứ nằm như thế suốt đêm tới gần sáng mới thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề và bồn chồn khác khoải..Tiếng chốt cửa mở làm tôi thức giấc, cửa xe của chúng tôi mở ra, tưởng đó là cha tôi, tôi nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy ông.

- Em cậu đấy. - Mattia bảo tôi. - Nó đi rồi.

Chúng tôi dậy. Chẳng ai nói với ai lời nào.

Tôi vào bếp nhưng không thấy cha mẹ tôi.

Ông tôi vẫn ngồi trước ngọn lửa trong ghế bành tựa như suốt từ tối qua không hề chuyển dịch, cô em gái lớn của tôi, Annie đang lau bàn trong khi cậu em lớn nhất của tôi, Alan, đang quét dưới đất.

Tôi đi tới gần bắt tay họ nhưng họ vẫn cứ tiếp tục công việc của mình. Tới chỗ ông tôi thì lại bị ông nhỏ về phía tôi như tối qua, tôi lập tức thôi ngay.

Chúng tôi quyết định dạo chơi chung quanh một chút. Không dám đi xa lắm sợ lạc, Bethnal Green còn có vẻ ghê tởm hơn cả hôm qua trong đêm tối. Chỗ nào cũng thấy nghèo khổ ngự trị với tất cả những gì là đáng buồn nhất. Chúng tôi trở về. Mẹ tôi ngồi đó, đầu tựa vào bàn.

Tương bà ôm tôi chạy lại hôn bà. Bà ngẩng đầu lên, cái đầu đung đưa, rồi bà nhìn tôi nhưng không trông thấy tôi; người thấy mùi rượu bách xù trong hơi thở của bà, tôi lùi lại. Bà lại gục đầu xuống giữa hai cánh tay duỗi dài trên bàn.

- Rượu gin đấy. - ông tôi nói.

Rồi ông nhìn tôi cười khẩy.

Lúc đầu tôi đứng yên; rồi mấy giây sau tôi nhìn Mattia, nó cũng nhìn tôi, nước mắt lưng tròng.

Tôi ra hiệu cho nó và chúng tôi lại đi ra ngoài.

Chúng tôi đi khá lâu, cứ thẳng trước mặt mà đi không biết là đi về đâu.

- Đến chỗ nào để ta có thể nói chuyện một chút đi. - Mattia bảo tôi.

Lúc đó chúng tôi vừa tới một công viên mênh mông có cây có cỏ xanh. Ngồi xuống một cái tôi òa khóc sà vào tay Mattia.

Sau một cơn thổn thức tôi cố hết sức trấn tĩnh lại.

- Mattia, đêm qua cậu có ngủ không? Có trông thấy...

- Trông thấy tất.

- Cậu có hiểu là thế nào không? - Những tay bán hàng cho cha mẹ cậu không phải bán những hàng hóa mua về đâu. Cha cậu mắng họ sao không gõ cửa vào nhà mà lại gõ cửa nhà để xe, họ bảo là họ bị các bob rình, tức là cảnh sát ấy.

- Mattia, ta phải chia tay nhau thôi.

- Không bao giờ! Ta cùng đi với nhau.

- Không được! Cha mẹ tớ không là cái gì đối với cậu, nhưng đó là cha mẹ của tớ, tớ phải ở lại với họ.

- Cha mẹ gì mà lại thế! Lão già liệt kia là ông cậu ấy ư? Người đàn bà say rượu kia là mẹ cậu ấy ư?

- Mattia, đừng nói thế! Đó là cha mẹ của tớ, tớ phải tôn trọng, phải yêu họ.

- Đúng vậy nhưng nếu như họ là cha mẹ thực của cậu cơ. Nhưng họ có phải cha mẹ thực của cậu không? Cậu không giống cha cũng chẳng giống mẹ, tóc cậu đâu có vàng như tóc các anh chị cậu? Hơn nữa họ đâu có giàu để mà tiêu biết bao nhiêu tiền đi tìm con? Rémi ạ, cậu không phải con nhà Driscoll. Cậu hãy viết thư cho má Barberin hỏi má về quần áo của cậu khi người ta tìm thấy cậu. Có thư má rồi cậu sẽ hỏi cái người mà cậu gọi là cha ấy. Từ đây đến lúc đó, tớ sẽ ở với cậu. Chúng ta cùng làm việc với nhau.

Cha tôi về. ông không nhận xét gì về chuyến đi chơi khá lâu của chúng tôi cả. Mãi tới sau bữa cơm tối ông mới bảo chúng tôi đến trước lò sưởi; việc này làm ông tôi cầu nhàu, để có chuyện muốn nói với chúng tôi.

- Cho cha biết các con làm gì để sống ở bên Pháp.

Tôi kể ông nghe tất mọi chuyện.

- Tốt lắm, cho cha xem các cậu có khả năng gì nào.

Tôi cầm lấy cây đàn hác-pơ chơi một điệu nhạc, Mattia cũng làm như vậy với cây vĩ cầm và một trong những chiếc kèn đáy của mình. Nó làm cho trẻ con vỗ tay âm lên, bọn chúng tụ tập thành vòng tròn quanh chúng tôi.

- Còn Capi? - Cha tôi hỏi.

Tôi rất tự hào về tài năng của Capi, tôi muốn nó thực hiện mấy trò trong danh mục biểu diễn của nó, thế là nó thu được thắng lợi thường thấy bên bọn trẻ con.

- Con chó này là cả một tài sản chứ chẳng chơi. - Cha tôi bảo..Cha tôi dịch câu này sang tiếng Anh và hình như còn thêm vào đó vài chữ mà tôi chẳng hiểu gì cả nhưng làm cả nhà cười ồ lên.

- Cha đề nghị với các con thế này nhé, - cha tôi tiếp tục nói, - nhưng mà trước hết phải hỏi xem Mattia có bằng lòng ở lại với chúng ta không đã.

- Cháu muốn ở lại với Rémi, nó đi đâu cháu đi đấy. - Mattia trả lời.

Cha tôi không hiểu ý tứ ẩn dưới câu trả lời đó nên hài lòng lắm.

- Tốt quá, - ông nói, - cha trở lại với đề nghị của cha. Chúng ta không giàu, ai cũng phải làm việc để mà sống. Mùa hè cả nhà đi khắp nước Anh, trẻ con phải đem hàng mời những người không muốn tới tận chỗ chúng ta mua.

Nhưng mùa đông chẳng có việc làm gì mấy.

Chừng nào ta còn ở Londres thì Rémi và Mattia có thể chơi nhạc trong các phố, cha tin là chẳng mấy chốc sẽ có nhiều ngày kiếm khá đấy nhất là sắp đến lễ Giáng sinh. Nhưng vì ở đời này không nên để lãng phí một cái gì cả, Capi sẽ đi biểu diễn cùng Alan và Ned.

- Capi chỉ làm việc với con thì mới biểu diễn khá được. - Tôi nói ngay.

- Nó sẽ học làm việc với Alan và Ned. Cha nói điều gì, - Cha tôi nói. - cha muốn người ta thực hiện điều đó. Đó là quy luật của nhà này.

Còn cái sao được. Buồn thay! Chúng tôi sắp phải xa nhau. Chúng tôi về cái xe của chúng tôi, nhưng tối hôm đó cha tôi không

khóa chúng tôi ở trong. Khi tôi đi ngủ, Mattia nói với tôi bằng giọng nghẹn ngào:

- Cậu xem đây, cái người mà cậu gọi là cha ấy không những cần những đứa trẻ làm việc cho ông ta mà cần cả những con chó nữa; cái đó chẳng làm cho cậu mở mắt ra hay sao? Mai ta sẽ viết thư cho má Barberin.

Ngày hôm sau phải lên lớp cho Capi, giải thích cho nó là nó phải làm việc với các em tôi.

Tôi hôn nó trên mũi và nó đi với Alan và Ned, vẻ buồn rầu nhưng không chống đối.

Còn Mattia và tôi thì cha tôi dẫn sang khu Tây, khu giàu có của Londres, ở đầu kia thành phố.

Chúng tôi về nhà khá muộn vì từ khu Tây về đến Bethnal Green rất xa. Tôi mừng gặp lại Capi, lấm bùn be bét nhưng có vẻ vui lắm. Tôi lấy rơm khô chải lông cho nó và cho nó ngủ trong giường tôi. Tôi và nó, ai sung sướng hơn?

Khó mà nói được.

Mọi việc cứ tiếp diễn như vậy trong nhiều ngày, một buổi tối cha tôi bảo tôi là hôm sau có thể mang Capi đi theo vì cha tôi cần giữ Alan và Ned ở nhà.

Chúng tôi tới Holborn, một trong những phố buôn bán đông đúc nhất của Londres. Bỗng nhiên tôi thấy Capi không đi theo chúng tôi nữa. Nó ra sao rồi? Tôi dừng lại chờ nó và khe khẽ huýt sáo. Tôi đã bắt đầu thấy lo ngại sợ người ta ăn cắp mất nó chẳng thì nó phóng tới miệng ngậm một đôi tất len, đuôi vẫy tít lên. Trông nó đầy tự hào, y như những lúc vừa diễn thành công những trò khó nhất. Tôi ngớ cả người thấy Mattia đột ngột kéo tôi vào một phố nhỏ.

- Đi nhanh lên, - nó bảo, - nhưng đừng có chạy.

Chỉ rất nhiều phút sau nó mới dừng lại và giải thích:

- Tớ nghe thấy một người đàn ông nói: "Kẻ cắp đâu?" Kẻ cắp, chính là Capi đấy. Nếu không có sương mù hẳn chúng ta đã bị tóm rồi.

Tôi sửng sốt. Họ đã biến Capi thành một tên ăn cắp!

- Về nhà đi. - Tôi bảo Mattia.

Mattia không nói gì. Chúng tôi vội vã về nhà. Cả nhà đang ngồi quanh bàn, bận gấp vải. Tôi ném đôi tất lên bàn, Alan và Ned cười to lên.

- Đây là thứ Capi đã ăn cắp được, bởi vì người ta đã biến nó thành một tên ăn cắp. Tôi cho rằng nó chỉ đùa thôi.

Tôi vừa nói vừa run tuy nhiên chưa bao giờ thấy mình kiên quyết đến như thế.

- Thế ngộ nhỡ không phải chuyện đùa thì sao? - Cha tôi hỏi.

- Thì con sẽ buộc một cái dây vào cổ Capi và dù có yêu nó con cũng sẽ dìm nó xuống sông Tamise. Con không muốn Capi trở thành một kẻ cắp cũng như con đây con cũng không muốn trở thành kẻ cắp. Nếu biết rằng rồi đây con cũng phải trở thành kẻ cắp thì con sẽ cùng với nó trầm mình luôn.

Cha tôi nhìn tôi, làm một cử chỉ giận dữ, đôi mắt nhìn tôi như thiêu như đốt, tuy nhiên tôi không hề cụp mắt xuống, dần dần bộ mặt căng thẳng của ông dịu lại..- Con nói đúng khi nghĩ rằng đó chỉ là trò đùa, - ông nói, - từ nay Capi chỉ đi theo con mà thôi.

Sau chuyện này, quan hệ giữa gia đình tôi và tôi được hình thành rõ rệt như sau: tất cả mọi người đều muốn cà khịa với tôi chẳng úp mở gì, cha tôi chỉ quan tâm đến tôi vào buổi tối để hỏi tiền kiếm được; mẹ tôi thì thường xuyên trong tình trạng lơ mơ như không sống trên đời này.

Nếu tôi quả là người của gia đình này thì tình cảm mọi người đối với tôi phải khác chứ.

Chúng tôi chờ má Barberin trả lời qua hòm thư lưu. Cuối cùng chúng tôi nhận được bức thư trả lời đầy mong đợi.

Chúng tôi đi vào một con hẻm ở phố gần đó để đọc lá thư má Barberin nhờ ông mục sư ở Chavanon viết.

Má Barberin bày tỏ với tôi tình cảm yêu thương, âu yếm, đồng thời cũng tỏ ra ngạc nhiên và thất vọng thấy cha mẹ tôi không phải là người giàu có; cuối cùng má mô tả quần áo tôi mặc trên người khi tới nhà má: một chiếc mũ bằng đăng-ten, một áo cánh bằng vải toan mịn đính đầy đăng-ten, tất dài bằng len trắng, giày trẻ con hàng dệt kim trắng có nơ lụa, một áo dài fla-nen trắng, cuối cùng là một áo khoác mặt trong là lông có mũ bằng ca-sơ-mia trắng lót lụa, trang trí với những hình thêu rất đẹp. Không áo quần nào được đánh dấu cả, nhưng chắc chắn là có dấu vì một số góc đã bị cắt đi chứng tỏ người ta rất cẩn thận làm lạc hướng mọi tìm kiếm.

- Mô tả đầy đủ như thế thì ông Driscoll không thể nào được nhầm lẫn trong việc kể tên những thứ cậu mặc khi người ta ăn cắp cậu.

- Ông có thể quên chứ.

- Người ta có thể quên quần áo của đứa con người ta bị mất không? Chính là từ quần áo đó mới tìm lại được nó chứ?

Không dễ dàng gì hỏi cha tôi khi người ta lấy cắp tôi, tôi mặc quần áo như thế nào. Cuối cùng vào một hôm trời mưa giá rét chúng tôi về sớm hơn mọi khi, tôi bèn hỏi ông.

Tôi vừa hé lời hỏi, cha tôi bèn nhìn thẳng vào mặt tôi dò hỏi đôi mắt tôi nhưng tôi chịu đựng cái nhìn đó một cách can trường. Tôi tưởng ông sắp giận dữ, nhưng không. ông mỉm cười, trong cái cười này có cái gì đanh ác.

- Điều tốt nhất đã giúp cha tìm lại được con, - ông nói, - chính là sự mô tả quần áo con mặc lúc con biến mất..Và ông mô tả lại hoàn toàn giống mô tả của má Barberin. ông nói thêm:

- Cha hy vọng nhiều vào hai chữ F.D đánh dấu trên quần áo con, tức là Francis Driscoll, tên thật của con, nhưng dấu này đã bị cô ăn cắp cắt đi mất; cha cũng đã phải đưa ra giấy khai sinh của con mà cha giữ trong tủ này.

Vừa nói thế ông vừa lục tìm trong một cái ngăn kéo với vẻ thích thú khá bất thường ở ông, ngay sau đó ông lấy ra một tờ giấy to đóng rất nhiều dấu, đưa cho tôi.

Tôi cố gắng một lần cuối cùng:

- Nếu cha cho phép con sẽ nhờ Mattia dịch cho con.

Từ lời dịch mà Mattia dịch tạm tạm, tôi được sinh ra vào ngày thứ năm mồng hai tháng tám, là con trai của Patrick Driscoll và Margareth Grange, vợ ông.

Còn đòi hỏi gì hơn nữa?

Tuy nhiên Mattia tỏ ra chưa thỏa mãn, buổi tối khi chúng tôi lui về chiếc xe của mình, nó tâm sự:

- Tất cả những điều đó vẫn chưa giải thích được làm sao mà Patrick Driscoll và Margareth Grange lại đủ giàu để ăn mặc cho con bộ cánh giàu có đến thế. Bọn bán hàng lưu động làm gì giàu đến như thế được. Tớ thì tớ tin là cậu không phải là con của ông Driscoll mà là đứa trẻ bị ông Driscoll ăn cắp.

- Nếu tớ không phải con ông thì ông tìm tớ làm gì? Việc gì ông phải cho tiền Barberin, cho tiền hãng Greth và Galley? - Tôi đập lại.

Mattia không trả lời được.

Ai dám bảo khi tôi khóc than không có gia đình là rồi đây tôi sẽ khóc vì tuyệt vọng vì có gia đình?

Ấy thế mà tôi vẫn cứ phải hát, phải nhảy phải cười phải nhăn nhó, trong khi trái tim tôi buồn bã sâu sắc đến thế. Chủ nhật là những ngày tốt đẹp hơn cho tôi vì ngày hôm ấy không được chơi nhạc trong phố phường Londres, tôi có thể tự do mà buồn khổ trong khi đi dạo chơi cùng Mattia và Capi.

Một ngày chủ nhật khi tôi chuẩn bị đi ra ngoài với Mattia, cha tôi giữ tôi ở lại nhà lấy cớ là cần đến tôi, cho Mattia đi chơi một mình.

Ông tôi hôm ấy không xuống dưới nhà, mẹ tôi cùng các anh chị em tôi đi rong phố. ở nhà chỉ có cha tôi và tôi. Khoảng một

tiếng đồng hồ sau thì có người gõ cửa. Cha tôi ra mở cửa và đi vào cùng một người không giống những người bạn ông vẫn thường tiếp tí nào: ông này đúng là một người ở nước Anh gọi là ông quý phái có nghĩa một ngài quý tộc thực sự, ăn mặc sang trọng mặt mũi cao ngạo tuy có vẻ gì mệt mỏi trên nét mặt. Ông độ năm mươi tuổi. Cái gây ấn tượng nhất với tôi là cái cười của ông ta, làm lộ ra những chiếc răng trắng và nhọn như răng chó con. Người ta tự hỏi cái cười của ông gây ra cái mím môi hay là ông đang muốn cắn.

Vừa nói chuyện với cha tôi bằng tiếng Anh ông vừa chốc chốc lại đưa mắt nhìn về phía tôi, nhưng khi gặp mắt tôi, ông ta thôi không khảo sát tôi nữa.

Sau mấy phút chuyện trò như thế ông bỏ tiếng Anh chuyển sang dùng tiếng Pháp. Ông ta nói tiếng Pháp dễ dàng như không gàn như không có âm điệu ngoại quốc nào.

- Đây là đứa trẻ mà ông nói chuyện với tôi chứ gì? - ông ta nói với cha tôi, tay chỉ tôi. - Cháu có khỏe mạnh không nhỉ? - ông hỏi tôi.

- Thưa ông có ạ.

- Có bao giờ bị ốm không?

- Cách đây ba năm cháu có bị sưng phổi một lần khi phải nằm trên tuyết vào một ngày lạnh khủng khiếp.

- Từ đó có bị bệnh này lần nào nữa không?

- Không ạ.

- Không bao giờ thấy mệt mỏi ử ử chứ?

- Không bao giờ. Khi nào cháu đi nhiều thì cháu mệt nhưng không vì thế mà ốm ông ta đứng lên đi lại gần tôi, sờ tay tôi, đặt tay lên tim tôi, cuối cùng áp tai vào lưng tôi, vào ngực tôi bảo tôi thở mạnh lên rồi ho lên.

Ông ta tiếp tục nói chuyện với cha tôi bằng tiếng Anh rồi vài phút sau cả hai đi ra nhà để xe.

Chuyện này nghĩa là thế nào nhỉ? ông quý phái này muốn mượn tôi làm cho ông ta ư? Vậy thì tôi phải xa Mattia và Capi ư? Mà tôi thì quyết định không bao giờ làm đày tớ cho ai hết.

Sau một lát cha tôi trở vào, ông không giải thích gì cả chỉ nói là tôi được tự do đi chơi.

Tôi không muốn đi chơi, nhưng ngồi làm gì trong căn nhà này? Trời mưa tôi bèn vào xe lấy tấm da cừ. Tôi giật mình thấy Mattia trong đó!

Tôi định nói với nó thì nó đặt bàn tay lên miệng thì thầm:- Ra mở cửa nhà để xe đi; tớ sẽ nhẹ nhàng đi treo cậu. Không nên để ai biết tớ đã có mặt trong xe.

Chỉ khi ra tới phố rồi Mattia mới nói:

- Cậu có biết cái ông lúc nãy đứng với cha cậu là ai không? - Nó nói. - ông Miligan đấy, chú của Arthur bạn cậu mà cậu thường nói chuyện với tớ đấy.

Tôi đứng lặng giữa phố, Mattia nắm lấy cánh tay tôi vừa đi vừa nói tiếp:

- Tớ đi một mình trong mấy phố nhỏ chán quá nên về nhà nằm, nhưng không ngủ được. Cha cậu cùng một ông quý phái đi vào nhà để xe.

Tớ nghe họ nói chuyện với nhau như sau: "Vững chãi như một tảng đá, ông quý phái nói, ở địa vị nó thì mười thằng nhóc đã phải chết rồi, thế mà nó thoát, chỉ bị sưng phổi!". Vì không biết có phải nói đến cậu không nên tớ chăm chú nghe.

Lúc này cuộc nói chuyện đổi đề tài. "Thế thằng cháu ông thế nào rồi?" Cha cậu hỏi. "Khá hơn.

Lần này nó lại thoát chết. Trước đây ba tháng thì bác sĩ nào cũng bảo là nó không thể chữa được; mẹ nó lại cứu nó lần nữa. á chà! Cái bà Milligan này mới là một bà mẹ tốt chứ!" Cậu xem, tớ càng chú ý đến thế nào. "Này thế nếu thằng cháu ông khá lên như thế thì ông lo toan thận trọng như vậy vô ích à?". "Lúc này thì có lẽ thế thật đấy nhưng tôi không muốn chấp nhận Arthur sống

được, bởi vì sống được là phải có phép thần mà phép thần ở đời này đâu còn. Ngày mà nó chết tôi phải được bảo đảm không có sự trở về nào cả. Người thừa kế duy nhất chỉ là tôi, James Milligan mà thôi." "ạng cứ yên tâm, cha cậu nói, nếu chỉ cần có thể thì tôi xin bảo đảm chuyện này". "Tôi trông cậy ở ông đấy" nói xong ông quý phái còn nói thêm gì nữa mà tớ không hiểu, tớ dịch sơ sơ như thế này: "Tới lúc ấy ta sẽ xem nên làm gì". Rồi ông ta đi ra.

Arthur còn sống! Sức khỏe nó lại khá lên nữa chứ! Lúc này đây tin vui này đủ làm tôi sung sướng..

CHƯƠNG VII : NHỮNG ĐÊM GIÁNG SINH

Chúng tôi chỉ còn nói tới Arthur và bà Mil-ligan.

Họ đang ở đâu? Chúng tôi biết tìm họ ở đâu?

Chuyến viếng thăm của ông James Milligan làm chúng tôi nảy ra một ý nghĩ và đưa ra một kế hoạch mà kết quả xem ra là chắc chắn: vì James Milligan đã đến nhà cha mẹ tôi một lần thế nào ông ta chẳng đến nữa? Chắc ông ta có làm ăn gì đó với cha tôi. Vậy thì khi nào ông ta ra về, Mattia sẽ đi theo; biết chỗ ở của ông ta rồi sẽ lân la hỏi chuyện bọn đầy tớ, từ những tin tức này có thể đến được chỗ Arthur.

Đã đến lúc mà, đáng lẽ phải đi chơi đàn trong các phố vào ban ngày chúng tôi lại đi vào ban đêm bởi vì đúng vào nửa đêm mới là những buổi hòa nhạc Giáng sinh. Như vậy ban ngày ở nhà, một trong hai đứa chúng tôi sẽ canh gác, thế nào chẳng có lúc chộp được ông chú Arthur.

Một hôm trong khi đi dạo phố phường tôi thấy một người già da đen mặc quần áo lố lăng có đuôi chim làm hiệu cho Mattia; lúc đầu tôi cứ tưởng một trò hề để làm vui công chúng mà chúng tôi là nạn nhân, nhưng thật ngạc nhiên Mattia thân mật đáp lại.

- Cậu quen anh ta à? - Tôi hỏi Mattia.

- Đó là Bob, bạn tớ hồi tớ làm ở rạp xiếc Gassot, chính anh ấy đã dạy tớ tiếng Anh đấy.

Sau khi trình diễn xong Những bản nhạc du dương của người da đen Bob đến chỗ chúng tôi và cứ xem cái cách anh ta lại gần Mattia, tôi hiểu được người bạn đường của tôi đã được mọi người yêu quý như thế nào. Đến một người anh ruột cũng không có được niềm vui trong ánh mắt, trong giọng nói như của anh hề da đen này, người mà "qua cái nghiệt ngã của thời gian buộc phải trở

thành ca sĩ hát rong" như anh ta bảo chúng tôi. Nhưng chúng tôi phải mau chóng chia tay để anh ta còn đi theo đoàn, chúng tôi thì về nhà; hai người bạn đành phải để tới chủ nhật sau mới có dịp vui sướng kể nhau nghe đã từng làm gì từ khi xa cách. Có lẽ vì tình bạn với Mattia nên Bob rất muốn tỏ thiện cảm với tôi, thế là chẳng bao lâu chúng tôi có một người bạn chân tình mà nhờ kinh nghiệm và những lời khuyên của anh, cuộc sống ở Londres đối với chúng tôi dễ chịu hơn suốt từ hồi nào cho tới lúc này.

Cứ như thế chúng tôi đến gần lễ Giáng sinh, lẽ ra ra đi buổi sáng thì chúng tôi lên đường mỗi buổi tối vào lúc tám hoặc chín giờ để tới những khu mà chúng tôi đã chọn sẵn.

Nhưng những ngày lễ Giáng sinh đã qua rồi mà James Milligan vẫn chưa xuất hiện. Sau Giáng sinh lại phải ra đi ban ngày chẳng còn mấy cơ hội trông thấy hắn ta nữa.

Không nói là chúng tôi đang bận tâm vì cái gì, Mattia cởi mở tâm tình với anh bạn Bob của chúng tôi, hỏi anh xem có thể tìm được địa chỉ một bà tên là Milligan hoặc một ông tên là James Milligan không. Nhưng Bob trả lời phải biết địa vị xã hội của họ hoặc nghề nghiệp của họ thì mới được, ở Londres nhất là trong cả nước Anh có biết bao người tên là Milligan.

Chúng tôi không nghĩ tới chuyện này nữa.

Mattia có ý kiến như sau: nó muốn chúng tôi quay về Pháp, nó nói, ở đó chúng tôi có nhiều cơ hội gặp lại Arthur và bà Milligan hơn. Lúc nào nó cũng nói đi nói lại ý nghĩ đó, nhưng tôi muốn trung thực với gia đình tôi nên từ chối không chịu trốn. Mattia khẳng định rằng gặp được bà Milligan tôi sẽ gặp gia đình đích thực của tôi. Nó nói thế với vẻ rất lạ nhưng không nói thêm gì.

Thời gian cứ chậm chạp trôi đi, đã tới lúc gia đình tôi từ bỏ Londres để đi khắp nước Anh.

Hai chiếc xe lưu động đã được sơn lại, chất đầy áp những hàng hóa mà chúng có thể chứa nổi, hàng hóa thì người ta lôi ra từ hầm bí mật trong nhà xe.

Cuối cùng mọi thứ đã sẵn sàng để ra đi. Tối hôm trước cha tôi đã báo cho chúng tôi biết là chúng tôi sẽ đi theo họ, nhưng vẫn làm nghề chơi đàn.

Chúng tôi lại đi trên những con đường lớn.

Chúng tôi cứ theo sau hai cái xe, qua vùng đồng quê tươi đẹp thở không khí trong lành. Mỗi khi tới một ngôi làng lớn, họ đưa xe ra một chỗ rộng, hạ một bên thành xe xuống bày hàng ra trước sự tò mò của người mua.

- Hãy xem giá cả này! Xem giá cả này! - Cha tôi la lên. - Không ở đâu rẻ như thế. Tôi nghe thấy tiếng người mua xem hỏi giá rồi bỏ đi:

- Chỉ có là đồ ăn cấp mới rẻ thế.

Giá họ đưa mắt về phía tôi hẳn họ chẳng phải nghi ngờ gì nữa khi thấy mặt tôi đỏ lên.

Nếu như họ không thấy tôi bối rối thì Mattia thấy được điều này, buổi tối nó bảo tôi:

- Việc gì cậu cứ phải chịu đựng mãi nỗi hổ thẹn này nhỉ, Rémi? Chẳng lẽ cậu nghĩ cảnh sát để yên không hỏi xem tại sao ông Driscoll bán hàng với giá rẻ thế? Tất cả chúng ta đều có thể bị bắt... Làm sao chúng mình được là ta không làm gì? Bào chữa cho mình thế nào?... Ta hãy xem có cơ hội nào là lập tức chuồn ngay, tớ có linh cảm sắp xảy ra tai họa đến nơi. Xin cậu, Rémi, ta hãy quay lại Pháp đi!

- Cho tớ vài ngày nữa, rồi chúng ta sẽ xem.

- Mau mau lên, tớ cảm thấy nguy hiểm chẳng khác gì con yêu tinh ngủi thấy mùi thịt tươi.

Chưa bao giờ những lời nói, lời cầu khẩn của Mattia làm cho tôi bối rối đến như thế, mỗi khi nhớ lại những lời đó tôi lại tự bảo mình là sự do dự khiến tôi trăn trở thật là hèn, tôi phải quyết định một bề thôi.

Hoàn cảnh đã làm những gì mà tôi không dám làm.

Một hôm cha tôi đến đóng đô ở một thành phố, cho rằng ở đó làm ăn được. Tới nơi sớm lại không phải bày hàng nên tôi và Mattia đi xem trường đua ngựa ở cách thành phố khá xa.

Nhiều căn lều được dựng lên, từ xa đã có thể nhìn thấy những cột khói nhỏ đánh dấu giới hạn trường đua. Chẳng mấy chốc chúng tôi đổ ra một con đường trũng xuống nơi đất trũng mọi khi cần cỡi trợ trụ chiều nay đây lán hàng dựng bằng ván gỗ trong đó có các quán rượu, xe cộ hoặc đơn giản là những trại đóng quân ngoài trời. Qua trước một ngọn lửa, chúng tôi gặp bạn chúng tôi, anh Bob. Thấy chúng tôi anh vui lắm. Anh ở đó cùng các bạn anh để tổ chức biểu diễn sức mạnh và sự khéo léo, nhưng mấy nhạc sĩ họ trông chờ lại lỡ hẹn thành ra ngày mai, lẽ ra rất thành công có chiều hồng việc. Nếu muốn, chúng tôi có thể giúp họ: thay thế các nhạc sĩ, tiền thu được sẽ chia ra làm năm, lại có cả một phần cho Capi.

Vì chúng tôi tự do muốn làm gì thì làm tùy thích, nên chỉ với điều kiện đem lại thu nhập khá chúng tôi đã nhận lời ngay..Nhưng khi về nhà thông báo cho cha tôi biết việc thu xếp này, bỗng nảy ra một khó khăn.

- Ngày mai cha cần Capi. - ông bảo tôi.

Họ lại cần Capi cho một công việc bản thủ nào chẳng? Nhưng cha tôi làm tiêu tan nỗi lo ngại của tôi ngay tức khắc:

- Capi tai thính, cái gì nó cũng nghe thấy, canh gác rất tốt, chúng ta cần nó để giữ xe, đồng thế này họ có thể lấy cắp hàng của chúng ta. Hai đứa đi chơi đàn với Bob thôi, nếu công việc kéo dài thâu đêm, mà có thể như vậy lắm, thì các con tìm chúng ta ở quán Cây Sồi Lớn, bọn ta ngủ ở đó.

Sáng hôm sau, sau khi săn sóc Capi cẩn thận không để nó thiếu thốn cái gì, chính tay tôi buộc nó vào trục chiếc xe mà nó có nhiệm vụ canh gác, chúng tôi đi đến trường đua.

Vừa đến nơi chúng tôi bắt đầu chơi đàn ngay, và chơi không nghỉ cho đến tận chiều tối. Các đầu ngón tay tôi đau buốt như bị hàng ngàn cái gai đâm vào, Mattia thổi kèn đầy đến hụt hơi thở

không nổi nữa. Tuy nhiên Bob và các bạn anh vẫn không thôi biểu diễn các tiết mục. Tối đến, tôi tưởng đã đến lúc chúng tôi được nghỉ ngơi, hóa ra lại từ cái lều của chúng tôi chuyển sang một tiệm rượu lớn, rồi các tiết mục nhào lộn và âm nhạc lại tiếp diễn hăng hái hơn bao giờ hết. Cứ như thế cho tới nửa đêm. Tôi không còn biết mình đang chơi bản nhạc gì, Mattia cũng chẳng hơn gì tôi. Các bạn tôi cũng mệt rã rời, làm hỏng một trò diễn. Một lúc nào đó một cái sào lớn phục vụ biểu diễn rơi ngay xuống đúng đầu ngón chân Mattia. Đau đến nỗi nó kêu lên một tiếng, thịt rách ra, tuy xương không bị gãy nhưng Mattia không đi được nữa.

Thế là mọi người quyết định chúng tôi ngủ lại trong xe của Bob, sáng mai mới trở về quán.

Ngủ chỉ được vài tiếng đồng hồ nhưng cũng làm tôi lại sức, sáng hôm sau tôi tỉnh dậy chuẩn bị đi nếu như Mattia, lúc ấy còn đang ngủ, có thể đi theo tôi. Ra khỏi xe tôi đi lại phía Bob đang nhóm lửa. Mải nhìn anh ta đang dùng hết sức lực thổi phù phù dưới cái nồi, tôi hình như nhận ra Capi, đang bị một cảnh sát dẫn đi.

Giật mình tôi đứng lặng người tự hỏi thế nghĩa là thế nào, nhưng Capi, nhận ra tôi, liền giật thật mạnh khỏi dây buộc, thoát khỏi tay người cảnh sát. Chỉ vài bước nó đã chạy tới chỗ tôi và lao vào vòng tay tôi.

Cảnh sát bước tới:

- Có phải con chó này của anh không? - Anh ta hỏi tôi.

- Vâng.

- Thế thì tôi bắt anh.

Và anh ta nắm lấy cánh tay tôi.

Bob đứng lên:

- Tại sao anh giữ thằng bé này? - Bob hỏi.

- Anh là anh nó à?

- Không, là bạn.

- Đêm qua có một người đàn ông và một thằng bé chui vào nhà thờ Saint-Georges qua một chiếc cửa sổ ở trên cao bằng một cái thang, có cả con chó này đi theo để canh gác nếu có ai làm phiền họ. Đúng là có người đến thật.

Họ nhanh chóng bỏ trốn không kịp mang theo con chó. Nhờ con chó này chắc chắn tôi sẽ tóm được kẻ gian. Thế là tóm được một rồi. Cha anh đâu?

Tôi hiểu ngay chuyện gì đã xảy ra: không phải người ta hỏi mượn tôi Capi để giữ xe mà để thông báo cho bọn ăn cắp trong nhà thờ biết có người đến! Tôi phải tự mình bào chữa cho mình thôi.

Mattia bị cuộc nói chuyện giữa chúng tôi làm thức giấc, ra khỏi xe.

- Anh hãy giải thích cho họ em làm sao phạm tội được vì suốt đêm em ở đây với các anh cơ mà.

Bob dịch lời tôi nói với viên cảnh sát nhưng viên cảnh sát không tin như là tôi hy vọng.

- Cái gì chứng tỏ điều đó là thực? - Cảnh sát nói.

- Tôi thề như thế chứ còn sao nữa! - Bob kêu lên.

- Ô! Anh ấy à, anh mà làm chứng thì còn phải xem lại đã.

- Này anh đừng có mà lảng nhục tôi. - Bob nói một cách tự trọng. - Tôi là công dân Anh đấy nhé!

- Trong khi chờ đợi, tôi hãy cứ đưa thằng bé này đi đã, nó sẽ giải thích với ông thẩm phán sau. Tôi giữ cả con chó, nó sẽ giúp tôi tìm thấy mấy kẻ kia. Nhà tù mà họ giam tôi không phải để đùa, như cái nhà tù ở trong chất đầy hành như chúng tôi đã thấy; đây là một nhà tù thực sự cửa sổ có chấn song lớn bằng sắt chỉ nhìn thấy đã tiêu tan ngay mọi ý định vượt ngục. Toàn bộ đồ đạc chỉ có một ghế dài và một cái võng.

Tôi ngả người xuống chiếc ghế và suy nghĩ rất lung về hoàn cảnh đáng buồn của mình.

Tối hôm qua mệt như thế nhưng lo lắng quá tôi không sao ngủ được. Tôi cũng không thể động đến thức ăn người ta mang cho tôi.

Ngược lại tôi vô lấy nước mà uống, tôi khát đến cháy họng.

Tôi muốn chuẩn bị các câu trả lời để cãi cho mình, nhưng tôi hoảng hốt quá. ái chà! Mattia mới có lý làm sao! Lẽ ra tôi phải nghe nó!

Sáng hôm sau một người cai ngục tới dẫn tôi vào phòng lớn của tòa án. Một làn gió nóng thổi vào mặt tôi, tôi nghe thấy tiếng rì rầm khó phân biệt. Liếc mắt một cái tôi thấy ngay toàn cảnh rõ nét đang ở quanh tôi: đó là phòng xử của tòa án, trong phòng đầy những người.

Phòng xử khá rộng, trần cao, cửa sổ lớn, chia ra hai khoảng ngăn cách với nhau, một dành cho tòa, phần kia mở ra công chúng. Trên một cái bục cao có quan tòa ngồi, trước mặt quan tòa ở vị trí thấp hơn là ba vị thẩm phán, còn trước cái đài ngồi của tôi là một nhân vật mặc áo dài đeo tóc giả: luật sư của tôi.

Làm sao mà tôi có được một luật sư nhỉ?

Do Mattia và Bob gửi đến chăng? Những câu hỏi này chưa phải lúc để trả lời. Tôi có một luật sư, thế là đủ.

Trong một cái đài ngồi khác tôi nhìn thấy Bob và hai anh bạn và nhiều người khác nữa mà tôi không quen; còn trong một cái đài ngồi khác nữa là viên cảnh sát cùng một số người. Tôi hiểu đây là chỗ ngồi của những người làm chứng.

Nơi dành cho công chúng ngồi chật ních.

Tôi thấy Mattia, ánh mắt chúng tôi giao nhau, tôi cảm thấy mình can đảm trở lại.

Một trong các thẩm phán lên tiếng, ông giải thích tóm lược tình hình câu chuyện: một vụ ăn cắp xảy ra ở nhà thờ Saint-Georges, kẻ cắp là một người đàn ông và một đứa bé, dùng thang leo vào nhà thờ qua một cửa sổ mà chúng đập vỡ kính ra, chúng mang theo một con chó để canh gác. Một người qua đường về muộn

thấy lạ vì có ánh sáng le lói trong nhà thờ, ông ta lắng nghe thì có tiếng như tiếng vỡ, ngay tức khắc ông đánh thức người coi nhà thờ dậy; người ta đến khá đông nhưng con chó sủa lên thế là trong khi mọi người mở cửa bọn kẻ cắp tẩu thoát qua cửa sổ bỏ lại con chó; con chó này trong khi cảnh sát Jerry dẫn đi đã nhận ra chủ mình chính là thằng bé ngồi trên cái ghế dài kia, còn tên kẻ cắp thứ hai thì đang lẩn theo dấu vết.

Sau một vài nhận xét chứng tỏ tôi phạm tội, ông thẩm phán ngừng lời, sau đó một giọng the thé cất lên: "Im lặng!" Quan tòa không buồn nhìn về phía tôi mà như tự nói với chính mình, hỏi tôi tên tuổi, nghề nghiệp.

Tôi trả lời những câu hỏi của quan tòa sau đó xin phép được nói bằng tiếng Pháp. Tôi giải thích mình không thể ở nhà thờ vào giờ đó được bởi vì lúc đó tôi ngủ nơi trường đua ngựa cùng với các bạn tôi.

- Vậy anh giải thích thế nào về sự có mặt của con chó của anh trong nhà thờ? - Quan tòa hỏi, tỏ ra kém tin tưởng ở những lời khẳng định của tôi.

- Tôi không giải thích. Con chó không đi cùng với tôi. Buổi sáng tôi buộc nó vào một chiếc xe của chúng tôi.

Tôi không nói gì thêm vì sợ cho người ta những vũ khí chống lại cha tôi.

Người ta gọi một nhân chứng, người này tuyên thệ trên quyển Thánh Kinh là sẽ nói sự thật, không vì ghét hoặc vì yêu. Đó là một con người nhân hậu, thấp lùn, trông cực kỳ oai vệ mặc dầu mặt thì đỏ, mũi thì xanh nhợt: đó là người giữ nhà thờ.

Ông ta bắt đầu kể lể dài dòng, nào là mình đang hoang mang và phẫn nộ như thế nào khi người ta đến đánh thức bảo là có kẻ trộm trong nhà thờ; nào là lúc đầu cứ tưởng mọi người đùa mình, nhưng ai lại đùa với những người có tính cách như ông bao giờ, cho nên ông hiểu là đã xảy ra một chuyện gì nghiêm trọng; ông vội chạy tới, mở cửa nhà thờ ra, và thấy... một con chó ở trong đó.

Tôi không có gì để trả lời cho việc này, nhưng luật sư của tôi suốt từ đầu không nói gì bèn đứng dậy, lắc lắc bộ tóc giả, xốc lại chiếc áo dài trên vai và lên tiếng: - Tôi qua ai đóng cửa nhà thờ? - ông ta hỏi.

- Tôi. - Người gác nhà thờ trả lời.

- Ông có chắc không?

- Tôi làm gì là chắc chắn đã làm việc ấy.

- Được; thế ông có chắc chắn đã khóa cả con chó ở trong nhà thờ không?

- Nếu con chó có ở trong nhà thờ thì tại sao tôi không trông thấy nó.

- Mắt ông có tốt không?

- Mắt tôi cũng như mắt mọi người.

- Cách đây sáu tháng, có phải ông đã đâm đầu vào bụng một con bê phơi mình treo ở trước cửa một cửa hàng bán thịt không?

- Tôi không thấy một câu hỏi như vậy có lợi gì khi đưa ra cho một người có tính cách như tôi. - Người giữ nhà thờ kêu lên mặt hóa xanh ra.

- Xin ông hết lòng làm ơn trả lời câu hỏi này.

- Đúng là tôi có va vào một con bê treo một cách vô ý thức trước cửa một hàng thịt.

- Ông không trông thấy nó ư?

- Lúc ấy tôi đang bận tâm nghĩ tới chuyện khác.

- Khi ông đóng cửa nhà thờ có phải ông vừa ăn cơm tối xong không?

- Hẳn là thế rồi.

- Thế khi ông đâm đầu vào con bê ông chưa ăn cơm tối chứ?

- Rồi, nhưng...

- Trong khi ăn cơm tối ông uống mấy vại bia?

- Hai.

- Có khi nào uống nhiều hơn không?

- Đôi khi ba.

- Sau bữa cơm có uống một cốc rượu trắng pha chanh với đường nữa chứ?

- Thỉnh thoảng thôi.

- Máy cốc?

Vì người giữ nhà thờ không trả lời, mặt càng ngày càng xanh, ông luật sư lại ngồi xuống, vừa ngồi vừa nói:

- Cuộc thẩm vấn này đủ tỏ ra rằng có thể con chó đã bị người làm chúng vừa rời khóa trong nhà thờ từ trước. ông này cứ sau bữa cơm. tôi do bận lòng lo lắng cái gì đó nên không nhìn thấy cả những con bê nữa. Đó là tất cả những gì tôi muốn biết.

Giá mà dám, chắc là tôi đã ôm hôn ông luật sư. Tôi thoát rồi!

Sau người giữ nhà thờ, người ta còn nghe nhiều người làm chứng khác, rồi nghe đến các bạn tôi. Cuộc hỏi cung chấm dứt, quan tòa hỏi tôi có muốn nói thêm gì không.

Tôi trả lời là tôi vô tội, tôi xin phó thác mình vào công lý của tòa án.

Lúc đó quan tòa cho đọc biên bản rồi tuyên bố tôi sẽ chuyển sang nhà tù của quận chờ đại bồi thẩm đoàn quyết định xem có bị gọi ra tòa đại hình hay không.

Tôi xiêu đi trên chiếc ghế dài.

Rất lâu sau khi vào lại nhà tù, tôi tìm ra lý do để giải thích cho mình vì sao không được tha: quan tòa còn đợi bắt được những người vào trong nhà thờ đã, để xem tôi có đồng lõa với họ không.

Ông thẩm phán nói là người ta đang theo hút họ; chẳng bao lâu nữa tôi sẽ phải đau khổ và nhục nhã xuất hiện bên cạnh họ trên ghế của tòa đại hình.

Biết bao câu hỏi trong óc tôi làm cho thời gian trôi nhanh hơn tôi qua.

Trước nửa đêm một chút, tôi nghe có tiếng kèn đảy, tôi nhận ra cách chơi kèn của Mattia.

Tiếng kèn vẳng tới tai tôi qua bức tường trước mặt cái cửa sổ phòng giam tôi. Cùng với tiếng kèn có tiếng bước chân và tiếng rì rầm mơ hồ.

Tôi đến mở cửa sổ ra. Tôi mở vô cùng thận trọng tránh cho nó kêu lên, cuối cùng nhờ hết sức nhẹ nhàng tôi đạt được kết quả. Tôi đứng đó lắng tai nghe ngóng.

Bỗng nhiên có đầu ai thò lên trên bờ tường: đó là đầu Bob. Anh ta lấy tay ra hiệu cho tôi đứng xa cửa sổ ra. Tôi nghe theo tuy không hiểu gì. Tay kia hình như Bob cầm một ống xì đồng, để lên miệng. Tôi nghe thấy một tiếng thổi đồng thời trông thấy một cục tròn màu trắng bay vào rơi dưới chân tôi. Ngay lập tức đầu Bob biến mất, tiếng kèn đảy cũng im. Tôi không nghe thấy gì nữa.

Tôi đóng cửa sổ lại, vò lấy cục giấy mở ra đọc: "Tối mai người ta đưa cậu đến nhà tù quận.

Cậu sẽ đi tàu và ở trong toa tàu cùng với một cảnh sát. Hãy ngồi gần cửa toa chỗ cậu bước lên; đi được độ bốn mươi năm phút (nhớ xem đồng hồ cho kỹ) tàu sẽ đi chậm lại vì có chỗ ngoặt; hãy mở cánh cửa toa tàu ra và dững cảm lao xuống, khi lao hai tay duỗi ra phía trước sao cho rơi xuống trên hai chân; tới đất một cái leo lên sườn dốc bên trái, bọn tớ sẽ ở đó cùng một cái xe và một con ngựa tốt; đừng sợ gì cả; hai ngày sau ta sẽ về đến Pháp; can đảm lên!" Tôi thế là thoát rồi! Không phải xuất hiện trước tòa đại hình! ôi! Những người bạn tốt!

Tuy nhiên trong niềm vui bùng bột tôi có một ý nghĩ buồn: Còn Capi? Nhưng tôi nhanh chóng gạt bỏ ý nghĩ này. Không đời nào Mattia bỏ Capi. Nếu nó tìm được cách cho tôi vượt ngục nó cũng tìm được cách cho Capi trốn thoát.

Tôi đọc đi đọc lại mẩu giấy hai ba lần nữa rồi nhai nuốt nó đi. Tôi ngủ yên ả.

Thời gian trôi khá nhanh và chiều hôm sau, một viên cảnh sát vào ngục tôi bảo tôi đi theo.

Tôi hài lòng thấy đó là một người khoảng năm mươi tuổi thân hình không có vẻ mềm mại lắm.

Vậy là mọi việc có thể diễn biến theo chỉ dẫn của Mattia, lúc tàu sắp chạy tôi ngồi gần cửa toa tàu, viên cảnh sát ngồi trước mặt tôi, chỉ có hai chúng tôi ở trong toa.

Tôi dựa vào cửa toa tàu mà cửa kính mở ra, tôi xin phép viên cảnh sát được nhìn quang cảnh bên ngoài nơi chúng tôi đi qua, viên cảnh sát đồng ý. ông ta sợ gì cơ chứ? Tàu đang chạy nhanh. Bỗng nhiên không khí lạnh tạt vào mặt ông ta, ông ta đi xa cửa toa tàu vào ngồi ở giữa toa. Tôi chẳng biết lạnh là gì, nhẹ nhàng thò tay trái ra ngoài mở nắm cửa sẵn, tay phải thì giữ lấy cánh cửa.

Sau bốn mươi năm phút như Mattia đã dặn, đầu tàu rú còi và chạy chậm lại. Đến lúc rồi. Tôi nhanh nhẹn đẩy cánh cửa tàu và nhảy xuống xa nhất có thể. Tôi rơi xuống một cái hố. Cú sóc mạnh quá làm tôi lăn ra đất, ngất đi.

Khi tỉnh lại tôi cứ tưởng mình vẫn còn ở trong tàu vì thấy mình đang được mang đi theo một vận hành nhanh; tôi nghe thấy tiếng bánh xe lăn; tôi nằm trên một lớp rơm. Má tôi trán tôi có ai vuốt ve, một cái vuốt ve mềm và ấm.

Tôi mở mắt. Một con chó màu vàng nằm trên mình tôi và đang liếm cho tôi. Luồng mắt tôi gặp mắt Mattia đang quỳ bên cạnh tôi.- Cậu thoát rồi. - Nó vừa nói vừa gạt con chó ra, ôm lấy tôi.

- Chúng ta đang ở đâu thế này?

- Trên xe ngựa do Bob chở.

- Em thế nào rồi? - Bob hỏi.

- Em cũng không biết nữa. Có lẽ tốt thôi, hình như thế.

- Cử động tay, cử động chân xem nào. - Bob kêu.

Đang nằm thẳng trên nệm rơm, tôi làm như Bob bảo.

- Tốt rồi, - Mattia nói, - không chỗ nào bị gãy cả.

- Nhưng mọi việc xảy ra thế nào nhỉ?

- Cậu nhảy tàu, chấn động làm cậu choáng váng, cậu rơi vào trong hố, không thấy cậu đâu Bob bèn chạy xuống sườn dốc trong khi tớ giữ cương ngựa, Bob bế cậu lên. Chúng mình tưởng cậu đã chết cơ đấy. Sợ quá!

- Còn viên cảnh sát thì sao?

- Đi theo tàu. Tàu có dừng lại đâu.

Tôi đã biết những điều cơ bản. Tôi nhìn quanh thấy một con chó vàng nhìn tôi âu yếm, đôi mắt dịu dàng.

- Còn Capi? - Tôi hỏi. - Nó đâu?

Mattia chưa kịp trả lời thì con chó vàng nhảy lên người tôi vừa liếm tôi vừa khóc.

- Nó đấy thôi! - Mattia nói. - Bọn tớ nhuộm nó đi.

Tôi vuốt ve lại chú Capi tốt bụng, tôi hôn nó. Bob quay lại phía chúng tôi và bảo Mattia:

- Em cầm cương ngựa một lát, anh phải làm cho không ai nhận ra cái xe khi đến chỗ chắn đường nữa.

Đây là một cái xe phủ vải bạt trên những cái vòng, Bob bèn đặt những cái vòng đó vào trong xe, vải bạt thì gấp làm tư, anh bảo tôi lấy vải bạt phủ lên người và khuyên Mattia cũng ẩn mình dưới tấm vải. Làm như vậy cái xe hoàn toàn thay hình đổi dạng. Nếu người ta đuổi theo chúng tôi, các dấu hiệu mọi người kể lại sẽ làm mọi tìm kiếm bị lạc hướng.

- Ta đi đâu thế này? - Tôi hỏi Mattia khi nó nằm dài bên cạnh tôi.

- Đi Littlehampton, đấy là một hải cảng nhỏ, ở đấy Bob có người anh ruột chỉ huy một cái tàu chuyên đi Pháp mua bơ và trứng ở Norman-die, Isigny. Nếu ta trốn thoát mà chắc chắn là chúng ta sẽ trốn được - đó là nhờ ở Bob. Bob làm tất cả đấy; chứ còn tớ, thằng bé khốn khổ tội nghiệp, tớ làm gì được cho cậu đâu! Chính Bob nghĩ ra cậu phải nhảy tàu, Bob mượn bạn bè cái xe và con ngựa này, rồi lại kiếm cho ta một cái tàu để mà về Pháp, bởi vì

nếu cậu đi tàu chạy bằng hơi nước cậu sẽ bị bắt ngay. Cậu xem đây, có bạn bè tốt thật là sung sướng.

- Còn Capi, ai có ý định đem nó đi theo?

- Tớ, nhưng Bob là người quyết định nhuộm lông nó thành màu vàng để người ta không nhận ra nó nữa, chúng mình ăn trộm nó từ viên cảnh sát Jerry; đành rằng Capi cũng cảm thấy ở tớ có chuyện gì đó nên để tớ muốn làm gì thì làm; hơn nữa Bob còn biết rõ tất cả mọi thuật của bọn ăn cắp chó.

- Còn chân cậu thế nào?

- Khởi rồi, hoặc gần như khởi; tớ chẳng còn thì giờ nghĩ đến nó nữa.

Chúng tôi đi rất nhanh vì ngựa tốt, Bob đánh xe cũng giỏi. Tuy nhiên chúng tôi phải dừng lại cho con ngựa thở một chút và cho nó ăn. Bob dừng lại giữa rừng, tháo ngựa và đeo vào cổ nó một cái túi dết đựng đầy lúa mạch lẩy trong xe; đêm tối như bưng, ít có nguy cơ bị bắt lại. Lúc đó tôi liền nói chuyện với Bob, nói vài lời cảm động cảm ơn anh, nhưng anh không cho tôi nói hết những điều tôi cảm thấy.

- Bọn em đã giúp anh, - anh nói và bắt tay tôi, - giờ đến lượt anh: hơn nữa em gần như anh ruột của Mattia rồi còn gì, mà đối với một cậu bé tốt như Mattia thì người ta sẵn sàng làm cho nó mọi việc.

Tôi hỏi anh xem chúng tôi còn xa Little-hampton không; anh trả lời còn phải đi hai giờ nữa và chúng tôi phải gấp lên vì tàu của anh anh cứ đến thứ bảy là đi Isigny, thủy triều lên vào sáng sớm, mà hôm nay đã là thứ sáu rồi. Chúng tôi lại lên nằm trên ổ rơm dưới tấm vải bạt, con ngựa đã được nghỉ ngơi giờ đi rất nhanh.

- Cậu có sợ không? - Mattia hỏi tôi.

- Có và không. Tớ rất sợ bị bắt lại nhưng xem ra người ta không bắt lại tớ được. Chỉ có điều cứ giày vò tớ, đó là đi trốn chẳng khác gì mình có tội. Sẽ bào chữa cho mình thế nào bây giờ?

- Bọn mình cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng Bob tin rằng phải làm tất cả để cậu khỏi phải xuất hiện trên ghế của tòa đại hình. Phải ngồi đó thì phiền lắm, ngay cả được tha bổng cũng vậy; tớ thì tớ không dám nói gì, bởi vì khẳng định thế nào cũng phải đưa cậu về Pháp, tớ sợ rằng ý định đó có thể khiến tớ khuyên cậu lắm chẳng.

- Cậu làm thế là phải, và dù xảy ra cái gì chẳng nữa thì tớ cũng chỉ có thể cảm ơn cậu và anh Bob mà thôi.

- Sẽ không xảy ra cái gì đâu, yên tâm đi. Khi tàu hỏa đến ga, viên cảnh sát của cậu sẽ báo cáo chuyện cậu, nhưng trước khi tổ chức xong việc tìm cậu thì đã mất khối thì giờ rồi. Mà ta thì lại phi nước đại. Hơn nữa họ đâu biết ta xuống tàu ở Littlehampton mà theo.

Chắc chắn là, nếu họ không theo hút chúng tôi, chúng tôi sẽ có cơ may xuống tàu không lo gì cả, nhưng tôi không yên tâm bằng Mattia.

Trong khi đó con ngựa của chúng tôi, được Bob điều khiển một cách mạnh mẽ, vẫn tiếp tục chạy trốn rất nhanh trên con đường vắng vẻ. Chỉ thỉnh thoảng chúng tôi mới bắt gặp một vài chiếc xe khác. Những ngôi làng chúng tôi đi qua đều im ắng, thỉnh thoảng lắm mới có một cửa sổ còn sáng đèn muện; chỉ có vài con chó chú ý đến xe chúng tôi đang chạy nhanh nên sủa theo mà thôi.

Sau khi leo một đoạn đường dốc đứng, Bob dừng ngựa lại cho nó thở, chúng tôi xuống xe, dấn tai xuống đất nghe ngóng, nhưng ngay cả Mattia, tai thính hơn chúng tôi, cũng không nghe thấy tiếng động nào khả nghi; chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình trong bóng tối và tĩnh lặng của đêm trường.

Bây giờ không phải chúng tôi nằm dưới tấm vải bạt để trốn nữa mà là để tránh lạnh, một làn gió lạnh thổi đã khá lâu. Khi chúng tôi thè lưỡi liếm môi, chúng tôi thấy vị mặn của muối; đã gần đến biển. Chẳng mấy chốc chúng tôi nhận thấy một luồng ánh sáng cứ từng khoảng cách đều đặn biến đi rồi lại hiện ra rục rục: đó là một chiếc đèn pha. Chúng tôi đã đến nơi. Bob dừng ngựa, đưa nó đi thong thả nhẹ nhàng vào một con đường ngang. Rồi anh

xuống xe, bảo chúng tôi cứ ở yên đó, giữ lấy ngựa. Anh đi xem anh của mình đã khởi hành chưa và liệu chúng tôi xuống thuyền có nguy hiểm không.

Tôi thú thật là thời gian Bob vắng mặt đối với tôi sao mà lâu quá. Chúng tôi không ai nói gì chỉ nghe sóng biển đập vào bờ cát sỏi ở gần đầu đày với tiếng động đều đều càng làm tăng nỗi xúc động của chúng tôi. Mattia run bắn lên, tôi cũng vậy.

Cuối cùng chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân ở con đường lúc nãy Bob đi. Chính là Bob trở lại. Anh không đi một mình. Khi anh tới gần, chúng tôi trông thấy một người đi cùng với anh, đó là một người đàn ông mặc chiếc áo va-rơ bằng vải dầu và đội một cái mũ len.

- Đây là anh anh, - Bob nói, - anh ấy sẵn lòng nhận các em lên tàu. Ta chia tay nhau ở đây thôi. Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong những hoàn cảnh tốt đẹp hơn, anh hứa với các em như thế.

Anh không nói thêm lời nào nữa và ôm hôn từng đứa chúng tôi, rất xúc động. Họng chúng tôi nghẹn lại không biết nói gì. Bob ra đi không một tiếng động trong đêm tối.

Chúng tôi đi theo anh anh, và chẳng bao lâu đã đi vào những con phố tĩnh mịch của thành phố, rồi sau vài khúc ngoặt ra tới bến cảng, gió biển quất vào mặt chúng tôi. Anh của Bob chỉ con tàu của mình cho chúng tôi, không nói gì.

Vài phút sau chúng tôi xuống tàu, anh đưa chúng tôi vào một ca-bin nhỏ.

- Hai tiếng nữa anh mới khởi hành, - anh nói. - Bọn em đừng gây tiếng động nhé.

Khi anh đã khóa cửa ca-bin Mattia sà vào vòng tay tôi không một tiếng động, ôm hôn tôi.

Nó không run nữa..

CHƯƠNG VIII : TÀU THIÊN NGA

Anh của Bob đi khỏi, con tàu im ắng một lúc rồi dần dần hoạt động lên. Nhiều tiếng chân vang lên trên cầu tàu, dây chèo được thả xuống, ròng rọc nghiêng lên kèn kẹt; tiếng dây xích cuộn vào rồi thả ra; người ta quay cái tời đứng; bánh lái rên lên và bỗng nhiên con tàu nghiêng hẳn sang bên trái rồi bắt đầu rập rình. Chúng tôi lên đường.

Lúc đầu con tàu rập rình chậm và nhẹ, chẳng bao lâu chao đảo nhanh và dữ dội; tàu như bị nhấn chìm xuống trước khi chao đảo và hàng táng sóng biển đột ngột đánh vào sống mũi tàu và mạn phải tàu.

Mattia, giống như lần chúng tôi sang Anh, buồn nôn dữ dội.

Tôi cầm tay nó:

- Tội nghiệp Mattia quá đi mất!

- Không sao. Cậu đã được cứu thoát. - Nó nói. - Không ngờ thoát được như thế này.

Ngay lúc đó cánh cửa ca-bin mở ra:

- Nếu các em muốn lên cầu tàu, - anh của Bob nói, - thì cứ lên không nguy hiểm gì đâu.

- Ở đâu đỡ ốm hơn ạ? - Mattia hỏi.

- Nằm yên trên cái ghế nằm đó.

- Cảm ơn anh, thế thì em nằm yên ở đây vậy.

- Thủy thủ sẽ mang cho bọn em chút gì ăn cho ấm bụng. - Thuyền trưởng nói.

Tôi muốn ở lại bên Mattia, nhưng nó đẩy tôi lên cầu tàu, cứ nhắc đi nhắc lại mãi:

- Không sao cả, cậu được cứu thoát rồi, tớ không sao hình dung được tớ lại thích được say sóng như thế này.

- Nếu gió cứ tiếp tục như vậy, - thuyền trưởng bảo tôi, - thì chiều tối nay ta sẽ đến Isigny sớm thôi; chiếc tàu buồm Thiên Thục này chạy thốt lăm.

Cả một ngày trên biển, có thể hơn một ngày nữa là khác!

Tuy nhiên thời gian cứ trôi, tôi lên cầu tàu chơi rồi lại xuống ca-bin, từ ca-bin lại lên cầu.tàu cho hết thì giờ. Vào một lúc nào đó, trong khi tôi nói chuyện với thuyền trưởng, anh đưa tay chỉ về phía đông-nam, tôi nhìn thấy một cái cột cao màu trắng in hình trên nền trời xanh nhạt.

- Barfleur đấy. - Anh bảo tôi.

Tôi lập tức chạy xuống báo tin vui này cho Mattia: thế là chúng tôi đã nhìn thấy nước Pháp; nhưng từ Barfleur đến Isigny còn xa, bởi vì còn phải đi dọc suốt bán đảo Cotentin mới vào tới Vire và Eure. Khi tàu Thiên Thục cập bến thì đã quá muộn, thuyền trưởng mời chúng tôi ngủ lại trên tàu, sáng hôm sau chúng tôi mới chia tay nhau sau khi đã cảm ơn anh rất phải phép.

- Khi nào các em muốn trở lại Anh, - anh nói và bắt tay chúng tôi thật mạnh, - thì tàu Thiên Thục, thứ ba nào cũng từ đây đi, anh sẵn sàng chở các em.

Lên khỏi tàu buồm, việc đầu tiên chúng tôi bận tâm là đi tìm một túi lính cũ và mua hai áo sơ mi, hai đôi tất dài, một mẫu xà phòng, lược, kim chỉ, khuy áo và cuối cùng là một bản đồ nước Pháp, vì toàn bộ đồ đạc của chúng tôi để lại cả ở nhà Driscoll.

Giờ đây đã sang tới nước Pháp, chúng tôi đi đâu? Theo con đường nào?

Đó là câu hỏi khuấy động chúng tôi khi chúng tôi ra khỏi Isigny theo đường Bayeux.

- Tớ thì sang trái hay sang phải đều được, chẳng bên nào hơn bên nào, - Mattia nói, - tớ chỉ đòi hỏi một điều.

- Điều gì?

- Đi theo một dòng sông lớn hoặc sông nhỏ hoặc sông đào, bởi vì tớ có một ý như thế này.

Tôi bảo Mattia nói cho tôi nghe, nó nói tiếp:

- Hồi Arthur ốm, bà Milligan đưa nó đi chơi trên tàu, cậu gặp Arthur đang đi như thế trên tàu Thiên Nga chứ gì?

- Bây giờ nó không ốm nữa.

- Tức là nó khá hơn thôi; còn trước kia ngược lại, nó rất ốm và chỉ sống được nhờ sự chăm sóc của mẹ nó mà thôi. Cho nên tớ nghĩ là, để cho nó khỏi hẳn, bà Milligan vẫn còn đưa nó đi chơi trên tàu, trên các sông lớn, sông nhỏ, sông đào nào chở được tàu Thiên Nga; cho nên, nếu ta cứ đi theo những dòng sông lớn, những con sông nhỏ thì ta sẽ có cơ may gặp lại được tàu Thiên Nga..- Ai bảo là tàu Thiên Nga ở Pháp?

- Chẳng ai bảo cả. Tuy nhiên, vì tàu này không đi trên biển được, ta phải tin là nó còn ở Pháp. Tớ thì tớ muốn chúng ta gặp lại bà Milligan, ta không được lơ là chuyện đó.

- Nhưng còn Lise, Alexis, Benjamin, chị étiennette!

- Trên đường đi tìm bà Milligan ta sẽ gặp họ: như vậy ta phải làm sao tới được dòng chảy của một con sông hoặc một con sông đào. Ta hãy tìm trên bản đồ xem sông nào gần đây nhất.

Bản đồ được trải ra trên mặt cỏ ở đường đi, chúng tôi tìm con sông gần nhất: đó là sông Seine.

- Ta tới sông Seine. - Mattia nói.

- Sông Seine chảy qua Paris.

- Thì đã làm sao?

- Ảnh hưởng lắm chứ; tớ nghe cụ Vitalis nói khi người ta muốn tìm ai, cứ đến Paris mà tìm.

Nếu cảnh sát Anh tìm tớ vì vụ ăn cắp ở nhà thờ Saint-Georges thì sao, tớ không muốn họ tìm thấy tớ vì nếu vậy việc chúng ta đi khỏi Anh chẳng hóa ra vô ích.

- Cảnh sát Anh theo tìm cậu tận bên Pháp?

- Tớ không biết, nhưng nếu thế thật thì ta không nên đi Paris.

- Ta có thể theo sông Seine đến ngoại ô Paris thôi, ta không vào Paris mà đến chỗ xa hơn và lại cứ đi theo nó là được chứ gì. Tớ, tớ cũng chẳng muốn gặp lại Garifoli.

- Có lẽ.

- Thế thì ta cứ làm như vậy, ta sẽ hỏi thăm các thủy thủ đường sông, những người kéo thuyền, và vì tàu Thiên Nga không giống với những con tàu khác, nếu nó chạy qua sông Seine thì người ta phải nhìn thấy chứ; ta mà không tìm thấy nó ở đó thì lại tìm trên sông Loire, sông Garonne, trên tất cả các con sông của nước Pháp, cuối cùng thế nào cũng tìm thấy.

Tôi không có gì phản đối ý kiến này; thế là chúng tôi quyết định tiếp cận dòng chảy của sông Seine rồi cứ đi dọc theo sông, ngược dòng lên phía thượng nguồn.

Sau khi nghĩ đến bản thân mình, đã đến lúc chúng tôi lo đến Capi, nhuộm vàng như thế nó đâu còn là Capi nữa. Chúng tôi mua xà phòng mềm, tới con sông nhỏ đầu tiên đem nó ra chà xát thật mạnh. Nhưng thuốc nhuộm của Bob thuộc loại hảo hạng, phải tắm rất nhiều lần, chà xà phòng thật kỹ trong nhiều tuần nhiều tháng Capi mới trở lại màu bản sinh của nó được..May thay, Normandie là xứ sở của nước cho nên ngày nào chúng tôi cũng có thể tắm cho nó.

Qua Bayeux, Caen, Pont-l'évêque và Pont-Aude-mer, chúng tôi tiếp cận sông Seine ở Bouille.

Khi mà, từ trên những ngọn đồi cao phủ rừng và ở chỗ rẽ của một con đường râm mát, Mattia đột nhiên nhìn thấy sông Seine vạch một đường cong lớn ở giữa nơi chúng tôi đang đứng rồi sau đó thong thả đưa dòng nước êm đềm và mạnh mẽ của mình đi đây đi

đó, dòng nước trên phủ đầy tàu buồm trắng và những con tàu chạy bằng hơi nước khói bay lên đến tận chỗ chúng tôi, nó tuyên bố lại có cảm tình với nước trở lại và hiểu được vì sao người ta sung sướng được thả mình theo dòng sông êm đềm này giữa những đồng cỏ tươi xanh, những cánh đồng được trồng trọt màu mỡ và những khu rừng tối thẫm.

- Chắc chắn bà Milligan đưa Arthur đi chơi trên sông Seine rồi. - Mattia bảo tôi.

- Ta sẽ biết ngay thôi khi hỏi chuyện những người trong làng ở dưới kia.

Lúc đó tôi chưa biết hỏi chuyện những người Normandie khó thế nào.

- Các cậu hỏi một con tàu từ Havre hay từ Rouen tới? Nó là tàu hay là thuyền nhỏ? Hay òn con, hay sà lan, hay xuống?

Khi đã trả lời kỹ tất cả những câu hỏi họ đặt ra cho chúng tôi, chúng tôi mới hơi chắc chắn tàu Thiên Nga chưa bao giờ tới La Bouille hoặc nếu có đi qua, thì là đi qua vào ban đêm nên không ai nhìn thấy.

Từ La Bouille chúng tôi đi Rouen, ở đây sự tìm kiếm của chúng tôi không đem lại kết quả nào khả quan hơn; ở Elbeuf người ta cũng không thể nói gì với chúng tôi về tàu Thiên Nga; đến Poses, nơi có nhiều cống, nhiều tàu bè đi qua, cũng thế.

Nhưng chúng tôi không nản, vẫn tiến tới, liên tục hỏi thăm: chẳng đem lại hy vọng gì lớn lao, bởi vì tàu Thiên Nga không thể bắt đầu khởi hành từ một điểm giữa chừng được. Bà Milligan và Arthur phải lên tàu ở Quillebeuf hoặc Caudebec, thế thì mới có thể hiểu được, hoặc tốt hơn là ở Rouen; nhưng vì không tìm thấy dấu vết cuộc hành trình của họ, chúng tôi đành phải đi Paris, hoặc xa hơn Paris.

Vì chúng tôi không phải chỉ có đi, mà còn phải kiếm sống hàng ngày, nên mất năm tuần chúng tôi mới từ Isigny đến được Charenton.

Đến đây một câu hỏi được đặt ra: chúng tôi cứ đi theo sông Seine, hay đi theo sông Marne?

Tôi luôn tự hỏi khi nghiên cứu bản đồ..May mắn thay đến Charenton chúng tôi không phải ngần ngại gì nữa vì hỏi một cái người ta trả lời ngay là lần đầu tiên họ nhìn thấy một cái tàu giống tàu Thiên Nga; đó là một cái tàu chỉ để đi du ngoạn có một cái hiên.

Mattia sung sướng quá nhảy một điệu ngay trên kè sông rồi cầm cây vĩ cầm điên cuồng chơi một hành khúc chiến thắng.

Trong lúc đó tôi tiếp tục hỏi một thủy thủ đường sông nhiệt tình trả lời tôi; không còn nghi ngờ gì nữa đúng là tàu Thiên Nga rồi; nó đi qua Charenton cách đây hai tháng ngược dòng sông Seine.

Như vậy nó đi trước chúng tôi quá lâu.

Nhưng cần gì! Cuối cùng theo kịp nó là được.

Thời gian không còn là vấn đề gì nữa; điều chủ yếu, tuyệt vời nhất, kỳ lạ nhất, là tìm thấy tàu Thiên Nga.

- Ai có lý nào? - Mattia kêu lên.

Chúng tôi không cần dừng lại hỏi thăm tin tức nữa, tàu Thiên Nga ở đằng trước chúng tôi; chỉ việc đi theo sông Seine.

Nhưng ở Moret, con sông Loing đổ vào sông Seine thành ra đến đây lại phải hỏi những câu hỏi của chúng tôi; người ta nói tàu Thiên Nga tiếp tục ngược dòng sông Seine.

Tới Montereau, lại phải hỏi nữa. Lần này tàu Thiên Nga bỏ sông Seine đi vào sông Yonne; tàu rời Montereau đã hai tháng, trên tàu có một bà quý phái trẻ tuổi người Anh và một cậu con trai luôn nằm duỗi thẳng trên giường.

Trong khi đi theo tàu Thiên Nga như vậy chúng tôi tới gần Lise, tìm tôi đập mạnh khi tự hỏi trong khi nghiên cứu bản đồ: sau Joigny, bà Milligan chọn sông đào Bourgogne hay sông đào Nivernais?

Chúng tôi tới chỗ hợp lưu của hai con sông Yonne và Armencon; tàu Thiên Nga tiếp tục đi ngược dòng sông Yonne: chúng tôi sẽ đi qua Dreuzy và gặp Lise. Em sẽ nói cho chúng tôi biết về bà Milligan và Arthur.

Suốt từ khi chạy theo tàu Thiên Nga chúng tôi chẳng mất thì giờ mấy cho biểu diễn nữa, Capi không sao hiểu được tại sao chúng tôi lại vội vã như thế.

- Nhanh lên, - Mattia nói, - đuổi cho kịp tàu Thiên Nga.

Đến tối không bao giờ chúng tôi phàn nàn vì mệt mỗi dù đoạn đường đi có xa đến đâu.chẳng nữa; ngược lại chúng tôi thỏa thuận mai lại ra đi từ sáng sớm.

- Đánh thức tớ nhé. - Mattia bảo, xưa nay nó vốn thích ngủ. Và mỗi khi tôi đánh thức nó bao giờ nó cũng vùng dậy rất nhanh.

Thỉnh thoảng nó tỏ ra rất tham ăn.

- Tớ chỉ mong bà Milligan vẫn còn cô bếp làm bánh kem mút rất ngon cho cậu ấy, - nó nói, - chắc là ngon lắm, bánh kem mút mơ ấy.

- Cậu chưa ăn bao giờ à?

- Tớ đã ăn bánh kẹp mút táo nhưng chưa ăn bánh kem mút mơ, mới nhìn thấy thôi. Những thứ nho nhỏ trắng trắng gắn vào mút là cái gì ấy nhỉ?

- Hạnh nhân đấy.

- Ôi!

Và Mattia há miệng như thể đang nuốt cả một cái bánh kem mút mơ.

Vì sông Yonne có rất nhiều đoạn quanh co giữa Joigny và Auxerre mà chúng tôi thì đi theo đường cái, cho nên chúng tôi được lợi một số thời gian so với tàu Thiên Nga, nhưng từ Auxerre trở đi thì hết khả năng này bởi vì tàu Thiên Nga, theo sông đào Nivernais, chạy rất nhanh trên làn nước yên tĩnh.

Cứ đến mỗi cái cống chúng tôi lại thu nhập thêm tin tức, vì trên sông đào ít tàu bè qua lại ai cũng để ý đến con tàu trông rất ít giống các con tàu khác này.

Không những người ta nói về tàu Thiên Nga với chúng tôi mà con nói tới bà Milligan "một phu nhân người Anh rất tốt" và về Arthur "một cậu bé hầu như lúc nào cũng nằm trên cái giường đặt trên cầu tàu, dưới một cái hiên phủ đầy cây lá và đầy hoa, nhưng thỉnh thoảng cậu ta cũng đứng dậy." Vậy là Arthur có khá hơn.

Chúng tôi tới gần Dreuzy; còn hai ngày, rồi một ngày, rồi vài giờ.

Cuối cùng chúng tôi nhận ra khu rừng mùa thu năm ngoái đã đi chơi với Lise, cả cái cống, cả căn nhà nhỏ của bà Catherine.

Tuy chẳng ai nói với ai câu nào nhưng cả hai chúng tôi, tôi và Mattia cùng đồng lòng rảo bước, chúng tôi không đi nữa mà chạy, Capi chạy lên trước để báo cho Lise là chúng tôi đã đến; em sẽ ra đón chúng tôi.

Tuy nhiên chúng tôi không trông thấy Lise ra khỏi nhà, chính Capi chạy ra như bị người ta đuổi. Theo bản năng cả hai chúng tôi dừng ngay lại và tự hỏi thế là nghĩa thế nào, có chuyện gì đã xảy ra? Sau đó chúng tôi tiếp tục đi không ai thốt lên được lời nào.

Capi trở lại chỗ chúng tôi, tiu nghỉu tiến sau chúng tôi. Một người đàn ông đang vịn cái van ở cửa cống, không phải chú của Lise. Chúng tôi đi tới tận nhà; một người đàn bà mà chúng tôi không quen đang đi đi lại lại trong bếp.

- Thưa, chúng tôi hỏi bà Suriot ạ. - Chúng tôi hỏi bà.

Bà ta nhìn chúng tôi một chặp trước khi trả lời, tựa như chúng tôi đã đưa ra một câu hỏi ngớ ngẩn.

- Bà ấy không ở đây nữa. - Cuối cùng bà ta đáp.

- Thế bà ấy ở đâu ạ?

- Ở Ai Cập Tôi và Mattia nhìn nhau, sững sờ. Ở Ai Cập.

Thực ra chúng tôi cũng không biết nước này ở chỗ nào nhưng mơ hồ nghĩ rằng nó ở rất xa, bên kia biển cả.

- Bà có biết em Lise không ạ?

- Biết chứ! Nó đi theo tàu một bà người Anh rồi.

Lise trên tàu Thiên Nga! Chúng tôi nằm mơ chẳng?

Người đàn bà trả lời chúng tôi là chúng tôi đang ở trong thực tế hiển nhiên.

- Cậu là Rémi chẳng? - Bà hỏi tôi.

- Vâng.

- Khi ông Suriot chết đuối... - Bà bảo chúng tôi.

- Chết đuối!

- Chết đuối trong cửa cống ấy! À, các cậu không biết đấy thôi, sinh ư nghệ tử ư nghệ mà!

Lúc ông Suriot chết đuối, Catherine lúng túng lắm. Nhưng biết làm thế nào? Tiền thiếu thì làm sao tạo ra một sớm một chiều được. Một bà trước đây Catherine ở làm vú em, cho Catherine một chỗ dạy các con bà ở Ai Cập. Catherine không biết làm thế nào vì vương Lise. Thế là một buổi chiều kia có một phu nhân người Anh đưa đứa con trai ốm đi chơi trên thuyền dừng lại nơi cửa cống. Họ nói chuyện với nhau, bà phu nhân đang tìm một đứa trẻ để chơi với con bà, bèn nhận nuôi Lise hứa trông nom em và chữa cho em khỏi bệnh. Bà phu nhân tốt quá.

Catherine đồng ý. Lise lên tàu, Catherine đi Ai Cập. Chồng tôi thay thế ông Suriot. Trước khi đi, Lise yêu cầu dì mình giải thích cho tôi để tôi nói lại với cậu khi cậu đến thăm nó. Sự tình là như thế.

Tôi ngỡ cả người không tìm được lời nào mà nói, nhưng Mattia vẫn tỉnh táo.

- Vậy thế sau đó bà người Anh đi đâu ạ? - Nó hỏi.

- Đi miền Nam nước Pháp hoặc Thụy Sĩ; bà người Anh nói sẽ viết thư, cho tôi địa chỉ nhưng chưa thấy.

Trong khi tôi vẫn còn sống sờ thì Mattia làm một điều mà tôi không nghĩ tới, nó nói ngay:

- Cảm ơn bà.

Chúng tôi lại đi theo tàu Thiên Nga không chậm trễ. Chúng tôi chỉ dừng lại để ngủ và để kiểm vài đồng xu.

Tới Decize, nơi sông đào Nivernai đổ vào sông Loire, chúng tôi hỏi thăm tin tức tàu Thiên Nga thì được biết nó đi theo con sông đào ở bên, chúng tôi cứ theo con sông đào đó đi Digoïn, rồi sau đó theo con sông đào ở chính giữa mà tới Chalon.

Bản đồ của tôi chỉ ra rằng, nếu từ Charolles chúng tôi đi thẳng đến Mâcon thì sẽ khỏi phải đi vòng trong nhiều ngày, nhưng quyết định đó quá liều lĩnh cả tôi và Mattia đều không muốn theo, ngộ nhờ tàu Thiên Nga dừng ở dọc đường thì chúng tôi đâm ra vượt qua nó, rồi lại phải quay trở lại.

Thế là chúng tôi xuống sông Saône từ đoạn Chalon đi Lyon.

Giữa những chiếc tàu qua lại trên sông Rhône và sông Saône, có lẽ tàu Thiên Nga đã đi qua mà không ai thấy. Chúng tôi hỏi các thủy thủ, những người chở thuyền và tất cả những ai sống trên kè sông, cuối cùng chúng tôi tin chắc bà Milligan đã tới Thụy Sĩ, do đó chúng tôi theo sông Rhône mà đi.

Tới Seyssel chúng tôi đi xuống bờ sông; thật ngạc nhiên biết bao khi từ xa tôi đã nhận ra tàu Thiên Nga.

Chúng tôi bắt đầu chạy, đúng tàu Thiên Nga rồi, tuy nhiên trông nó như một chiếc tàu không có người; nó được thả neo một cách chắc chắn đằng sau một cái cừ bảo vệ nó. Trên tàu các cửa đóng kín cả.

Chuyện gì xảy ra vậy? Có gì xảy đến với Arthur không? Với Lise không?. Chúng tôi dừng chân, tim nghẹt lại vì lo lắng.

Có một người đứng gần đó, chúng tôi hỏi ông ta. Đó chính là người trông coi tàu Thiên Nga.

- Bà người Anh ở trên tàu với một cậu con trai ốm và một cô bé câm đang ở Thụy Sĩ. Bà bỏ con tàu lại vì tàu không ngược sông

Rhône lên xa hơn được. Bà phu nhân đi xe ngựa với hai đứa trẻ con và một bà giúp việc; các đầy tớ khác đi sau cùng với hành lý; mùa thu bà mới trở lại lấy tàu Thiên Nga, sẽ theo sông Rhône xuống tận dưới biển và qua mùa đông ở miền Nam nước Pháp.

Chúng tôi lại thở được. Tốt đẹp cả thôi.

- Vậy thế bây giờ bà phu nhân ở đâu ạ?

- Bà thuê một ngôi nhà nghỉ bên bờ hồ Genève, mạn Vevey ấy, nhưng tôi không biết rõ ở chỗ nào.

Lên đường đi Vevey ngay!

Bốn ngày sau khi rời Seyssel chúng tôi bắt đầu tìm quanh khu Vevey giữa biết bao biệt thự trải dài duyên dáng suốt từ cái hồ nước xanh trong tới những sườn núi phủ xanh lá cây rừng để xem bà Milligan, Arthur và Lise ở trong cái biệt thự nào. Thế là cuối cùng chúng tôi đã đến nơi, vừa vặn còn có ba xu trong túi và giày đã vệt hẳn gót.

Tốt nhất là đích thân chúng tôi phải tìm và đi thăm tất cả những ngôi nhà mà người ngoại quốc có thể cư trú; thực tế điều này không lấy gì làm khó, chúng tôi chỉ việc biểu diễn các tiết mục của chúng tôi trong tất cả các phố.

Chỉ một ngày chúng tôi đã đi khắp Vevey và thu được khá nhiều tiền.

Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục tìm kiếm ở vùng ngoại vi Vevey, chúng tôi chơi đàn trước cửa sổ những ngôi nhà mặt ngoài đẹp một chút; nhưng đến tối chúng tôi lại ra về như hôm trước; ấy thế mà chúng tôi đã đi suốt từ hồ lên tận trên núi lại từ trên núi xuống hồ, nhìn quanh nhìn quất, chốc chốc lại hỏi thăm những người mà chúng tôi cho là sẵn sàng nghe và sẵn sàng trả lời.

Ngày hôm đó người ta cho chúng tôi hai tin vui hụt khi trả lời là tuy không biết tên nhưng họ biết rõ bà phu nhân mà chúng tôi nói tới.

Một lần họ chỉ cho chúng tôi tới một nhà nghỉ giữa lưng chừng núi, lần kia họ khẳng định bà ta ở bên bờ hồ. Đúng là hai bà

người Anh thật, nhưng không phải bà Milligan..Một buổi chiều, chúng tôi biểu diễn hòa nhạc giữa phố, trước mặt chỉ có một cái công sất mà chúng tôi chủ ý hát vọng vào đó, sau lưng chúng tôi là một bức tường, chúng tôi không quan tâm.

Tôi hát đến đỉnh tai nhức óc đoạn đầu bài ca của tôi về Napô-li và đang chuẩn bị hát tiếp sang đoạn sau thì bỗng nhiên chúng tôi nghe thấy ở đằng sau, bên kia bức tường, một tiếng kêu; rồi có ai đó hát lên đoạn hai của bài hát bằng một giọng yếu ớt và nghe rất lạ tai:

Giọng ai thế nhỉ?

- Arthur chẳng? - Mattia hỏi.

Không, không phải Arthur.

Không thể chịu đựng nổi nữa, tôi kêu lên:

- Ai hát đó nhỉ?

Và giọng kia trả lời:

- Rémi!

Tên tôi thay cho câu trả lời! Tôi và Mattia nhìn nhau sửng sờ. Chúng tôi cứ đứng ngây ra như vậy trước mặt nhau. Tôi bỗng thấy đằng sau Mattia, ở đầu bức tường, phía trên một hàng giậu thấp có chiếc mũ-xoa trắng vẫy vẫy trong gió; chúng tôi chạy lại phía đó.

Chỉ mãi tới khi chạy tới hàng giậu chúng tôi mới biết cánh tay vẫy cái khăn đó là tay ai:

- Lise!

Cuối cùng, chúng tôi đã tìm thấy em, cùng với em sẽ là bà Milligan và Arthur.

Nhưng ai đã hát mới được chứ? Đó là câu hỏi mà cả hai chúng tôi, Mattia và tôi cùng đồng thời hỏi em, ngay khi chúng tôi đã tìm ra lời để nói.

- Em chứ ai. - Lise nói.

Lise hát! Lise nói!

Đành rằng trước đây đã bao lần tôi nghe nói một ngày kia Lise sẽ trở lại nói được rất có thể là nhờ một xúc động thật mạnh; tôi vẫn không sao tin được điều đó xảy ra.

Ấy thế mà điều đó lại thực hiện được đấy; em đã nói được; phép thần đã hoàn thành; và chính là nhờ nghe tôi hát, thấy lại tôi trở về với em trong khi tưởng đã mất tôi vĩnh viễn em đã có cái xúc động thật mạnh đó!

Chỉ với ý nghĩ đó bản thân tôi cũng xúc động dữ dội đến nỗi tôi phải nắm vào một cành cây bên hàng giậu.

Nhưng không thể buông xuôi theo những cảm xúc đó mãi:-
Bà Milligan đâu, - tôi hỏi, - Arthur đâu?

Lise mấp máy môi để nói nhưng chỉ bật ra được những tiếng bập bẹ không đâu vào đâu.

Thế là em lại dùng tay để diễn đạt ý mình cho nhanh.

Mắt tôi theo dõi ngôn ngữ đó của em đồng thời tôi trông thấy ở xa xa tận cuối vườn một người đầy tớ đang đẩy một cái xe dài. Trên xe có Arthur nằm duỗi thẳng, phía sau là mẹ nó và... tôi cúi hẳn người xuống để xem cho rõ... và ông James Milligan; ngay lập tức tôi ngồi sụp xuống sau hàng giậu và vội vàng bảo Mattia cũng làm như thế. Không nghĩ ra James Milligan không biết mặt Mattia.

Giây phút hoảng hốt đã qua, tôi hiểu rằng Lise sẽ sống sờ khi thấy chúng tôi biến mất. Tôi hơi nhòm người lên một chút khe khẽ bảo em:

- Không thể để James Milligan trông thấy anh được, hấn sẽ làm anh phải trở lại bên Anh mất.

Em giơ hai cánh tay lên sợ hãi.

- Em cứ đứng yên, - tôi tiếp tục nói, - đừng nói gì về bọn anh cả; chín giờ sáng mai, bọn anh sẽ trở lại chỗ này; cố gắng chỉ có một mình thôi nhé, bây giờ em đi đi.

Đồng thời chúng tôi ẩn mình sau bức tường.

- Cậu ạ, - Mattia bảo tôi, - tớ phải đi gặp bà Milligan ngay để nói với bà... tất cả những gì chúng mình biết. James Milligan đã thấy mặt tớ bao giờ đâu, hẳn không thể liên hệ tới cậu và gia đình Driscoll được. Bà Milligan sẽ quyết định chúng ta phải làm gì.

Tôi chờ rất lâu mới thấy Mattia trở lại có bà James Milligan đi cùng. Tôi chạy tới, bà đưa tay ra, tôi cầm lấy tay bà mà hôn; nhưng bà ôm lấy tôi, và cúi xuống dịu dàng hôn tôi trên trán.

- Con ạ, - bà nói mắt không rời tôi, - bạn con đưa đến cho ta những tin rất quan trọng; con hãy kể cho ta nghe con tới gia đình Driscoll như thế nào và chuyến tới thăm của James Milligan ra sao.

Tôi thuật lại những điều được hỏi.

- Tất cả những điều này đối với con có ý nghĩa cực kỳ trọng đại. Kể từ ngày hôm nay con và bạn con phải từ bỏ ngay cuộc đời khổ cực này. Trong hai giờ nữa các con hãy đến Territet, khách sạn núi Alpes, ta sẽ gửi người tin cậy đến giữ chỗ trước; chúng ta sẽ gặp nhau ở đó vì ta buộc phải xa các con bây giờ..Bà lại ôm hôn tôi và đưa tay cho Mattia bắt, rồi nhanh chóng rời chân.

Ngày hôm sau bà Milligan tới thăm chúng tôi; đi theo bà là một người thợ may và một bà chuyên trách đồ vải họ đo người chúng tôi để may quần áo, may áo sơ mi.

Suốt bốn ngày liền ngày nào bà cũng đến.

Ngày thứ năm thì bà phục vụ mà tôi đã gặp trên tàu Thiên Nga tới chỗ chúng tôi mà không phải là bà Milligan. Bà phục vụ nói là bà Milligan chờ chúng tôi ở chỗ bà và bà ta đưa chúng tôi đi.

Arthur chìa tay cho tôi; tôi chạy tới chỗ nó, tôi ôm hôn Lise, nhưng bà Milligan ôm hôn tôi.

- Cuối cùng, - bà nói, - đã đến lúc con có thể trở về đúng chỗ của con được rồi.

Tôi trông thấy má Barberin đi vào tay ôm một nắm quần áo trẻ con.

Trong khi tôi ôm hôn má, bà Milligan ra lệnh gì đó cho một người đầy tớ, tôi chỉ nghe thấy tên James Milligan, tên này làm mặt tôi xanh đi vì sợ.

- Không việc gì phải sợ cả con ạ. - Bà Mil-ligan dịu dàng bảo tôi. - ngược lại, con lại gần ta đây.

Ngay lúc đó cửa phòng khách mở ra trước mặt James Milligan, hắn nhìn thấy tôi.

Bà Milligan không để hắn có thì giờ nói.

- Tôi mời chú đến để giới thiệu với chú con trai cả của tôi mà tôi hạnh phúc đã tìm thấy cháu, chính chú cũng biết cháu phải không, ở nhà cái tên đã ăn cắp cháu ấy, chú đến để hỏi thăm hắn về tình hình sức khỏe của cháu, có phải không nào?

- Thế nghĩa là thế nào?... - James Milligan nói, mặt biến sắc.

- ... Tên ấy, ngày hôm nay đang ngồi tù về tội ăn cắp trong một nhà thờ, đã thú nhận tất cả..

CHƯƠNG IX : TRONG GIA ĐÌNH

Nhiều năm trôi qua.

Giờ đây tôi ở trong lâu đài nhỏ của cha ông tôi ở Công viên Milligan, nước Anh.

Đứa trẻ không gia đình không những có một người mẹ, một người em trai nó yêu và yêu nó, còn có tổ tiên đã để lại cho nó một tên tuổi đáng kính và một gia sản không nhỏ.

Đứa trẻ khốn khổ mà hồi nhỏ đã từng bao đêm ngủ trong vựa thóc, trong chuồng bò hay một góc rừng giữa trời khuya, nay là thừa kế của một tòa lâu đài tráng lệ.

Chúng tôi sắp làm lễ rửa tội cho con trai đầu của chúng tôi, bé Mattia.

Cuộc hội ngộ này tôi tổ chức để làm vợ tôi ngạc nhiên: nàng sắp gặp cha, chị, hai anh và dì nàng. Tất cả sẽ ở dưới mái nhà chúng tôi tôi nay.

Nhưng kìa, mẹ tôi đến kìa, tôi trông thấy bà hôm nay không khác gì trông thấy bà lần đầu trên tàu Thiên Nga. Bà dựa vào cánh tay Arthur, nay đã trở thành một thanh niên đẹp đẽ và cường tráng.

Cách sau hai người mấy bước tôi thấy một bà già ăn mặc theo kiểu nông dân Pháp, bế trong tay một đứa bé tí xiu bọc trong một cái áo lông trắng; đó là má Barberin và con trai tôi.

Chú nhỏ nhạc sĩ đường phố, bạn tôi, em ruột tôi, Mattia đã trở nên một nghệ sĩ lớn. Thành công rực rỡ của Mattia cũng là của tôi, chẳng khác gì hạnh phúc của tôi cũng là của nó.

Đúng lúc này có tiếng bánh xe vang đến tận tai chúng tôi, chúng tôi vội chạy ra cửa sổ xem và trông thấy một chiếc xe ngựa lớn bốn bánh, trong đó Lise, vợ tôi, nhận ra cha mình, dì Catherine, chị étiennette, hai anh Alexis và Ben-jamin của mình. Đằng sau chiếc xe này là một chiếc xe độc mã do Bob cầm cương.

Chúng tôi xuống bậc tam cấp đón khách.

Bữa cơm tối đoàn tụ tất cả chúng tôi quanh bàn và dĩ nhiên, chúng tôi nói về quá khứ. Cơm xong, Mattia lại gần tôi, kéo tôi ra khe cửa sổ:

- Tớ có ý này, - nó bảo tôi, - ta cùng chơi bài ca xứ Na-pô-li của cậu đi.

Chúng tôi cầm lấy nhạc cụ. Mọi người vây quanh chúng tôi; lúc này Capi xuất hiện; nó nhận ra cây đàn hác-pơ và khập khiễng đi ra, miệng ngậm cái đĩa tách; nó muốn đi một vòng quanh "cử tọa đáng kính" trên hai chân sau nhưng yếu quá không đứng nổi nữa, nó bèn ngồi xuống và để chào "cử tọa" nó đặt một bàn chân trước lên ngực.

Bài hát được hát xong, Capi cố đứng dậy, thôi thì được sao hay vậy, để đi quyên tiền; người nào cũng cho chút gì vào cái đĩa, Capi mang tiền lại cho tôi. Đó là món tiền lớn nhất tôi chưa thu được bao giờ; toàn là những đồng vàng và những đồng bạc.

Tôi hôn nó trên mũi như trước kia mỗi lần nó an ủi tôi, và kỷ niệm thời thơ ấu này của tôi làm nảy ra một ý nghĩ mà tôi giải thích ngay với mọi người:

- Món tiền này sẽ là món tiền đầu tiên cho vào quỹ xây một cái nhà cho các nhạc sĩ tí hon của đường phố; mẹ tôi và tôi sẽ đóng góp nốt phần còn lại.

- Thừa bà thân mến, - Mattia nói, hôn tay mẹ tôi, - con cũng xin góp một phần nhỏ vào đó; nếu bà cho phép, tiền thu được trong buổi hòa nhạc tới của con ở Londres sẽ thêm vào số tiền thu được của Capi. Và vì Mattia giỏi nhạc hơn tôi, cậu được giao cho ghi chép bài hát ấy.